



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/No. 558 /PTSC-BTK
V/v Công bố thông tin Báo cáo
thường niên 2024/ Re: *Information*
Disclosure of the 2024 Annual
Report

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2025
Ho Chi Minh City, April 10, 2025

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/
The State Securities Commission;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/
Hanoi Stock Exchange;

1. Tên Công ty/ *Name of organization*: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam/ *PetroVietnam Technical Services Corporation (PTSC)*

2. Mã chứng khoán/ *Stock code*: **PVS**

3. Trụ sở chính/ *Head Office*: Lầu 5, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh/ *5th Floor, 1-5 Le Duan Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam*

4. Điện thoại/ *Tel.*: (+84) 28 3910 2828 Fax: (+84) 28 3910 2929

5. Người thực hiện công bố thông tin/ *Person authorized to disclose information*:
Nguyễn Đức Thủy

6. Nội dung của thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam công bố thông tin Báo cáo thường niên 2024 được lập theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính./ *PetroVietnam Technical Services Corporation announces the disclosure of its 2024 Annual Report, prepared in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance.*

7. Báo cáo thường niên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty PTSC tại đường dẫn: www.ptsc.com.vn / *The 2024 Annual Report was published on PTSC's website at: www.ptsc.com.vn.*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information disclosed above is true and correct, and we take full legal responsibility for its content.*

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As mentioned above;*
- BKS, HĐQT/ *BOS, BOD;*
- Ông Tổng Giám đốc (b/cáo)/
PTSC President & CEO (for reporting);
- PTGD Nguyễn Xuân Cường (b/cáo)/
Mr. Nguyen Xuan Cuong – Vice President (for reporting);
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu/ *Archive: VT, BTK/DC, SEC.*

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PERSON AUTHORIZED TO
DISCLOSE INFORMATION**



Nguyễn Đức Thủy

NGUYỄN ĐỨC THỦY

Digitally signed by NGUYỄN ĐỨC THỦY
DN: cn=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=Quận 1,
o=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ
THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM, ou=TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM, title=Trưởng Ban Thư
kỳ/Người PTQT Tổng công ty,
cn=NGUYỄN ĐỨC THỦY,
0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:18233
8475
Date: 2025.04.17 08:33:50 +07'00'



Đ
T
S
C

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

PROACTIVITY • TRUST • SUSTAINABILITY • COLLABORATION



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT:

DHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

ĐHCĐ: Đại hội cổ đông

HĐQT: Hội đồng quản trị

BKS: Ban Kiểm soát

TGD: Tổng Giám đốc

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

SXKD: Sản xuất kinh doanh

KHCN: Khoa học Công nghệ

NLĐ: Người lao động

PETROVIETNAM/PVN: Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

NLTTNK: Năng lượng tái tạo ngoài khơi

MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Lãnh đạo

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông điệp của Tổng Giám đốc

2. PTSC - Những dấu ấn nổi bật và tiêu biểu năm 2024

II. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1. Thông tin doanh nghiệp

Thông tin khái quát

Ngành nghề kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

2. Mô hình quản trị

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Mạng lưới hoạt động

Cơ sở vật chất

Tầm nhìn-Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi

Chiến lược phát triển

Định hướng phát triển

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Đánh giá về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

Đánh giá tình hình thực hiện dịch vụ cốt lõi

Đánh giá về công tác đầu tư

Đánh giá về tình hình tài chính

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch công tác năm 2025

3. Báo cáo của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Kế hoạch công tác năm 2025

4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động liên quan đến môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động
Các hoạt động đầu tư cộng đồng

IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tổng quan về Hệ thống quản trị của PTSC

Giới thiệu Hệ thống quản trị của PTSC

Quan hệ giữa Công ty Mẹ-Công ty con-Công ty Liên doanh, liên kết

Hoàn thiện Hệ thống quản trị

Vai trò của Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quản trị rủi ro và các cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của PTSC

2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị

3. Tăng cường quản trị rủi ro

4. Thù lao và các lợi ích khác

V. CHỨNG KHOÁN PVS

1. Thông tin cơ bản

2. Cổ đông

3. Quan hệ Cổ đông

4. Đánh giá cổ phiếu PVS

5. Lịch sử tăng vốn điều lệ

6. Lịch sử chi trả cổ tức

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý vị Cổ đông,

Năm 2024, ngành dầu khí toàn cầu trải qua giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ và đầy thách thức. Áp lực chuyển dịch năng lượng buộc các quốc gia và doanh nghiệp phải giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, thúc đẩy đầu tư vào năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, hydro xanh...) và các công nghệ giảm phát thải. Kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, bất ổn, khó lường, nhanh chóng; chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, hàng rào thuế quan, cuộc chiến thương mại giữa các nền kinh tế lớn ngày càng khốc liệt. Sự phát triển nhanh và mạnh mẽ chưa từng có của khoa học, công nghệ như AI, tự động hóa, chuyển đổi số, bán dẫn, lượng tử... tác động mạnh mẽ tạo nên các thay đổi liên tục, nhanh chóng, rộng lớn và sâu sắc vào các nền kinh tế, vào cả các yếu tố vật chất và tinh thần, tư duy con người... Xung đột địa chính trị, quân sự (Nga-Ukraine, Trung Đông...) tiếp diễn căng thẳng. Trong bối cảnh thế giới đầy thách thức, Việt Nam đã đạt được các kết quả tích cực, tăng trưởng kinh tế năm 2024 ước đạt 7,09%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra và thuộc nhóm cao nhất khu vực.

Dự báo Năm 2025 kinh tế thế giới sẽ đối mặt với sự phục hồi không đồng đều, bị chi phối bởi căng thẳng thương mại và địa chính trị, xung đột quân sự; đặc biệt chính sách “Nước Mỹ trên hết” sẽ ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu và chuỗi cung ứng ở Châu Á. Tuy nhiên, Việt Nam cũng có cơ hội để tận dụng vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và hội nhập kinh tế, đây cũng là năm bản lề để Việt Nam hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 và tạo đà cho cơ hội bứt phá để đạt mục tiêu 8% tăng trưởng theo mục tiêu Chính phủ đề ra.

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức, cơ hội đan xen, nhưng khó khăn là cơ bản nêu trên, Tổng công ty - PTSC không chỉ trụ vững mà còn khẳng định vai trò tiên phong, bản lĩnh vượt khó và đạt được các kết quả ấn tượng, là một trong những trụ cột của ngành dầu khí Việt Nam. PTSC đã ghi dấu ấn đậm nét trong hành trình chuyển dịch năng lượng, đặc biệt là việc dám nghĩ dám làm, đẩy mạnh đầu tư, mở rộng mạnh mẽ sang lĩnh vực năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi với các dự án tầm quốc tế. Đồng thời, PTSC tiếp tục củng cố vị thế trong chuỗi giá trị dầu khí, mở rộng hoạt động ra thị trường toàn cầu, từ Trung Đông, châu Á đến châu Âu, Mỹ. Những thành công này được thể hiện qua kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật cho Năm 2024:

- Doanh thu hợp nhất đạt **24.986 tỷ đồng**, đạt **161%** kế hoạch năm 2024, tăng **15%** so với thực hiện năm 2023.
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2024 là **1.553 tỷ đồng**, đạt **181%** kế hoạch năm 2024, tăng **22%** so với thực hiện năm 2023.

Năm 2025, Tổng công ty - PTSC tiếp tục được Tập đoàn giao Kế hoạch với các mục tiêu kỷ lục, tăng trưởng tổng doanh thu của lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật từ 10-25%.

Để thực hiện thành công, cao nhất Kế hoạch 2025, PTSC tiếp tục áp dụng hệ thống các giải pháp đúng, đồng thời bám sát tình hình thị trường, điều kiện môi trường sản xuất kinh doanh để liên tục có thêm các giải pháp tình thế, hiệu quả, với các điểm nhấn là (i) hiện đại hóa hệ thống quản trị lên một giai đoạn mới tối ưu, thích ứng, đáp ứng khả năng kiến tạo để trở thành môi trường vượt trội, phát triển bền vững (ii) thúc đẩy công tác nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, (iii) bám sát biến động, phân tích dự báo và có các giải pháp linh hoạt trong điều hành hoạt động SXKD, (iv) tập trung quản trị tốt dòng tiền, vốn bằng tiền đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng vốn cho hoạt động SXKD; xây dựng hệ thống quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại, áp dụng các nguyên tắc theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, (v) bứt phá trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư, triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác quản trị danh mục đầu tư Năm 2025.

HDQT, Ban điều hành, Tập thể Lãnh đạo và Người lao động PTSC với tinh thần “Chủ động, kiến tạo & tiên phong - Niềm tin, kỷ luật & thực thi - Bền vững, hoàn thiện - Hợp tác, kết nối” (Proactivity - Trust - Sustainability - Collaboration), cùng với sự chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp, Tập đoàn DKVN, bề dày tích lũy, phát triển, giá trị văn hóa truyền thống PTSC, PTSC quyết tâm thực hiện thành công, hoàn thành cao nhất nhiệm vụ SXKD Năm

2025 mà ĐHĐCĐ, cấp trên giao phó; tiếp tục quan tâm đầy đủ, hài hòa các quyền, lợi ích hợp pháp của Quý cổ đông, Người lao động, duy trì sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty.

Thay mặt HĐQT Tổng công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới toàn thể Người lao động Tổng công ty - PTSC, các Đơn vị vì tất cả những đóng góp trong năm qua; và tới các Cơ quan quản lý Nhà nước, cấp trên, chức năng các cấp, Quý Cổ đông, Tập đoàn PVN, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác đã luôn, tiếp tục đồng hành, tin tưởng, hợp tác, hỗ trợ to lớn, hiệu quả đối với Tổng công ty; kính chúc Quý vị, Quý cơ quan Năm 2025 luôn nhiều sức khỏe, nhiều niềm vui, mọi việc luôn thuận lợi, thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thanh Tùng



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý vị cổ đông!

Ngành dầu khí toàn cầu đang ở thời điểm chuyển giao đầy thách thức nhưng cũng mở ra cơ hội lớn. Xu thế chuyển dịch năng lượng dẫn tới thay đổi nhu cầu sử dụng năng lượng hóa thạch và định hình lại chiến lược của nhiều tập đoàn năng lượng hàng đầu thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Việc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chính thức chuyển đổi thành Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam cùng với sự cập nhật liên tục về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực năng lượng tái tạo (NLTT), điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi (ĐGNK)... đã đặt ra những yêu cầu và kỳ vọng mới đối với các doanh nghiệp dịch vụ dầu khí, trong đó có PTSC.

Đứng trước thách thức và cơ hội, PTSC xác định đây là thời điểm then chốt để tái định vị chiến lược phát triển, rà soát lại mục tiêu tổng thể, định hướng, sứ mệnh và tầm nhìn - không chỉ để thích ứng, mà còn để bứt phá, vươn tới những giá trị bền vững, đích đến xa hơn và khát vọng lớn hơn... Chuyển dịch năng lượng là xu thế không thể đảo ngược và PTSC xem đây là động lực để đổi mới, vươn mình trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu. Bên cạnh các lĩnh vực dịch vụ dầu khí cốt lõi, PTSC đang chủ động mở rộng, khẳng định vai trò tiên phong và bứt phá trong lĩnh vực NLTT/ĐGNK. Chúng tôi cũng đặt mục tiêu hướng tới các giải pháp thân thiện với môi trường, xác định rõ sứ mệnh đồng hành cùng sự phát triển xanh và bền vững của ngành năng lượng, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi khu vực và thế giới.

Để hiện thực hóa tầm nhìn đó, PTSC đang tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp chiến lược. Từ tái cấu trúc mô hình hoạt động, đổi mới tư duy và phương pháp tiếp cận thị trường, đến tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ, phương tiện, trang thiết bị và khuyến khích sáng tạo. Các dự án đầu tư trọng điểm như Xưởng cơ khí chế tạo, Trung tâm công nghiệp - dịch vụ NLTT liên vùng (RE-HUB), Nhà máy sản xuất cáp ngầm, hạ tầng cảng biển, tàu xây lắp công trình biển, tàu khảo sát, tàu dịch vụ, FSO/FPSO... sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, PTSC đặc biệt chú trọng chuyển đổi số, tự động hóa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ hiện đại nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản trị, điều hành doanh nghiệp. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển đồng bộ, hài hòa giữa dịch vụ dầu khí truyền thống và NLTT, củng cố chuỗi giá trị nội bộ và chủ động vươn xa trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong giai đoạn phát triển mới, bên cạnh việc đổi mới mô hình, tái cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị - điều hành, PTSC cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là trọng tâm, đầu tư mạnh mẽ vào xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng thích ứng và dẫn dắt những thay đổi trong tương lai. Chúng tôi đồng thời coi văn hóa doanh nghiệp là nền tảng - nơi hội tụ các giá trị đã được đúc kết và vun đắp trong suốt hành trình phát triển với tinh thần “Chủ động, kiến tạo & tiên phong - Niềm tin, kỷ luật & thực thi - Bền vững, hoàn thiện - Hợp tác, kết nối” (Proactivity - Trust - Sustainability - Collaboration). Các giá trị cốt lõi này cũng sẽ là mục tiêu, biểu tượng, là tinh thần, khát vọng và quyết tâm của PTSC, là tôn chỉ để dẫn đến thành công. Đội ngũ PTSC sẽ cùng nhau bồi đắp, xây dựng, làm đậm đà hơn và coi văn hóa PTSC là di sản bền vững. Mỗi thành viên PTSC cần không ngừng đổi mới tư duy, “tái tạo năng lượng” và tinh thần để cùng nhau gắn kết, kiến tạo PTSC cùng những thành tựu mới.

Kính thưa Quý vị! Trong cuốn Báo cáo thường niên 2024 này, Quý vị sẽ thấy bức tranh toàn diện về kết quả hoạt động của PTSC trong một năm nhiều biến động nhưng cũng đầy dấu ấn. Chúng tôi duy trì được đà tăng trưởng ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính quan trọng. Tại các lĩnh vực cốt lõi, nhiều hợp đồng quan trọng được ký kết, triển khai và hoàn thành, quy mô dịch vụ ngày càng lớn hơn và chất lượng dịch vụ ngày càng được khách hàng đánh giá cao. Ở mảng dịch vụ dầu khí truyền thống, PTSC tiếp tục khẳng định vị thế với nhiều dự án trọng điểm, hoàn thành nhiều gói thầu, hợp đồng quan trọng với chất lượng cao, đảm bảo tiến độ và an toàn tuyệt đối. Lĩnh vực ĐGNK cũng ghi nhận sự phát triển vượt bậc, tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô với nhiều hợp đồng, chuỗi dự án được tiếp nối liên tục, khẳng định uy tín và năng lực của PTSC trên thị trường toàn cầu. Khách hàng trên thế giới đã chủ động tìm đến và các sản phẩm, dịch vụ của PTSC đã được xuất khẩu đến nhiều thị trường lớn tại châu Âu, châu Á, Trung Đông, đánh dấu bước tiến mạnh mẽ trong quá trình quốc tế hóa thương hiệu PTSC. Đó chính là những nền tảng quan trọng để PTSC tiếp tục củng cố và tạo dựng niềm tin từ thị trường, mở ra những cơ hội dịch vụ mới tiếp theo.

Kính thưa quý vị! PTSC đang chuyển mình vào giai đoạn mới. Với sự đồng hành, tin tưởng và ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác, cùng với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược và khát vọng vươn xa của PTSC, chúng tôi tin rằng PTSC sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, khẳng định vị thế tiên phong, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành năng lượng, mang lại giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng và xã hội.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tổng Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới tất cả Quý vị. Đồng thời, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến đội ngũ lao động PTSC - những con người tâm huyết, tận tụy, sáng tạo và luôn nỗ lực vì sự phát triển chung của Tổng Công ty.

PTSC cam kết tiếp tục hành động minh bạch – chuyên nghiệp – hiệu quả, giữ vững niềm tin của cổ đông, đối tác và cộng đồng, khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp niêm yết hàng đầu.

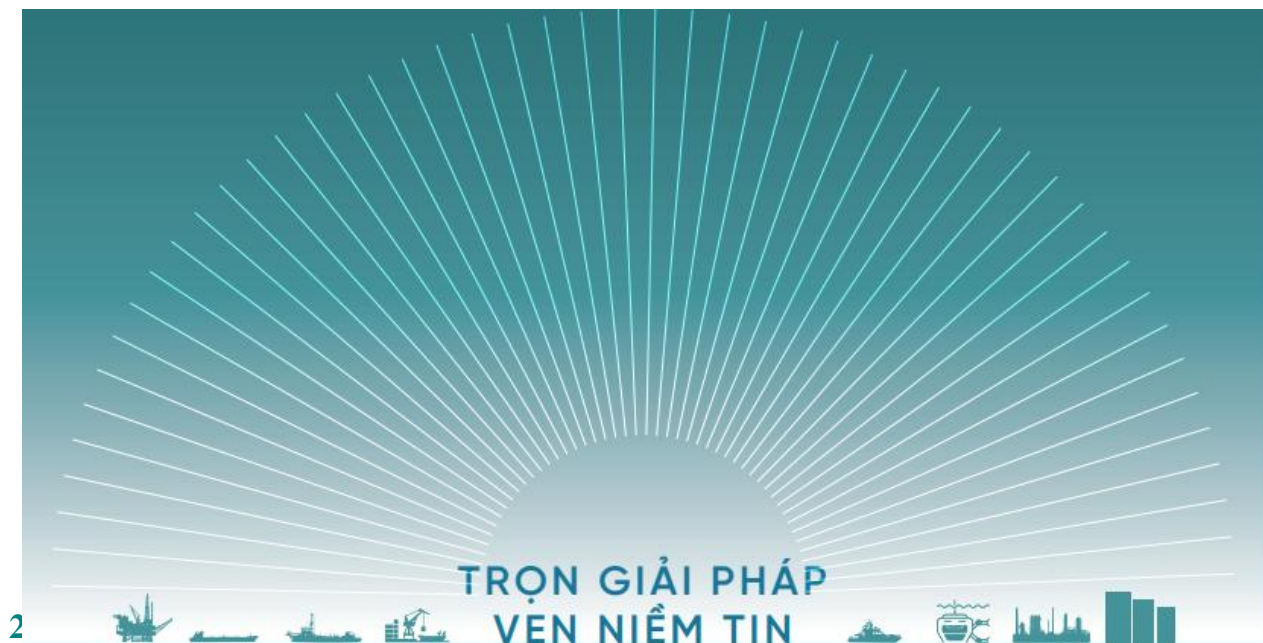
Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hồ Bắc



ĐỘT PHÁ TRONG QUẢN LÝ-QUẢN TRỊ “LÀM MỚI ĐỘNG LỰC CŨ”

01. CHƯƠNG TRÌNH TÁI CẤU TRÚC

Với quyết tâm cao, nỗ lực lớn và tinh thần đổi mới quyết liệt, Chương trình Tái cấu trúc quy mô toàn Tổng công ty đã tạo dấu ấn mạnh mẽ, “làm mới động lực cũ” với kết quả hoàn thành (i) kiện toàn chức năng nhiệm vụ và tái cấu trúc 09 Ban chức năng; (ii) sắp xếp, luân chuyển, điều động cán bộ chủ chốt tại 09 Đơn vị; (iii) chuyển đổi mô hình hoạt động 01 Đơn vị, (iv) tiếp tục triển khai rộng rãi chương trình tái cấu trúc, sắp xếp các phòng chuyên môn tại các Ban Tổng công ty, các bộ phận chức năng tại các Đơn vị.

02. HỆ THỐNG QUẢN LÝ – QUẢN TRỊ

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, hệ thống quản lý hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với định hướng chuẩn mực, thông lệ quản trị tốt nhất, tiêu chuẩn quốc tế, Tổng công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng Chiến lược Chuyển đổi số, Hệ thống Quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000, Hệ thống quản lý An toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:2022, Hệ thống quản lý thực hiện dự án, đang triển khai xây dựng Chiến lược phát triển bền vững theo tiêu chí ESG, đồng thời đang từng bước số hóa các hệ thống này.

03. CHUYỂN GIAO LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY

Tiếp nối truyền thống PTSC và tự hào là chiếc nôi tạo nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý, ông Lê Mạnh Cường (Tổng Giám đốc PTSC giai đoạn 2018-2024) đã vinh dự được cấp có thẩm quyền điều động và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đồng thời, từ nguồn cán bộ tại chỗ kế nhiệm, ông Trần Hồ Bắc cũng được bổ nhiệm chức danh Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Tổng công ty.

04. LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN

Trong năm 2024, PTSC mở rộng phạm vi hoạt động tại 18 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các hoạt động dịch vụ của PTSC luôn đảm bảo đúng cam kết về chất lượng, tiến độ, đặc biệt là đáp ứng các yêu cầu khắt khe của khách hàng quốc tế về an toàn với tổng số giờ công an toàn 25,52 triệu giờ.

ĐỘT PHÁ ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG QUY MÔ

05. NÂNG CẤP MỞ RỘNG QUY MÔ TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG VÀ HẠ CẦN KỸ THUẬT

Thực hiện chiến lược đẩy mạnh đầu tư, đặc biệt là phục vụ thi công, chế tạo và phát triển các dự án trong lĩnh vực dịch vụ mới, Tổng công ty đã triển khai sắp xếp lại Trung tâm công nghiệp năng lượng và hạ cần kỹ thuật tại Vũng Tàu với nhiều hạng mục đầu tư như: san lấp khu vực Sao Mai Bến Đình, đầu tư 06 xưởng sơn, 12 xe

nâng người, 03 xe vận chuyển tổng đoạn, Autofit, 02 gentry crane 200 tấn, tòa nhà văn phòng dự án ...vv

06. TRIỂN KHAI NHIỀU DỰ ÁN ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP PHƯƠNG TIỆN

Nhiều dự án được đầu tư được triển khai nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường. Trong đó tiêu biểu như Dự án đầu tư Bến số 3 – Cảng Dung Quất, Dự án đầu tư FSO Lạc Đà Vàng; nâng cấp 05 tàu dịch vụ, sà lan nhà ở. Các hạng mục đầu tư hoàn thành góp phần nâng cao năng lực dịch vụ, năng lực cạnh tranh, phát huy hiệu quả và góp phần quan trọng để PTSC đạt thành tích xuất sắc, dẫn đầu công tác đầu tư năm 2024 trong toàn Petrovietnam.

07. KÝ CÁC HỢP ĐỒNG CHUỖI DỰ ÁN LÔ B - Ô MÔN VÀ KHỞI CÔNG GIÀN CPP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Các Hợp đồng Gói tổng thầu số 1 (EPCI#1 - Giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc), Gói tổng thầu số 2 (EPCI#2 - 04 giàn đầu giếng vệ tinh và hệ thống đường ống nội mỏ...) đã được ký kết. PTSC đã chính thức khởi công công trình Giàn Công nghệ trung tâm (CPP). Đây là CPP lớn nhất từ trước đến nay được thiết kế và thi công tại Việt Nam. Các Gói thầu lớn khác (đường ống biển, đường ống bờ...) trong Chuỗi dự án Khí - Điện Lô B - Ô Môn - Dự án trọng điểm của Nhà nước về dầu khí cũng được triển khai đồng loạt.

08. THỰC HIỆN CHUỖI DỰ ÁN PHÁT TRIỂN MỎ LẠC ĐÀ VÀNG

Với các Hợp đồng cung cấp FSO, Hợp đồng tổng thầu EPCIC giàn xử lý trung tâm LDV-A, Hợp đồng EPC tuyến ống nội mỏ, PTSC thể hiện năng lực dịch vụ và nhà cung ứng chuỗi giải pháp tổng thể, toàn diện khi tham gia cung cấp toàn diện các dịch vụ cho dự án phát triển mỏ Lạc Đà Vàng.

09. BƯỚC TIẾN MỚI CỦA DỊCH VỤ HỦY MỎ

Là một trong những dịch vụ mới của PTSC được triển khai những năm gần đây, PTSC POS đã liên danh với PVD trúng thầu triển khai dịch vụ hủy mỏ với Hợp đồng Cung cấp dịch vụ thiết kế và thi công hạng mục đóng hủy giếng và tháo dỡ di dời giàn Sông Đốc. Bên cạnh đó POS cũng thực hiện hợp đồng tháo dỡ và di dời tàu FPSO MV19. Đặc biệt, Dự án hủy mỏ Sông Đốc là dự án hủy mỏ trọn gói đầu tiên tại Việt Nam, có ý nghĩa quan trọng và mang tính đột phá đối với ngành dầu khí nước nhà, mở ra các hướng đi mới về dịch vụ không chỉ trong nước mà cả quốc tế. Dự án còn là minh chứng khẳng định mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, liên kết, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, huy động tối đa nguồn lực và nội lực của các Đơn vị thành viên trong Petrovietnam.

10. ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ RA NƯỚC NGOÀI

Vượt qua nhiều thách thức khó khăn, yêu cầu phức tạp của Dự án, ngày 15/12/2024, tại Qatar, PTSC M&C đã hoàn thành sớm mục tiêu First-Oil Giàn JA của Chủ đầu

tư NOC. Gallaf 3 là dự án thứ hai tại “khu vực chiến lược” Trung Đông. Hàng ngàn người lao động đã tham gia Dự án trong suốt 3 năm qua và mang lại doanh thu ấn tượng gần 10.000 tỷ đồng, lợi nhuận gần 30 triệu USD với tổng khối lượng thi công lên đến gần 20.000 tấn. Đây là thành tựu đáng tự hào trong việc triển khai chiến lược phát triển dịch vụ EPC các công trình dầu khí ra thị trường quốc tế; khẳng định năng lực thực hiện các dự án phức tạp, khẳng định uy tín, thương hiệu và đặt nền tảng cho các dự án sắp tới tại khu vực này

11. GIẢI THƯỞNG “BEST PERFORMANCE AWARD” & “HSE CONTRIBUTION”

PTSC Offshore Services (POS) là đơn vị duy nhất trong tất cả các nhà thầu của NOC (North Oil Company, chủ đầu tư lớn trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng tại Qatar) được nhận cùng lúc hai giải thưởng Outstanding Performance và HSE Contribution. Các giải thưởng do NOC trao tặng mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng; khẳng định uy tín, chất lượng dịch vụ của POS trên thị trường quốc tế. Với những nỗ lực vượt bậc của NLĐ PTSC POS trên công trình dự án các dự án, CEO của NOC cũng khẳng định “performance” của POS đã tạo ra tiêu chuẩn trong lĩnh vực Brownfield 4 Modification trong ngành công nghiệp dầu khí (“have set a remarkable standard for the industry”).

12. ĐỘI TÀU DỊCH VỤ VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN HÀNG HẢI MANG DỊCH VỤ XUẤT NGOẠI

Đội tàu Dịch vụ dầu khí và các phương tiện hàng hải của PTSC đã có 1 năm “xuất ngoại” mở rộng thị trường ấn tượng với phần lớn thời lượng hoạt động trên thị trường quốc tế: Malaysia, Trung Đông, Phillipines, Brunei, Ấn Độ, Đài Loan (Trung Quốc)... Trong đó tiêu biểu là các tàu dịch vụ, các sà lan hỗ trợ thi công POS 1 và sà lan vận chuyển PTSC 01 cùng các tàu khảo sát địa chấn & ROV... Đặc biệt, tại thị trường Trung Đông, 02 tàu dịch vụ của PTSC đang làm việc dài hạn cho Aramco và ADNOC - 02 khách hàng có tiêu chuẩn yêu cầu cao và khắt khe nhất thế giới. Hoạt động nhộn nhịp của các con tàu, phương tiện PTSC tại các vùng lãnh thổ khác nhau đã góp phần quan trọng vào chiến lược phát triển dịch vụ ra nước ngoài của PTSC, gia tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ từ nước ngoài, khẳng định hình ảnh của PTSC trên thị trường quốc tế.

ĐỘT PHÁ TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ TRÊN BỜ

13. TRÚNG THẦU NHIỀU DỰ ÁN CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP TRÊN BỜ

Nỗ lực triển khai công tác phát triển kinh doanh, công tác chào giá trong lĩnh vực dịch vụ công trình công nghiệp, PTSC trúng thầu nhiều dự án trên bờ: (i) Dự án STG-3 Nghi Sơn, (ii) Gói thầu 4.9 Hệ thống cung cấp nhiên liệu sân bay Long Thành, (iii) Gói thầu EPC Dự án bồn chứa Ethane LSP, (iv) Gói thầu EPC Dự án

bể chứa dầu thô Dung Quất, góp phần quan trọng vào chiến lược tăng trưởng, phát triển và thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của PTSC trong giai đoạn sắp tới.

14. THỰC HIỆN CÁC GÓI THẦU CHÍNH BẢO DƯỠNG NHÀ MÁY LỘC DẦU DUNG QUẤT

PTSC Quảng Ngãi đã thắng thầu và thực hiện thành công 3/6 gói thầu chính của đợt turn around lần 5 (TA5) tại Nhà máy Lộc dầu Dung Quất, với 1.522 hạng mục công việc, chiếm hơn 70% tổng khối lượng công việc. Đây là lần đầu tiên Đơn vị đảm nhận bảo dưỡng Phân xưởng RFCC - là phân xưởng trái tim của nhà máy, vượt tiến độ 16 giờ. Qua đó, chứng minh khả năng làm tổng thầu các chiến dịch sửa chữa bảo dưỡng lớn và có thể đảm nhận vai trò Tổng thầu bảo dưỡng tổng thể cho các nhà máy lọc hóa dầu, các nhà máy công nghiệp trên bờ.

15. DỊCH VỤ SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG CHO NHÀ MÁY LỘC DẦU NGHI SƠN ĐẠT NHỮNG BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG

Với những nỗ lực lớn trong công tác phát triển dự án, cùng sự tín nhiệm của Khách hàng NSPR, trong năm 2024, PTSC Thanh Hóa đã trúng thầu loạt hợp đồng dịch vụ và trở thành nhà thầu chính theo hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hàng ngày, hợp đồng thay thế Tổ máy phát điện STG3, hợp đồng nâng cấp, hoán cải với giá trị gần 2000 tỷ đồng trong vòng 03 - 05 năm tới, khẳng định uy tín, chất lượng dịch vụ của PTSC Thanh Hóa trên thị trường dịch vụ cơ khí – bảo dưỡng.



DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ XUẤT KHẨU NGOÀI KHƠI

16. DỰ ÁN XUẤT KHẨU ĐGNK SANG SINGAPORE ĐẠT BƯỚC TIẾN MỚI

Dự án Xuất khẩu điện gió ngoài khơi sang Singapore đạt bước tiến mới với 02 hợp đồng khảo sát đã được ký kết, công tác khảo sát đã được triển khai theo đúng Giấy phép.

ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ MỚI - NLTTNK

17. XUẤT KHẨU LÔ CHÂN ĐÉ ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM VÀ KHỞI CÔNG DỰ ÁN 04 TRẠM BIỂN ÁP ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI ĐẦU TIÊN CHO CHÂU ÂU

Dự án CHW2204 ghi dấu ấn quan trọng với sự kiện xuất xưởng, bàn giao Lô chân đế ĐGNK đầu tiên của Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài với mốc hơn 9 triệu giờ làm việc an toàn. PTSC M&C cũng bắt đầu triển khai đơn hàng sản xuất các trạm biển áp ngoài khơi (OSS) cho dự án Baltica 02 tại vùng biển Baltic - Ba Lan. Đây cũng là lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu hợp đồng xuất khẩu OSS sang Châu Âu, thị trường năng lượng tái tạo hàng đầu thế giới. Dự án ghi dấu mốc quan trọng, khẳng định năng lực với dòng sản phẩm mới OSS, nâng tầm thương hiệu PTSC với vị thế nhà cung cấp dịch vụ năng lượng tái tạo uy tín, chất lượng trên thị trường tiềm năng mới.

18. KHẲNG ĐỊNH UY TÍN, THƯƠNG HIỆU QUỐC TẾ VỚI DỰ ÁN MỚI CHẾ TẠO CHÂN ĐÉ

Kế tiếp Dự án CHW2204, PTSC trúng thầu Dự án mới quy mô lớn hàng trăm triệu USD, tiếp tục chế tạo và cung cấp chân đế điện gió ngoài khơi cho khách hàng quốc tế. Việc thắng thầu khẳng định tầm cao mới của thương hiệu PTSC với vị thế nhà cung cấp dịch vụ NLTTNK uy tín, chất lượng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

GIẢI THƯỞNG, THÀNH TỰU

19. PTSC TIẾP TỤC ĐẠT CÁC DANH HIỆU UY TÍN

Tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu quốc gia trên thị trường, PTSC được trao nhiều danh hiệu, giải thưởng lớn và uy tín như: (i) Thương hiệu Quốc gia, (ii) Sao Vàng đất Việt, (iii) Forbes 50, (iv) Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2024 (VBW10) – nhóm ngành Năng lượng, (v) Top 50 doanh nghiệp xuất sắc Việt Nam (VNR500), (vi) Top 10 doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2024 (VIE 10), (vii) Giải thưởng Thương hiệu Vàng – Logo Slogan ấn tượng và nhiều giải thưởng danh giá khác.

20. DOANH THU, LỢI NHUẬN CÁN ĐÍCH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH 2024

PTSC đã về đích xuất sắc với Doanh thu hợp nhất hơn **24.986 tỷ đồng**, đạt **161,2%** kế hoạch năm 2024, tăng 15% so với thực hiện năm 2023; Lợi nhuận hợp nhất trước thuế hơn **1.553 tỷ đồng**, đạt **181%** kế hoạch năm 2024, tăng **21.6%** so với thực hiện năm 2023.

21. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ THAM DỰ CHUỖI SỰ KIỆN DẦU KHÍ VÀ ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI

Các hoạt động SXKD của PTSC tạo ấn tượng đặc biệt và nhận được sự đánh giá cao của các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Lần đầu tiên PTSC vinh dự được tiếp đón Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Phạm Minh Chính và nhiều Lãnh đạo cấp cao thăm, làm việc và tham dự “Chuỗi sự kiện Dầu khí và Điện gió ngoài khơi” do PVN/ PTSC tổ chức. Cũng trong năm 2024, PTSC vinh dự được tiếp đón Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thứ trưởng, các Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch tỉnh ủy và nhiều Đại sứ quán, lãnh sự quán của các nước và hàng trăm đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc...



II. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1.1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trải qua quá trình từ hình thành, sáp nhập, chuyển đổi..., Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã chính thức ra đời vào ngày 09 tháng 02 năm 1993 và là một trong những thành viên trụ cột của PVN.

- Với nền tảng vững chắc và bề dày truyền thống, PTSC đã từng bước phát triển, nâng cao vị thế và trở thành thương hiệu toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng, trọng tâm là dịch vụ kỹ thuật dầu khí và năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Thúc đẩy xu hướng chuyển dịch năng lượng, đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.
- Góp phần quan trọng thúc đẩy chuỗi giá trị của PVN, tối ưu hiệu quả kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
- Cung cấp giải pháp toàn diện và tối ưu, mang lại giá trị gia tăng vượt trội.

PTSC đã ghi được nhiều dấu ấn với vị trí hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam và là một thương hiệu lớn trong khu vực. Hoạt động chính của PTSC là cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp. Trong đó, các dịch vụ mang tính chiến lược, mũi nhọn đã được chuyên nghiệp hóa, phát triển đạt trình độ quốc tế như: EPCI công trình biển; EPC công trình công nghiệp; Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO; Tàu dịch vụ dầu khí; Khảo sát địa chất và công trình ngầm; Lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng công trình biển; Cảng dịch vụ; Dịch vụ cung ứng nhân lực kỹ thuật cao...

Đặc biệt, trong xu hướng chuyển dịch năng lượng đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, đồng thời nhằm thúc đẩy chuỗi giá trị của PVN, tối ưu hiệu quả kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia phát huy tối đa giá trị chuỗi dịch vụ của PVN, PTSC định hướng tiếp tục hoàn thiện và phát triển toàn diện lĩnh vực năng lượng điện gió, đồng thời từng bước xây dựng năng lực khai thác năng lượng hydro xanh. Bên cạnh đó, PTSC đặt mục tiêu đóng vai trò chủ lực trong chuỗi cung ứng nội địa, góp phần đạt tỷ lệ nội địa hóa 80% cho nhà máy điện hạt nhân đầu tiên tại Việt Nam.

PTSC cam kết phát huy mọi thế mạnh về năng lực, kinh nghiệm của mình, đảm bảo thành công các dự án, khẳng định và tăng cường vị thế là một nhà thầu tin cậy, đối tác tin cậy, doanh nghiệp tin cậy với các khách hàng.

Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Tên giao dịch nước ngoài: Petrovietnam Technical Services Corporation

Tên giao dịch viết tắt: PTSC

Mã chứng khoán: PVS

Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100150577

Vốn điều lệ: 4.780 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 14.739 tỷ đồng (theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

Địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà Petrovietnam, Số 1 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (+84) 028.39102828

Fax: (+84) 028.39102929

Website: ptsc.com.vn

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Cơ khí dầu khí

Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO)

Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình biển

Căn cứ cảng dịch vụ

Tàu dịch vụ dầu khí

Khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm

Công trình công nghiệp

Năng lượng tái tạo

1.3 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993: Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), là doanh nghiệp Nhà nước duy nhất cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với lĩnh vực hoạt động chính ban đầu là cung cấp tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, căn cứ cảng dịch vụ dầu khí và cung cấp lao động kỹ thuật cho các nhà thầu dầu khí.

1994 – 2005:

- Tách một số bộ phận của PTSC để làm nòng cốt thành lập các đơn vị dịch vụ chuyên ngành mới của ngành dầu khí.
- Đầu tư phát triển đội tàu dịch vụ chuyên dụng hiện đại và mở rộng xây dựng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu trở thành căn cứ dịch vụ đa năng, hiện đại.
- Thực hiện thành công khối nhà ở LQ- CPC 99 cho Khách hàng Vietsovpetro, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ cơ khí dầu khí.
- Triển khai hợp đồng O&M Nhà máy Xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 phase dài 370 km và Giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời và làm chủ loại hình dịch vụ O&M.

- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess với PVI và PVFC, đánh dấu sự ra đời một lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cao đầy tiềm năng, dịch vụ FSO/FPSO.

2006 – 2010:

- Năm 2006: Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).
- 01/01/2007: Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tạo ra bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của PTSC với sức mạnh mới.
- 09/02/2007: Chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- 20/9/2007: Cổ phiếu của PTSC chính thức niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu PVS.
- Thành lập mới PTSC G&S; hoàn thành đầu tư tàu khảo sát địa chấn 2D, ROV, tàu khảo sát địa vật lý, nâng cao năng lực lĩnh vực khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm lên một tầm cao mới.
- Tham gia đầu tư kho nổi FSO Orkid và FPSO Ruby II, nâng cao năng lực trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ FSO/FPSO.
- Năm 2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ đồng.
- Thực hiện thành công tổng thầu EPC Dự án Biển Đông với tổng khối lượng thi công chế tạo trên 30.000 tấn và giá trị trên 1 tỷ USD, là dự án thi công chế tạo các cấu kiện dầu khí lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay.

2011 – 2015:

- Thực hiện đầu tư sở hữu 51% 2 kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01 và FPSO Lam Son, làm chủ hoàn toàn công nghệ đóng và vận hành FSO/FPSO, đưa PTSC trở thành đơn vị hàng đầu trong nước và khẳng định vị thế trong khu vực đối với lĩnh vực cung cấp, vận hành và khai thác FSO/FPSO.
- Thực hiện thành công tăng vốn điều lệ lên 4.467 tỷ đồng.
- Năng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí được khẳng định và nâng cao bằng việc thắng thầu quốc tế và thực hiện thành công các dự án: Khối thượng tầng giàn công nghệ HRD cho Khách hàng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Ấn Độ - ONGC, Dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho Khách hàng Total E&P.
- Các Liên doanh ở nước ngoài thực hiện chuyển lợi nhuận về nước.

2016 – 2019:

- Tăng vốn điều lệ lên 4.780 tỷ đồng.
- Tính đến 31/12/2018, tổng giá trị PTSC đã thu về từ các Liên Doanh ở nước ngoài là 105 triệu USD.
- Thắng thầu EPC và thực hiện thành công các dự án công trình công nghiệp dầu khí trên bờ: Nhà máy Phân bón NPK; Nhà máy sản xuất Amoniac NH₃ của Khách hàng

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); Nhà máy Xử lý khí Cà Mau của Khách hàng Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS); Dự án kho chứa LNG Thị Vải và Dự án EPC đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt của khách hàng PV GAS; Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam - Gói A1 (LSP - A1) của khách hàng Liên danh tổng thầu TPSK (Ý - Hàn Quốc).

- Thắng thầu và triển khai thực hiện các dự án cho các Khách hàng ngoài ngành: Nhà máy kho cảng Hải Phòng, mở rộng nhà máy Gò Dầu cho Khách hàng Top Solvent (Thái Lan) và mở rộng kho cảng Vopak (Hà Lan) giai đoạn III, Dự án “Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ của khách hàng Công ty CP Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ (NDV Seaport); Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene của khách hàng Hyosung Vietnam.
- Thắng thầu và triển khai Dự án Gallaf (Al Shaheen) cho Khách hàng North Oil Company (NOC) tại Qatar với tổng giá trị hợp đồng hơn 320 triệu USD; Hoàn thành đóng mới, hạ thủy, bàn giao và đưa vào vận hành, khai thác thành công và an toàn đội tàu 8 tàu cho khách hàng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).
- Ngày 04/10/2019, chân đế giàn Công nghệ Trung tâm Sao Vàng nặng 12.500 tấn thuộc Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, đã được lắp đặt và bàn giao thành công cho Chủ đầu tư IGP, khẳng định năng lực tổng thầu EPCIC của PTSC.
- PTSC về đích trước kế hoạch, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch tài chính và bước qua thời kỳ khó khăn nhất.

2020

- Hoàn thành Dự án Thiết kế, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối và Chạy thử Giàn xử lý khí trung tâm CPP Sao Vàng và chính thức nhận dòng khí đầu tiên ngày 16/11/2020. Dự án vinh dự được gắn biển “Công trình chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”.
- Ngày 16/11/2020, Kho nổi FSO Golden Star đã chính thức đón dòng condensate đầu tiên, đánh dấu mốc son thành công vô cùng quan trọng trong chuỗi Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, cùng với giàn xử lý trung tâm Sao Vàng CPP và hệ thống đường ống nội mỏ cũng do chính PTSC làm tổng thầu thực hiện.
- Dự án Gallaf (Al Shaheen) tại Qatar - dự án do PTSC thắng thầu quốc tế EPCI với khối lượng lớn và tổng giá trị trên 320 triệu USD đã được thực hiện thành công công tác Thiết kế, Mua sắm, Chế tạo tại Việt Nam và Vận chuyển, Lắp đặt, Chạy thử 3 giàn khai thác Dự án Gallaf 1 với hơn 800 NLĐ PTSC làm việc tại Qatar trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
- Trong bối cảnh vô cùng khó khăn và nhiều thách thức, cùng với nỗ lực và nội lực, PTSC triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó vượt qua “khủng hoảng kép” do giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19 để đạt được nhiều kết quả ấn tượng, tăng trưởng ổn định: doanh thu hợp nhất hơn 21.313 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.025 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 909 tỷ đồng

2021- 2022

- PTSC bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (xây dựng công trình công nghiệp - năng lượng tái tạo, xây dựng công trình khác không phải nhà) để tiếp tục mở ra cơ hội phát triển khi tham gia trực tiếp từ đầu tư đến cung cấp các dịch vụ liên quan với sở trường là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu về công trình công nghiệp - biển tại Việt Nam.
- Tháng 7/2021, PTSC tiếp tục được Chủ đầu tư NOC trao thầu thực hiện dự án Gallaf - Giai đoạn 3 tại Qatar với khối lượng trên 19.000 tấn sau khi vượt qua sự cạnh tranh khốc liệt với các nhà thầu quốc tế trên toàn thế giới.
- Tháng 9/2021, Chủ đầu tư Northland Power Development Services Inc. và Yushan Energy Co., Ltd. lựa chọn ký Thỏa thuận ưu tiên thực hiện công tác thiết kế, mua sắm, chế tạo 02 trạm biến áp dự án điện gió Hai Long 2 và Hai Long 3 ngoài khơi Đài Loan, đánh dấu lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt Nam thực hiện được loại hình công việc này cho dự án điện gió ngoài khơi tại nước ngoài.
- PTSC hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, đảm bảo an toàn cho Người lao động trên tất cả các công trường, dự án trong và ngoài nước, đảm bảo thu nhập tốt cho Người lao động trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp.
- Hoàn thiện cơ sở pháp lý và trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn có chức năng đầu tư trong lĩnh vực NLTTNK.
- Tham dự thầu quốc tế vào đến vòng cuối cùng và có khả năng trúng thầu dự án chế tạo chân đế Điện gió ngoài khơi CHW2204 tại Đài Loan; được phê duyệt vào danh sách nhà cung cấp chân đế ĐGNK cho khách hàng Orsted - nhà đầu tư số một thế giới về Năng lượng tái tạo. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi to lớn của PTSC, chuyển dịch từ mô hình sản xuất đơn chiếc sang mô hình sản xuất hàng loạt, quy mô lớn, năng suất cao, mở ra một hướng đi mới, ổn định, lâu dài, bền vững cho Tổng công ty trong nhiều năm tới, phù hợp xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.
- Thành lập chi nhánh PTSC Abu Dhabi tại UAE, mở rộng phạm vi hoạt động.
- Năm 2022, PTSC đã chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài như khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Malaysia, Brunei, Indonesia, Cambodia... Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 đạt trên 40%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài của PTSC nhằm đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định, bền vững.

2023

- Năm 2023 ghi dấu ấn Tuổi 30 với những thành tựu vẻ vang, khẳng định vị thế, tầm vóc, thương hiệu của PTSC trên thị trường năng lượng. Công tác đầu tư đạt kết quả khả quan, các sự kiện sản xuất kinh doanh sôi động. Hoạt động phát triển kinh doanh - dịch vụ đạt hiệu quả tích cực với nhiều hợp đồng quan trọng được ký kết và triển khai. Sau nhiều năm vắng bóng, PTSC chính thức đạt doanh thu 20 ngàn tỷ đồng.
- Ngày 24/08/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định chấp thuận hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển của Tổng công ty PTSC phục vụ dự án đầu tư, phát triển ĐGNK xuất khẩu sang Singapore.
- Ngày 17/05/2023, chi nhánh PTSC Abu Dhabi đã được Bộ Kinh tế UAE cấp giấy phép hoạt động, đánh dấu quá trình đẩy mạnh phát triển cung cấp dịch vụ sang khu vực Trung Đông.
- Ngày 23/11/2023, Tổng công ty PTSC đã chính thức hoàn thành toàn bộ các thủ tục thông tuyến đường trục chính, một trong những dấu mốc tiêu biểu cùng với việc hoàn thành đầu tư 20m cầu cảng và bố trí lại các nhà xưởng, đánh dấu việc đẩy mạnh sắp xếp lại và nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực bãi chế tạo căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu.
- Thắng thầu và triển khai các dự án: chế tạo và cung cấp 33 chân đế trụ điện gió cho Orsted Taiwan Ltd - dự án ĐGNK Greater Changhua 2204 (CHW2204) tại Đài Loan (Trung Quốc); Thiết kế, Mua sắm, Thi công xây lắp (EPC) trạm biến áp ngoài khơi (OSS) cho dự án ĐGNK Fengmiao 1 tại Đài Loan (Trung Quốc) của khách hàng Copenhagen Infrastructure Partners (CIP); Thiết kế, mua sắm, vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn xử lý trung tâm, giàn nhà ở, tháp đuốc (gói thầu EPCI #1), dự án khí Lô B của Chủ đầu tư Công ty điều hành dầu khí Phú Quốc (PQPOC) Thiết kế chi tiết cho toàn bộ dự án, mua sắm, thi công lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử cho toàn bộ Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn - Công ty điều hành đường ống Tây Nam (SWPOC), là dự án thành phần quan trọng trong chuỗi dự án khí – điện Lô B; Cung cấp tàu dịch vụ, cung cấp ROV cho khách hàng Saudi Aramco.

2024

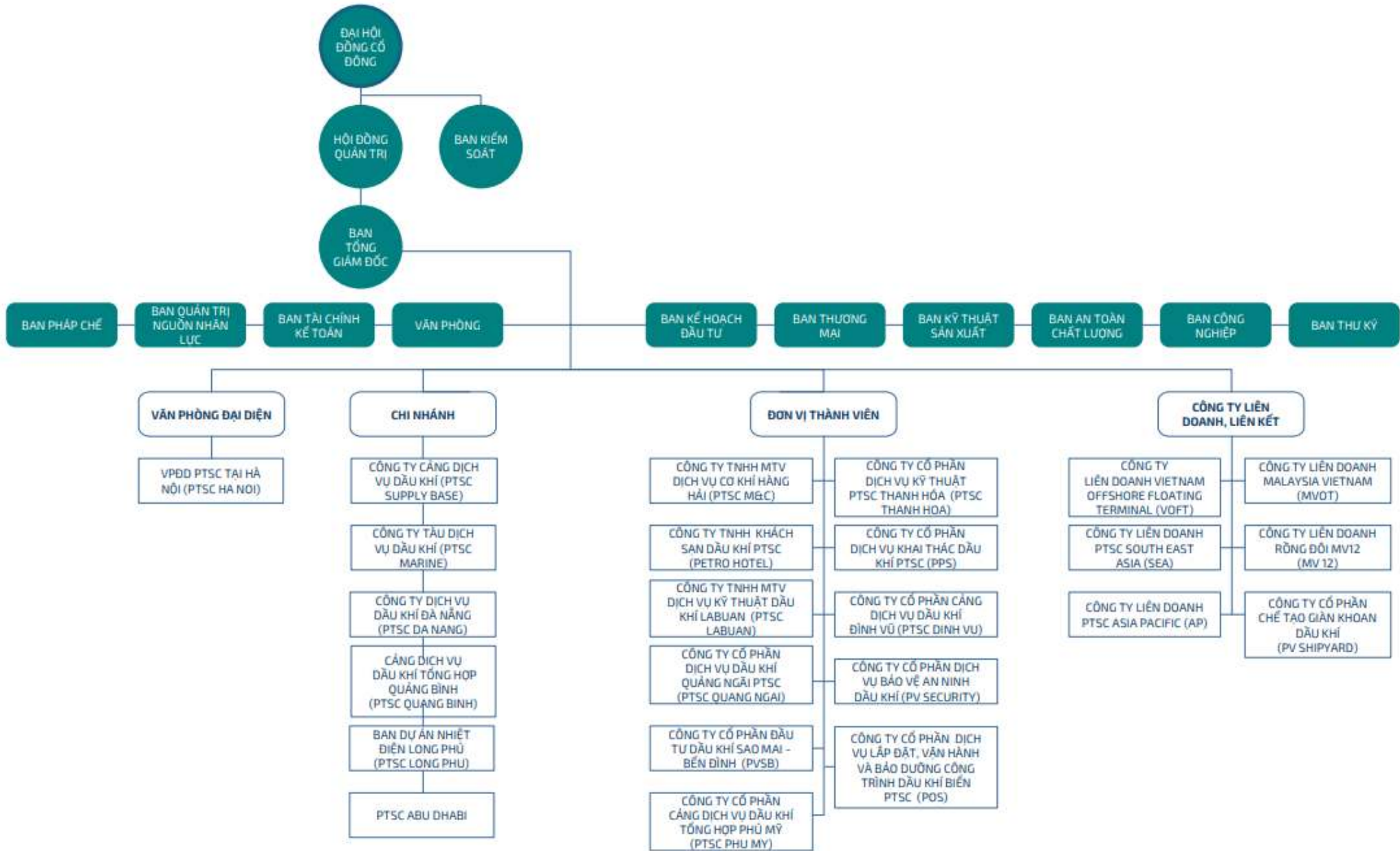
- Kiện toàn và tái cấu trúc 09 Ban chức năng; Luân chuyển cán bộ chủ chốt tại 09 Đơn vị; Chuyển đổi mô hình hoạt động 01 Đơn vị và tiếp tục triển khai chương trình tái cấu trúc tại Công ty mẹ, các bộ phận chức năng tại các Đơn vị.
- Nâng cấp mở rộng quy mô Trung tâm công nghiệp năng lượng và hậu cần kỹ thuật Vũng Tàu với nhiều hạng mục đầu tư như: san lấp khu vực SMBĐ, đầu tư 06 xưởng sơn, 12 xe nâng người, 03 xe vận chuyển tổng đoạn, Autofit, 02 gentry crane 200 tấn, tòa nhà văn phòng dự án ...
- Ký các hợp đồng chuỗi dự án Lô B - Ô Môn: gói tổng thầu số 1 (EPCI#1 - Giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc), gói tổng thầu số 2 (EPCI#2 - 04 giàn đầu giếng vệ tinh và hệ thống đường ống nội mỏ....) và khởi công giàn CPP lớn nhất Việt Nam; PTSC triển khai chuỗi dự án phát triển mỏ Lạc Đà Vàng, khẳng

định năng lực cung cấp dịch vụ và vai trò nhà cung ứng giải pháp tổng thể, toàn diện.

- Trúng thầu cung cấp dịch vụ hủy mỏ với Hợp đồng thiết kế và thi công hạng mục đóng hủy giếng, tháo dỡ - di dời giàn Sông Đốc, cùng việc tháo dỡ và di dời tàu FPSO MV19. Đây là dự án hủy mỏ trọn gói đầu tiên tại Việt Nam, đánh dấu bước đột phá quan trọng của ngành dầu khí quốc gia.
- Lần đầu tiên PTSC vinh dự được tiếp đón Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Phạm Minh Chính và nhiều Lãnh đạo cấp cao thăm, làm việc và tham dự “Chuỗi sự kiện Dầu khí và Điện gió ngoài khơi” với tổng giá trị hơn 2 tỷ USD do PVN/PTSC tổ chức, tại Trung tâm Công nghiệp Năng lượng và Hậu cần Kỹ thuật PTSC (TP. Vũng Tàu). Sự hiện diện của Thủ tướng không chỉ khẳng định tầm vóc và ý nghĩa chiến lược của sự kiện, mà còn mở ra những kỳ vọng to lớn, thúc đẩy ngành năng lượng Việt Nam vươn tầm mạnh mẽ trong tương lai. Chuỗi sự kiện bao gồm: • Lễ hạ thủy và bàn giao chân đế ĐGNK dự án CHW2204: 350 triệu USD • Lễ khởi công các trạm biến áp - dự án Baltica 02: 167 triệu USD • Lễ ký hợp đồng chế tạo và cung cấp chân đế ĐGNK: 450 triệu USD • Lễ khởi công giàn CPP - trái tim của chuỗi dự án Lô B: 700 triệu USD • Lễ ký hợp đồng FSO Lạc Đà Vàng: 416 triệu USD

2. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

2.1 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



2.2 GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị



Ông Phan Thanh Tùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật sản xuất và công nghiệp, Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn



Ông Lê Mạnh Cường

Thành viên Hội đồng quản trị,

Tổng Giám đốc (đến ngày 06/12/2024)

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông Đỗ Quốc Hoan

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Kỹ sư Điều khiển tàu biển

Ông Nguyễn Xuân Ngọc

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1976 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí



Ông Trần Ngọc Chương

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị nhân sự



Ông Hoàng Xuân Quốc

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1957 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Cơ khí năng lượng, Cử nhân Kinh tế



Ông Đoàn Minh Mẫn

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1958 tại Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, cử nhân Quản trị kinh doanh



Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạnh Cường

Tổng Giám đốc (đến ngày 06/12/2024)

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông Trần Hồ Bắc

Tổng Giám đốc (Từ ngày 06/12/2024)

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư Cơ khí



Ông Nguyễn Trần Toàn

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16/9/2024)

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông Tạ Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12/11/2024)

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị kinh doanh



Ông Nguyễn Xuân Cường

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp



Ông Trần Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1978 tại Bình Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử, Cử nhân Kinh tế



Ông Phạm Văn Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1977 tại Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế



Ông Lê Cự Tân

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1967 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật tự động hóa



Ông Lê Chiến Thắng

Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12/11/2024)

Sinh năm: 1977 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải biển

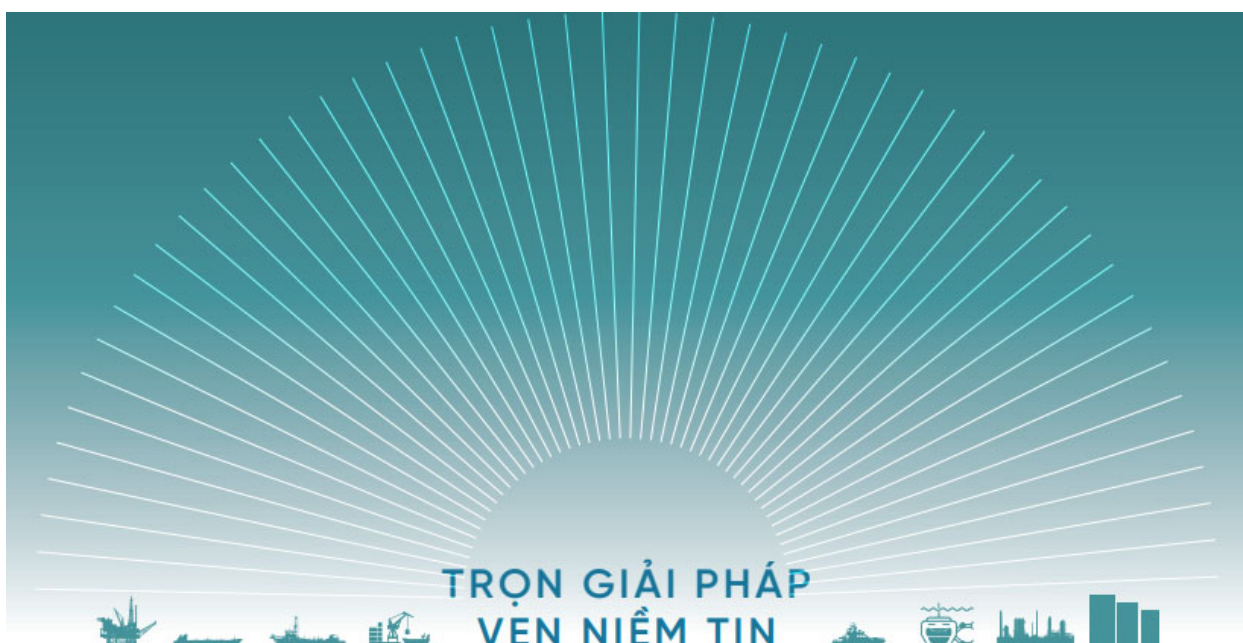


Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng

Sinh năm: 1977 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng



Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thu Hà
Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh



Ông Bùi Hữu Việt Cường
Kiểm soát viên

Sinh năm: 1981 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Điều hành Quản trị Kinh doanh quốc tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Kế toán



Ông Phạm Văn Tiến
Kiểm soát viên

Sinh năm: 1983 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Cử nhân Kinh tế



2.3 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Thành phố Hồ Chí Minh: Trụ sở Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Bà Rịa- Vũng Tàu: PTSC Marine - PTSC Supply Base - PTSC M&C - PTSC G&S-Petro Hotel - PTSC Phu My – PPS – PVSBS – POS - PV Shipyard

Sóc Trăng: PTSC Long Phu

Quảng Ngãi: PTSC Quang Ngãi

Đà Nẵng: PTSC Da Nang

Quảng Bình: PTSC Quang Binh

Thanh Hóa: PTSC Thanh Hoa

Hải Phòng: PTSC Dinh Vu

Hà Nội: PTSC Ha Noi

Malaysia: PTSC Labuan, VOFT, MVOT

Singapore: SEA, AP, MV12

UAE: PTSC Abu Dhabi

Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)

Địa chỉ: Số 73, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý khai thác và cung cấp tàu dịch vụ

Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí (PTSC Supply Base)

Địa chỉ: Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng (PTSC Da Nang)

Địa chỉ: Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình (PTSC Quang Binh)

Địa chỉ: Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú (PTSC Long Phu)

Địa chỉ: Ấp Thanh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử, hoàn thiện các dự án nhà máy điện và công trình công nghiệp

VPDD PTSC tại Hà Nội (PTSC Ha Noi)

Địa chỉ: Số 142 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao

PTSC Abu Dhabi

Địa chỉ: Phòng 1721, tầng 17 The Offices World Trade Center, Central Market. Al Markazyia, Abu Dhabi, UAE

Vốn điều lệ/đầu tư: Trục thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị tại mỏ dầu và khí tự nhiên; Vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu và khí; Dịch vụ hàng hải liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí; Dịch vụ cho các công trình khai thác và mỏ dầu, khí trên bờ và ngoài khơi.

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C)

Địa chỉ: Số 31, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ/đầu tư: 628 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC (PTSC G&S)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC (Petro Hotel)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 20 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (PTSC Labuan)

Địa chỉ: Unit 3A-25, UO350, 3rd Floor, Labuan Times Square, 87007 Labuan F.T Malaysia Vốn điều lệ/đầu tư: 572.565 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí

Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quang Ngai)

Địa chỉ: Lô 4H, Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 95,19%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ, Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp; Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp

Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (POS)

Địa chỉ: Cảng hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 84,95%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ (PTSC Phu My)

Địa chỉ: Khu CN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 350 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 59,61%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hoa)

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng Tỷ lệ nắm giữ: 54,69%

Ngành nghề kinh doanh chính: » Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp » Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp » Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. » Cung cấp dịch vụ lặn, khảo sát và thi công các công trình ngầm dưới nước. » Tái chế phế liệu (Phá hủy tàu) » Xây dựng công trình thủy (đường thủy, cảng và các công trình trên sông.)

Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)

Địa chỉ: Tầng 16, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 200 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PTSC Dinh Vu)

Địa chỉ: Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container

Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security)

Địa chỉ: Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: 30 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ

Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)

Địa chỉ: Số 65A3, đường 30/4, phường Thăng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 500 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

Công ty Liên doanh

Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)

Địa chỉ: BO1-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 14.640.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 60%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (SEA)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 32.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (AP)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 60.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (MVOT)

Địa chỉ: BO1-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 35.222.268 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 49%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12 (MV12)

Địa chỉ: 9 North Buona Vista Drive #04-05, The Metropolis Tower 1, Singapore 138588
Vốn điều lệ/đầu tư: 20.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 33%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Địa chỉ: Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 595 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 28,75%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi

2.4 CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA PTSC

Đội tàu dịch vụ của PTSC

PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 22 tàu đa dạng về công suất và chủng loại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành hoàn toàn bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam có năng lực, giàu kinh nghiệm. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1.	Tàu PTSC Sao Vàng	6.500 BHP
2.	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 BHP
3.	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 BHP

4.	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 BHP
5.	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 BHP
6.	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 BHP
7.	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 BHP
8.	Tàu PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 BHP
9.	Tàu PTSC Sài Gòn (AHTS DP2)	5.150 BHP
10.	Tàu PTSC Hải An (AHTS DP1)	5.150 BHP
11.	Tàu PTSC Crescent (AHTS DP2)	5.150 BHP
12.	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 02 (Utility towing)	3.500 BHP
13.	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 03 (Utility towing)	4.750 BHP
14.	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 BHP
15.	Tàu PTSC 05 (Tug)	3.200 BHP
16.	Tàu PTSC 06 (Tug)	3.200 BHP
17.	Tàu PTSC 07 (Tug)	1.600 BHP
18.	Tàu PTSC 08 (Tug)	800 BHP
19.	Tàu PTSC 09 (Tug)	5.000 BHP
20.	Tàu PTSC 10 (Tug)	2.700 BHP
21.	Tàu PTSC 11 (Tug)	1.600 BHP
22.	Tàu PTSC 12 (Service boat)	1.430 BHP

- AHTS: Tàu dịch vụ đa năng
- Utility towing, Tug: Tàu lai kéo, tàu kéo
- DP1: có hệ thống định vị động học DP 1
- DP2: có hệ thống định vị động học DP 2

Kho nổi chứa xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí (FSO/ FPSO/ MOPU/ MOPSU/ FSRU/ FPU...)

Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ dầu. Hiện tại, PTSC đang sở hữu/đồng sở hữu 06 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

STT	TÊN KHO NỔI	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1.	FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
2.	FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
3.	FSO PTSC Bien Dong 01	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
4.	FPSO PTSC Lam Son	373.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
5.	FSO Golden Star	800.000 thùng	Cụm Mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt
6.	FSO Rồng Đôi MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây

Căn cứ cảng PTSC

Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng hệ thống 08 căn cứ Cảng dịch vụ dầu khí trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam với tổng diện tích trên 310ha và trên 3.100 m cầu cảng, phục vụ các khách hàng đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương. Cụ thể các căn cứ cảng trong hệ thống của PTSC như sau:

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1.	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 753,7 m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -6,2 m đến -9,3 m
2.	Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 10,3 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 29.500 DWT giảm tải Độ sâu thủy điện: -9,2 m
3.	Cảng Sơn Trà	Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Diện tích: 7,5 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200 m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -9,5 m
4.	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 14,5 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 281 m (210m cầu + 71 m phao), khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy điện -11 m. + Bến số 3: chiều dài 160 m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy điện -4,2 m. + Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí: chiều dài 70m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy điện -7,0m
5.	Cảng PTSC Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 04 + Bến số 1: chiều dài 384,3 m; khả năng tiếp nhận tàu 80.000 DWT, độ sâu thủy điện -14,5 m. + Bến số 2: chiều dài 130 m; khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -4,8 m. + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy điện -2,7 m. + Bến số 4: chiều dài 60m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -4,8 m.

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
6.	Cảng Nghi Sơn	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Diện tích: 44,9 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 30.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -9,5 m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -12m.
7.	Cảng PTSC Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Diện tích: 15,28 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 330 m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -8,0 m
8.	Cảng Sao Mai - Bến Đình	Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 113 ha

Cơ sở vật chất phục vụ chế tạo, đóng mới công trình dầu khí, năng lượng tái tạo

Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu các khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cẩu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:

- Công trường thi công chính tại Vũng Tàu với diện tích gần 160 ha. Ngoài ra, PTSC còn có các bãi chế tạo tại Quảng Ngãi, Thanh Hóa với diện tích trên 40 ha.
- Hệ thống cầu cảng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu thi công chế tạo và hạ thủy các cấu kiện dầu khí. Riêng tại Vũng Tàu có cầu cảng dài gần 1.000 mét được thiết kế 03 đường trượt chuyên dụng cho công tác thi công, hạ thủy các cấu kiện dầu khí lớn (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) với tải trọng phân phối trên khu vực mở trên 50 tấn/m².
- Hệ thống nhà xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc được đầu tư đồng bộ và hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000 m²), phân xưởng có mái che (22.000 m²), xưởng phun làm sạch (8.000 m²), xưởng sơn có mái che (3.500 m²)... Đặc biệt, năm 2024 vừa qua PTSC đã đầu tư 6 xưởng sơn mới (gần 6.800m²) với chiều cao tối đa lên đến gần 45m, được trang bị những thiết bị hiện đại với công nghệ tiên tiến nhất, sẵn sàng phục vụ công tác sơn chống ăn mòn cho các cấu kiện chân đế của các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cầu từ 50 - 550, 1.200 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đầu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển:

Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đầu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1.	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6 m, chiều rộng 31,7 m, chiều cao mạn 7,3 m, mớn nước 4,5m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.
2.	Sà lan 5.000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
3.	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Hệ thống Xưởng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa được đầu tư phương tiện trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị có hàm lượng kỹ thuật cao như máy nén khí (Gas Compressor), máy phát điện, van, thiết bị trao đổi nhiệt, thiết bị bình bồn công nghệ của các công trình dầu khí và các công trình công nghiệp trên bờ.

Cơ sở vật chất phục vụ các công tác khảo sát

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, địa vật lý, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1.	Tàu khảo sát địa chất Bình Minh	Tàu có hệ thống định vị động học DP1, chiều dài 61,0 m, chiều rộng 14,95 m, mớn nước 4,8 m, tổng dung tích 1624 GT; Tổng công suất máy chính 2x2753 = 5506 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống khoan khảo sát địa chất công trình trên biển và hệ thống tời 4 điểm neo.
2.	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Researcher	Chiều dài 50,3 m, chiều rộng 11,58 m, mớn nước 4,27 m, tổng dung tích 798 GT; Tổng công suất máy chính 2x1200 = 2400 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
		Tàu được trang bị hệ thống thiết bị khảo sát địa vật lý bao gồm khảo sát Analogue và địa chấn phân giải cao.
3.	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 1.000m.
4.	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass (02 thiết bị)	ROV Quasar Compact 007 và ROV II-30 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000 m-3.000 m. Trong đó, ROV II-30 vừa được đầu tư trong năm 2021, công suất 150HP thuộc loại mạnh và hiện đại nhất Việt Nam hiện nay.



2.5 TÂM NHÌN- SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm nhìn

Trở thành thương hiệu toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng, trọng tâm là dịch vụ kỹ thuật dầu khí và năng lượng tái tạo ngoài khơi.

Sứ mệnh

- Cung cấp giải pháp toàn diện và tối ưu, mang lại giá trị gia tăng vượt trội cho khách hàng và đối tác.
- Phát huy văn hóa doanh nghiệp đặc sắc PTSC, truyền cảm hứng sáng tạo và khơi dậy tiềm năng người lao động.
- Chủ động nắm bắt xu hướng chuyển dịch năng lượng, đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

Giá trị cốt lõi

- **Proactivity** (Chủ động): “Chúng tôi không chờ đợi tương lai, mà chủ động kiến tạo nó.”

Tinh thần chủ động giúp chúng tôi đón đầu cơ hội, vượt qua thách thức và luôn tiến về phía trước với kế hoạch rõ ràng.

- **Trust** (Tin cậy): “Niềm tin là nền tảng của mọi mối quan hệ.”

Chúng tôi tạo dựng uy tín và niềm tin dựa trên sự chính trực và thực thi cam kết.

- **Sustainability** (Bền vững): “Phát triển hôm nay, bảo vệ ngày mai.”

Chúng tôi cam kết xây dựng một tương lai bền vững bằng cách cân bằng lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

- **Collaboration** (Hợp tác): “Cùng nhau, chúng ta sẽ tạo ra những giá trị lớn hơn.”

Chúng tôi tin rằng hợp tác chặt chẽ, chia sẻ trách nhiệm và gắn kết sẽ đạt được thành công vượt trội.

2.6 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Quan điểm phát triển

Giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035

- Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín - nhà cung cấp giải pháp trọn gói hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng với trọng tâm là ngành dầu khí và Năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Gia tăng lợi ích, niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và người lao động, góp phần xây dựng, phát triển xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Tính chuyên nghiệp là tiêu chí hàng đầu quyết định sự thành công của thương hiệu PTSC. Tạo niềm tin cho cổ đông, khách hàng, đối tác để gia tăng sức mạnh, lợi thế cạnh tranh cho PTSC. Xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực lớn mạnh, đa dịch vụ đảm bảo phát triển ổn định, bền vững trong chuỗi giá trị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Luôn đổi mới, sáng tạo sẵn sàng chủ động hội nhập để chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045:

- Xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty dịch vụ kỹ thuật Dầu khí - Năng lượng, công nghiệp mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới, có đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Phần đầu trở thành 1 trong 3 đơn vị dịch vụ kỹ thuật Dầu khí - Năng lượng hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu tổng quát

- **Về dài hạn:** Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao là trụ cột cốt lõi và đồng thời phát triển các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài nước phù hợp với năng lực và thế mạnh riêng của Tổng công ty trong đó có lĩnh vực điện gió ngoài khơi.
- **Về trung và ngắn hạn:** Giữ vững và duy trì ổn định các hoạt động SXKD, xúc tiến các giải pháp dịch vụ trọn gói/chuỗi dịch vụ, kết hợp các mảng dịch vụ chính của PTSC, tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng. Tận dụng bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang còn khó khăn nhưng có dấu hiệu hồi phục để xây dựng, hoàn thiện các kịch bản và kế hoạch thu xếp vốn, củng cố năng lực tài chính lành mạnh của PTSC để tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, sẵn sàng đón nhận xu hướng tăng trưởng trong tương lai gần.

2.7 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 ĐỐI TÙNG LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Dịch vụ tàu chuyên ngành Dầu khí

- Duy trì ổn định hiệu quả hoạt động SXKD đội tàu dịch vụ PTSC và đội tàu thuê ngoài, trong đó lấy nguồn lực nội bộ đội tàu PTSC là chủ đạo.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư bổ sung đội tàu PTSC phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tài chính của PTSC để nhanh chóng nâng cao quy mô, chất lượng đội tàu PTSC. Tổ chức tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đội tàu và các trang thiết bị trên tàu nhằm đảm bảo phương tiện luôn trong tình trạng kỹ thuật tốt, đáp ứng thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.

Dịch vụ phương tiện nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí (FSO/FPSO/MOPU/ MOPSU/ FSRU/ FPU...)

- Quản lý và khai thác an toàn hiệu quả các kho nổi FPSO/FSO đang có Hợp đồng, đảm bảo thời gian làm việc liên tục, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng.
- Tăng cường công tác marketing, tiếp cận các khách hàng, đặc biệt theo dõi sát tiến trình khai thác các mỏ mới. Tích cực làm việc với các bên liên quan, chuẩn bị nguồn lực để tham gia thực hiện các dự án cung cấp FPSO/FSO.

Dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp

- Bám sát các dự án trọng điểm trong nước, tiếp cận hỗ trợ khách hàng/ chủ đầu tư từ những giai đoạn sớm để tăng cơ hội được chọn lựa làm nhà thầu EPC/EPCI. Tiếp tục đề xuất với các ban bộ chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước liên ngành

đề thúc đẩy việc ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ ngành dầu khí trong nước.

- Tập trung theo đuổi các khu vực thị trường tiềm năng, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác bản địa để gia tăng khả năng thâm nhập và cung cấp dịch vụ cho thị trường.

Dịch vụ căn cứ Cảng

- Tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả, tiếp tục phát huy các dịch vụ thế mạnh tại các căn cứ Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, Cảng DVĐK Tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1,2 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La, Cảng PTSC Đình Vũ, Cảng Nghi Sơn, Cảng Sơn Trà. Nghiên cứu, mở rộng và phát triển năng lực các dịch vụ hậu cần, dịch vụ hỗ trợ khác gắn liền với căn cứ cảng góp phần đa dạng hóa và nâng cao tỷ trọng doanh thu từ loại hình dịch vụ này.
- Nghiên cứu sắp xếp kho bãi, cầu cảng và đầu tư thiết bị phù hợp, đẩy mạnh việc marketing khả năng tiếp nhận tàu tại cảng hạ lưu PTSC tới 20.000 DWT, bãi chứa hàng hóa 3-5 ha cùng các phương tiện vận chuyển, cầu hạng nặng tới các khách hàng tiềm năng để cung cấp các dịch vụ trung chuyển hàng hóa, thiết bị, module từ nước ngoài về Việt Nam trước khi chuyên đi lắp đặt.
- Sắp xếp lại mặt bằng cụm Cảng hạ lưu PTSC tại Vũng Tàu khoa học, phù hợp để có thể triển khai đồng loạt các dự án lớn trong và ngoài ngành dầu khí, đặc biệt là các dự án điện gió ngoài khơi và tận dụng được tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị của các Đơn vị tại đây trong việc triển khai dự án, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Dịch vụ lắp đặt, đấu nối, vận hành, bảo dưỡng và tháo dỡ các công trình dầu khí

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực có sẵn duy trì thực hiện tốt các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí ngoài biển cũng như trên đất liền; hợp tác với các nhà thầu nước ngoài để thực hiện các dự án lắp đặt công trình dầu khí và công trình công nghiệp, công trình ngầm; đầu tư nâng cao năng lực phương tiện thiết bị, chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực và năng lực quản lý để tiến tới tự đảm nhận thực hiện trọn gói các dự án lắp đặt, đấu nối chạy thử, hoán cải, thu dọn mỏ cho các công trình dầu khí trên biển và đất liền.
- Đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là các nhân lực quản lý chủ chốt theo yêu cầu khắt khe trong các dự án bảo dưỡng tổng thể các nhà máy chế biến dầu khí lớn. Tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống nhà xưởng theo định hướng phát triển các dịch vụ chuyên sâu kỹ thuật cao để từng bước chiếm lĩnh thị phần.
- Đẩy mạnh số hóa trong công tác quản lý vận hành bảo dưỡng tại PTSC, tiến tới tích hợp các ứng dụng quản lý vận hành bảo dưỡng về một giải pháp duy nhất để nâng cao hiệu quả quản lý.

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm

- Giữ vững và phát triển thị phần cung cấp dịch vụ khảo sát trong nước. Tăng cường công tác marketing cung cấp dịch vụ ra nước ngoài và ngoài ngành; chủ động tìm kiếm cơ hội kinh doanh, nắm bắt kịp thời nhu cầu khảo sát của Công ty dầu khí tại thị trường Đông Nam Á, khu vực Trung Đông... Nghiên cứu hợp

tác với các đối tác có uy tín để phát triển các loại hình dịch vụ khảo sát mới, đặc biệt là các dịch vụ khảo sát phục vụ dự án phát triển năng lượng tái tạo.

- Nâng cao hơn nữa tính chủ động trong việc cung cấp dịch vụ, tăng tỷ trọng khối lượng công việc tự thực hiện để tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh trong việc đấu thầu cung cấp dịch vụ, tiến tới mục tiêu hoàn toàn tự thực hiện dịch vụ khảo sát biển cho khách hàng.

Đầu tư và kinh doanh lĩnh vực điện gió, năng lượng tái tạo ngoài khơi

- Nghiên cứu, bám sát các chính sách thúc đẩy chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, sạch, bền vững, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo của Chính phủ, đảm bảo phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia.
- Tăng cường tiếp cận và hợp tác với đối tác nước ngoài có uy tín để tham gia vào chuỗi cung ứng, đầu tư, triển khai các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực trên nguyên tắc phát huy tối đa sức mạnh tổng thể của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thế mạnh chuỗi dịch vụ của PTSC, thu về tối đa nguồn công việc cho PTSC cả trong giai đoạn đầu tư và vận hành khai thác.

Phát triển dịch vụ ra nước ngoài

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ cung cấp tàu chuyên ngành dầu khí, dịch vụ cơ khí dầu khí, dịch vụ kho nổi FSO/FPSO, dịch vụ khảo sát ra nước ngoài, đặc biệt tập trung vào khu vực chông lán giữa Việt Nam, các nước trong khu vực, các nước Trung Đông và các quốc gia Việt Nam có mối quan hệ tốt.
- Xây dựng và phát triển mạng lưới các Nhà cung cấp bản địa tại các thị trường nước ngoài thông qua nhiều hình thức như liên danh, liên kết để tối đa nội địa hóa (local content) cho các gói thầu/dịch vụ của PTSC, đáp ứng các yêu cầu bảo hộ ngày càng khắt khe của các nước bản địa
- Thành lập thêm các đơn vị của PTSC tại các nước trong khu vực tùy theo quy mô dịch vụ PTSC đang cung cấp cũng như các cơ hội kinh doanh phù hợp tại các thị trường tiềm năng.



III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1.1 ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Bối cảnh thực hiện

Năm 2024, kinh tế vĩ mô và thị trường quốc tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và biến động phức tạp. Xung đột giữa Nga và Ukraine vẫn kéo dài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung năng lượng và lương thực toàn cầu. Bên cạnh đó, căng thẳng leo thang giữa Israel và Hamas tại Trung Đông đã làm trầm trọng thêm tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới, gia tăng áp lực lên thương mại và đầu tư quốc tế. Biến đổi khí hậu và chi phí năng lượng tăng cao cũng đặt ra những thách thức đáng kể cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trong nước, việc đầu tư vào các dự án thăm dò, khai thác và gia tăng trữ lượng dầu khí tiếp tục gặp nhiều trở ngại. Mặc dù vậy, đến cuối năm 2024, chuỗi dự án khí điện Lô B - Ô Môn đã bắt đầu được triển khai, mang lại kỳ vọng tích cực về nguồn cung năng lượng ổn định cho nền kinh tế. Ngoài ra, giá xăng dầu, nguyên vật liệu và chi phí vận tải vẫn biến động mạnh, tiếp tục ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực SXKD, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp dịch vụ kỹ thuật như PTSC, đặt ra yêu cầu cho PTSC cần thích ứng linh hoạt và đổi mới để phát triển.

Đánh giá kết quả thực hiện

Trong bối cảnh đó, PTSC đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động SXKD, tập trung tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế. Nhiều phương tiện và thiết bị đã được tổ chức đưa đi làm việc tại nước ngoài, mang lại hiệu quả cao. Đồng thời, PTSC cũng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cơ khí năng lượng tái tạo ngoài khơi hiện tại, tăng cường tham gia đấu thầu các dự án mới nhằm đảm bảo nguồn công việc ổn định trong tương lai. Đặc biệt, sau khi được trao thầu, PTSC đã nhanh chóng tập trung nguồn lực để triển khai các gói thầu Dự án Lô B đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Các hoạt động SXKD của PTSC tiếp tục được tổ chức an toàn, hiệu quả, góp phần hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2024, mang lại nền tảng vững chắc để phát triển trong các năm tiếp theo.

1.2 ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU DOANH THU, LỢI NHUẬN

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đạt % (so với KH năm)	Đạt % (so với năm trước)
1.	Doanh thu hợp nhất	21.742	15.500	24.986	161,2%	114,9%
2.	Lợi nhuận trước thuế	1.277	858	1.553	181,0%	121,6%
3.	Lợi nhuận sau thuế	1.060	660	1.255	190,1%	118,4%
4.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	843	600	1.318	219,7%	156,3%

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ-PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đạt % (so với KH năm)	Đạt % (so với năm trước)
1.	Vốn điều lệ	4.780	4.780	4.780	100,0%	100,0%
2.	Doanh thu	11.334	7.000	13.236	189,1%	116,8%
3.	Lợi nhuận trước thuế	1.287	660	1.672	253,3%	129,9%
4.	Lợi nhuận sau thuế	1.123	465	1.455	312,8%	129,5%
5.	Tỷ suất LNST/VĐL	23,50%	9,73%	30,43%	312,8%	129,5%
6.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	513	330	626	189,7%	122,1%
7.	Thực hiện đầu tư	416	1.823	627	34,4%	150,8%

Đánh giá chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

Năm 2024, PTSC tiếp tục tận dụng các cơ hội từ xu hướng chuyển dịch năng lượng để mở rộng danh mục dịch vụ cung cấp, tham gia sâu hơn vào các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và đẩy mạnh hoạt động tại thị trường quốc tế. Tổng công ty đã mở rộng cung cấp dịch vụ tại các khu vực trọng điểm như Trung Đông, Ấn Độ, Đài Loan, Malaysia..., qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh. Doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2024 là **24.986 tỷ đồng**, đạt 161% kế hoạch năm 2024, tăng 15% so với thực hiện năm 2023. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2024 là **1.553 tỷ đồng**, đạt 181% kế hoạch năm 2024, tăng 22% so với thực hiện năm 2023. Tỷ trọng doanh thu cung

cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2024 đạt **trên 50%**, tiếp tục đóng góp lớn trong cơ cấu doanh thu của PTSC.

Những thành tựu đạt được trong năm qua là minh chứng rõ nét cho tầm nhìn chiến lược và sự nỗ lực bền bỉ của Ban Lãnh đạo cùng tập thể người lao động PTSC. Tổng công ty đã quyết liệt triển khai các biện pháp quản lý, tái cấu trúc mạnh mẽ để thúc đẩy kinh doanh, tối ưu hiệu quả hoạt động, kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm tối đa chi phí. Những nỗ lực này không chỉ giúp PTSC ứng phó linh hoạt với biến động thị trường mà còn đảm bảo duy trì ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động SXKD.

1.3 ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CỐT LÕI

Dịch vụ Cung ứng Tàu chuyên dụng

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.596 tỷ đồng, đạt 185% Kế hoạch năm 2024, tăng 30% so với thực hiện năm 2023.

Trong năm 2024, PTSC tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh phát triển thị trường ngoài nước và đã tổ chức đưa nhiều lượt tàu dịch vụ đi làm việc ở nước ngoài (Trung Đông, Ấn Độ, Đài Loan, Malaysia...), chủ động tiếp cận thị trường các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi để kịp thời tham gia cung cấp tàu dịch vụ.

PTSC đã thực hiện hiệu quả việc cung cấp tàu dịch vụ trực sự cố tràn dầu, trực an ninh, an toàn, PCCC, lai dắt cho NMLD Dung Quất, Nhà máy LHD Nghi Sơn đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.

Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.792 tỷ đồng, đạt 140% Kế hoạch năm 2024, tăng 7% so với thực hiện năm 2023.

PTSC và các đối tác đồng sở hữu đã thực hiện tốt dịch vụ cung cấp cho thuê FSO/FPSO đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng (FPSO PTSC Lam Sơn cho Lô 01/97&02/97, FPSO Ruby II cho Lô 01/17&02/17, FSO PTSC Biển Đông 1 cho Mỏ Hải Thạch Mộc Tinh, FSO Orkid cho Vùng chồng lấn PM3-CAA Malaysia, FSO Rong Doi MV12 cho Mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây, FSO Golden Star cho Mỏ Sao Vàng Đại - Nguyệt). Trong đó, PTSC đảm nhận toàn bộ phần việc O&M cho một số dự án, tỷ lệ khai thác liên tục đạt gần 100% và cao hơn quy định của hợp đồng. Duy trì cung cấp, quản lý, khai thác, vận hành an toàn kho nổi LPG lạnh Viet Dragon 68 đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng. Những thành tựu này khẳng định năng lực vượt trội của PTSC trong lĩnh vực cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác tàu chứa FSO/FPSO.

Đặc biệt ngày 01/12/2024, PTSC đã được Chủ đầu tư Murphy Cuu Long Bac Oil Co., Ltd tin tưởng trao Hợp đồng cung cấp FSO cho Dự án Lạc Đà Vàng, với sức chứa thiết kế 500.000 thùng dầu thô, dự kiến được đưa vào vận hành vào nửa cuối năm 2026.

Đối với dịch vụ cung cấp nhân lực, PTSC tiếp tục cung cấp các nhân sự thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, vận hành và bảo dưỡng FPSO/FSO cho các khách hàng đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 17.227 tỷ đồng, đạt 215% Kế hoạch năm 2024, tăng 49% so với thực hiện năm 2023. Trong đó, doanh thu các dự án cơ khí dầu khí là 9.998 tỷ đồng, doanh thu các dự án xây lắp công nghiệp là 1.312 tỷ đồng và doanh thu các dự án cơ khí năng lượng tái tạo là 5.917 tỷ đồng.

Dịch vụ cơ khí dầu khí: Trong năm, PTSC đã thực hiện an toàn, hiệu quả các dự án cơ khí dầu khí lớn, cơ bản hoàn thành Dự án Gallaf Batch 3 EPCI5 (Tổng khối lượng 19.300 MT). Đồng thời, PTSC tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các hạng mục công việc của Dự án Lô B (Gói EPCI#1: bắt đầu thi công cho Chân đế giàn công nghệ trung tâm CPP vào ngày 18/09/2024, Chân đế giàn nhà ở ngày 01/11/2024 và Khối thượng tầng giàn công nghệ trung tâm CPP ngày 01/12/2024; Gói EPCI#2: bắt đầu thi công 4 chân đế và 4 khối thượng tầng giàn đầu giếng và các giàn thu gom vào ngày 18/09/2024; Gói SWEPC), Dự án Lạc Đà Vàng (Dự án đã tổ chức lễ khởi công ngày 16/10/2024).

Dịch vụ xây lắp công nghiệp: PTSC đã tập trung nguồn lực, tổ chức thực hiện tốt, an toàn, hiệu quả, đảm bảo chất lượng và tiến độ Dự án Hệ thống cung cấp nhiên liệu tàu bay – Cảng HKQT Long Thành.

Dịch vụ cơ khí năng lượng tái tạo: Trong năm 2024, PTSC đã cơ bản hoàn thành các công việc của Dự án Hải Long OSS (gồm 2 trạm biến áp ngoài khơi HL2 OSS và HL3 OSS với tổng khối lượng 20.534 MT) và Dự án chế tạo và cung cấp chân đế điện gió ngoài khơi Đài Loan - CHW2204 (ngày 01/12/2024 đã hạ thủy và bàn giao lô 4 chân đế đầu tiên cho Khách hàng. Đây là một cột mốc lịch sử, không chỉ đối với PTSC mà còn cho cả ngành công nghiệp năng lượng tái tạo của Việt Nam qua đó khẳng định năng lực của PTSC trong việc tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ đối tác quốc tế). Tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện an toàn, hiệu quả Dự án Baltica 02 (ngày 27/11/2024 Dự án đã tổ chức lễ khởi công và bắt đầu thực hiện giai đoạn thi công, chế tạo). Đặc biệt, sau Dự án CHW2204, vừa qua PTSC đã tiếp tục trúng thầu Dự án cung cấp chân đế trụ điện gió ngoài khơi mới quy mô lớn hàng trăm triệu USD cho khách hàng quốc tế tại thị trường Châu Á - Thái Bình Dương. Việc thắng thầu khẳng định tầm cao mới của thương hiệu PTSC với vị thế nhà cung cấp dịch vụ NLTTNK uy tín, chất lượng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Dịch vụ Căn cứ Cảng Dầu khí

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.156 tỷ đồng, đạt 144% Kế hoạch năm 2024, tăng 28% so với thực hiện năm 2023.

Trong năm 2024, hoạt động SXKD tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu tiếp tục được tổ hiệu quả, đảm bảo cung ứng đầy đủ phương tiện/ thiết bị, đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ nâng hạ, vận chuyển hàng hóa cho khách hàng tại cảng, đồng thời tích cực mở rộng cung cấp các dịch vụ ra thị trường bên ngoài để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

Các hoạt động SXKD tại các cảng tổng hợp của Tổng công ty PTSC gồm Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Cảng Hòn La, Bến số 1 Cảng Dung Quất, Cảng Nghi Sơn được duy trì ổn định.

Hoạt động của Cảng Đình Vũ vẫn tiếp tục khó khăn do phải chia sẻ thị phần với một số cảng mới hình thành trong khu vực tạo nên cạnh tranh khốc liệt về giá dịch vụ.

Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí:

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 3.016 tỷ đồng, đạt 163% Kế hoạch năm 2024, tăng 51% so với thực hiện năm 2023. Doanh thu lĩnh vực này tăng mạnh do PTSC tích cực tham gia chào thầu và thực hiện nhiều dự án cho các Khách hàng tại khu vực Trung Đông, Thái Lan, Malaysia, ...

Trong năm 2024, PTSC đã hoàn thành một số dự án như Dự án Gallaf 3 phase B1, Dự án tháo tách FPSO MV19, Dự án HL-D1 Hai Long Offshore và tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện các dự án: Dự án Offshore Brownfield GLF3 CPP phase A2, Dự án GLF3 Phase B2 Execution, Dự án PS3-Brownfield Constructability Study. Bên cạnh đó, PTSC cũng đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai Dự án Lạc Da Vàng Pipeline Project.

Các sà lan vận chuyển (PTSC 01), sà lan nhà ở (POS1) trong năm được huy động cho Khách hàng nước ngoài thuê với hiệu suất khai thác cao góp phần tăng hiệu quả hoạt động SXKD.

Bên cạnh đó, PTSC tiếp tục cung cấp an toàn, hiệu quả các hợp đồng bảo dưỡng, cung cấp nhân lực dài hạn/ngắn hạn cho các công trình dầu khí/các Khách hàng.

Dịch vụ Khảo sát Địa chấn Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình ngầm bằng ROV

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2024 là 525 tỷ đồng, đạt 150% Kế hoạch năm 2024, tăng 15% so với thực hiện năm 2023.

Trong năm, PTSC đã tổ chức thực hiện tốt các công việc, hợp đồng, dự án khảo sát địa chất, địa vật lý và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV như: Dự án khảo sát ĐCCT phục vụ dự án xây cầu Bataan – Cavite Interlink ngoài khơi Philippines; các dự án khảo sát ĐVL & ĐCCT cho Khách hàng; các dự án khảo sát và sửa chữa điểm treo ống STV-RĐ-BH-LH, TGT-BH, RP3-RC1, TU-SV & NCS2; ... Đặc biệt, trong năm 2024, PTSC đã thành công cung cấp hai ROV cho khách hàng tại khu vực Trung Đông. Các thiết bị này đã được huy động trong thời gian dài, đáp ứng tốt yêu cầu kỹ thuật và tiến độ của dự án, qua đó thể hiện năng lực cung cấp dịch vụ chất lượng cao của PTSC,

đồng thời góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động SXKD và khẳng định vị thế của PTSC trong việc cung cấp dịch vụ cho thị trường quốc tế.

PTSC tiếp tục tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả Tàu PTSC Researcher, Tàu Bình Minh và các thiết bị ROV phục vụ các hoạt động khảo sát địa chất và khảo sát sửa chữa công trình ngầm cho các Khách hàng.

Bên cạnh đó, PTSC đang tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan để hoàn thành giải thể Liên doanh PTSC CGGV.

1.6 ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Công tác đầu tư của Công ty mẹ - PTSC

Công ty mẹ PTSC đã tập trung nguồn lực triển khai tốt các hạng mục trong kế hoạch đầu tư năm 2024 được phê duyệt. Một số dự án đầu tư quan trọng đã được Công ty mẹ triển khai như sau:

- Hoàn thành đầu tư 01 tàu dịch vụ dầu khí.
- Tiếp tục tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản như: dự án Bến số 3 - cảng tổng hợp Dung Quất; Nhà văn phòng dự án...
- Triển khai đầu tư các phương tiện thiết bị phục vụ thi công dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và dầu khí.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2024 của Công ty mẹ PTSC là 627 tỷ đồng, đạt 34,4% kế hoạch năm. Tuy kết quả đầu tư thực hiện trong năm 2024 còn thấp so với kế hoạch năm nhưng công tác đầu tư năm 2024 của PTSC đã có nhiều bước đột phá lớn với kết quả thực hiện cao hơn nhiều so với những năm gần đây, tăng gần 51% so với thực hiện năm 2023.

Công tác đầu tư của các Công ty con – PTSC

Công tác đầu tư của các Công ty con – PTSC tiếp tục được chú trọng với tổng giá trị đầu tư thực hiện đạt hơn 294 tỷ đồng, bằng 77% so với năm 2023. Nhiều hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị, phần mềm được hoàn thành đầu tư và có tác dụng hỗ trợ tích cực cho các hoạt động SXKD của các Đơn vị trong năm.

1.7 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2025
1.	Doanh thu hợp nhất	22.500
2.	Lợi nhuận trước thuế	1.000
3.	Lợi nhuận sau thuế	780
4.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	720

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ - PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2025
1.	Vốn điều lệ	5.114
2.	Doanh thu	11.000
3.	Lợi nhuận trước thuế	850
4.	Lợi nhuận sau thuế	680
5.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	400
6.	Thực hiện đầu tư	2.509

1.8 ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ST T	Các chỉ tiêu	ĐVT	2023	2024
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.80	1.71
	+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1.64	1.58
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.49	0.57
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.95	1.31
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	14.32	13.76
	+ Vòng quay Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	Lần	0.91	0.64
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	4,46%	6,48%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu.	%	7,83%	8,51%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.	%	4,01%	3,68%
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,10%	4,91%

Hiệu quả sinh lời và thanh khoản

Các chỉ tiêu sinh lời tăng trưởng cho thấy hoạt động SXKD của PTSC đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với trước đây. Các chỉ tiêu thanh khoản ngắn hạn cũng tăng, không chỉ đảm bảo vượt mức an toàn theo quy định tài chính nội bộ của PTSC mà còn đáp ứng các chuẩn mực chung về quản trị tài chính. Điều này thể hiện khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tốt, giảm rủi ro mất cân đối tài chính.

Cơ cấu vốn lành mạnh

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng tài sản duy trì ở mức thấp. Điều này chứng tỏ PTSC chủ yếu sử dụng nguồn vốn từ vốn chủ sở hữu, hạn chế phụ thuộc vào vốn vay, vì vậy PTSC không chịu nhiều áp lực tài chính, giảm thiểu rủi ro từ lãi vay hay biến động thị trường vốn.

Hiệu quả hoạt động

Việc duy trì cơ cấu vốn hợp lý kết hợp với hiệu quả sinh lời tích cực phản ánh PTSC hoạt động ổn định, có năng lực tài chính vững chắc, có nền tảng tài chính lành mạnh và bền vững.

Đánh giá chung về tình hình tài chính:

Sự tăng trưởng của các chỉ tiêu sinh lời cùng với việc cải thiện thanh khoản ngắn hạn không chỉ giúp PTSC vượt mức an toàn theo quy chế tài chính nội bộ mà còn đáp ứng các tiêu chuẩn chung về quản trị tài chính. Đặc biệt, với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng tài sản luôn duy trì ở mức thấp cho thấy sự chủ động về nguồn vốn, ít phụ thuộc vào nợ vay, giảm áp lực tài chính. Điều này không chỉ phản ánh hiệu quả hoạt động SXKD của PTSC mà còn khẳng định tình hình tài chính lành mạnh và bền vững.

Các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể năm 2025

1. Tối đa các nguồn lực mạnh nhất của PTSC nhằm phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới để phát huy thế mạnh chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC, nằm trong chuỗi liên kết của PVN. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi đảm bảo lợi thế cạnh tranh của PTSC cho các khách hàng ngoài ngành, ngoài nước. Tích cực tham gia đấu thầu, xây dựng giải pháp kết nối hệ thống chuyên nghiệp, xúc tiến thương mại, thiết lập mối quan hệ hợp tác liên danh, liên kết phù hợp với thế mạnh của PTSC.
2. Tập trung triển khai các phương thức quản trị: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái, quản trị dựa trên nền tảng số,...; Quán triệt phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển hiện đại.
3. Tập trung kiểm soát chi phí một cách có hiệu quả, đặc biệt các trung tâm chi phí lớn; giảm thiểu những thiệt hại do tác động của thị trường...

4. Đẩy mạnh công tác đầu tư, song song củng cố hệ thống quản trị danh mục đầu tư; quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt; đầu tư có trọng điểm tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ cốt lõi. Rà soát đầu tư và đánh giá kỹ nhu cầu thị trường khách hàng; bám sát thực tế bảo đảm hiệu quả và khả năng thực hiện. Đẩy mạnh triển khai quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm đón đầu dịch vụ mới. Tập trung thực hiện quyết toán các dự án đã hoàn thành theo đúng thời hạn quy định.
5. Đẩy mạnh nghiên cứu, tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo (điện gió, thủy triều...) khu vực ngoài khơi và tham gia thi công, thực hiện các dự án công trình năng lượng tái tạo phù hợp với năng lực, kinh nghiệm hiện có. Nghiên cứu hợp tác với các nhà đầu tư tiềm năng xây dựng chuỗi cung ứng (supply chain) cho các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực.
6. Tiếp tục Tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC hướng đến mục tiêu giảm cấp trung gian, tập trung vào hiệu quả, đúng người đúng việc đúng thu nhập, tạo động lực, năng lượng mới để phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới cả trong và ngoài nước.
7. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của PTSC.
8. Triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến phát huy sáng kiến trong sản xuất. Nâng cấp, mở rộng khai thác hiệu quả phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành SXKD. Thực hiện chuyển đổi số và đầu tư hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN.
9. Duy trì công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của PTSC đầu tư tại doanh nghiệp khác. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ và hỗ trợ kịp thời các đơn vị gặp khó khăn, xử lý những tồn tại vướng mắc trong hoạt động SXKD. Tiếp tục xử lý các khoản nợ tồn đọng, quá hạn; Cân đối dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán và gia tăng hiệu quả trong hoạt động SXKD.
10. Duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường. Tổ chức triển khai thường xuyên công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, đảm bảo môi trường lao động. Tuyên truyền giáo dục công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh
11. Triển khai công tác An sinh xã hội, truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời gắn liền với quảng bá các lĩnh vực dịch vụ và thương hiệu của PTSC. Duy trì và bảo đảm sự phát triển bền vững của đơn vị, gắn hoạt động SXKD với bảo vệ chủ quyền an ninh Quốc gia, bảo vệ môi trường.

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2024, tình hình thế giới có dấu hiệu phục hồi và cải thiện so với các dự báo trước đó, song vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và bất định. Căng thẳng địa chính trị tiếp tục leo thang, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm về dầu khí như Biển Đỏ, Nga – Ukraine và Dải Gaza. Xung đột kéo dài khiến giá hàng hóa, nhiên liệu, nguyên liệu đầu vào và chi phí vận tải tăng cao, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gia tăng áp lực lên chi phí sản xuất. Tình hình trong nước, ngành dầu khí Việt Nam đối diện nhiều thách thức do xu hướng chuyển dịch sang năng lượng tái tạo. Các lĩnh vực dịch vụ truyền thống của Tổng công ty PTSC, bao gồm dịch vụ tàu, cảng – căn cứ hậu cần, cơ khí, O&M các công trình dầu khí... tiếp tục gặp khó khăn với khối lượng công việc sụt giảm đáng kể.

Trước bối cảnh thị trường đầy thách thức, HĐQT cùng Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt, xây dựng Chương trình hành động linh hoạt, triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó với biến động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ. Nhờ đó, PTSC từng bước vượt qua khó khăn và hướng đến việc hoàn thành các mục tiêu theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ đề ra.

Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động tuân thủ chặt chẽ Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng luôn bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền nhằm hỗ trợ công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Tổng công ty.

Mọi thành viên HĐQT đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ, phát huy vai trò lãnh đạo và chủ động tìm kiếm cơ hội đóng góp vào sự phát triển của PTSC. Thành viên độc lập HĐQT thực hiện nhiệm vụ với sự tận tâm, cam kết cao, đảm bảo quyền lợi của cổ đông thiểu số, đồng thời xem xét kỹ lưỡng các vấn đề thuộc thẩm quyền để đưa ra quyết định tối ưu.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2024

Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc lãnh đạo tập thể, thể hiện qua các nghị quyết, quyết định và văn bản chính thức. Mỗi thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân đối với phần việc được phân công và đồng thời cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐC cũng như trước pháp luật về các quyết định của HĐQT liên quan đến sự phát triển của PTSC. HĐQT giao nhiệm vụ cho TGD tổ chức và điều hành việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Các hoạt động nổi bật của HĐQT trong năm 2024

HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thành công phiên Họp ĐHĐCĐ bất thường và thường niên với sự thống nhất cao của Cổ đông và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết số 50/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2024 và 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2024 của ĐHĐCĐ giao, với kết quả như sau:

- Hoàn thành Kế hoạch tài chính năm 2024 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ giao;

- Tổng công ty đã ký kết Hợp đồng và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 với Công ty TNHH PwC (Việt Nam), tuân thủ Quy định hiện hành;
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho Cổ đông, thực hiện chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, tuân thủ quy định;
- Hoàn thành Phương án sáp nhập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC vào Tổng công ty PTSC, và công bố thông tin về việc thành lập Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC.
- Tình hình triển khai Hợp đồng Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc (EPCI#1) với Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc được ĐHQĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 50/NQ-PTSC-ĐHQĐ như nêu sau đây.
 - + Tiến độ tổng thể của Dự án EPCI#1 tính đến hết tháng 01/2025 đã hoàn thành 15,76% (vượt 0,59% so với Kế hoạch);
 - + Dự án đã đạt được mốc 1.336.125 giờ an toàn (tính đến ngày 31/01/2025) và không xảy ra bất kỳ sự cố nào;
 - + Liên danh nhà thầu McDermott và PTSC tiếp tục thực hiện Dự án theo quy định của Hợp đồng và cập nhật, báo cáo kết quả thực hiện tại các phiên Họp thường niên.

Các cuộc họp của HĐQT, nội dung, kết quả các cuộc họp:

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp, triển khai Chương trình giám sát năm 2024 của HĐQT đối với 03 Đơn vị là Công ty PTSC M&C, Công ty PV Shipyard, Công ty PTSC Thanh Hóa và 77 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản để thống nhất, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT, Phiếu lấy ý kiến	Lý do
1	Ông Phan Thanh Tùng	CT.HĐQT/ TV.HĐQT	81/82	Là Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) tại PTSC, không tham gia biểu quyết đối với 01 Nội dung lấy ý kiến về các Hợp đồng, Giao dịch với Người có liên quan (NCLQ) của Tập đoàn.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT, Phiếu lấy ý kiến	Lý do
2	Ông Lê Mạnh Cường	TV.HĐQT	81/82	Đi công tác.
3	Ông Nguyễn Xuân Ngọc	TV. HĐQT	82/82	
4	Ông Đỗ Quốc Hoan	TV. HĐQT	82/82	
5	Ông Trần Ngọc Chương	TV. HĐQT	82/82	
6	Ông Hoàng Xuân Quốc	TV độc lập HĐQT	80/82	Đi công tác.
7	Ông Đoàn Minh Mẫn	TV độc lập HĐQT	81/82	Đi công tác.

Các quyết định của HĐQT phù hợp quy định và thực tế tình hình SXKD, Chiến lược phát triển của Tổng công ty, định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành, phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động. Tổng cộng 320 văn bản trong đó có 140 Nghị quyết, Quyết định và 180 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

Công tác đào tạo

Các Thành viên HĐQT của Tổng công ty tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo về quản trị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan liên quan tổ chức, đảm bảo đúng thành phần theo quy định. Trong năm 2024, HĐQT đã tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu như "Bồi dưỡng kiến thức Cải tiến, Quản lý tinh gọn", "Xây dựng và Quản trị chiến lược", cùng các buổi tọa đàm chuyên đề về "Kinh tế vĩ mô và Tài chính tiền tệ" được tổ chức định kỳ hàng quý bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Đánh giá hoạt động của các Thành viên HĐQT

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành trách nhiệm chung trong các hoạt động của HĐQT, các Thành viên HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ với kết quả cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quy định hiện hành trong việc chỉ đạo thực hiện Chương trình, Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm; chỉ đạo tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ bất thường và thường niên 2024; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp, thảo luận, làm việc trực tiếp, trực tuyến theo các chuyên đề, dự án, công việc quan trọng và những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT; chỉ đạo nâng cao công tác quản trị biến động, quản trị rủi ro, đặc biệt những tác động tới thị trường năng lượng toàn cầu, tình trạng

khủng hoảng thị trường vốn, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá, xung đột địa chính trị,... để có các định hướng, giải pháp trong công tác quản trị, điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty, Đơn vị; chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT được giao phụ trách các lĩnh vực SXKD, giám sát các Đơn vị đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công tác quản trị, điều hành Tổng công ty; triển khai kế hoạch SXKD, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2024.
- Các Thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ chung; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác cải tiến hệ thống quản lý, công tác giao dịch, quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan; phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan theo quy định.
- Thành viên độc lập HĐQT cùng với các Thành viên trong HĐQT đã tích cực thảo luận, đưa ý kiến trong quá trình xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT Tổng công ty trong năm 2024, công tác quản trị rủi ro, phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan, giao dịch liên kết theo quy định.
- Các Thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản trị do UBCKNN, Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN và các cơ quan liên quan tổ chức, đầy đủ và đúng thành phần quy định.

2.2 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT biểu dương, đánh giá rất cao sự nỗ lực thay đổi, thích nghi với khó khăn, thách thức, chuyển đổi linh hoạt, đoàn kết, quyết tâm, chung sức, chung lòng của Ban Điều hành, Tập thể Lãnh đạo Tổng công ty trong bối cảnh toàn thị trường trong và ngoài nước rất khó khăn, với kết quả đạt được như sau:

- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt.
- Chỉ đạo, điều hành đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tế tiến diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các Dự án, Đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng công ty.

- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.
- Duy trì tốt phong trào sáng kiến cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số vào trong quản lý, SXKD; hoàn tất xây dựng Chiến lược Chuyển đổi số của Tổng công ty; triển khai thực hiện Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty đã đề ra, khẳng định được vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty mẹ đối với toàn tổ hợp.
- Thực hiện công tác an sinh xã hội trong năm 2024 là **34,07 tỷ đồng**

2.3 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục phục hồi nhưng không đồng đều, chịu tác động mạnh từ căng thẳng thương mại, địa chính trị và xung đột quân sự. Đặc biệt, chính sách “Nước Mỹ trên hết” có thể ảnh hưởng sâu rộng đến thương mại toàn cầu và chuỗi cung ứng tại khu vực châu Á. Tuy nhiên, trong bối cảnh đầy thách thức này, Việt Nam vẫn có cơ hội tận dụng lợi thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và đẩy mạnh hội nhập kinh tế. Đây cũng là năm bản lề để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho sự bứt phá, hướng đến mục tiêu tăng trưởng 8% mà Chính phủ đã đề ra. Nhằm đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu năm 2025, HĐQT Tổng công ty xác định các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chiến lược như sau:

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, thực hiện thành công, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2024, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Tổng công ty, tạo nền tảng vững chắc để phát triển Tổng công ty bền vững.
2. Tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC hướng đến mục tiêu giảm cấp trung gian, đúng người đúng việc, đúng thu nhập, tạo động lực, năng lượng mới để phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới cả trong và ngoài nước. Tối ưu hóa nguồn lực, tập trung vào hiệu quả SXKD và nâng cao năng suất lao động.
3. Đẩy mạnh nghiên cứu tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và thực hiện các dự án công trình năng lượng tái tạo ngoài khơi, phát triển năng lực để làm mất xích quan trọng trong chuỗi cung ứng về năng lượng tái tạo ngoài khơi (supply chain) toàn cầu; tham gia trong quá trình chuyên dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch; đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu, tìm thêm công việc, dự án, và quản lý thực hiện công việc thành công,

hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành, không ngừng nâng cấp Hệ thống quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định và phát triển doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.

4. Thực hiện tốt công tác pháp chế, pháp lý bao gồm không giới hạn việc cập nhật, lưu trữ, thông tin, sử dụng, đào tạo, áp dụng. Trên cơ sở đó, đảm bảo toàn bộ các công việc, hoạt động của Tổng công ty tuân thủ, phù hợp Quy định hiện hành; phối hợp, xử lý, thực hiện tốt công tác thanh - kiểm tra, kiểm toán, giám sát, kiểm soát; xử lý tốt, hài hòa tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bất đồng kinh tế, dân sự (nếu có).
5. Thực hiện tốt công tác tài chính, kế toán, thanh toán, thu hồi nợ, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty.
6. Đẩy mạnh tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch; đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu, tìm thêm công việc, dự án, và quản lý thực hiện công việc thành công, hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành, không ngừng nâng cấp Hệ thống quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định và phát triển doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.
7. Chỉ đạo, giám sát thực hiện các Dự án, công việc, hoạt động đã, đang, sẽ thực hiện đảm bảo an toàn tuyệt đối, bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng, tiến độ, hiệu quả, các Dự án, công việc thành công, đạt mức cao nhất; trên cơ sở đó, thực hiện thành công, cao nhất Kế hoạch SXKD Năm 2025, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt.
8. Đẩy mạnh triển khai, áp dụng hệ thống, tổng hợp các giải pháp, liên tục cải tiến, nâng cấp, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh; xây dựng và cải tiến, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong công việc, các hoạt động, quản trị rủi ro doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, quản lý tiên tiến, hiện đại vào các lĩnh vực hoạt động.
9. Thực hiện tốt, phù hợp Quy định hiện hành về chế độ, chính sách, chăm sóc, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với Người lao động, quyền và lợi ích của các Cổ đông, Chủ sở hữu Tổng công ty. đồng thời, phối hợp thực hiện tốt công tác của các Tổ chức đoàn thể, chính trị-xã hội, công tác thi đua và phát huy hiệu quả vào các hoạt động của tổ chức.
10. Tăng cường, quản lý tốt công tác đầu tư, chỉ đầu tư khi chứng minh đảm bảo hiệu quả, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.

3. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, nhà đầu tư cũng như đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty PTSC, BKS đã chủ động triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát theo đúng nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2024. Toàn bộ hoạt động của BKS được thực hiện nghiêm túc, bám sát tiến độ, tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và tạo nền tảng phát triển bền vững cho Tổng công ty.

3.1 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS đã nghiêm túc thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty. Triển khai đầy đủ các nội dung theo kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được ĐHCĐ thông qua.

Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên/trực thuộc để giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư của Tổng công ty và tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, TGD trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Kiểm soát viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PTSC.

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp. Tất cả các cuộc họp đều đạt chất lượng, 100% thành viên tham dự cuộc họp thống nhất thông qua các nội dung chủ yếu về các mặt hoạt động của BKS.

3.2 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Tổng công ty PTSC đã được triển khai theo đúng các Quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ Tổng công ty. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính, việc sử dụng khai thác đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực thông qua kết quả kinh doanh trong năm của Tổng công ty.

Công ty mẹ - PTSC đã thực hiện các công tác chuẩn bị và triển khai thủ tục đầu tư các Dự án theo đúng kế hoạch đầu tư được phê duyệt. Kết quả thực hiện đầu tư trong năm 2024 là 627 tỷ đồng, đạt 34,39% kế hoạch năm. Mặc dù chưa đạt kế hoạch như kỳ vọng đề ra nhưng công tác đầu tư đã có sự tăng trưởng đột phá so với các năm gần đây, tăng 50,72% so với thực hiện năm 2023

Kết quả giám sát công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Tính đến 31/12/2024, tổng số vốn Tổng công ty PTSC thực hiện đầu tư vào các doanh nghiệp là 4.780 tỷ đồng. Trong đó đầu tư vào các công ty con là 3.174 tỷ đồng, các công ty liên doanh liên kết là 1.603 tỷ đồng, đầu tư dài hạn khác là 3 tỷ đồng. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính là 908,24 tỷ đồng.

Hầu hết các Công ty con đều duy trì hoạt động SXKD ổn định, không có đơn vị lỗ. Các Công ty liên doanh, liên kết liên quan FSO, FPSO vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Tổng công ty PTSC. Giá trị cổ tức, lợi

nhuận được chia về Công ty mẹ - PTSC ghi nhận trong năm 2024 là 1.547,41 tỷ đồng, bằng 32,37% giá trị các khoản đầu tư, trong đó:

- Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty con là 330,71 tỷ đồng, bằng 10,42% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con;
- Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty liên doanh, liên kết là 1.216,70 tỷ đồng, bằng 75,90% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

Tình hình triển khai, thực hiện công tác tái cấu trúc trong năm 2024 như sau:

- Đang triển khai giải thể Công ty PTSC Ca Rong Do Ltd theo Nghị quyết số 7283/NQ-DKVN ngày 15/12/2022 và Nghị quyết số 43/NQ-PTSC-HĐQT ngày 19/01/2023.
- Đang triển khai giải thể Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Labuan Nghị quyết số 662/NQ-PTSC-HĐQT ngày 16/10/2023.
- Đang tiến hành và các thủ tục pháp lý chấm dứt Hợp đồng Liên doanh và giải thể Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý PTSC CGGV.
- Triển khai sát nhập và chuyển đổi mô hình hoạt động Công ty TNHH MTV Khảo sát và Công trình ngầm PTSC thành Chi nhánh Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC – Tổng công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam theo Nghị quyết số 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2024 (bắt đầu từ 01/01/2025).
- Tiếp tục tìm các giải pháp thoái vốn của Tổng công ty PTSC tại Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu dầu khí Nhơn Trạch, Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Kết quả giám sát thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023

Ngày 30/10/2024, HĐQT Tổng công ty PTSC đã ban hành Nghị quyết số 745/NQ-PTSC-HĐQT về việc chi trả cổ tức 2023 bằng tiền mặt (334,6 tỷ đồng) với tỷ lệ chi trả 7% trên mệnh giá. Tổng công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức vào ngày 17/12/2024 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.

Kết quả giám sát và thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi đề TGD, BKS và các tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp và 03 Chương trình kiểm tra, giám sát, 76 đợt lấy ý kiến, ban hành 320 văn bản (trong đó có 140 Nghị quyết và Quyết định) để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động và tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị.

Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, chính xác các hoạt động của HĐQT trong việc chỉ đạo, giám sát, quản lý, quản trị trên các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng

công ty PTSC, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Cụ thể:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ TGD và Ban điều hành trong việc thực hiện các phương án, kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh, chỉ tiêu tài chính, phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- HĐQT tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các số liệu và chỉ tiêu tài chính trong báo cáo của HĐQT là chính xác, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định pháp luật.

Kết quả giám sát công tác điều hành của TGD, người điều hành khác của Tổng công ty và thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024

TGD và người điều hành khác của Tổng công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao: đánh giá kịp thời các khó khăn, thách thức, linh hoạt và sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; nỗ lực trong công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường, phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới; nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động SXKD; lãnh đạo Tổng công ty duy trì và đạt kết quả hoạt động SXKD năm 2024 hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Báo cáo Kết quả SXKD năm 2024 đã phản ánh đầy đủ, hợp lý về tình hình SXKD và các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, bao gồm: Dịch vụ cung ứng Tàu chuyên dụng; Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO; Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp; Dịch vụ Căn cứ Cảng Dầu khí; Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí; Dịch vụ Khảo sát Địa chấn Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình Ngầm bằng ROV, Đầu tư và kinh doanh lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi và các dịch vụ khác. Báo cáo cũng trình bày đầy đủ về chiến lược, công tác đầu tư, công tác tái cấu trúc, công tác đào tạo... đồng thời đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể của Tổng công ty PTSC trong năm 2025.

Các số liệu và chỉ tiêu SXKD trong báo cáo Kết quả SXKD năm 2024 là chính xác, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 377/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2024 và BCTC năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Năm 2024, BKS đã làm việc với các bộ phận liên quan để thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Qua thẩm định Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam), BKS nhận thấy:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.

- Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán viên chấp nhận toàn phần và không có ý kiến loại trừ, phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty PTSC tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hợp nhất sau thuế, tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/vốn điều lệ đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.
- PTSC đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động SXKD: thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; mua đầy đủ bảo hiểm tài sản theo đúng quy định; trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định: giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính; dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá công trình xây lắp.
- Toàn bộ các tài sản của Công ty mẹ đều được quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Tổng công ty, công tác kiểm kê tài sản được thực hiện đầy đủ, trích khấu hao theo đúng quy định. Công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả luôn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đối chiếu theo quy định.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông

BKS đã phối hợp với HĐQT, TGD trên cơ sở đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty PTSC, cổ đông theo đúng Điều lệ của Tổng công ty PTSC và quy định của pháp luật.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; BKS được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Tổng công ty và các cuộc họp khác.

Năm 2024, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

3.3 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Tổng công ty PTSC, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT PVN có liên quan đến hoạt động đơn vị của Người đại diện phần vốn PVN, HĐQT, TGD Tổng công ty PTSC;

2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD hàng quý/năm; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;
3. Kiểm tra/giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty PTSC khi xét thấy cần thiết;
5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo theo quy định, trong đó: Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024; Thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh của TGD PTSC và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2024 của HĐQT Tổng công ty PTSC; Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Người lao động và Người quản lý PTSC; Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên sau soát xét 2025;
6. Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị;
7. Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết phê duyệt của PVN;
8. Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện;
9. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động SXKD tại Tổng công ty PTSC; Giám sát việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán;
10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
11. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;
12. Thực hiện các công việc khác của BKS theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành.

4. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

4.1 TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

PTSC Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng và công nghiệp, PTSC vận hành nhiều hoạt động có tác động đáng kể đến môi trường

chính cần quan tâm và các rủi ro liên quan đến ô nhiễm môi trường phải đối mặt bao gồm:

- **Phát thải khí nhà kính (KNK) và khí thải khác:**

- Phát thải trực tiếp (*Phạm vi 1*): Phát sinh từ việc sử dụng nhiên liệu cho đội tàu dịch vụ, phương tiện nội, máy móc thiết bị nâng hạ và các hoạt động thi công.
- Phát thải gián tiếp (*Phạm vi 2 & 3*): Liên quan đến tiêu thụ điện năng, hoạt động của nhà thầu phụ và chuỗi cung ứng, góp phần làm gia tăng biến đổi khí hậu. Ngoài ra, khí thải công nghiệp có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh.

- **Nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động tại công trường, căn cứ cảng và trên tàu dịch vụ, phương tiện nội.
- Nước thải công nghiệp từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, bảo trì thiết bị, nếu không được xử lý đạt tiêu chuẩn có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường biển và hệ sinh thái ven bờ.

- **Chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- Chất thải rắn sinh hoạt đến từ sinh hoạt của người lao động tại công trường, văn phòng, tàu dịch vụ và phương tiện nội.
- Chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chế tạo, bảo trì. Nếu không được quản lý chặt chẽ, các loại chất thải này có thể gây ô nhiễm đất và nguồn nước.

- **Kiểm soát và giảm thiểu phát thải khí nhà kính:**

Đây là một thách thức cấp bách, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tuân thủ các quy định về môi trường, khả năng tiếp cận thị trường quốc tế và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng không (Net Zero) vào năm 2050 của Việt Nam.

Quản lý về nguồn nguyên vật liệu

PTSC sử dụng chủ yếu nguyên vật liệu và năng lượng là sắt thép bán thành phẩm, khí công nghiệp, điện, xăng dầu... Nhằm tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, nâng cao hiệu quả năng lượng và kiểm soát tác động môi trường của các loại chất thải từ hoạt động SXKD, PTSC đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như sau:

- Áp dụng Hệ thống Quản lý Sức khỏe, An toàn, Môi trường, Chất lượng (HSEQ) theo các tiêu chuẩn quốc tế: ISO 9001:2015 – Hệ thống quản lý chất lượng; ISO 14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường; ISO 45001:2018 – Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Kiểm soát khí thải, nước thải và chất thải: Đầu tư và vận hành các công trình xử lý nước thải, khí thải tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường; kiểm soát đo đạc, quan trắc định kỳ chất lượng phát thải đảm bảo nằm trong giới hạn cho

phép của quy chuẩn môi trường; quản lý chặt chẽ việc phân loại, tái chế và xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Trong năm 2024, PTSC ghi nhận thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nguyên vật liệu, nhiên liệu và tiết kiệm nguyên vật liệu được 10,870 tỷ đồng (đạt 85% kế hoạch năm).

Quản lý tiêu thụ nước, xử lý phát thải ra môi trường

Quá trình hoạt động sản xuất của PTSC sử dụng nguồn nước cấp thủy cục để phục vụ chính cho mục đích sinh hoạt của người lao động và một phần nhỏ cho mục đích vệ sinh nhà xưởng. Toàn bộ các cơ sở sản xuất đều đã đầu tư hoàn chỉnh từ đầu các công trình xử lý nước thải và vận hành nghiêm túc đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường được giám sát thông qua đo đạc quan trắc định kỳ hàng năm đầy đủ theo quy định hiện hành.

Quản lý tiêu thụ năng lượng và giảm phát thải KNK

- PTSC sử dụng các nguồn năng lượng chính gồm điện năng cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và các loại nhiên liệu (xăng, dầu DO) vận hành hành phương tiện máy móc. Việc tiêu thụ nhiên liệu được quản lý, kiểm soát thông qua hệ thống định mức kỹ thuật; đầu tư mới, nâng cấp công nghệ phương tiện máy móc thiết bị sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu sạch; tận dụng cơ hội sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (như điện năng lượng mặt trời áp mái ngay tại cơ sở sản xuất); áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng cho đội tàu dịch vụ dầu khí phù hợp theo quy định của Tổ chức hàng hải thế giới IMO. cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm; xây dựng, áp dụng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật về tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư bảo dưỡng; đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu xanh và năng lượng tái tạo điện mặt trời áp mái.
- Xây dựng, ban hành Chương trình hành động xanh PTSC từ năm 2023 để triển khai bước đầu các giải pháp giảm phát thải KNK, hướng tới trung hòa các-bon. Hiện tại, PTSC đang xây dựng, hoàn thiện Chiến lược phát triển bền vững theo tiêu chí ESG, dự kiến hoàn thành trong năm 2025, trong đó các chủ đề trọng yếu theo trụ cột môi trường được xác định bao gồm: biến đổi khí hậu, chuyển dịch năng lượng, đa dạng sinh học và tác động đến hệ sinh thái, quản lý chất thải với mục tiêu tổng thể đạt mức phát thải KNK ròng bằng 0 cho Phạm vi 1, 2, 3 vào năm 2050. PTSC đã thực hiện kiểm kê sơ bộ phát thải KNK cho các năm 2022-2023 và đang thực hiện kiểm kê toàn diện KNK cho năm 2024.
- Trong năm 2024, PTSC ghi nhận thực hiện tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng được 3,0 tỷ đồng (đạt 136% kế hoạch năm).

4.2 CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động, mức lương trung bình của Người lao động

Năm 2024, PTSC tiếp tục khẳng định vị thế với chiến lược linh hoạt, hài hòa giữa thu hút nhân tài trẻ, giữ chân đội ngũ giàu kinh nghiệm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của PTSC đạt 7.480 người, tăng 3,8% so với năm trước (7.209 người).

Tt	Chỉ tiêu	Đvt	Số lao động (Hợp nhất)		Tỷ lệ (%)	
			Năm 2023	Năm 2024	2024/2024	2024/2023
I	Theo giới tính	Người	7.209	7.480	100%	+3,8%
1	Nam	Người	6.284	6.528	87,3%	+3,9%
2	Nữ	Người	925	952	12,7%	+2,9%
II	Trình độ đào tạo	Người	7.209	7.480	100%	+3,8%
1	Trên đại học	Người	290	301	4,0%	+3,8%
2	Đại học	Người	3.113	3.262	43,6%	+4,8%
3	Cao đẳng	Người	396	424	5,7%	+7,1%
4	CNKT hoặc tương đương	Người	2.092	2.095	28,0%	+0,1%
5	Lao động phổ thông	Người	1.318	1.398	18,7%	+6,1%
III	Phân loại lao động theo nhóm độ tuổi	Người	7.209	7.480	100%	+3,8%
1	Dưới 25 tuổi	Người	172	260	3,5%	+51,2%
2	Từ 25 tuổi đến 35 tuổi	Người	1.566	1.509	20,2%	-3,6%
3	Từ 35 tuổi đến 45 tuổi	Người	3.298	3.326	44,4%	+0,9%
4	Từ 45 tuổi đến 55 tuổi	Người	1.887	2.062	27,6%	+9,3%
5	Trên 55 tuổi	Người	286	323	4,3%	+12,9%

PTSC đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ trong cơ cấu nhân sự theo hướng trẻ hóa và nâng cao chất lượng chuyên môn, thể hiện qua việc không ngừng tìm kiếm, đào tạo và

bồi dưỡng đội ngũ lao động trẻ để đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường, đồng thời vẫn duy trì lực lượng nhân sự giàu kinh nghiệm nhằm đảm bảo tính kế thừa và phát triển lâu dài. Đáng chú ý, đội ngũ nhân sự có trình độ đại học và trên đại học tiếp tục tăng, phù hợp với chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao đang diễn ra mạnh mẽ. Bên cạnh đó, PTSC cũng đặc biệt chú trọng đến việc phát triển lực lượng lao động kỹ thuật, đảm bảo cung ứng nhân sự chất lượng cao cho các dự án trọng điểm cũng như mở rộng hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật, công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

Nhờ tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng một đội ngũ tinh gọn, chất lượng và linh hoạt, PTSC không chỉ chủ động nắm bắt cơ hội phát triển mà còn sẵn sàng đối mặt với mọi thách thức, tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Đây chính là động lực cốt lõi, thúc đẩy PTSC không ngừng tiến xa, vững vàng trên hành trình đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

PTSC duy trì áp dụng và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Sức khỏe, An toàn, Môi trường và Chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế với cam kết và đạt các mục tiêu sau:

- ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường nhằm kiểm soát tác động tiêu cực đến môi trường và bảo vệ cộng đồng xung quanh.
- ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp nhằm bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và đảm bảo ngăn ngừa tai nạn cho người lao động.

Trong năm 2024, PTSC đã đạt được kết quả tốt trong công tác đảm bảo sức khỏe an toàn cho NLĐ như sau:

- Không xảy ra tai nạn lao động gây chết người hay gây thương tật mất thời gian làm việc (LTI – Lost Time Injury = 0);
- Không xảy ra sự cố môi trường; không bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường;
- Triển khai các dự án đạt cột mốc số giờ làm việc an toàn (không xảy ra tai nạn lao động mất thời gian làm việc) và được các khách hàng công nhận thành tích, khen ngợi tiêu biểu như sau:
 - Dự án chế tạo chân đế điện gió ngoài khơi CHW2204 cho Khách hàng Orsted đạt cột mốc 9,5 triệu giờ làm việc an toàn;
 - Khách hàng NOC trao giải thưởng HSE Contribution cho Dự án Gallaf 3 đạt 1,77 triệu giờ an toàn;
 - Gói tổng thầu số 1 (EPCI#1) thuộc chuỗi Dự án khí Lô B – Ô Môn đạt cột mốc 01 triệu giờ làm việc an toàn;
 - Dự án LPG Thị Vải hoàn thành, đạt thành tích 500.000 giờ làm việc an toàn;

- Khách hàng NSRP tặng bằng khen vận hành tốt và an toàn cho Đội tàu dịch vụ Nghi Sơn trong năm 2024.

Nhận thức rõ rằng NLĐ là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp, PTSC luôn chú trọng xây dựng và thực thi các chính sách phúc lợi toàn diện, nhằm không chỉ nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người lao động mà còn tạo động lực làm việc, gia tăng sự gắn kết nội bộ và khuyến khích tinh thần cống hiến lâu dài. Các chính sách này được thiết kế với tiêu chí công bằng, minh bạch, linh hoạt, gắn liền với hiệu quả SXKD và định hướng phát triển bền vững của Công ty, cụ thể như sau:

- Chính sách tiền lương liên quan đến người lao động: Chính sách tiền lương không chỉ là yếu tố đảm bảo quyền lợi mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững. Với nguyên tắc minh bạch, công bằng và cạnh tranh, PTSC xây dựng một hệ thống thang lương hiện đại, phản ánh chính xác năng lực, hiệu quả công việc và xu hướng thị trường lao động, đồng thời tạo điều kiện để người lao động an tâm cống hiến và phát triển sự nghiệp lâu dài. PTSC không chỉ duy trì sự ổn định trong hoạt động SXKD mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động và thúc đẩy sự phát triển bền vững của PTSC. Cụ thể, thu nhập bình quân năm 2024 của người lao động toàn Tổng công ty đạt **29.230.000 đồng/người/tháng, tăng 9%** so với năm 2023, phản ánh rõ hiệu quả tăng trưởng và chính sách đãi ngộ ngày càng cải thiện.
- Chế độ hỗ trợ tài chính: Trợ cấp nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập PTSC, các ngày Lễ, Tết, Quốc tế Phụ nữ (08/3), Phụ nữ Việt Nam (20/10) và các sự kiện quan trọng khác.
- Hỗ trợ sinh hoạt và đời sống: Trợ cấp trang phục, tổ chức bữa ăn giữa ca đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, hỗ trợ chi phí đi lại, tổ chức các hoạt động teambuilding, tham quan, nghỉ mát.
- Chăm lo đời sống gia đình: Quan tâm, động viên con em người lao động có thành tích học tập xuất sắc, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Chính sách khen thưởng: Triển khai các chương trình khen thưởng định kỳ và đột xuất nhằm ghi nhận, khuyến khích sự đóng góp của các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.
- Chăm sóc sức khỏe và an toàn lao động: Đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động thông qua các chương trình bảo hiểm cá nhân, khám sức khỏe định kỳ, tư vấn, chăm sóc sức khỏe toàn diện và phòng chống bệnh nghề nghiệp.

Với những chính sách phúc lợi toàn diện và thiết thực, PTSC không chỉ mang đến môi trường làm việc chuyên nghiệp, ổn định mà còn tạo dựng một nền tảng vững chắc để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, từ đó phát huy tối đa năng lực của mình.

Trong thời gian tới, PTSC sẽ tiếp tục lắng nghe, cải tiến và mở rộng các chính sách phúc lợi, hướng đến việc chăm lo ngày càng tốt hơn cho đời sống của người lao động.

Các chiến lược phát triển nhân sự sẽ tiếp tục được gắn kết chặt chẽ với quyền lợi của từng cá nhân, đảm bảo mỗi người lao động tại PTSC không chỉ có một công việc ổn định mà còn có một cuộc sống chất lượng, hạnh phúc và phát triển bền vững cùng Công ty.

Chính sách đào tạo, phát triển kỹ năng cho người lao động

Trước làn sóng chuyển dịch năng lượng và chuyên đổi số, việc xây dựng một đội ngũ nhân lực ưu tú, sẵn sàng cho tương lai là yếu tố then chốt. Để chủ động thích ứng với sự thay đổi, PTSC triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng toàn diện và bền vững. PTSC không chỉ tập trung thu hút nhân tài mà còn đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ kế cận, giúp họ làm chủ công nghệ và thích ứng với sự phát triển không ngừng của ngành. Điều này nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của các dự án mới, đồng thời tạo ra cơ hội phát triển đột phá. Sự đầu tư bài bản vào đào tạo không chỉ giúp nâng cao năng lực cá nhân mà còn đảm bảo nhân sự PTSC vượt qua kỳ vọng của khách hàng, góp phần củng cố vị thế vững chắc của công ty trên thị trường. Các chính sách đào tạo được triển khai có hệ thống, tập trung vào các trọng tâm sau:

- Phát triển nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc tế: Hệ thống hóa quản lý nhân sự, đảm bảo làm chủ các lĩnh vực dịch vụ cốt lõi và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khắt khe của các dự án dầu khí, công nghiệp, năng lượng tái tạo.
- Thu hút và giữ chân nhân tài: tối ưu cơ chế tuyển dụng, chế độ lương, thưởng minh bạch, gắn với hiệu suất công việc và kết quả SXKD, tạo động lực làm việc và phát triển lâu dài.
- Đào tạo chuyên sâu, gắn với thực tiễn: Xây dựng lộ trình đào tạo kết hợp lý thuyết và thực hành, giúp người lao động tích lũy kinh nghiệm thực tế, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý.
- Nâng cao trình độ và kỹ năng thích ứng, thay đổi: Liên tục cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ để đáp ứng xu hướng chuyển dịch năng lượng và hội nhập quốc tế.
- Thúc đẩy văn hóa học tập và đào tạo nội bộ: Khuyến khích đào tạo nội bộ với chính sách đãi ngộ hợp lý dành cho giảng viên, tổ chức các chương trình chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao tinh thần học hỏi trong toàn hệ thống.
- Hợp tác với các trường đại học, trung tâm đào tạo hàng đầu tại Việt Nam, mở rộng cơ hội đào tạo ở nước ngoài: triển khai chiến lược tìm kiếm, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trẻ, đảm bảo nguồn lực kế cận có năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn của PTSC, hỗ trợ chi phí đào tạo theo chính sách, quy định tại Quy chế đào tạo, giúp người lao động tiếp cận những chương trình đào tạo tiên tiến, cập nhật kiến thức mới nhất để phát triển sự nghiệp lâu dài.

Thông qua các chính sách đào tạo và phát triển nhân lực toàn diện, PTSC không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và duy trì vị thế tiên phong trong lĩnh vực hoạt động.

Trong thời gian tới, PTSC sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào công tác đào tạo, mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong đào tạo trực tuyến và học tập từ xa, đồng thời không ngừng hoàn thiện chính sách đãi ngộ nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Sự phát triển của PTSC luôn gắn liền với sự phát triển của mỗi cá nhân, và chính đội ngũ nhân sự chất lượng cao sẽ là chìa khóa để Công ty tiếp tục vươn xa, chinh phục những tầm cao mới.

4.3 CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỘNG ĐỒNG

Trong suốt những năm qua, bên cạnh việc không ngừng mở rộng và phát triển hoạt động SXKD, PTSC luôn xem công tác an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và đất nước. Đây không chỉ là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của PTSC mà còn thể hiện sâu sắc triết lý nhân văn, hướng đến sự phát triển hài hòa giữa doanh nghiệp và xã hội.

Xuất phát từ mong muốn “không ai bị bỏ lại phía sau,” PTSC luôn ưu tiên nguồn lực cho các chương trình xây dựng nhà tình nghĩa, đồng hành cùng các địa phương trong việc chăm lo cho những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Không chỉ dừng lại ở việc xây nhà, PTSC còn ghi dấu ấn trong hàng trăm công trình trường học, trạm y tế, hỗ trợ mua sắm trang thiết bị y tế, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và cải thiện đời sống của người dân.

Trong năm 2024, PTSC đã dành **34,07 tỷ đồng** để triển khai các chương trình an sinh xã hội, tập trung hỗ trợ các địa phương còn nhiều khó khăn, các tổ chức/quỹ/hội và những đối tượng cần giúp đỡ trên cả nước. Cụ thể:

- Hỗ trợ giáo dục: Hợp tác với các trường đại học danh tiếng trên cả nước, trao học bổng trị giá 3,5 tỷ đồng nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.
- Phát triển cơ sở hạ tầng cộng đồng: Hỗ trợ 4 tỷ đồng xây dựng nhà văn hóa Trục Nội (huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) và 5 tỷ đồng xây dựng Trường mầm non xã Khánh Lợi (huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình), góp phần nâng cao đời sống văn hóa, giáo dục tại địa phương.
- Hỗ trợ nhà ở cho người khó khăn: Tài trợ 5 tỷ đồng xây dựng nhà Đại đoàn kết tại tỉnh Hải Dương và 3 tỷ đồng tại tỉnh Cà Mau, giúp các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn ổn định chỗ ở.

- Ứng phó thiên tai: Ủng hộ 3 tỷ đồng hỗ trợ đồng bào chịu ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi, góp phần khắc phục hậu quả thiên tai, giúp người dân sớm ổn định cuộc sống.

Những nỗ lực không ngừng nghỉ trong công tác an sinh xã hội đã giúp PTSC tạo nên sức lan tỏa mạnh mẽ, nhận được sự ghi nhận, đánh giá cao từ các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội và cộng đồng trong suốt nhiều năm qua. Tiếp tục hành trình đó, PTSC hướng đến việc triển khai các chương trình an sinh xã hội với cách tiếp cận toàn diện hơn, tập trung vào những hoạt động thiết thực, bền vững nhằm mang lại những đóng góp ý nghĩa và lâu dài cho cộng đồng. Thông qua các hoạt động này, PTSC không chỉ khẳng định tinh thần trách nhiệm xã hội mà còn lan tỏa những giá trị nhân văn sâu sắc, góp phần xây dựng hình ảnh tận tâm, trách nhiệm với cộng đồng.



IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. TỔNG QUAN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CỦA PTSC

Trong suốt hơn 50 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty PTSC đã khẳng định vị thế của mình trong ngành dịch vụ dầu khí tại Việt Nam. PTSC cam kết và nỗ lực trong công tác quản trị doanh nghiệp, cùng với việc chủ động thay đổi để duy trì và phát huy thành quả, phát triển ổn định và bền vững. Dưới đây là tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC, bao gồm các nguyên tắc và hành động cụ thể sau:

Nguyên tắc minh bạch:

PTSC cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời đến các cổ đông và các bên liên quan thông qua việc ban hành và thực hiện Quy chế công bố thông tin và thực hiện đảm bảo tính minh bạch, kịp thời, chính xác. Việc minh bạch trong quản trị giúp xây dựng niềm tin và sự ủng hộ từ các nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng.

Nguyên tắc trách nhiệm:

Các thành viên trong HĐQT, Ban TGD và NLĐ PTSC đều có trách nhiệm rõ ràng trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Tổng công ty. Mỗi cá nhân đều có trách nhiệm vì lợi ích chung của PTSC, đảm bảo hiệu quả và bền vững trong mọi hoạt động của PTSC.

Nguyên tắc công bằng:

PTSC luôn tôn trọng quyền lợi của các bên liên quan và đảm bảo các quyết định đều dựa trên nguyên tắc công bằng.

Nguyên tắc phát triển bền vững:

PTSC hướng tới sự phát triển bền vững thông qua việc tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phát triển cộng đồng. PTSC không chỉ tập trung vào lợi nhuận mà còn chú trọng đến trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững của ngành Dầu khí, PTSC và cộng đồng.

Quản trị hiệu quả:

Thực hiện các phương pháp quản trị hiện đại, PTSC áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001... Để nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong tình hình mới. PTSC đang triển khai xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp theo ISO 31000 và các thông lệ tốt về quản trị rủi ro cùng với việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để cải tiến quy trình làm việc và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

PTSC đầu tư mạnh mẽ vào công tác đào tạo và phát triển nhân lực để nâng cao tay nghề, kỹ năng và năng lực quản lý của đội ngũ nhân viên. Điều này giúp tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh của tổng công ty

Tăng cường quan hệ khách hàng, đẩy mạnh hợp tác:

PTSC đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và phát triển mối quan hệ tốt với khách hàng thông qua việc lắng nghe phản hồi, cải tiến dịch vụ và đảm bảo sự hài lòng cao nhất. Việc này không chỉ giúp PTSC giữ vững khách hàng cũ mà còn thu hút khách hàng mới.

Chấp hành pháp luật và quy định:

PTSC nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế trong ngành dầu khí. Điều này góp phần bảo đảm hoạt động của tổng công ty được thực hiện trong môi trường hợp pháp và minh bạch.

Hệ thống quản trị của Tổng công ty PTSC là một cấu trúc linh hoạt, hiệu quả và hiện đại, cam kết góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tạo ra giá trị cho các cổ đông và cộng đồng. Những nguyên tắc và hành động đã nêu là cơ sở để PTSC tiếp tục tiến xa trong tương lai, khẳng định vị thế của mình trên thị trường dịch vụ dầu khí.

PTSC cam kết sẽ tiếp tục nghiên cứu và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất và tích hợp Quản trị Môi trường và Xã hội (ESG) vào quản trị doanh nghiệp, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật Việt Nam thông qua việc cụ thể hóa vai trò và trách nhiệm giữa HĐQT và Ban Điều hành trong Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, góp phần đẩy mạnh hoạt động SXKD và đảm bảo tính bền vững, kế thừa.

1.1 Cơ chế hoạt động giữa Công ty mẹ - Công ty con

Với mục tiêu tập trung và phát huy nội lực nhằm tối ưu hóa hoạt động nguồn lực toàn Tổng công ty, mỗi Đơn vị đảm nhiệm chính một loại hình dịch vụ chính trong chuỗi các loại hình dịch vụ; Tổng công ty đã định hướng, chính sách điều phối, đặc biệt là chính sách ưu tiên sử dụng dịch vụ nội bộ nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa các đơn vị đảm bảo hiệu quả hoạt động ở mức cao nhất và đem lại ưu thế cạnh tranh.

1.2 Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp

Trong suốt 32 năm hình thành và phát triển, PTSC thể hiện cam kết, nỗ lực, cố gắng liên tục trong công tác quản trị doanh nghiệp, chủ động thay đổi để duy trì và phát huy những thành quả, sự phát triển ổn định, bền vững, dài hạn của Tổng công ty, mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

Tổng công ty PTSC đã nỗ lực hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp với chuẩn mực theo thông lệ đối với Công ty niêm yết (dựa trên đánh giá dựa trên thẻ điểm Quản trị công ty khu vực Asean) chi tiết như sau:

STT	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại PTSC	Ghi chú
1	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	ĐHĐCĐ thường niên 2024 được tổ chức ngày 17/6/2024 theo hình thức trực tuyến.
2	Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc đại hội theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC	Tuân thủ	Tài liệu ĐHĐCĐ được công bố thông tin ngày 17/5/2024
3	Sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 theo quy định tại Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
4	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, theo quy định tại Khoản 2 Điều 270 và Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
5	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
6	Thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, Điều 30 Nghị định 05/2019/NĐ-CP	Tuân thủ	
7	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 278 và Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
8	Đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
9	Đảm bảo số lượng thành viên HĐQT không điều hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
10	Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc	Tuân thủ	

STT	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại PTSC	Ghi chú
11	Thành viên HĐQT đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
12	Họp HĐQT ít nhất mỗi quý/lần theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, Điểm c Khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán và Khoản 1 Điều 279 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
13	TGD là người không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	
14	Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	
15	Ban hành Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 6 Điều 288 và Khoản 20 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
16	Đảm bảo tuân thủ số lượng Kiểm soát viên tối thiểu 03 người theo quy định tại Khoản 1 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
17	Đảm bảo số lượng cuộc họp Ban Kiểm soát ít nhất 02 lần/năm, theo quy định tại Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
18	Kiểm soát viên không giữ các chức vụ quản lý công ty, quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
19	Kiểm soát viên là người không có quan hệ gia đình của HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý khác, theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
20	Kiểm soát viên không làm việc tại bộ phận tài chính kế toán của Công ty hoặc Công ty Kiểm	Tuân thủ	

STT	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại PTSC	Ghi chú
	toán độc lập trong vòng 03 năm liền trước đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP		
21	Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020	Tuân thủ	
22	Thực hiện giao dịch với các bên liên quan đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 292, 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tuân thủ	
23	Công bố thông tin Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT khi giao dịch với các bên liên quan, phản ánh các giao dịch này trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình quản trị công ty	Tuân thủ	

1.3 Thực hiện quản trị rủi ro và các cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của PTSC

HDQT Tổng công ty đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Quy chế Quản trị rủi ro, Tuyên ngôn Khẩu vị rủi ro, cùng với các quy định về Mức độ chấp nhận rủi ro và Thước đo rủi ro của Tổng công ty. Đồng thời, Tổng công ty không ngừng nâng cao công tác quản trị rủi ro, chủ động theo dõi thị trường, nắm bắt xu hướng và những biến động để tìm kiếm cơ hội phát triển bền vững cho PTSC. Cụ thể, công tác quản trị rủi ro được triển khai toàn diện trong toàn PTSC thông qua các hoạt động trọng tâm sau:

- Định danh rủi ro, xây dựng chiến lược và chính sách quản trị rủi ro: Xác định các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh, từ đó xây dựng chiến lược và chính sách quản trị phù hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực, đồng thời tận dụng cơ hội để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.
- Giám sát tuân thủ quy định pháp luật và các tiêu chuẩn ESG (môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp): Đảm bảo mọi hoạt động của Tổng công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp lý hiện hành, đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, góp phần nâng cao uy tín và trách nhiệm doanh nghiệp.
- Quản lý rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng phó: Chủ động đánh giá, phân loại và kiểm soát các rủi ro, từ đó đề xuất các biện pháp ứng phó kịp thời nhằm giảm thiểu thiệt hại và duy trì ổn định hoạt động kinh doanh.
- Minh bạch thông tin về quản trị rủi ro và cơ hội: Cung cấp thông tin rõ ràng, đầy đủ và kịp thời về rủi ro cũng như cơ hội kinh doanh đến các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan, đảm bảo tính minh bạch và sự tin cậy.

- Quản trị tài chính và nguồn lực, thận trọng trong đầu tư: Cân nhắc kỹ lưỡng khi triển khai các dự án đầu tư, ưu tiên các dự án có tính bền vững và mang lại giá trị dài hạn, đồng thời đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và nhân sự.

Thông qua những định hướng trên, Tổng công ty không chỉ nâng cao năng lực quản trị rủi ro mà còn tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững, lâu dài của PTSC.

2. CƠ CẤU HĐQT

Thành viên và cơ cấu HĐQT

HĐQT Tổng công ty gồm bảy (07) thành viên, trong đó 04 Thành viên không điều hành, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc và 02 Thành viên độc lập.

Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, số cổ phần PVS hiện đang nắm giữ của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như bảng sau:

STT	Danh sách thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN	Ghi chú
1.	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	0	48.551 (0,0102%)	Đại diện 26,38% vốn góp của PVN tại PTSC	
2.	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	0	55.424 (0,0116%)	Đại diện 15,00% vốn góp của PVN tại PTSC	Từ 06/12/2024 Ông Lê Mạnh Cường thôi giữ chức TGDĐ PTSC, và thôi là Người đại diện vốn của PVN tại PTSC.
3.	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	Đại diện 10,00% vốn góp của PVN tại PTSC	

STT	Danh sách thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN	Ghi chú
4.	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT không điều hành	0	9.377 (0,002%)	0	
5.	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	0	
6.	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	02 (Giám đốc Năng lượng Vina Capital; Thành viên độc lập HĐQT PVD)	0	0	
7.	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập HĐQT	01 (Thành viên độc lập HĐQT PVcomBank)	0	0	

Phân công nhiệm vụ trong HĐQT

Hoạt động của các Thành viên HĐQT đều được phân công nhiệm vụ cụ thể, tạo tính dân chủ và sức mạnh trí tuệ tập thể; thực hiện kiểm tra, giám sát, đốc thúc Ban Điều hành thực hiện các nội dung, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, cấp trên giao; chủ động trao đổi, thảo luận và nêu ý kiến trong lĩnh vực được phân công, cụ thể nêu sau đây.

Ông Phan Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT

- Điều hành, lãnh đạo và quản lý toàn diện mọi hoạt động chung của HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo xây dựng và triển khai định hướng, chiến lược phát triển trung và dài hạn của PTSC.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức, nhân sự; công tác đoàn thể, các vấn đề liên quan đến các tổ chức chính trị-xã hội; ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định, chính sách chung của PTSC.
- Giải quyết các khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ quản lý PTSC.

Ông Lê Mạnh Cường – Thành viên HĐQT, TGD

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 06/12/2024), phụ trách SXKD của Tổng công ty.
- Phụ trách Dịch vụ Cơ khí dầu khí; Dịch vụ, dự án, công việc liên quan kho nổi FSO, FPSO, MOPU, MOPSU...; O&M các công trình dầu khí, công nghiệp; công tác phát triển kinh doanh, dịch vụ mới, thương mại, thị trường, khách hàng, hợp tác, liên danh, liên kết, bảo lãnh thương mại; công tác xây dựng & phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

Ông Nguyễn Xuân Ngọc – Thành viên HĐQT

- Phụ trách Dịch vụ, dự án, công việc liên quan dầu khí Biển (offshore, ngoài liên quan Tàu biển, FSO, FPSO, MOPU, MOPSU, Cơ khí dầu khí mà thuộc phân công của Thành viên HĐQT khác).
- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan Cảng; liên quan tài chính, đầu tư tài chính, kế toán và kiểm toán, tài sản, đầu tư, đấu thầu, mua sắm, bảo hiểm, và công tác thanh kiểm tra, giám sát có liên quan.
- Các việc liên quan cổ đông, cổ phiếu, chứng khoán, nhà đầu tư.
- Công tác tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.
- Công tác quan hệ với truyền thông, phương tiện thông tin đại chúng, phát ngôn, cung cấp thông tin, quan hệ công chúng, kênh thông tin, bản tin nội bộ PTSC.

Ông Đỗ Quốc Hoan – Thành viên HĐQT

- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan Tàu biển, bao gồm cả tàu dịch vụ, khảo sát biển dùng tàu, khảo sát địa chấn, địa chất và công trình ngầm, ROV.
- Phụ trách hệ thống quản lý, sức khỏe, an toàn, môi trường chất lượng; công tác bảo vệ, an ninh an toàn dầu khí, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, an ninh biển đảo, phòng chống khủng bố, cướp biển, ứng cứu tình huống khẩn cấp; công tác tuân thủ pháp luật, tuân thủ Quy định hiện hành, hệ thống văn bản quản lý nội bộ.

Ông Trần Ngọc Chương – Thành viên HĐQT.

- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan trên Bờ (onshore).
- Giúp Chủ tịch HĐQT chỉ đạo, quản lý, đôn đốc công tác xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty; công tác tái cấu trúc toàn Tổng công ty.
- Phụ trách công tác đào tạo, tiền lương, thù lao, chế độ chính sách; công tác thanh, kiểm tra khác; quản lý Người đại diện tại các Đơn vị; công tác an sinh - xã hội.

Ông Hoàng Xuân Quốc – Thành viên độc lập HĐQT

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên độc lập theo Quy định hiện hành.
- Phụ trách dịch vụ, dự án, công việc liên quan Năng lượng tái tạo ngoài khơi; công tác nghiên cứu, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ, hệ thống định mức, chuyển đổi số, sáng kiến, sáng chế, cải tiến của Tổng công ty; công tác quản trị rủi ro

Ông Đoàn Minh Mẫn – Thành viên độc lập HĐQT

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên độc lập theo Quy định hiện hành;
- Hỗ trợ công việc liên quan tài chính, đầu tư tài chính, kế toán và kiểm toán; công tác theo dõi hợp đồng với Người có liên quan.

3. QUẢN TRỊ RỦI RO

3.1 RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Nhận diện

Kinh tế Việt Nam năm 2024 đang phục hồi mạnh mẽ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều khó khăn, tuy nhiên vẫn tồn tại những thách thức đáng kể. Sự phụ thuộc lớn vào vốn đầu tư nước ngoài đặt ra bài toán về tính tự chủ kinh tế, khiến Việt Nam dễ bị tổn thương trước những biến động khó lường của tỷ giá và áp lực lạm phát từ bên ngoài. Song song với đó, quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, một xu hướng tất yếu của thời đại, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn và sự thay đổi về chính sách.

Thị trường năng lượng toàn cầu năm 2024 đang phải đối mặt với nhiều biến động phức tạp, gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung và giá cả. Các cú sốc kinh tế, biến động tỷ giá và áp lực nợ công đang tác động trực tiếp đến nguồn cung năng lượng. Xung đột địa chính trị, đặc biệt tại Trung Đông, gây biến động giá dầu và khí tự nhiên, trong khi các biện pháp bảo hộ thương mại và sự bất ổn của tỷ giá USD-VND làm tăng chi phí nhập khẩu năng lượng. Từ thách thức trên, thị trường dầu khí đã có biến động:

Nguồn cung dầu toàn cầu tăng chậm trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị và rủi ro suy thoái và kế hoạch duy trì cắt giảm sản lượng từ các nước sản xuất lớn. Cụ thể, các nước OPEC+ tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm sản lượng dầu thô, xuống còn 40,46 triệu thùng/ngày, áp dụng từ ngày 1/1/2024 đến 31/12/2024, Nga thông báo gia hạn việc cắt giảm tự nguyện 500.000 thùng/ngày cho đến cuối năm 2024, UAE giảm khoảng 150.000 thùng/ngày từ tháng 4/2024. Mặt khác, giá dầu hiện tại vẫn ở mức thấp xuất phát từ lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế Mỹ, quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới và sức mua hạn chế từ Trung Quốc, quốc gia nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới.

Thị trường năng lượng trong nước đang đối mặt với nhiều thách thức. Sản lượng khai thác dầu khí giảm mạnh do các mỏ truyền thống cạn kiệt và khó khăn trong phát triển mỏ mới. Đồng thời, Việt Nam phụ thuộc lớn vào nhập khẩu khí đốt hóa lỏng (LNG) từ Qatar, Malaysia và Saudi Arabia. Để đảm bảo an ninh năng lượng, Việt Nam đang nỗ lực tăng trữ lượng dầu khí thông qua các dự án mới.

Đối với năng lượng tái tạo:

Nhu cầu tăng cường an ninh năng lượng sau cuộc khủng hoảng năng lượng, bên cạnh các nỗ lực loại bỏ carbon, chính phủ nhiều nước trên thế giới đẩy nhanh hơn nữa việc triển khai năng lượng tái tạo. Do đó, năng lượng tái tạo tiếp tục phát triển nhanh chóng trong năm 2024 với mức tiêu thụ năng lượng mặt trời và năng lượng gió kết hợp tăng khoảng 11% mỗi năm. Tuy nhiên, các vấn đề về chuỗi cung ứng vẫn chưa được giải quyết triệt để, chi phí khai thác hàng hóa tăng cao và chi phí tài chính cao hơn cũng như giá đấu thầu thấp thách thức sự thành công của nhiều cuộc đấu giá năng lượng tái tạo trong năm 2024.

Các cuộc đấu giá những dự án điện gió ngoài khơi đã được lên kế hoạch tổ chức mở thầu ở Hoa Kỳ, CHLB Đức, Phần Lan, Ý, Brazil và Ấn Độ trong năm 2024. Tuy nhiên, các cuộc đấu thầu này có không thu hút nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư do một loạt thách thức bao gồm chi phí đầu vào và vốn đầu tư tài chính tăng cao cũng như sự gián đoạn chuỗi cung ứng và những hạn chế về cơ sở hạ tầng.

Biện pháp quản trị

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp năm 2023, đồng thời cập nhật và mở rộng dựa trên các bài học kinh nghiệm. Tập trung phát triển dịch vụ theo chuỗi giá trị, tận dụng lợi thế quy mô và đa dạng hóa dịch vụ.
- Đẩy mạnh đổi mới, cải tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp với bối cảnh chuyển đổi năng lượng. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc biệt mở rộng đầu tư vào các dự án trên bờ bổ sung cho các dự án ngoài khơi hiện có.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả quản trị đầu tư; chủ động cân đối dòng tiền, kế hoạch huy động vốn để kịp ứng phó với biến động thị trường; Tối ưu hóa chi phí đầu tư, rà soát và tập trung vào các dự án trọng điểm, hiệu quả.
- Duy trì và phát huy phong cách làm việc chuyên nghiệp, xây dựng môi trường và văn hóa doanh nghiệp hiện đại, an toàn, bền vững.
- Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp bằng việc áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến. Tăng cường ứng dụng công nghệ số để giám sát, đánh giá rủi ro và tối ưu hóa hoạt động.
- Đổi mới cơ chế tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực ngành dầu khí chuyên nghiệp, theo tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đào tạo về chuyên môn, kỹ năng thuộc các lĩnh vực kinh doanh chính.
- Xây dựng chế độ thù lao, thu nhập của người lao động, đảm bảo lợi ích người lao động gắn liền với sự phát triển bền vững của Tổng công ty PTSC.

3.2 RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH

Nhận diện

Năm 2024, Việt Nam tiếp tục hoàn thiện các chính sách pháp luật về đầu tư, đấu thầu, dầu khí, năng lượng... Trong đó, đáng lưu ý là nhóm các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng với mục tiêu “xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo”, bảo đảm an ninh năng lượng, hướng đến thực thi cam kết Net Zero và góp phần thúc đẩy ngành năng lượng phát triển bền vững, hiệu quả. Luật Điện lực được sửa đổi, bổ sung, cập nhật nhóm quy định khung về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi nhằm thúc đẩy đầu tư, tạo cơ chế, hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển lĩnh vực này, phục vụ trong nước và xuất khẩu. Chính phủ cũng xây dựng và ban hành nhiều Nghị định quan trọng hình thành khung chính sách liên quan đến điện gió ngoài khơi như Nghị định hướng dẫn về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực; Nghị định về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; Nghị định về giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân; cập nhật, sửa đổi Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch không gian biển... Khung pháp lý về điện gió ngoài khơi tại các văn bản pháp luật này đã góp phần thúc đẩy sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, và dự kiến sẽ thu hút tập trung nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực này.

Mặc dù vậy, việc áp dụng, triển khai các quy định pháp luật trên thực tế vẫn còn có nhiều khó khăn, bất cập bởi đến nay, các quy định pháp luật vẫn chưa đồng bộ, chưa đầy đủ. Đặc biệt các nội dung ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư trong thời kỳ đầu phát triển điện gió ngoài khơi còn chưa rõ ràng. Điều kiện tham gia điện gió ngoài khơi, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư, quy định về quy trình, thủ tục đầu tư, việc phân cấp thẩm quyền chưa có nhiều đột phá, chưa tạo cơ chế thí điểm và chưa phát huy được tính chủ động trong đầu tư. Các chính sách ưu tiên thúc đẩy, bảo hộ sản xuất, khuyến khích, gia tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp dịch vụ trong nước vẫn chưa được chú trọng.

Năm 2024, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Mẹ của PTSC đã bắt đầu các thủ tục để chuyển đổi thành Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia và đang tập trung xây dựng chiến lược tổng thể phát triển bền vững đến năm 2045, trong đó chú trọng vào đổi mới công nghệ và chuyển dịch năng lượng. Bên cạnh việc tiếp tục khẳng định vị thế, nâng cao năng lực, phát huy thế mạnh ở các mảng dịch vụ kỹ thuật dầu khí truyền thống, PTSC cũng đang xây dựng chiến lược với quyết tâm bứt phá mạnh mẽ hơn nữa trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi và sẵn sàng tham gia một số lĩnh vực tiềm năng mới như điện hạt nhân, dịch vụ thu hồi và lưu trữ carbon, các dịch vụ hỗ trợ ngành năng lượng xanh... Tuy nhiên, với khung pháp lý vẫn còn một số bất cập, hạn chế nêu trên, PTSC vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Biện pháp quản trị

Trong bối cảnh chính sách pháp luật có những thay đổi, cập nhật, Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng sẽ có

những cập nhật điều chỉnh cần thiết. Do đó, PTSC cần linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh và cơ chế quản trị điều hành, chủ động thích ứng nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong ngành dầu khí và năng lượng tái tạo ngoài khơi/ điện gió ngoài khơi.

Trong năm qua, nhiều kiến nghị, góp ý của PTSC liên quan đến việc phát triển các dự án điện gió ngoài khơi đã được các cấp có thẩm quyền ghi nhận, tiếp thu để đưa vào quy định pháp luật. PTSC cũng tích cực tuyên truyền phổ biến pháp luật, tham gia xây dựng pháp luật, chủ động góp ý, kiến nghị nhiều dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về đảm bảo cạnh tranh và phương thức đấu thầu trong Luật Đấu thầu; lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong lĩnh vực điện lực tại Dự thảo Luật sửa đổi 4 Luật (Đầu tư, Quy hoạch, Luật PPP, Luật Đấu thầu); Kiến nghị Dự thảo Luật Điện lực, đặc biệt là các quy định về lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi/ điện gió ngoài khơi; các Nghị định hướng dẫn về điện gió ngoài khơi; Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 95 hướng dẫn Luật Dầu khí; Dự thảo sửa đổi Nghị định 11/2021/NĐ-CP về việc giao các khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển...

Đồng thời, PTSC đảm bảo tuân thủ pháp luật chung trong hoạt động SXKD, chủ động rà soát, cập nhật và có các điều chỉnh cần thiết đối với các quy định nội bộ để đảm bảo phù hợp với các quy định mới, phù hợp định hướng, chiến lược phát triển ngành và các lĩnh vực hoạt động mà PTSC đang triển khai và yêu cầu quản trị điều hành. PTSC cũng tiếp tục tăng cường kiểm soát, điều chỉnh cơ chế phân cấp về đầu tư, mua sắm, nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tập thể. PTSC cũng xây dựng, củng cố cơ chế nội bộ về phân cấp, ủy quyền, phân công, giao nhiệm vụ, cơ chế báo cáo, giám sát, kiểm tra, kiểm toán, đánh giá nội bộ, kiểm soát nội bộ... Hệ thống văn bản quy phạm nội bộ được xây dựng tương đối đầy đủ, thống nhất, chặt chẽ và phát huy hiệu quả cao. Đồng thời, PTSC vẫn đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quy định đối với công ty đại chúng, công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của các cổ đông, ban kiểm soát, của các cấp có thẩm quyền (ĐHCD, HĐQT).

Trong thời gian tới, PTSC sẽ tiếp tục theo dõi, bám sát các kế hoạch xây dựng các chính sách pháp luật, đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật và tiếp tục gửi các kiến nghị về cơ chế chính sách đặc thù đối với các nhóm ngành liên quan, chính sách phát triển năng lượng tái tạo/ điện gió ngoài khơi, công nghiệp chế tạo, sản xuất, dịch vụ phục vụ ngành dầu khí và năng lượng. Kiến nghị các cấp có thẩm quyền thúc đẩy, sớm hoàn thiện đồng bộ, đầy đủ chính sách pháp luật, tạo “cơ chế đột phá” thực sự về phát triển các dự án năng lượng tái tạo/ điện gió ngoài khơi để Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên có đủ cơ sở pháp lý triển khai thực hiện. Đặc biệt là các nội dung quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, chính sách nội địa hóa, ưu tiên, ưu đãi, khuyến khích đầu tư và phát triển sản xuất trong phát triển các dự án. Theo đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cần được xây dựng đầy đủ, không chỉ Luật về Năng lượng tái tạo, Luật Biển mà các nhóm ngành Luật liên quan (Điện lực, Dầu khí, Đầu tư...), quy chuẩn kỹ thuật, các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, quy trình đầu tư, thẩm định, lựa chọn, ưu đãi cho nhà đầu tư cụ thể trong các lĩnh vực này.

Ngoài ra, PTSC tìm kiếm các đối tác tiềm năng, triển khai các thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu dịch vụ dầu khí, dịch vụ năng lượng tái

tạo, xuất khẩu công trình, sản phẩm hàng hóa ra nước ngoài phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước.

3.3 RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Nhận diện rủi ro

- Rủi ro tín dụng: xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không tuân thủ các nghĩa vụ trong hợp đồng, không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn hoặc không có khả năng thực hiện thanh toán nợ, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty PTSC.
- Rủi ro lãi suất: PTSC có các khoản huy động vốn từ các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu đầu tư và hoạt động SXKD nên có rủi ro về lãi suất.
- Rủi ro tỷ giá: Khách hàng, Nhà cung cấp của PTSC đến từ nhiều khu vực địa lý khác nhau và phần lớn có yếu tố nước ngoài nên có các khoản thu chi bằng ngoại tệ lớn làm phát sinh rủi ro tỷ giá.
- Rủi ro thanh khoản: Tổng công ty PTSC có hoạt động kinh doanh đa dạng với nhiều lĩnh vực dịch vụ cần đầu tư tài sản giá trị lớn như phương tiện nổi, tàu dịch vụ, hệ thống cảng, thiết bị nâng hạ và các dịch vụ cần vốn lưu động lớn như cơ khí chế tạo nên luôn luôn có rủi ro thanh khoản tiềm ẩn.

Biện pháp quản trị

Việc nhận diện được các rủi ro tài chính và đề ra các biện pháp quản trị rủi ro được PTSC thực hiện thường xuyên và liên tục cải tiến qua từng năm, cụ thể:

- Đối với rủi ro tín dụng, trước khi tham gia một gói thầu hoặc thực hiện một hợp đồng bất kỳ, PTSC đều thực hiện đánh giá tình hình tài chính và hoạt động các khách hàng, đối tác để đảm bảo khả năng thực hiện hợp đồng và đưa ra một chính sách tín dụng phù hợp. Định kỳ, PTSC sẽ thực hiện đối chiếu nợ, đánh giá lịch sử tín dụng và có các thư xác nhận, thông báo, nhắc nhở khách hàng và đối tác về thanh toán nợ. Đối với một số khách hàng có rủi ro tín dụng cao, PTSC sẽ yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán từ Tổ chức tín dụng có uy tín hoặc bảo lãnh công ty mẹ.
- Đối với rủi ro lãi suất, PTSC đã tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn trong nước và quốc tế bằng cả nội tệ và ngoại tệ để đa dạng hóa nguồn huy động, tránh bị ảnh hưởng đột biến từ một thị trường. Ngoài ra để giảm thiểu rủi ro từ việc biến động lãi suất, Tổng công ty PTSC đã thu xếp vốn, thực hiện các nghiệp vụ phái sinh cố định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.
- Đối với rủi ro về tỷ giá, PTSC quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng

với khách hàng theo đối ứng với khoản ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp. Ngoài ra, PTSC cũng sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để quản lý dòng tiền ngoại tệ như giao dịch hoán đổi ngoại tệ, hợp đồng mua kỳ hạn,... để tăng thu nhập tài chính.

- Đối với rủi ro thanh khoản, PTSC quản trị bằng các quy chế, quy định cụ thể đảm bảo cân đối dòng tiền của mỗi dự án, mỗi công việc, mỗi hợp đồng luôn được kiểm soát; thời gian thu hồi nợ phải thu luôn nhỏ thời gian thanh toán nợ phải trả; sử dụng các nguồn vốn dài hạn để đầu tư các tài sản dài hạn.

3.4 RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG AN TOÀN, SỨC KHỎE, NGHỀ NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Nhận diện rủi ro

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tái tạo ngoài khơi có môi trường sản xuất khắc nghiệt trên biển, gia công chế tạo công trình dầu khí/công nghiệp nặng... tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm liên quan đến Sức khỏe nghề nghiệp, An toàn, Môi trường và Chất lượng (HSEQ) với các rủi ro chính được nhận diện và quản lý như sau:

- Rủi ro về Sức khỏe nghề nghiệp, An toàn lao động: nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trong quá trình sản xuất hoặc khi xảy ra tai nạn/sự cố cháy nổ, hư hỏng thiết bị và mắc các bệnh nghề nghiệp do tiếp xúc môi trường tiếng ồn, rung, hóa chất... Tai nạn/sự cố xảy ra có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về con người, môi trường, tài sản và làm gián đoạn hoạt động SXKD gây ảnh hưởng lớn đến uy tín của Tổng công ty.
- Rủi ro về Môi trường: các rủi ro liên quan đến ô nhiễm môi trường phải đối mặt bao gồm:
 - Phát thải Khí nhà kính (KNK): Phát thải trực tiếp (Phạm vi 1) từ nhiên liệu cho tàu, thiết bị thi công; phát thải gián tiếp (Phạm vi 2 & 3) từ điện năng, nhà thầu, chuỗi cung ứng, góp phần biến đổi khí hậu và ảnh hưởng chất lượng không khí. Việc kiểm soát và giảm thiểu phát thải KNK là một thách thức cấp bách, ảnh hưởng đến việc tuân thủ quy định về môi trường, năng lực cạnh tranh quốc tế và mục tiêu Net Zero vào năm 2050 của Việt Nam.
 - Nước thải: Nước thải sinh hoạt từ người lao động tại các cơ sở sản xuất và phương tiện nổi; nước thải công nghiệp từ hoạt động bảo dưỡng, vệ sinh. Nếu không được xử lý đạt quy chuẩn thải có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và môi trường biển.
 - Chất thải rắn và chất thải nguy hại: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp từ quá trình sản xuất, sinh hoạt của người lao động, chế tạo công trình và bảo trì nếu không được quản lý đúng cách có thể gây ô nhiễm đất, nước và ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng.
- Rủi ro về Chất lượng: Nguy cơ cung cấp sản phẩm (chân đế, thượng tầng, module, cấu kiện điện gió...) hoặc dịch vụ không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất

lượng của hợp đồng và khách hàng. Sai sót chất lượng có thể dẫn đến chi phí khắc phục lớn, chậm tiến độ, mất lòng tin của khách hàng, ảnh hưởng đến an toàn vận hành và năng lực cạnh tranh.

- Rủi ro từ chuỗi cung ứng: Việc kiểm soát chất lượng và tuân thủ HSEQ của các nhà cung cấp nguyên vật liệu (sắt thép, khí công nghiệp,...) và nhà thầu phụ là một thách thức, có thể ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng và an toàn chung của dự án.

Biện pháp quản trị

Để kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro về HSEQ, PTSC đã và đang triển khai đồng bộ các biện pháp quản trị, tích hợp vào hệ thống quản lý chung của Tổng công ty, tập trung vào các giải pháp chính sau:

- Áp dụng và duy trì hiệu quả Hệ thống quản lý tích hợp HSEQ theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 (Chất lượng), ISO 14001:2015 (Môi trường) và ISO 45001:2018 (An toàn & Sức khỏe nghề nghiệp). Hệ thống này được rà soát và cải tiến liên tục nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro HSEQ cho từng hoạt động, dự án và áp dụng nghiêm ngặt hệ thống quy định/quy trình/hướng dẫn làm việc an toàn.
- Kiểm soát khí thải, nước thải và chất thải: đầu tư và vận hành các công trình xử lý nước thải, khí thải tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường; kiểm soát đo đạc, quan trắc định kỳ chất lượng phát thải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn môi trường; quản lý chặt chẽ việc phân loại, tái chế và xử lý chất thải theo đúng quy định.
- Quản lý hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải KNK:
 - Áp dụng hệ thống quản lý sử dụng năng lượng hiệu quả, đặc biệt cho đội tàu và các cơ sở trọng điểm.
 - Xây dựng và áp dụng định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu. Năm 2024, ước tính tiết kiệm 10,87 tỷ đồng nguyên vật liệu và 3,0 tỷ đồng nhiên liệu, năng lượng.
 - Đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu xanh và sử dụng năng lượng tái tạo điện mặt trời áp mái.
 - Triển khai "Chương trình hành động xanh PTSC" và đang hoàn thiện, xây dựng Chiến lược Phát triển bền vững theo tiêu chí ESG (dự kiến hoàn thành trong năm 2025) với mục tiêu Net Zero vào năm 2050. PTSC đã thực hiện kiểm kê sơ bộ phát thải KNK cho các năm 2022-2023 và đang thực hiện kiểm kê toàn diện KNK cho năm 2024.
- Quản lý chất lượng nhà thầu phụ, chuỗi cung ứng: sử dụng Hệ thống Quản lý HSEQ để đánh giá, lựa chọn và kiểm soát nhà cung ứng dựa trên tiêu chuẩn HSEQ và hợp

đồng chặt chẽ; yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng và an toàn, thực hiện giám sát và kiểm tra nguyên vật liệu, dịch vụ tại hiện trường; xây dựng danh sách nhà cung cấp chiến lược, giảm thiểu rủi ro phụ thuộc và gián đoạn chuỗi cung ứng; thiết lập cơ chế phản hồi và cải tiến liên tục, xử lý nhanh các vấn đề phát sinh để đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc/dự án.

Thực hiện kiểm tra, giám sát và kiểm toán HSEQ nội bộ định kỳ, đột xuất tại các cơ sở/phương tiện sản xuất; tổ chức các đợt kiểm toán nội bộ HSEQ bởi bên thứ ba.



4. THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024

- Chi phí tiền lương, thù lao, phụ cấp Tổng công ty chi trả cho HĐQT, Ban Kiểm soát phù hợp và tuân thủ theo Nghị quyết số 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2024 và Quy định hiện hành.
- Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của từng Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2024 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	Tiền lương, thù lao (đồng)	Phụ cấp (đồng)	Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (đồng)	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7+8+9)
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	2.077.812.000	-	2.812.087.000	4.889.899.000
2	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT/TGD (đến ngày 06/12/2024)	01/01/2024	06/12/2024	12	2.143.872.000	-	2.797.469.000	4.941.341.000
3	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	1.691.068.000	-	1.948.148.000	3.639.216.000
4	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	1.728.741.000	-	2.342.416.000	4.071.157.000
5	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	1.654.001.000	-	2.173.458.000	3.827.459.000
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	-	180.000.000	450.000.000	630.000.000
7	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập HĐQT	01/01/2024	31/12/2024	12	-	180.000.000	350.000.000	530.000.000
8	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGD (đến ngày 16/9/2024)	01/01/2024	16/09/2024	09	1.716.837.000	-	2.406.010.000	4.122.847.000

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	Tiền lương, thù lao (đồng)	Phụ cấp (đồng)	Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (đồng)	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ (đồng)
9	Tạ Đức Tiến	Phó TGD (đến ngày 12/11/2024)	01/01/2024	12/11/2024	11	983.049.000	-	2.072.243.000	3.055.292.000
10	Trần Hồ Bắc	Phó TGD/TGD (Từ ngày 06/12/2024)	01/01/2024	31/12/2024	12	1.740.800.000	-	2.795.816.000	4.536.616.000
11	Nguyễn Xuân Cường	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.691.068.000	-	2.111.120.000	3.802.188.000
12	Trần Hoài Nam	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.654.001.000	-	2.216.352.000	3.870.353.000
13	Phạm Văn Hùng	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.560.989.000	-	1.808.557.000	3.369.546.000
14	Lê Cự Tân	Phó TGD	01/01/2024	31/12/2024	12	1.307.879.000	-	295.451.000	1.603.330.000
15	Lê Chiến Thắng	Phó TGD	12/11/2024	31/12/2024	2	689.338.000	-	1.000.000	690.338.000
16	Nguyễn Văn Bảo	Kế toán trưởng	01/01/2024	31/12/2024	12	1.414.640.000	-	1.798.608.300	3.213.248.300
17	Bùi Thu Hà	Trưởng BKS	01/01/2024	31/12/2024	12	1.414.640.000	-	1.856.220.300	3.270.860.300
18	Bùi Hữu Việt Cường	Kiểm soát viên	01/01/2024	31/12/2024	12	1.035.884.000	-	1.309.580.300	2.345.464.300
19	Phạm Văn Tiến	Kiểm soát viên	01/01/2024	31/12/2024	12	1.035.884.000	-	1.313.580.300	2.349.464.300
	TỔNG CỘNG					24.883.924.000	285.000.000	21.206.850.800	46.375.774.800

V. CHỨNG KHOÁN PVS

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết (cổ phiếu)	477.966.290
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	477.966.290
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	16.203,057
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu (EPS) (đồng)	1.923
P/E	17,63
Giá trị sổ sách/CP (đồng)	20.776
Giá CP cao nhất trong năm 2024 (đồng)	47.109
Giá CP thấp nhất trong năm 2024 (đồng)	30.400

(Dữ liệu tại ngày 31/12/2024)

2. CỔ ĐÔNG

2.1 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(cập nhật theo Danh sách cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng 14/11/2024)

Sở hữu theo địa lý	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Tổ chức Việt Nam	87	274.855.508	57,51%
Cá nhân Việt Nam	19.842	102.060.653	21,35%
Tổ chức Nước ngoài	88	100.330.406	20,99%
Cá nhân Nước ngoài	217	719.723	0,15%

2.2 DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5%)

Số lượng cổ phiếu được thống kê theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 14/11/2024 và các Báo cáo giao dịch nhận được tính đến hết ngày 31/12/2024

STT	Tên Cổ đông/ Nhóm Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỉ lệ sở hữu (%)	Trong nước/ Nước ngoài	Cá nhân/ Tổ chức
1.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38%	Trong nước	
2.	Nhóm Cổ đông nước ngoài có liên quan do Bà Trương Ngọc Phượng là Người đại diện được ủy quyền công bố thông tin, sở hữu 7,1025% cổ phiếu PVS, chi tiết như sau:	33.947.700	7,1025%	Nước ngoài	
	- <i>Amersham Industries Limited</i>	7.596.500	1,5893%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>DC Developing Markets Strategies Public Limited Company</i>	100.000	0,0209%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Hanoi Investment Holdings Limited</i>	2.589.900	0,5419%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Norges Bank</i>	9.609.100	2,0104%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Saigon Investments Limited</i>	5.510.200	1,1528%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]</i>	300.000	0,0628%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Vietnam Enterprise Investments Limited</i>	5.912.000	1,2369%	Nước ngoài	Tổ chức
	- <i>Wareham Group Limited</i>	2.330.000	0,4875%	Nước ngoài	Tổ chức

2.3 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ tính đến hết ngày 25/12/2024.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tổng công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (năm 2024)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (năm 2024)	Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2024		Lý do	Ghi chú
					Giao dịch mua	Giao dịch Bán		
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	48.551	0,010%	0	0		
2	Lê Mạnh Cường	TV.HĐQT/ TGD (đến ngày 06/12/2024)	55.424	0,012%	0	0		
3	Nguyễn Xuân Ngọc	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		
4	Đỗ Quốc Hoan	TV.HĐQT	9.377	0,002%	4.000	0	Mua	
5	Trần Ngọc Chương	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	-	0,0000%	0	0		
7	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập HĐQT	-	0,0000%	0	0		
8	Bùi Thu hà	Trưởng Ban Kiểm soát	-	0,0000%	0	0		
9	Bùi Hữu Việt Cường	TV. BKS	1.667	0,0003%	0	0		
10	Phạm Văn Tiến	TV. BKS	-	0,0000%	0	0		
11	Trần Hồ Bắc	TGD (từ ngày 06/12/2-24)	2.149	0,0004%	0	0		
12	Tạ Đức Tiến	Phó TGD (đến ngày 12/11/2024)	1.637	0,0003%	0	0		
13	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGD (đến ngày 16/9/2024)/Chủ tịch Công đoàn	3.794	0,0008%	0	0		
14	Nguyễn Xuân Cường	Phó TGD	5.019	0,0011%	0	0		
15	Trần Hoài Nam	Phó TGD	01	0,0000%	0	0		

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tổng công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (năm 2024)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (năm 2024)	Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2024		Lý do	Ghi chú
					Giao dịch mua	Giao dịch Bán		
16	Phạm Văn Hùng	Phó TGD	5.803	0,0012%	0	0		
17	Lê Cự Tân	Phó TGD						
18	Lê Chiến Thắng	Phó TGD (từ ngày 12/11/2024)	125.705	0,026%	0	0		
19	Nguyễn Văn Bảo	Kế toán trưởng	79	0,0000%	0	0		
20	Nguyễn Đức Thủy	NCBTT/ Người PTQT	-	0,0000%	0	0		

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

PVS - KHẲNG ĐỊNH UY TÍN VÀ MINH BẠCH TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT

Kể từ khi chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán vào tháng 9 năm 2007, Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán PVS) luôn được đánh giá là một trong những doanh nghiệp niêm yết uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Năm 2024, PTSC tiếp tục được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vinh danh là "Doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt", khẳng định sự minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Với vị thế tiên phong trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp tại Việt Nam và là thương hiệu lớn trên thị trường khu vực, PTSC luôn kiên định thực hành quản trị doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn cao nhất. PTSC tuân thủ chặt chẽ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành cũng như áp dụng thông lệ quốc tế, đồng thời đề cao vai trò của hoạt động Quan hệ cổ đông, nhà đầu tư trong việc xây dựng các mối quan hệ bền vững, minh bạch, góp phần tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và bảo vệ quyền lợi của Cổ đông.

3.1 Tăng cường đối thoại:

Quyền tiếp cận thông tin của Cổ đông

Trong năm 2024, PTSC đã tích cực tổ chức các cuộc gặp gỡ định kỳ với các nhà đầu tư, đồng thời sẵn sàng tiếp nhận theo yêu cầu nhằm cung cấp thông tin chi tiết về tình hình hoạt động SXKD hàng quý. PTSC đã đón tiếp nhiều Nhà đầu tư đến từ những công ty chứng khoán, quỹ quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam cùng với các quỹ đầu tư nước ngoài, tất cả đều tìm kiếm cơ hội hợp tác và đầu tư. Thêm vào đó, thông tin về hoạt động SXKD của PTSC luôn được công bố một cách chính xác và kịp thời, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin cho tất cả các Cổ đông.

Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện để các Cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm có cơ hội trải nghiệm thực tế về các lĩnh vực hoạt động, PTSC tổ chức các buổi tham quan cơ sở vật chất Trung tâm công nghiệp năng lượng và hậu cần kỹ thuật PTSC. Những chuyến tham quan thực địa thú vị, trực quan sinh động đã cung cấp đầy đủ thông tin về hệ sinh thái dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng của PTSC và để lại trong lòng khách tham quan những ấn tượng tốt đẹp

Thảo luận và chất vấn tại các cuộc họp ĐHĐCĐ và Gặp gỡ nhà đầu tư

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, Cổ đông đã trực tiếp đặt câu hỏi chất vấn Đoàn chủ tịch. Các vấn đề Cổ đông đặt ra đều được Đoàn chủ tịch giải đáp, cung cấp thông tin minh bạch, chính xác. Các nội dung góp ý, kiến nghị của Cổ đông tại cuộc họp đều được tiếp thu và nghiên cứu triển khai phù hợp. Bên cạnh đó, trước mỗi kỳ ĐHĐCĐ, PTSC đều tổ chức Hội nghị Nhà đầu tư (Analyst Meeting) nhằm thông tin đến các nhà đầu tư về tình hình tài chính, kết quả SXKD, triển vọng thị trường dầu khí, năng lượng tái tạo cũng như định hướng, chiến lược phát triển của PTSC trong tương lai. Thông qua những sự kiện này, Ban Lãnh đạo PTSC đã chia sẻ và trao đổi cởi mở với các nhà đầu tư, giúp nâng cao hiểu biết lẫn nhau cho các bên tham gia.

3.2 Minh bạch thông tin:

PTSC luôn đề cao và hiểu được tính chất quan trọng của việc minh bạch thông tin, đã áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc công bố thông tin, đăng tải, cập nhật các thông tin công bố về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, các thông báo liên quan, tình hình tài chính, kết quả hoạt động, định hướng, chiến lược phát triển, giao dịch với các bên liên quan, quyền sở hữu và các cơ cấu kiểm soát,... trên website, các trang mạng xã hội cũng như thông qua các kênh truyền thông của PTSC nhanh chóng, kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, PTSC cũng kết hợp với các Công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động PTSC một cách chi tiết và minh bạch nhất.

3.3 Bảo vệ quyền lợi Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông:

Để thực hiện đúng mục tiêu “Bảo vệ tối đa quyền lợi Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa Cổ đông thiểu số - đa số, giữa Cổ đông trong nước - nước ngoài, giữa Cổ đông nội bộ - bên

ngoài” của Tổng công ty PTSC, Bộ phận quan hệ Cổ đông của PTSC luôn làm việc tích cực, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ Cổ đông về việc thực hiện các quyền của Cổ đông như: đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động PTSC, tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, ủy quyền thực hiện quyền của Cổ đông, nhận cổ tức từ PTSC...

DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2024

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
1	11/01/2024	Thông báo về việc Họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024
2	11/01/2024	Công bố thông tin Triệu tập Họp và nội dung dự thảo Tài liệu Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024
3	30/01/2024	Báo cáo Tình hình quản trị Công ty (Kỳ báo cáo; Năm 2023)
4	30/01/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2023
5	30/01/2024	Công bố Báo cáo tài chính Họp nhất Quý 4/2023
6	30/01/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2023 so với Quý 4/2022
7	30/01/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính họp nhất Quý 4/2023 so với Quý 4/2022
8	02/02/2024	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024
9	02/02/2024	Nghị quyết Họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024
10	02/02/2024	Công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024
11	14/03/2024	Giải trình chênh lệch số liệu BCTC Công ty mẹ năm 2023
12	14/03/2024	Giải trình chênh lệch số liệu BCTC Họp nhất năm 2023
13	14/03/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2023 đã kiểm toán
14	14/03/2024	Công bố Báo cáo tài chính Họp nhất năm 2023 đã kiểm toán
15	14/03/2025	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
16	03/04/2024	Công bố Báo cáo thường niên 2023
17	04/04/2024	Công bố Nghị quyết về Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
18	26/04/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2024 so với Quý 1/2023
19	26/04/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2024 so với Quý 1/2023
20	26/04/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2024
21	26/04/2024	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
22	17/05/2024	Công bố thông tin Triệu tập Họp và nội dung dự thảo Tài liệu Họp ĐHĐCĐ thường niên 2024
23	30/05/2024	Công bố thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11
24	03/06/2024	Thông báo về việc Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
25	14/06/2024	Công bố thông tin Nghị quyết về Phê duyệt Nội dung và tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông tại phiên Họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 của Tổng công ty
26	17/06/2024	Biên bản Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024
27	17/06/2024	Nghị quyết Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024
28	18/06/2024	Công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Họp ĐHĐCĐ thường niên 2024
29	10/07/2024	Công bố thông tin Ký Họp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024
30	25/07/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2024 so với Quý 2/2023
31	25/07/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2024 so với Quý 2/2023
32	25/07/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2024
33	25/07/2024	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
34	29/07/2024	Báo cáo tình hình quản trị Công ty (Kỳ báo cáo: 06 tháng Năm 2024)
35	30/07/2024	Đính chính thông tin của BCTC Công ty mẹ Quý 2/2024 đã công bố
36	30/07/2024	Đính chính thông tin của BCTC hợp nhất Quý 2/2024 đã công bố

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
37	02/08/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2024
38	02/08/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty Mẹ 06 tháng năm 2024 đã được soát xét
39	08/08/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024
40	08/08/2024	Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính
41	16/09/2024	Thông báo Về việc Công tác cán bộ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
42	24/09/2024	Công bố thông tin về Hợp đồng thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng quản trị
43	28/10/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2024 so với Quý 3/2023
44	28/10/2024	Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2024 so với Quý 3/2023
45	28/10/2024	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2024
46	28/10/2024	Công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính
47	30/10/2024	Nghị quyết về việc Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền
48	30/10/2024	Công bố thông tin Nghị quyết Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền
49	31/10/2024	Thông báo về việc Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền
50	12/11/2024	Thông báo về việc Công tác cán bộ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
51	06/12/2024	Thông báo về việc Công tác cán bộ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
52	13/12/2024	Thông báo về việc Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
53	27/12/2024	Công bố thông tin Nghị quyết Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản
54	30/12/2024	Thông báo về việc Đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

4. ĐÁNH GIÁ CỔ PHIẾU PVS

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam đối diện với nhiều biến động nhưng vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng nhờ nền tảng vĩ mô ổn định và dòng vốn tích cực. VN-Index mở đầu năm với tâm lý tích cực và tiến đến vùng giá 1.293 điểm vào tháng 3 nhờ dòng vốn nội và ngoại đổ mạnh vào thị trường. Tuy nhiên, áp lực từ kinh tế toàn cầu, lãi suất Mỹ duy trì ở mức cao và dòng tiền có sự phân hóa khiến thị trường xuất hiện các nhịp điều chỉnh mạnh. Cuối năm 2024, VN-Index chốt ở 1.266 điểm, tăng 12,1% so với đầu năm, thể hiện sự bền vững của thị trường bất chấp những thách thức từ bên ngoài.

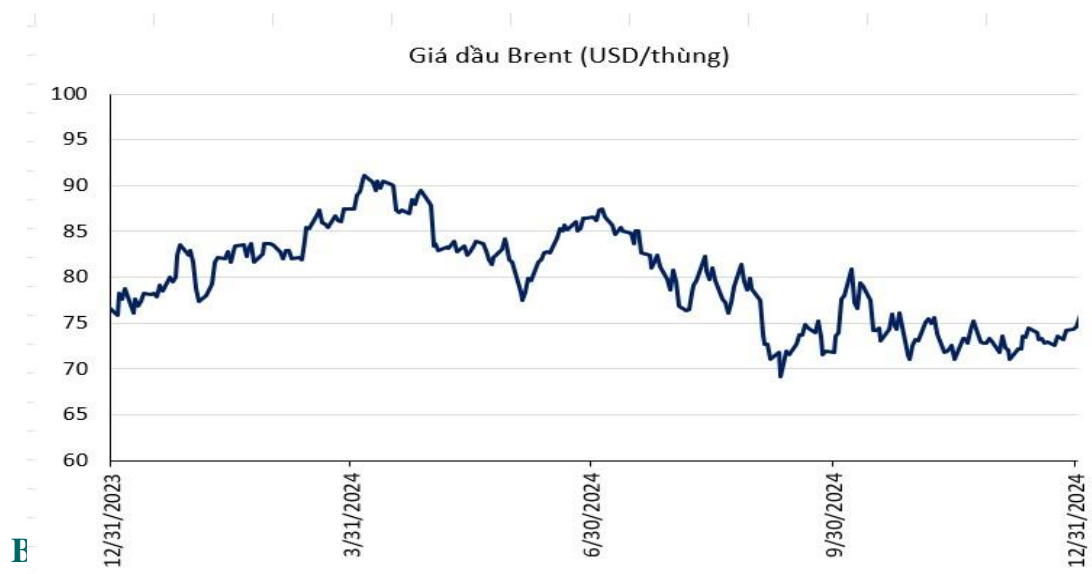
Đối với ngành dầu khí, năm 2024, giá dầu Brent dao động trong khoảng 70-90 USD/thùng, phản ánh sự cân bằng giữa nhu cầu và nguồn cung khi áp lực từ nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, đặc biệt tại Trung Quốc và châu Âu, khiến nhu cầu tiêu thụ dầu suy yếu; tuy nhiên, OPEC+ lại duy trì chính sách cắt giảm sản lượng, cùng với căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và Biển Đỏ, đã giúp giá dầu không giảm sâu. Giá dầu Brent bình quân đạt 80 USD/thùng, giảm 2,8% so với năm 2023 nhưng vẫn đủ duy trì hoạt động thăm dò và khai thác (E&P) trên toàn cầu.

Trong khi đó, ở Việt Nam, Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) của “siêu” Dự án khí điện Lô B được thông qua vào tháng 3/2024 mở đường cho việc khởi công vào tháng 9/2024. PVS tham gia thực hiện các gói thầu EPCI#1, EPCI#2, EPCI#3 Dự án Lô B cùng với Hợp đồng EPCIC Dự án Lạc Đà Vàng và Hợp đồng thi công dự án điện gió quốc tế,... đảm bảo khối lượng công việc lớn và ổn định cho các năm tới.

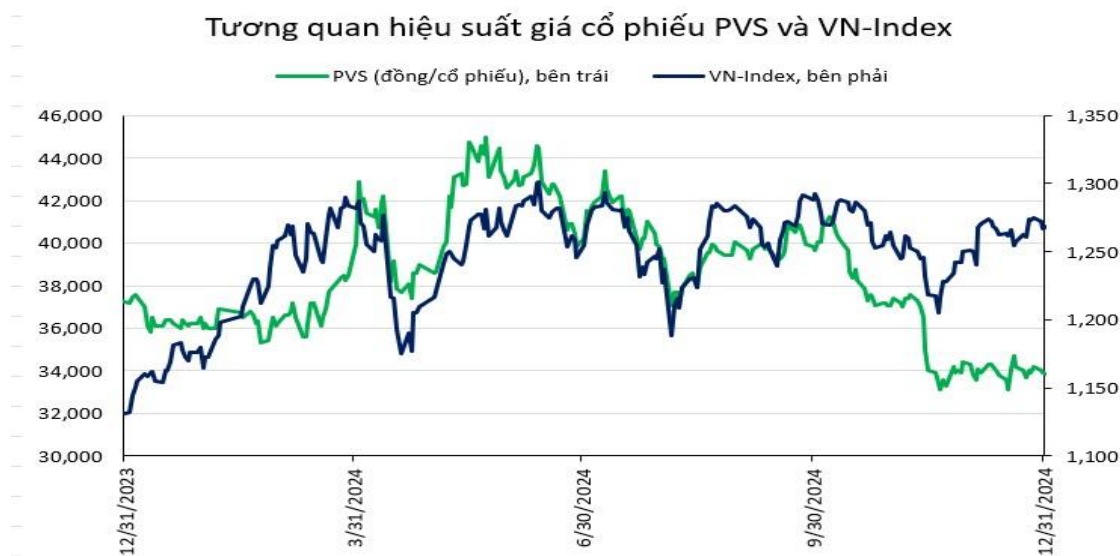
Năm 2024, PTSC đã đạt được kết quả kinh doanh tích cực, vượt xa kế hoạch đề ra và đạt mức lợi nhuận cao nhất trong 9 năm qua. Với lượng backlog lớn từ các dự án M&C trong những năm tới và vị thế dẫn đầu trong ngành, năm 2024, Doanh thu hợp nhất đạt 24.986 tỷ đồng, tăng 15% so với thực hiện năm 2023. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 1.255 tỷ đồng, tăng 18,4% so với thực hiện năm 2023. Xét về mức độ tương quan giữa cổ phiếu PVS và VN-Index, có thể thấy diễn biến giá của PVS cũng khá tương đồng với diễn biến chung của thị trường trong năm 2024. Nửa đầu năm 2024, khi thị trường chứng khoán diễn biến khá tích cực, cùng với đó là sự phân hóa của dòng tiền, cổ phiếu PVS cũng trở thành một trong những điểm sáng khi đó, với mức tăng hơn 20% (tính từ đầu năm 2024 đến giữa tháng 5/2024).

Tuy nhiên, nửa sau của năm 2024, thị trường chứng khoán diễn biến theo chiều hướng phân hóa mạnh hơn, VN-Index nhiều lần “dập dìu lên xuống”, kéo theo đó là sự điều chỉnh của nhiều cổ phiếu, trong đó có PVS. Dù vậy, ở góc nhìn dài hạn, với tiềm năng tăng trưởng và triển vọng công việc trong tương lai, PVS vẫn được kỳ vọng sẽ giữ vững vị thế trên thị trường trong năm 2025.

Biểu đồ giá dầu thô năm 2024



B



5. LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA PTSC QUA CÁC NĂM

Năm	Phương thức	Số lượng phát hành (cổ phần)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000,00
2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	73.803.431	1.738,03
2009	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988,03
2010	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	98.998.663	2.978,02
2012	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	148.898.327	4.467,00

Năm	Phương thức	Số lượng phát hành (cổ phần)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
2017	Chia cổ tức bằng CP cho cổ đông hiện hữu	31.269.002	4.779,66

6. LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT CỦA PTSC (2007-2022)

Stt	Năm	Ngày đăng ký cuối cùng	Vốn điều lệ (nghìn đồng)	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Số tiền cổ tức (nghìn đồng)
1.	2007	14/3/2008	1.000.000.000	14%	140.000.000
2.	2008 (đợt 1)	20/11/2008	1.000.000.000	10%	100.000.000
3.	2008 (đợt 2)	25/6/2009	1.738.034.310	5%	86.901.715
4.	2009	12/5/2010	1.988.034.310	20%	397.606.862
5.	2010	13/12/2010	1.988.034.310	15%	298.205.146
6.	2011	25/5/2012	2.978.020.940	20%	595.604.188
7.	2012 (đợt 1)	17/01/2013	2.978.020.940	10%	297.802.094
8.	2012 (đợt 2)	5/9/2013	4.467.004.210	5%	223.350.210
9.	2013	28/7/2014	4.467.004.210	12%	536.040.505
10.	2014	31/7/2015	4.467.004.210	12%	536.040.505
11.	2015	22/7/2016	4.467.004.210	12%	536.040.505
12.	2016 (đợt 1)	07/12/2016	4.467.004.210	5%	223.350.210
13.	2016 (đợt 2)	29/9/2017	4.467.004.210	5%	223.350.210
14.	2017 (đợt 1)	26/02/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
15.	2017 (đợt 2)	31/10/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
16.	2018	30/9/2019	4.779.662.900	7%	334.576.403
17.	2019	23/11/2020	4.779.662.900	10%	477.966.290
18.	2020	28/9/2021	4.779.662.900	10%	477.966.290
19.	2021	28/9/2022	4.779.662.900	8%	382.373.032
20.	2022	27/10/2023	4.779.662.900	7%	334.576.403
21.	2023	14/11/2024	4.779.662.900	7%	334.576.403
Tổng cộng					6.983.027.391

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12, số 0100150577, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2024.	
Hội đồng Quản trị	Ông Phan Thanh Tùng Ông Đỗ Quốc Hoan Ông Nguyễn Xuân Ngọc Ông Trần Ngọc Chương Ông Trần Hồ Bắc Ông Lê Mạnh Cường Ông Hoàng Xuân Quốc Ông Đoàn Minh Mẫn	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 3 tháng 3 năm 2025) Thành viên (đến ngày 3 tháng 3 năm 2025) Thành viên độc lập Thành viên độc lập
Ban Kiểm soát	Bà Bùi Thu Hà Ông Bùi Hữu Việt Cường Ông Phạm Văn Tiến	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Hồ Bắc Ông Lê Mạnh Cường Ông Nguyễn Xuân Cường Ông Trần Hoài Nam Ông Phạm Văn Hùng Ông Lê Cự Tân Ông Lê Chiến Thắng Ông Tạ Đức Tiến Ông Nguyễn Trần Toàn	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 12 năm 2024) Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 12 năm 2024) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 11 năm 2024) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 11 năm 2024) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 9 năm 2024)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trần Hồ Bắc Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 12 năm 2024) Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 12 năm 2024)
Trụ sở chính	Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Tổng công ty đối với Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 91. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hồ Bắc
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 17 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 91.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16292
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Duy Thịnh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4633-2023-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.882.307.235.252	16.289.894.707.172
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.421.530.345.030	5.757.120.569.689
111	Tiền		7.137.281.291.449	3.628.139.793.273
112	Các khoản tương đương tiền		4.284.249.053.581	2.128.980.776.416
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.886.136.152.000	4.329.388.583.505
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	3.886.136.152.000	4.329.388.583.505
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		6.243.893.215.927	4.185.005.658.625
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.706.373.473.651	3.111.110.095.704
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	503.153.960.633	429.627.258.156
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	315.652.153.309	126.550.860.677
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	943.219.909.539	639.548.337.836
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(224.506.281.205)	(121.830.893.748)
140	Hàng tồn kho	10(a)	1.830.251.469.172	1.470.404.312.744
141	Hàng tồn kho		1.842.464.776.007	1.476.352.778.671
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.213.306.835)	(5.948.465.927)
150	Tài sản ngắn hạn khác		500.496.053.123	547.975.582.609
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	49.689.840.111	50.799.468.416
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12	449.424.331.983	495.021.150.547
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19(a)	1.381.881.029	2.154.963.646

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		10.194.501.123.763	10.126.114.103.215
210	Các khoản phải thu dài hạn		97.115.488.107	122.783.978.233
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	97.115.488.107	122.783.978.233
220	Tài sản cố định		3.587.779.562.584	3.391.382.056.464
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	3.525.960.023.388	3.327.996.428.447
222	Nguyên giá		13.956.342.462.787	13.208.829.689.762
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.430.382.439.399)	(9.880.833.261.315)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	61.819.539.196	63.385.628.017
228	Nguyên giá		198.039.222.348	191.910.443.578
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(136.219.683.152)	(128.524.815.561)
230	Bất động sản đầu tư	14	159.659.689.059	164.394.960.915
231	Nguyên giá		229.280.786.454	229.280.786.454
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.621.097.395)	(64.885.825.539)
240	Tài sản dở dang dài hạn		429.933.764.113	373.055.575.647
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15(a)	69.815.950.708	69.815.950.708
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15(b)	360.117.813.405	303.239.624.939
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.730.390.622.099	4.944.744.807.570
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	4.728.578.179.791	4.942.961.726.110
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	3.000.000.000	3.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(1.187.557.692)	(1.216.918.540)
260	Tài sản dài hạn khác		1.189.621.997.801	1.129.752.724.386
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	784.763.707.090	819.532.667.802
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	375.171.360.076	277.488.713.037
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10(b)	29.686.930.635	32.731.343.547
270	TỔNG TÀI SẢN		34.076.808.359.015	26.416.008.810.387

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		19.337.280.616.621	12.871.785.895.146
310	Nợ ngắn hạn		13.938.456.255.382	9.059.981.932.254
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	4.654.388.657.496	3.512.913.500.344
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18(a)	345.599.155.293	251.743.849.255
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19(b)	406.066.567.462	131.349.802.704
314	Phải trả người lao động		926.584.792.827	644.082.888.285
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	4.674.139.938.415	1.777.032.496.201
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	184.744.107.346	237.901.633.014
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21(a)	165.423.135.753	10.236.504.784
319	Phải trả ngắn hạn khác	22(a)	652.288.123.957	650.221.996.761
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23(a)	869.214.138.968	1.176.092.479.623
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	24(a)	353.270.134.995	45.176.198.567
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	706.737.502.870	623.230.582.716
330	Nợ dài hạn		5.398.824.361.239	3.811.803.962.892
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	18(b)	1.788.188.840.740	839.154.706.766
333	Chi phí phải trả dài hạn		7.795.780	24.609.845
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21(b)	177.776.564.360	184.132.364.144
337	Phải trả dài hạn khác	22(b)	180.851.485	69.632.448.385
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23(b)	790.109.474.218	563.921.256.799
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	741.277.938.098	695.304.220.797
342	Dự phòng phải trả dài hạn	24(b)	1.899.436.600.359	1.454.852.195.877
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	26	1.846.296.199	4.782.160.279
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.739.527.742.394	13.544.222.915.241
410	Vốn chủ sở hữu		14.739.527.742.394	13.544.222.915.241
411	Vốn góp của chủ sở hữu	27, 28	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	28	39.617.060.000	39.617.060.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	28	349.934.690.410	-
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28	521.646.163.782	515.577.712.981
418	Quỹ đầu tư phát triển	28	3.795.997.118.958	3.451.157.842.825
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	28	4.081.757.331.087	4.048.270.461.638
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		3.045.814.800.046	3.044.171.472.890
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		1.035.942.531.041	1.004.098.988.748
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28, 29	1.170.912.478.157	709.936.937.797
440	TỔNG NGUỒN VỐN		34.076.808.359.015	26.416.008.810.387



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng




Trần Hồ Bắc
Tổng Giám Đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024	2023
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.772.356.343.032	19.378.650.591.719
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.470.199.989)	(5.088.227.958)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.769.886.143.043	19.373.562.363.761
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(22.704.782.953.899)	(18.334.534.034.521)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.065.103.189.144	1.039.028.329.240
21	Doanh thu hoạt động tài chính	568.818.044.660	789.718.119.202
22	Chi phí tài chính	(217.475.364.821)	(216.353.920.630)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(64.045.546.620)	(73.036.083.814)
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	864.280.331.695	651.130.073.326
25	Chi phí bán hàng	(95.203.694.991)	(85.405.257.798)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.235.176.555.472)	(966.858.088.315)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	950.345.950.215	1.211.259.255.025
31	Thu nhập khác	646.848.047.652	1.578.756.070.062
32	Chi phí khác	(43.887.708.488)	(1.512.707.692.127)
40	Lợi nhuận khác	602.960.339.164	66.048.377.935
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.553.306.289.379	1.277.307.632.960
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(480.772.489.152)	(219.005.912.673)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	182.120.470.655	1.705.805.854
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.254.654.270.882	1.060.007.526.141
	Phân bổ cho:		
61	Chủ sở hữu Công ty mẹ	1.069.773.701.196	1.026.460.821.400
62	Cổ đông không kiểm soát	184.880.569.686	33.546.704.741
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.923	1.377
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.923	1.377



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Trần Hồ Bắc
Tổng Giám Đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	1.553.306.289.379	1.277.307.632.960
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	601.477.056.243	493.006.130.650
03	Các khoản dự phòng	861.589.208.427	141.585.760.208
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(20.767.981.286)	15.122.546.118
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.110.874.167.833)	(1.119.799.343.543)
06	Chi phí lãi vay	64.045.546.620	73.036.083.814
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.948.775.951.550	880.258.810.207
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(2.148.832.687.459)	606.498.409.023
10	Tăng hàng tồn kho	(363.067.584.424)	(386.316.354.824)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	5.513.970.522.847	(663.145.776.574)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	35.878.589.017	(184.415.680.743)
14	Tiền lãi vay đã trả	(62.894.467.831)	(73.809.507.123)
15	Thuế TNDN đã nộp	(281.200.492.320)	(172.372.344.308)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(299.907.161.683)	(291.199.880.489)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	4.342.722.669.697	(284.502.324.831)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(885.212.971.456)	(899.088.732.255)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.279.384.821	4.799.930.050
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(5.575.561.668.826)	(6.285.921.243.630)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	6.018.814.100.331	6.793.863.236.114
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.499.974.816.978	1.203.953.887.462
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.062.293.661.848	817.607.077.741
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	2.130.461.215.578	508.805.808.895
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.553.602.035.192)	(163.345.447.892)
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(379.243.926.100)	(377.693.326.900)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	197.615.254.286	(32.232.965.897)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.602.631.585.831	500.871.787.013
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5.757.120.569.689	5.219.378.499.294
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61.778.189.510	36.870.283.382
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	11.421.530.345.030	5.757.120.569.689



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng




Trần Hồ Bắc
Tổng Giám Đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó số 0100150577 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, lần thứ 12, được cấp ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS, theo Quyết định số 242/QĐ-TTGDHN do Giám đốc Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký ngày 12 tháng 9 năm 2007.

Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn"). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 27.

Hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con ("Tổng công ty") là kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Hoạt động chính của Tổng công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- Dịch vụ quản lý, điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ cảng dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa;
- Dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO");
- Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng;
- Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí;
- Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi;
- Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí;
- Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí;
- Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí;
- Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí;
- Kinh doanh các sản phẩm dầu khí;
- Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; và
- Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, xây dựng công trình công nghiệp – năng lượng tái tạo.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là trong vòng 12 tháng. Đối với hoạt động xây dựng, chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể từ trên 12 tháng đến 24 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty có 6 chi nhánh và 1 văn phòng đại diện; 12 công ty con sở hữu trực tiếp; 6 công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp; và 2 công ty liên kết sở hữu gián tiếp. Thông tin chi tiết được trình bày như sau:

Các chi nhánh và văn phòng đại diện

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, Đường 3/2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
5	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Áp Thạnh Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
6	Chi nhánh PTSC Abu Dhabi	Phòng 1721, Tầng 17, The Offices World Trade Center, Central Market, Al Markaziya, Abu Dhabi, UAE
7	Văn phòng đại diện Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	Số 142, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một thành viên ("MTV") Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Chế tạo, xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC (*)	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất, công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
3	Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (*)	Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí	Malaysia	100	100	100	100
5	Công ty Cổ phần ("CP") Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	95,19	95,19	95,19	95,19
6	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	84,95	84,95	84,95	84,95
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	59,61	59,61	59,61	59,61
8	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	54,69	54,69	54,69	54,69
9	Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu Khí PTSC	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO"), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
10	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp và cảng container	Tp. Hải Phòng, Việt Nam	51	51	51	51

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty con sở hữu trực tiếp (tiếp theo)							
11	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	Tp. Hà Nội, Việt Nam	51	51	51	51
12	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
13	Công ty TNHH Khảo sát Địa chất vật lý PTSC CGGV (**)	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn, 2D, 3D	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp							
1	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Malaysia	60	50	60	50
2	PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	51	50	51	50
3	PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Singapore	51	50	51	50
4	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVO")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Malaysia	49	50	49	50
5	Rong Doi MV12 Private Limited ("MV12")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	33	33	33	33
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard")	Đóng mới, sửa chữa, hoàn cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy các phương tiện nổi	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	28,75	28,75	28,75	28,75
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp							
1	Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	21,46	36	21,46	36
2	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Xây lắp các công trình dân dụng	Tp. Hải Phòng, Việt Nam	10,49	20,57	10,49	20,57

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

(*) Ngày 20 tháng 1 năm 2025, Tổng công ty và Công ty TNHH MTV Dịch vụ khảo sát và Công trình ngầm PTSC đã ký Hợp đồng sáp nhập theo phương án sáp nhập đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua tại Nghị quyết số 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, ngày hiệu lực Hợp đồng sáp nhập là 23 tháng 1 năm 2025. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Dịch vụ khảo sát và Công trình ngầm PTSC vào Tổng công ty theo quy định.

(**) Thực hiện Nghị quyết số 622/NQ-PTSC-HĐQT, ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt giải thể Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan và chấm dứt Dự án đầu tư ra nước ngoài đối với “Dự án thành lập Công ty PTSC Labuan cung cấp tàu dịch vụ dầu khí tại Malaysia”. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (PTSC Labuan) đã thực hiện các thủ tục liên quan đến việc giải thể tại nước sở tại. Ngày 11 tháng 11 năm 2024, Cục Doanh thu Nội địa Malaysia (Inland Revenue Board) đã ban hành Thư xác nhận PTSC Labuan đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Dịch vụ Tài chính Labuan (Labuan Financial Services Authority) xác nhận PTSC Labuan sẽ giải thể từ ngày 27 tháng 3 năm 2025. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, PTSC Labuan đang trong quá trình giải thể theo quy định.

(***) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) về việc chấm dứt Hợp đồng liên doanh trước thời hạn và đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV (“PTSC CGGV”) theo các văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty mẹ.

Từ năm 2018 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PTSC CGGV đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của PTSC CGGV đánh giá và quyết định trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của PTSC CGGV theo cơ sở kế toán không đáp ứng giá định hoạt động liên tục phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty có 7.453 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.209 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và trên cơ sở kế toán hoạt động liên tục, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5 và báo cáo tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan và PTSC CGGV được lập trên cơ sở kế toán không đáp ứng giá định hoạt động liên tục như đã nêu tại Thuyết minh 1.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, hàng hóa và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, nếu báo cáo tài chính của các công ty được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Tổng công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty này sang đồng tiền báo cáo của Tổng công ty theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm tài chính;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi theo tỷ giá tại ngày góp vốn;
- Giá trị tài sản thuần của các công ty này do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- LNST chưa phân phối phát sinh sau ngày mua các công ty này được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân do tỷ giá bình quân của năm tài chính xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được phân ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Đối với công ty con, phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tổng công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" và phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"; và
- Khi thanh lý các công ty này, toàn bộ số chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trên phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty sẽ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính cùng năm tài chính thanh lý các công ty đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng công ty áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tổng công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được hạch toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST hoặc lỗ lũy kế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng công ty được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong liên doanh và các công ty liên kết, Tổng công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Các chính sách kế toán của công ty liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng công ty với các công ty liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn theo quy định. Các khoản phải thu được xóa sổ theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí mua, và các chi phí khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được do Tổng công ty tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tái chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ như chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng và chi phí phân phối.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, kém chất lượng, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Hàng tồn kho được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào kế hoạch sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập theo quy định kế toán và chính sách kế toán hiện hành vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy mà Tổng công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị dự kiến có thể thu hồi. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu. Tổng công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là khi các chi phí này đã phát sinh trong năm tài chính.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối năm tài chính. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 45 năm
Máy móc và thiết bị	1 - 20 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	3 - 30 năm
Thiết bị quản lý	1 - 10 năm
TSCĐ hữu hình khác	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	1 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
TSCĐ vô hình khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng, hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản dở dang có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của tài sản ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng

48 - 49 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc ghi nhận chi phí phải trả được xác định trên cơ sở đã xác định được nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế, và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm về cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Tổng công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Doanh thu chưa thực hiện được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.20 Vốn chủ sở hữu**(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) LNST chưa phân phối

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tổng công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.21 Phân chia lợi nhuận**

Phương án phân chia LNST TNDN của Tổng công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm Nghị quyết của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm: chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu bằng hình thức bổ sung vốn điều lệ.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được sử dụng cho mục đích khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và thưởng ban quản lý điều hành.

2.22 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng xây dựng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Tổng công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh 2.10.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(f) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; và lỗ tỷ giá hối đoái.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Chi phí thuế TNDN của Tổng công ty được ước tính dựa vào các quy định hiện hành về thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế và sự thay đổi của những quy định về thuế.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng công ty một cách toàn diện.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- doanh thu và chi phí liên quan tới hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 2.10, 2.22, 2.23); và
- phải thu và phải trả liên quan tới hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 2.10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	8.075.403.105	9.201.053.670
Tiền gửi ngân hàng	7.129.195.752.388	3.618.761.042.197
Tiền đang chuyển	10.135.956	177.697.406
Các khoản tương đương tiền (*)	4.284.249.053.581	2.128.980.776.416
	<u>11.421.530.345.030</u>	<u>5.757.120.569.689</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 0,5% đến 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0,5% đến 4,7%/năm).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>3.886.136.152.000</u>	<u>3.886.136.152.000</u>	<u>4.329.388.583.505</u>	<u>4.329.388.583.505</u>

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị của khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và trên 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất là 2,6% đến 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,6% đến 8,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại ("MBV") - trước ngày 18 tháng 12 năm 2024 là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("Oceanbank") là 186.565.000.000 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 190.680.000.000 Đồng) đang tạm ngừng giao dịch. Ngày 17 tháng 10 năm 2024, Oceanbank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho Ngân hàng TMCP Quân đội ("MBBank") và sau đó được đổi tên thành MBV. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và MBBank.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	2024			2023		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	1.652.802.039.235	4.728.578.179.791	-	1.652.802.039.235	4.942.961.726.110	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000	(1.187.557.692)	3.000.000.000	3.000.000.000	(1.216.918.540)
	<u>1.655.802.039.235</u>	<u>4.731.578.179.791</u>	<u>(1.187.557.692)</u>	<u>1.655.802.039.235</u>	<u>4.945.961.726.110</u>	<u>(1.216.918.540)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	2024			2023		
		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
1	Rong Doi MV12 Private Limited (i)	106.022.400	-	(*)	106.022.400	-	(*)
2	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	292.324.455.887	1.869.017.158.820	(*)	292.324.455.887	2.075.355.338.532	(*)
3	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	156.473.118.448	847.697.039.707	(*)	156.473.118.448	972.889.320.893	(*)
4	PTSC South East Asia Private Limited (iv)	340.800.232.500	775.848.651.644	(*)	340.800.232.500	905.663.744.900	(*)
5	PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	641.415.780.000	1.192.671.170.275	(*)	641.415.780.000	952.023.898.798	(*)
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (vi)	171.957.430.000	-	(*)	171.957.430.000	-	(*)
7	Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	21.600.000.000	29.143.312.115	(*)	21.600.000.000	22.183.192.932	(*)
8	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (viii)	28.125.000.000	14.200.847.230	(*)	28.125.000.000	14.846.230.055	(*)
		<u>1.652.802.039.235</u>	<u>4.728.578.179.791</u>		<u>1.652.802.039.235</u>	<u>4.942.961.726.110</u>	

4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường hoặc được niêm yết trên thị trường nhưng giao dịch không đáng kể. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm tài chính được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.652.802.039.235	1.652.802.039.235
Kết quả kinh doanh thuần từ các công ty liên doanh, liên kết:		
Số dư đầu năm	3.290.159.686.875	3.276.056.600.428
Lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm (*)	864.280.331.695	651.130.073.326
Cổ tức được chia	(1.216.692.250.000)	(757.473.000.000)
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính trong năm	138.028.371.986	120.446.013.121
Số dư cuối năm	<u>4.728.578.179.791</u>	<u>4.942.961.726.110</u>

(*) Trong đó, chi tiết lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	455.745.633.256	418.134.109.633
PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	192.622.697.589	156.204.652.853
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	162.541.680.797	94.363.604.685
PTSC South East Asia Private Limited (iv)	47.055.583.696	7.932.919.886
Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	6.960.119.183	(12.226.443.786)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (viii)	(645.382.826)	(13.278.769.945)
	<u>864.280.331.695</u>	<u>651.130.073.326</u>

4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

(i) Rong Doi MV12 Private Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và các đối tác Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd (Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd được thành lập tại Nhật) vào năm 2006 để đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Rong Doi MV12") với sức chứa 300.000 thùng dầu cho Công ty Korea National Oil Corporation ("KNOC") thuê từ năm 2007 để phục vụ khai thác dầu tại mỏ Rồng Đồi – Rồng Đồi Tây thuộc Lô 11-2 ngoài khơi Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 07 năm cố định và được gia hạn từng năm cho đến khi hết thời hạn sử dụng của FSO. Từ ngày 1 tháng 11 năm 2024, Zarubezhnef EP Vietnam B.V ("ZNEP") thay thế quyền và nghĩa vụ của KNOC tại Hợp đồng chia sản phẩm tại Lô 11-2 theo Thỏa thuận giữa KNOC và ZNEP, đồng thời, kho nổi FSO "MV12" cũng được chuyển giao từ Rong Doi MV12 Private Limited sang Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC theo Thỏa thuận chuyển giao (Deed of Novation) giữa KNOC, ZNEP, Rong Doi MV12 Private Limited và Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại Rong Doi MV12 Private Limited là 6.600 USD, tương đương 106.022.400 Đồng.

(ii) Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad ("MISC") vào năm 2009 để:

- đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Orkid") sức chứa 650.000 thùng dầu cho Repsol Oil & Gas Malaysia Limited thuê để phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 CAA thuộc khu vực chông lán Việt Nam - Malaysia từ năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027; và
- đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Golden Star") sức chứa 654.717 thùng dầu cho Idemitsu Gas Production Viet Nam Company Limited thuê phục vụ khai thác tại cụm mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt thuộc Lô 05-1b & 05 – 1c ngoài khơi Việt Nam với thời hạn hợp đồng trong vòng 7 năm từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 11 năm 2027 và có thể gia hạn thêm 8 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại MVOT là 17.258.911 USD, tương đương 292.324.455.887 Đồng.

(iii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác MISC vào năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO "Ruby II"). Từ tháng 6 năm 2010, FPSO "Ruby II" được đưa vào khai thác phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Công ty Petronas Carigali Vietnam Limited tại Lô 01&02 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam đến ngày 9 tháng 9 năm 2017. Từ ngày 10 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Petronas Carigali Vietnam Limited, thực hiện hợp đồng với VOFT theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Petronas Carigali Vietnam Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại VOFT là 8.784.000 USD, tương đương 156.473.118.448 Đồng.

4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

(iv) PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad vào năm 2011 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT- ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "PTSC Bien Dong 01") cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông ("BDPOC") thuê phục vụ khai thác dầu thô tại Lô 05.2 và Lô 05.3 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 USD, tương đương 3.071.478.027.530 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 USD chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC SEA là 16.320.000 USD, tương đương 340.800.232.500 Đồng.

(v) PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT- ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO "PTSC Lam Son") cho Công ty Điều hành chung Lam Son (Lam Son JOC) thuê phục vụ phát triển tại mỏ Thăng Long – Đông Đô thuộc Lô 01/97 và Lô 02/97, vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam đến ngày 30 tháng 6 năm 2017. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Lam Son JOC tiếp tục thuê FPSO "PTSC Lam Son". Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 USD, tương đương 9.113.372.709.795 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 USD chiếm 27,9% vốn đầu tư. Trong năm 2018, hai bên góp vốn của PTSC AP đã thực hiện giảm vốn góp từ 100.000.000 USD xuống còn 60.000.000 USD tương ứng với tỷ lệ góp vốn của các chủ sở hữu. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC AP là 30.600.000 USD, tương đương 641.415.780.000 Đồng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

- (vi) Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ đăng ký là 594.897.870.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp của Tổng công ty tại công ty này là 171.957.430.000 Đồng, chiếm 28,75% vốn điều lệ.
- (vii) Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải ("Cảng Thị Vải") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 Đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Do đó, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định kế toán hiện hành.
- (viii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải ("PVC Duyên Hải") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201093188 cấp lần đầu ngày 2 tháng 7 năm 2010 và thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 136.732.500.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 20,57% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 10,49% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	2024			2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1	Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (i)	<u>3.000.000.000</u>	<u>(1.187.557.692)</u>	(*)	<u>3.000.000.000</u>	<u>(1.216.918.540)</u>	(*)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch là 1,49%.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	1.216.918.540	14.167.398.536
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 35)	(29.360.848)	(12.950.479.996)
Số dư cuối năm	<u>1.187.557.692</u>	<u>1.216.918.540</u>

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Văn phòng điều hành ("VPĐH") Murphy Cuu Long Bac Oil Company Limited tại Tp. Hồ Chí Minh	414.055.919.654	86.890.600
Fengmiao Wind Power Company Limited	146.248.337.784	11.622.187.920
Công ty TNHH Dịch vụ Ngoài khơi Phía Nam	145.690.488.000	-
Baltec IES Proprietary Limited	104.320.995.601	30.836.355.323
Liên danh TPSK	85.248.636.341	86.827.056.306
VPĐH Công ty Premier Oil Vietnam Offshore B.V. tại Tp. Hồ Chí Minh	79.234.131.049	40.014.194.636
Hanwha Ocean Company Limited	77.832.650.481	82.280.188.320
North Oil Company	75.883.995.370	35.289.943.530
Zarubezhneft EP Vietnam B.V.	64.545.993.773	5.866.556.961
VPĐH Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. tại Tp. Hồ Chí Minh	45.906.381.214	29.074.434.426
Elektrownia Wiatrowa Baltica	43.777.009.370	22.103.749.011
Sea Energy Marine Services LLC	40.995.958.038	43.741.227.533
GE Vernova Operations LLC	39.007.953.373	-
Enterprize Energy Private Limited	36.780.725.785	35.677.041.656
Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	35.121.129.014	35.121.129.014
Orsted Taiwan Limited	-	646.011.560.208
Bên thứ ba khác	642.284.381.564	711.322.349.939
	<u>2.076.934.686.411</u>	<u>1.815.874.865.383</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	2.629.438.787.240	1.295.235.230.321
	<u>4.706.373.473.651</u>	<u>3.111.110.095.704</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	100.613.950.134	100.613.950.134
Công ty CP Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen	38.333.475.683	-
Công ty CP Xây dựng Hữu Thành	38.015.452.674	-
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Mogene	20.190.334.480	3.231.989.910
Công ty CP Cầu trục và Thiết bị AVC	18.585.288.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí và Năng lượng Bình Minh	16.125.542.584	-
Công ty CP SCI E&C	13.588.401.409	13.588.401.409
Công ty TNHH APDS Việt Nam	11.097.114.764	-
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	2.580.486.764	22.192.268.511
Công ty TNHH Công Nghiệp IQIP Singapore Private Limited	-	30.937.500.000
Bên thứ ba khác	152.167.207.427	24.478.851.280
	<u>411.297.253.919</u>	<u>395.869.150.533</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	91.856.706.714	33.758.107.623
	<u>503.153.960.633</u>	<u>429.627.258.156</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	2024 VND	2023 VND
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	315.652.153.309	126.550.860.677
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(184.744.107.346)	(237.901.633.014)
	<u>130.908.045.963</u>	<u>(111.350.772.337)</u>
Trong đó:		
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	17.788.319.997.138	10.918.593.697.194
Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	(17.657.411.951.175)	(11.029.944.469.531)
	<u>130.908.045.963</u>	<u>(111.350.772.337)</u>

**7 PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIỀN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG
(tiếp theo)**

Chi tiết của phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Phải thu		
Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc Dự án khí Lô B	126.330.342.554	-
Dự án CHW2204	94.493.108.556	-
Dự án EPCI#2 - Hợp đồng thiết kế, mua sắm, chế tạo và lắp đặt giàn thu gom/giàn đầu giếng và hệ thống đường ống nội mỏ thuộc Dự án khí Lô B	70.666.481.739	-
Dự án EPC bồn chứa LPG Thị Vải	20.732.107.522	-
Dự án Kho Xăng dầu Vũng Rô	118.599.942	4.153.400.548
Dự án NPK	3.311.512.996	3.311.512.996
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	-	66.657.433.448
Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	-	52.428.513.687
	<u>315.652.153.309</u>	<u>126.550.860.677</u>
Phải trả		
Dự án STG#3 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công, lắp đặt, đấu nối chạy thử và bàn giao cụm máy phát điện Tua bin hơi 113-A-006"	106.490.535.283	-
Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Hợp đồng "Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử" với SWPOC	78.253.572.063	-
Hợp đồng thiết kế, mua sắm và thi công xây dựng cho Dự án Hải Phòng 2	-	3.703.793.017
Dự án CHW2204	-	202.267.437.762
Dự án EPC bồn chứa LPG Thị Vải	-	24.951.439.815
Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc dự án khí Lô B	-	6.978.962.420
	<u>184.744.107.346</u>	<u>237.901.633.014</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024		2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Doanh thu trích trước cho dịch vụ đã cung cấp				
Liên danh TPSK	164.393.429.824	-	93.695.215.141	-
Hanwha Ocean Company Limited	82.205.852.489	-	60.944.775.800	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	40.735.524.280	-	43.407.857.358	-
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	28.053.017.797	-	963.200.000	-
VPĐH Công ty Premier Oil Vietnam Offshore B.V. tại Tp. Hồ Chí Minh	26.185.698.057	-	21.756.904.847	-
Hibiscus Oil & Gas Malaysia Limited	24.136.674.787	-	6.753.280.800	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	23.213.473.567	-	14.615.893.392	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	11.144.330.921	-	229.595.836	-
T. Y. Lin International	-	-	49.143.186.400	-
Khác	70.947.767.820	-	85.752.747.536	-
Phải thu tiền thuê đất (*)	243.210.333.453	(72.963.100.036)	-	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	56.046.617.927	-	97.014.733.588	-
Ký quỹ, ký cược	31.226.487.683	-	43.935.741.123	-
Tạm ứng	12.349.794.391	-	12.554.832.780	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	28.087.409.488	-	11.244.283.209	-
Khác	101.283.497.055	(4.853.340.920)	97.536.090.026	(1.278.756.902)
	<u>943.219.909.539</u>	<u>(77.816.440.956)</u>	<u>639.548.337.836</u>	<u>(1.278.756.902)</u>

(*) Đây là khoản phải thu trích trước liên quan đến tiền thuê đất tại diện tích 39,8 ha và 23 ha trực thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, căn cứ quy định tại hợp đồng ký kết giữa các bên, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, một công ty con của Tổng công ty là bên cho thuê sẽ thu lại số tiền này từ bên đi thuê là Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí khi có phát sinh nghĩa vụ liên quan đến tiền thuê đất như được trình bày tại Thuyết minh 24 và 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

8 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2024 VND	2023 VND
Ký quỹ, ký cược	82.189.692.834	111.243.427.960
Khác	14.925.795.273	11.540.550.273
	<u>97.115.488.107</u>	<u>122.783.978.233</u>

Chi tiết phải thu khác theo đối tượng được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Ngắn hạn		
Bên thứ ba	522.318.777.042	547.701.565.171
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	420.901.132.497	91.846.772.665
	<u>943.219.909.539</u>	<u>639.548.337.836</u>
Dài hạn		
Bên thứ ba	<u>97.115.488.107</u>	<u>122.783.978.233</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2024			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Bên thứ ba				
Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	35.121.129.014	10.172.738.438	(24.948.390.576)	Trên 1 năm - Dưới 2 năm
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)	Trên 3 năm
Sapura Offshore Sdn Bhd	11.208.132.191	607.965.637	(10.600.166.554)	Trên 2 năm - Dưới 3 năm
Marsol Offshore Construction LLC	7.554.500.377	-	(7.554.500.377)	Trên 3 năm
Khác	76.656.896.716	46.780.648.072	(29.876.248.644)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	<u>144.072.577.028</u>	<u>57.561.352.147</u>	<u>(86.511.224.881)</u>	
Bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	25.820.593.990	2.402.984.055	(23.417.609.935)	Trên 3 năm
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	15.098.497.832	-	(15.098.497.832)	Trên 3 năm
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	14.244.463.477	351.612.063	(13.892.851.414)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	4.949.073.120	-	(4.949.073.120)	Trên 3 năm
Khác	8.756.111.071	5.935.528.004	(2.820.583.067)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	<u>68.868.739.490</u>	<u>8.690.124.122</u>	<u>(60.178.615.368)</u>	
Phải thu ngắn hạn khác				
Bên liên quan				
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	154.081.151.000	107.856.805.700	(46.224.345.300)	Dưới 1 năm
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	89.129.182.453	62.390.427.717	(26.738.754.736)	Dưới 1 năm
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.986.746.685	982.478.405	(2.004.268.280)	Trên 1 năm - Dưới 3 năm
Khác	5.698.145.280	2.849.072.640	(2.849.072.640)	Trên 1 năm - Dưới 2 năm
	<u>251.895.225.418</u>	<u>174.078.784.462</u>	<u>(77.816.440.956)</u>	
	<u>464.836.541.936</u>	<u>240.330.260.731</u>	<u>(224.506.281.205)</u>	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐỔI (tiếp theo)

	2023		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
			Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Bên thứ ba			
Công ty TNHH Đông tau và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)
Marsol Offshore Construction LLC	7.554.500.377	-	(7.554.500.377)
Allianz Marine Services LLC	32.394.204.682	24.946.748.440	(7.447.456.222)
Sapura Offshore Sdn Bhd	11.907.196.056	4.466.813.947	(7.440.382.109)
Khác	41.062.883.197	15.866.328.507	(25.196.534.690)
	<u>106.450.683.022</u>	<u>45.279.890.894</u>	<u>(61.170.792.128)</u>
Bên liên quan			
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	23.923.058.449	528.132.053	(23.394.926.396)
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	15.098.497.832	-	(15.098.497.832)
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	15.559.869.313	656.163.942	(14.903.705.371)
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	4.949.073.120	-	(4.949.073.120)
Khác	2.066.454.971	1.031.312.971	(1.035.142.000)
	<u>61.596.953.684</u>	<u>2.215.608.966</u>	<u>(59.381.344.718)</u>
Phải thu ngắn hạn khác			
Bên thứ ba	<u>20.260.800</u>	<u>18.741.240</u>	<u>(1.519.560)</u>
Bên liên quan			
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.986.746.685	1.709.509.343	(1.277.237.342)
	<u>171.054.644.191</u>	<u>49.223.750.443</u>	<u>(121.830.893.748)</u>

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 HÀNG TỒN KHO
(a) Hàng tồn kho

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	4.465.401.583	-	30.033.493.450	-
Nguyên vật liệu	694.363.682.960	(12.213.306.835)	381.240.156.057	(2.624.513.034)
Công cụ, dụng cụ	27.280.755.803	-	33.020.540.147	(3.323.962.893)
Chi phí SXKD dở dang (*)	1.073.292.198.880	-	1.030.216.960.605	-
Hàng hóa	43.062.736.781	-	1.841.628.412	-
	<u>1.842.464.776.007</u>	<u>(12.213.306.835)</u>	<u>1.476.352.778.671</u>	<u>(5.948.465.927)</u>

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ, dự án sau:

	2024 VND	2023 VND
Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Hợp đồng "Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử" với SWPOC	787.960.422.535	-
Dự án CHW2204	134.041.828.143	373.234.374.702
Dự án gia công kết cấu thép cho GE	23.403.113.106	46.646.412.811
Dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	22.574.845.088	19.418.265.705
Dự án Baltica 2	17.049.539.821	-
Dự án EPC#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp được" thuộc dự án khí Lô B	16.881.356.606	-
Dự án Giàn xử lý trung tâm Lạc Đà Vàng - A	12.450.431.848	-
Dự án gia công kết cấu thép cho Balfec	8.628.887.916	-
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	-	15.642.396.878
Dự án Hải Long OSS	-	158.269.506.150
Dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam	-	182.083.967.667
Dịch vụ khảo sát địa chấn và công trình ngầm	-	129.490.061.107
Dự án Subsea 7	-	22.263.868.589
Khác	50.301.773.817	16.144.347.613
	<u>1.073.292.198.880</u>	<u>1.030.216.960.605</u>

10 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**(a) Hàng tồn kho**

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	5.948.465.927	1.950.254.388
Trích lập dự phòng	6.264.840.908	3.998.211.539
Số dư cuối năm	<u>12.213.306.835</u>	<u>5.948.465.927</u>

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị của các loại thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế sử dụng để sửa chữa các phương tiện vận tải có kế hoạch thực hiện trên 12 tháng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí bảo hiểm	17.919.753.090	14.968.490.542
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.733.944.530	10.784.827.997
Chi phí thuê bãi, cơ sở hạ tầng	5.510.507.120	13.309.033.744
Khác	10.525.635.371	11.737.116.133
	<u>49.689.840.111</u>	<u>50.799.468.416</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Trả trước tiền thuê văn phòng tại trụ sở chính Số 1-5 Lê Duẩn	249.241.665.858	256.213.823.262
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	240.471.633.560	147.565.169.195
Trả trước tiền thuê đất tại Cảng Đình Vũ	94.921.859.213	99.188.010.185
Trả trước tiền giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	82.649.737.458	85.137.857.742
Chi phí công cụ, dụng cụ	55.255.832.069	75.590.101.937
Chi phí thuê bãi, cơ sở hạ tầng	39.462.977.711	120.207.751.293
Chi phí nạo vét Cảng Vũng Tàu	4.884.324.377	9.118.803.679
Khác	17.875.676.844	26.511.150.509
	<u>784.763.707.090</u>	<u>819.532.667.802</u>

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ với thuế GTGT phải nộp VND	Số đã thu trong năm (*) VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	495.021.150.547	1.399.925.519.788	(1.403.443.841.986)	(42.078.496.366)	449.424.331.983

(*) Trong năm 2024, Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV đã được hoàn thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết theo Quyết định 909/QĐ-CTBRV-KDT của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 14 tháng 5 năm 2024.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.006.388.683.773	2.999.888.269.655	5.820.540.021.683	269.788.076.971	112.244.637.680	13.208.829.689.762
Mua trong năm	2.769.433.056	97.314.703.545	51.914.593.667	48.177.547.286	545.811.726	200.722.089.280
Hình thành từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15(b))	90.331.889.909	266.160.488.785	231.893.181.818	10.279.523.874	-	598.665.084.386
Tăng khác	-	-	-	-	65.000.000	65.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(10.714.384.400)	(3.213.310.379)	(20.873.883.608)	(4.418.423.679)	-	(39.220.002.066)
Giảm khác	(12.613.398.576)	(38.499.999)	-	(67.500.000)	-	(12.719.398.575)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>4.076.162.223.762</u>	<u>3.360.111.651.607</u>	<u>6.083.473.913.560</u>	<u>323.739.224.452</u>	<u>112.855.449.406</u>	<u>13.956.342.462.787</u>
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.630.444.267.740	2.167.936.655.163	4.810.384.530.029	222.664.780.465	49.403.027.918	9.880.833.261.315
Khấu hao trong năm	132.389.630.246	185.460.162.321	223.882.815.389	29.071.613.586	18.430.715.254	589.014.936.796
Thanh lý, nhượng bán	(10.714.384.400)	(3.213.310.379)	(20.873.883.608)	(4.418.423.679)	-	(39.220.002.066)
Giảm khác	(210.223.317)	-	-	(35.533.329)	-	(245.756.646)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>2.751.889.290.269</u>	<u>2.350.183.507.105</u>	<u>5.013.193.461.810</u>	<u>247.282.437.043</u>	<u>67.833.743.172</u>	<u>10.430.382.439.399</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>1.375.944.416.033</u>	<u>831.951.614.492</u>	<u>1.010.155.491.654</u>	<u>47.103.296.506</u>	<u>62.841.609.762</u>	<u>3.327.996.428.447</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>1.324.272.933.493</u>	<u>1.009.928.144.502</u>	<u>1.070.280.451.750</u>	<u>76.456.787.409</u>	<u>45.021.706.234</u>	<u>3.525.960.023.388</u>

13 TSCĐ (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tổng công ty là 7.386 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6.933 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 23) với giá trị còn lại là 1.487 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.138 tỷ Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	51.264.099.029	138.226.062.835	2.420.281.714	191.910.443.578
Mua trong năm	-	5.577.148.770	602.560.000	6.179.708.770
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.980.000)	-	(31.980.000)
Giảm khác	-	(18.950.000)	-	(18.950.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	51.264.099.029	143.752.281.605	3.022.841.714	198.039.222.348
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	458.213.050	125.965.455.030	2.101.147.481	128.524.815.561
Khấu hao trong năm	26.204.400	7.436.707.731	263.935.460	7.726.847.591
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.980.000)	-	(31.980.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	484.417.450	133.370.182.761	2.365.082.941	136.219.683.152
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	50.805.885.979	12.260.607.805	319.134.233	63.385.628.017
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	50.779.681.579	10.382.098.844	657.758.773	61.819.539.196

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 124 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 117 tỷ Đồng).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiết của bất động sản đầu tư như sau:

	2024 VND	2023 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê:		
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta	90.668.647.034	93.416.181.780
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta	68.991.042.025	70.978.779.135
	<u>159.659.689.059</u>	<u>164.394.960.915</u>

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta có nguyên giá là 131.881.668.267 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 48 năm; và
- Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta có nguyên giá 97.399.118.187 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 49 năm.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 5.203.799.784 Đồng. Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 4.735.271.856 Đồng.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Biến động trong năm của bất động sản đầu tư như sau:

	Cơ sở hạ tầng VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2024	229.280.786.454
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	64.885.825.539
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	69.621.097.395
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	164.394.960.915
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	159.659.689.059

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi tiết của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn như sau:

	2024		2023	
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 (i)	301.308.440.489	-	301.308.440.489	-
Dự án Bio Ethanol (ii)	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708
	<u>371.124.391.197</u>	<u>69.815.950.708</u>	<u>371.124.391.197</u>	<u>69.815.950.708</u>

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)

(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (tiếp theo)

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 liên quan đến Hàng mục thiết kế nước ngoài do nhà thầu Black & Veatch International thực hiện. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Chủ đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị của hàng mục này. Tổng công ty đã thực hiện đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này tại Biên bản đánh giá hàng tồn kho số 07/BB-PTSCLP của Hội đồng đánh giá hàng tồn kho - chi phí dở dang hàng mục chi phí tư vấn thiết kế nước ngoài được thành lập theo Quyết định số 0934/QĐ-PTSCLP ngày 21 tháng 12 năm 2017, theo đó, Tổng công ty đã thực hiện trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nêu trên với giá trị tương ứng là 301.308.440.489 Đồng.
- (ii) Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Bio - Ethanol Dung Quất đã hoàn tất phần xây dựng cơ sở hạ tầng, bàn giao cho chủ đầu tư là Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung và đang thực hiện các thủ tục để thanh quyết toán hợp đồng. Số dư của hàng mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 là 69.815.950.708 Đồng tương ứng với 5% giá trị của hợp đồng, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thực hiện xong việc quyết toán theo các điều khoản của hợp đồng và đồng thời sẽ ghi nhận doanh thu tương ứng. Theo đó, giá trị có thể thu hồi sẽ phụ thuộc vào giá trị quyết toán cuối cùng của hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thành việc quyết toán hợp đồng.

(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Hệ thống Thiết bị tự động phục vụ thi công tiên chế tạo	121.697.062.625	-
Dự án Bến số 3, khu bến cảng Dung Quất, Quảng Ngãi	95.872.570.283	15.772.528.297
Xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	77.416.177.085	38.472.788.885
Dự án mở rộng Xưởng cơ khí tại Dung Quất, Quảng Ngãi	14.451.292.934	9.168.409.553
Dự án Đường vào căn cứ cảng tại Cảng Sao Mai - Bến Đình	12.725.868.576	-
Dự án Cảng Sơn Trà, Đà Nẵng	9.673.562.784	9.673.562.784
Công trình Nhà công vụ phục vụ vận hành và mở rộng Cảng Nghi Sơn	3.078.907.915	34.271.779.681
Hệ thống thiết bị phục vụ dự án Năng lượng tái tạo	-	156.531.118.457
Công trình Nhà xưởng số 2 tại POS	-	12.109.023.488
Khác	25.202.371.203	27.240.413.794
	<u>360.117.813.405</u>	<u>303.239.624.939</u>

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)

(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn (tiếp theo)

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	303.239.624.939	102.143.058.200
Mua mới	694.809.552.360	588.490.448.792
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a))	(598.665.084.386)	(387.393.882.053)
Chuyển sang chi phí trả trước	(39.266.279.508)	-
Số dư cuối năm	<u>360.117.813.405</u>	<u>303.239.624.939</u>

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Chi tiết của thuế TNDN hoãn lại được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	<u>375.171.360.076</u>	<u>277.488.713.037</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả sau 12 tháng	(593.043.834.925)	(677.559.350.681)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(148.234.103.173)	(17.744.870.116)
	<u>(741.277.938.098)</u>	<u>(695.304.220.797)</u>
	<u>(366.106.578.022)</u>	<u>(417.815.507.760)</u>

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động của thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	277.488.713.037	344.735.812.309
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(695.304.220.797)	(764.257.125.923)
Số dư đầu năm	(417.815.507.760)	(419.521.313.614)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	182.120.470.655	1.705.805.854
Chênh lệch tỷ giá ngoại hối	(130.411.540.917)	-
Số dư cuối năm	<u>(366.106.578.022)</u>	<u>(417.815.507.760)</u>
Trong đó:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	375.171.360.076	277.488.713.037
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	<u>(741.277.938.098)</u>	<u>(695.304.220.797)</u>

Thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời của các khoản mục sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	379.528.344.943	275.579.615.645
Lợi nhuận từ công ty liên doanh	(409.312.465.446)	(490.547.865.083)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(183.731.369.479)	(187.011.485.598)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm	(148.282.361.801)	(10.396.068.488)
Khác	(4.308.726.239)	(5.439.704.236)
	<u>(366.106.578.022)</u>	<u>(417.815.507.760)</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI (tiếp theo)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai, trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	550.539.807.502	(412.979.291.179)	137.560.516.323
2020	152.063.727.349	(2.237.011.171)	149.826.716.178
2021	1.680.165.582	(1.675.657.244)	4.508.338
2022	240.669.156.609	(170.824.481.393)	69.844.675.216
2023	53.526.917.278	(53.526.917.278)	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
SNP LIMITED	495.130.235.017	495.130.235.017	12.105.440.153	12.105.440.153
Công ty TNHH APDS Việt Nam	409.983.940.445	409.983.940.445	32.388.522.913	32.388.522.913
Velocity Energy Private Limited	245.269.562.395	245.269.562.395	72.366.793.323	72.366.793.323
Enerflex Energy Systems Incorporated	157.971.650.926	157.971.650.926	-	-
PT Meindo Eiang Indah	148.762.776.690	148.762.776.690	-	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	145.516.865.365	145.516.865.365	41.659.766.948	41.659.766.948
Rosemary Overseas Limited	83.943.083.585	83.943.083.585	-	-
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	59.836.450.988	59.836.450.988	59.836.450.988	59.836.450.988
Genesis Marine Services W.L.L	54.254.088.639	54.254.088.639	75.150.504.826	75.150.504.826
Shelf Subsea Solutions Private Limited	51.540.036.890	51.540.036.890	54.717.656.406	54.717.656.406
Công ty TNHH Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ Kỹ thuật Hiệp Phát	51.011.375.510	51.011.375.510	12.882.670.075	12.882.670.075
Tổng công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	48.558.993.758	48.558.993.758	13.892.004.586	13.892.004.586
Công ty CP Hàng hải Dầu khí Hải Dương	39.167.246.927	39.167.246.927	48.306.356.226	48.306.356.226
Công ty CP SCI E&C	36.958.814.420	36.958.814.420	45.772.580.686	45.772.580.686
Công ty CP Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	33.010.954.253	33.010.954.253	47.054.507.927	47.054.507.927
Posh Projects Private Limited	32.519.704.620	32.519.704.620	-	-
Công ty TNHH TM DV Ocean Invest	31.768.466.195	31.768.466.195	8.824.609.237	8.824.609.237
Công ty CP WE Construction	30.156.164.417	30.156.164.417	2.810.927.694	2.810.927.694
Công ty CGG Services SA	-	-	121.174.418.752	121.174.418.752
Công ty CGG Services (Singapore) Private Limited	-	-	116.648.812.533	116.648.812.533
CGG Marine B.V.	-	-	91.702.873.865	91.702.873.865
Bên thứ ba khác	1.951.296.591.225	1.951.296.591.225	2.174.024.317.420	2.174.024.317.420
	<u>4.106.657.002.245</u>	<u>4.106.657.002.245</u>	<u>3.031.320.214.558</u>	<u>3.031.320.214.558</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	547.731.655.251	547.731.655.251	481.593.285.786	481.593.285.786
	<u>4.654.388.657.496</u>	<u>4.654.388.657.496</u>	<u>3.512.913.500.344</u>	<u>3.512.913.500.344</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có đủ nguồn tài chính để thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên khi đến hạn thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Formosa 4 International Investment Company Limited	217.515.938.000	-
Yunnan (HongKong) Logistics Development Limited	16.117.443.493	16.117.443.493
Phu Bia Mining Limited	12.499.818.463	13.304.688.332
Vientiane Hongshi Saythirath Cement Company Limited	6.107.570.056	6.107.570.056
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	4.298.607.750	1.836.613.730
Sea Energy Marine Services LLC	2.580.651.000	10.229.490.000
Elektrownia Wiatrowa Baltica	-	85.738.386.733
Bên thứ ba khác	75.819.663.163	24.311.956.114
	<u>334.939.691.925</u>	<u>157.846.148.458</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	10.659.463.368	94.097.700.797
	<u>345.599.155.293</u>	<u>251.743.849.255</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba		
Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	459.139.164.935	-
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	1.329.049.675.805	839.154.706.766
	<u>1.788.188.840.740</u>	<u>839.154.706.766</u>

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	2024 VND	2023 VND
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") nộp thừa	1.056.023.960	1.450.906.713
Thuế TNDN nộp thừa	319.756.995	219.756.995
Thuế khác nộp thừa	6.100.074	484.299.938
	<u>1.381.881.029</u>	<u>2.154.963.646</u>

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2024 VND	2023 VND
Thuế TNDN	279.013.775.189	79.341.778.358
Thuế TNCN	82.962.496.259	42.856.025.935
Thuế GTGT	20.315.551.891	6.570.922.007
Khác	23.774.744.123	2.581.076.404
	<u>406.066.567.462</u>	<u>131.349.802.704</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Thuế TNDN	79.122.021.363	480.772.489.152	(281.200.492.320)	278.694.018.195
Thuế TNCN	41.405.119.222	342.939.755.426	(302.438.402.350)	81.906.472.298
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	6.092.722.143	128.444.074.859	(114.221.245.111)	20.315.551.891
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	146.719.479.491	(146.719.479.491)	-
Khác	2.574.976.330	219.062.987.343	(197.869.319.624)	23.768.644.049
	<u>129.194.839.058</u>	<u>1.317.938.786.271</u>	<u>(1.042.448.938.896)</u>	<u>404.684.686.433</u>
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.154.963.646			1.381.881.029
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>131.349.802.704</u>			<u>406.066.567.462</u>

(*) Thuế GTGT phải nộp đã được miễn trừ với thuế GTGT được khấu trừ như thuyết minh số 12.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí Dự án EPCI#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc Dự án khí Lô B	1.665.582.930.796	23.850.106.277
Chi phí Dự án Giàn xử lý trung tâm Lạc Đà Vàng - A	584.231.795.649	-
Chi phí Dự án Fengmiao Offshore Windfarm	477.198.708.859	67.977.437.198
Chi phí Dự án đường ống dẫn khí Lô B - Hợp đồng "Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử với SWPOC"	402.700.243.677	-
Chi phí Dự án Baltica 2	357.021.384.930	7.522.448.960
Chi phí Dự án CHW2204	267.682.070.068	742.849.073.304
Chi phí Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	107.276.482.929	238.038.698.968
Chi phí Dự án đường ống Lạc Đà Vàng	102.695.784.736	-
Chi phí Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam	41.307.060.246	80.727.575.652
Chi phí Dự án Hải Long OSS	73.452.125.076	33.049.292.810
Chi phí Dự án Formosa 4	69.622.131.538	-
Chi phí Dự án Benchamas	62.612.550.023	-
Chi phí thuê bãi tại KCN Tàu thủy Nghi Sơn	55.000.000.000	50.000.000.000
Chi phí Dự án EPC Bồn chứa LPG Thị Vải	47.184.345.887	105.921.430.351
Chi phí Dự án đầu tư Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất	47.044.354.054	-
Chi phí xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	37.887.372.956	-
Chi phí Dự án EPC Phân khu 85 - Kho 182 Nhà máy LHD Dung Quất	37.121.154.016	-
Chi phí thuê tòa nhà Petro Hotel	30.147.000.000	20.098.000.232
Chi phí Dự án Bio Ethanol Dung Quất	27.726.930.636	27.726.930.636
Chi phí dịch vụ cung cấp tàu dịch vụ dầu khí	25.126.967.737	30.368.974.217
Chi phí hoạt động kho nổi FPSO Ruby II, FPSO Lam Sơn và FSO Bien Dong 01, FSO Golden Star, FPSO Lewek Emas	25.085.621.147	26.181.404.997
Chi phí cung cấp cáp ngầm dự án Đại Hùng 3	5.530.280.350	29.274.867.889
Chi phí Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	3.174.587.284	44.595.878.602
Chi phí Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	1.198.455.139	69.626.601.027
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chất và công trình ngầm	720.491.880	21.223.923.444
Chi phí nhà xưởng tạm phục vụ dự án năng lượng tái tạo	-	40.804.102.668
Chi phí phải trả khác	119.809.108.802	117.195.748.969
	4.674.139.938.415	1.777.032.496.201

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Dự án đường ống Lạc Đà Vàng	89.902.865.695	-
Dự án chế tạo hệ thống neo Turret, FSO LDV	56.700.000.000	-
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (i)	6.862.199.784	5.203.799.784
Cho thuê văn phòng (ii)	2.872.311.111	2.752.200.000
Khác	9.085.759.163	2.280.505.000
	<u>165.423.135.753</u>	<u>10.236.504.784</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (i)	170.256.764.360	175.460.564.144
Cho thuê văn phòng (ii)	7.519.800.000	8.671.800.000
	<u>177.776.564.360</u>	<u>184.132.364.144</u>

Trong đó:

- (i) Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình thể hiện giá trị của khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng và đất tại Cơ sở hạ tầng 39,8 ha và cơ sở hạ tầng 23 ha trực thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê lần lượt là 48 năm và 49 năm.
- (ii) Cho thuê văn phòng thể hiện giá trị của các khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê văn phòng tại Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê của từng hợp đồng từ 10 năm đến 15 năm.

22 PHẢI TRẢ KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (i)	465.693.332.968	443.615.652.308
Phải trả cho người lao động	7.264.730.339	144.968.759.384
Đặt cọc, ký quỹ	69.942.796.132	540.782.430
Phải trả cổ tức cho các cổ đông (ii)	19.080.433.304	15.837.417.694
Bảo hiểm bắt buộc	10.681.799.978	4.540.046.728
Khác	79.625.031.236	40.719.338.217
	<u>652.288.123.957</u>	<u>650.221.996.761</u>

(i) Phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là khoản thanh toán đợt cuối cho chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Tổng công ty là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là nhà thầu thực hiện. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, hai bên đang hoàn tất các thủ tục quyết toán để thanh toán cho khoản phải trả này.

(ii) Khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông là các khoản cổ tức của các năm trước mà các cổ đông chưa lưu ký, chưa thực hiện thủ tục để nhận.

Chi tiết theo đối tượng của phải trả ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba	575.323.113.657	634.602.364.264
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	76.965.010.300	15.619.632.497
	<u>652.288.123.957</u>	<u>650.221.996.761</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Khác	180.851.485	159.396.385
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	-	69.473.052.000
	<u>180.851.485</u>	<u>69.632.448.385</u>

23 CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty được trình bày như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giải ngân trong năm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Hoàn trả nợ vay trong năm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Giảm (Thuyết minh 28) VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay ngân hàng ngắn hạn (*)	389.917.003.702	1.892.883.859.334	-	(1.376.390.907.310)	-	-	706.409.955.726
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	128.626.172.299	-	211.389.138.825	(177.211.127.882)	-	-	162.804.183.242
Vay bên thứ ba (**)	657.549.303.622	-	-	-	30.454.064.799	(688.003.368.421)	-
	<u>1.176.092.479.623</u>	<u>1.892.883.859.334</u>	<u>211.389.138.825</u>	<u>(1.553.602.035.192)</u>	<u>30.454.064.799</u>	<u>(688.003.368.421)</u>	<u>869.214.138.968</u>

- (*) Các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty thể hiện giá trị của 2 khoản vay tín chấp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế với lãi suất theo từng lần giải ngân.

Mục đích của các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty chủ yếu là để bổ sung vốn lưu động.

Các khoản vay dài hạn được Tổng công ty phân loại lại thành vay ngắn hạn đến hạn trả trong vòng một năm tính từ ngày báo cáo tài chính hợp nhất.

- (**) Đây là khoản vay bằng Đô la Mỹ của PTSC CGGV với CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị mà CGG Holding B.V., phải góp vốn vào PTSC CGGV tương ứng với tỷ lệ 49% vốn điều lệ của PTSC CGGV và giá trị tài sản của CGG Holding B.V., đã chuyển giao cho PTSC CGGV tại thời điểm thành lập là năm 2012, có thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này không chịu lãi suất, phí thu xếp, hoa hồng, hay bất kỳ chi phí nào khác liên quan đến khoản vay. Ngày 25 tháng 10 năm 2024, Công ty CGG Holding B.V, Tổng công ty và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV đã ký Thỏa thuận Giải phóng và Miễn trừ trách nhiệm, theo Thỏa thuận Công ty CGG Holding B.V miễn trừ hoàn toàn cho Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV khỏi các khoản nợ và nghĩa vụ liên quan đến khoản vay còn lại theo hợp đồng vay.

23 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giải ngân trong năm VND	Vay dài hạn đến hạn trả	Hoàn trả nợ vay trong năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay ngân hàng (*)	<u>563.921.256.799</u>	<u>437.577.356.244</u>	<u>(211.389.138.825)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>790.109.474.218</u>

(*) Các khoản vay dài hạn với ngân hàng của Tổng công ty thể hiện giá trị của 13 khoản vay với các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, trong đó:

- Khoản vay 1 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 65 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 120 tháng tính từ năm 2017;
- Khoản vay 2 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 675 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 120 tháng tính từ năm 2018;
- Khoản vay 3 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 692 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 96 tháng tính từ năm 2021;
- Khoản vay 4 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 19 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022;
- Khoản vay 5 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 90 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022;
- Khoản vay 6 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 56 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2023;
- Khoản vay 7 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 2 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 8 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 9 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 9 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 9 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 10 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 14 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024;

23 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

- Khoản vay 11 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 14 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024;
- Khoản vay 12 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 192 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024; và
- Khoản vay 13 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 200 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2024.

Lãi suất của các khoản vay bằng Đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 6%/năm đến 9,1%/năm (năm 2023: từ 7,43%/năm đến 11,5%/năm).

Tổng công ty sử dụng tài sản hình thành từ các khoản vay để làm tài sản thế chấp (Thuyết minh 13).

Mục đích của các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là để đầu tư tài sản dài hạn như căn cứ cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các khoản vay của Tổng công ty được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	2024 VND	2023 VND
Trong vòng 1 năm	869.214.138.968	1.176.092.479.623
Trong năm thứ 2	180.832.659.565	128.626.172.297
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	488.711.856.319	372.047.900.736
Sau 5 năm	120.564.958.334	63.247.183.766
	<u>1.659.323.613.186</u>	<u>1.740.013.736.422</u>

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**(a) Ngắn hạn**

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng phải trả tiền thuê đất (*)	251.599.939.595	-
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ (i)	83.575.000.000	37.500.000.000
Dự phòng chi phí vận hành bảo dưỡng FPSO Lam Sơn	9.614.220.000	-
Dự phòng bảo hành dự án Gallaf - Giai đoạn 1 (ii)	-	6.305.096.520
Khác	8.480.975.400	1.371.102.047
	<u>353.270.134.995</u>	<u>45.176.198.567</u>

(*) Đây là khoản dự phòng phải trả ước tính cho tiền thuê đất tại căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình như trình bày ở Thuyết minh 45.

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (ii) cho:		
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	683.745.276.400	768.792.369.661
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	556.380.304.104	187.525.203.540
Dự án EPC#1 - Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp được" thuộc Dự án khí Lô B	128.477.991.151	-
Dự án đường ống dẫn khí Lô B_Hợp đồng Thiết kế chi tiết, mua sắm, thi công, lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử với SWPOC	76.709.559.967	-
Dự án EPC kho chứa LNG Thị Vải	56.930.443.865	56.930.443.865
Dự án Giàn xử lý trung tâm Lạc Đà Vàng - A	36.018.710.855	-
Dự án DBN PWM	38.015.194.146	36.808.256.111
Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam	28.823.454.040	83.929.010.732
Dự án Hải Long OSS	27.389.590.789	21.137.116.411
Dự án CHW2204	26.451.300.616	-
Dự án Baltica 2	22.190.654.727	-
Dự án Fengmiao Offshore Windfarm	21.311.420.673	-
Dự án EPC Bồn chứa LPG Thị Vải	20.718.525.477	-
Dự án SHWE Phase 3 Jacket	20.237.529.098	19.209.645.146
Dự án đường ống Lạc Đà Vàng	5.941.932.447	-
Dự án Gallaf - Giai đoạn 1	-	245.081.072.773
Dự án khác	4.228.106.398	1.456.178.993
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn sà lan và tàu dịch vụ dầu khí (i)	145.866.605.606	33.982.898.645
	<u>1.899.436.600.359</u>	<u>1.454.852.195.877</u>

(i) Dự phòng chi phí sửa chữa lớn sà lan và tàu dịch vụ dầu khí để đảm bảo nguồn chi phí cho việc sửa chữa định kỳ sà lan và tàu dịch vụ dầu khí. Chi phí dự phòng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh hàng năm cho đến năm tài chính dự kiến việc sửa chữa xảy ra. Tại năm tài chính phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính đó.

(ii) Dự phòng bảo hành công trình được trích lập để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình xây dựng theo các điều khoản của hợp đồng EPC đã ký với khách hàng, tính trên 1% - 5% giá trị hợp đồng.

25 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	623.230.582.716	606.277.884.458
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 28)	371.624.399.593	314.028.638.878
Sử dụng quỹ	(288.117.479.439)	(297.075.940.620)
Số dư cuối năm	<u>706.737.502.870</u>	<u>623.230.582.716</u>

26 QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	4.782.160.279	5.560.621.840
Trích quỹ	887.400.000	2.065.400.000
Sử dụng quỹ	(3.823.264.080)	(2.843.861.561)
Số dư cuối năm	<u>1.846.296.199</u>	<u>4.782.160.279</u>

27 VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	2024	2023
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	477.966.290	477.966.290
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	477.966.290	477.966.290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	477.966.290	477.966.290

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2024		2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38	245.565.000	51,38
Các đối tượng khác	232.401.290	48,62	232.401.290	48,62
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	477.966.290	100	477.966.290	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	477.966.290	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	477.966.290	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	477.966.290	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

28 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.214.094.269.215	-	394.170.781.659	3.896.782.758.228	12.324.327.769.102	730.473.480.554	13.054.801.249.656
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.026.460.821.400	1.026.460.821.400	33.546.704.741	1.060.007.526.141
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(334.576.403.000)	(334.576.403.000)	(43.367.750.000)	(377.964.153.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(303.333.141.380)	(303.333.141.380)	(10.695.497.498)	(314.028.638.878)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	237.063.573.610	-	-	(237.063.573.610)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	121.406.931.322	-	121.406.931.322	-	121.406.931.322
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.451.157.842.825	-	515.577.712.981	4.048.270.461.638	12.834.285.977.444	709.936.937.797	13.544.222.915.241
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.069.773.701.196	1.069.773.701.196	184.880.569.686	1.254.654.270.882
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(334.576.403.000)	(334.576.403.000)	(44.956.620.000)	(379.535.023.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25) (*)	-	-	-	-	-	(356.871.152.614)	(356.871.152.614)	(14.753.246.979)	(371.624.399.593)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	344.839.276.133	-	-	(344.839.276.133)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	6.068.450.801	-	6.068.450.801	-	6.068.450.801
Chuyển nợ vay thành vốn khác của chủ sở hữu (**)	-	-	-	349.934.690.410	-	-	349.934.690.410	335.806.837.653	685.741.528.063
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.795.997.118.958	349.934.690.410	521.646.163.782	4.081.757.331.087	13.668.615.264.237	1.170.912.478.157	14.739.527.742.394

(*) Chia cổ tức và trích lập các quỹ của Công ty mẹ và các công ty con được thực hiện theo Nghị quyết số 377/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ và các nghị quyết của Đại hội Cổ đông các công ty con.

(**) Căn cứ biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng vay ngày 25 tháng 10 năm 2024, CGG Holding B.V., một chủ sở hữu của Công ty TNHH Khảo sát Địa chất vật lý PTSC CGGV ("CGGV") – công ty con của Tổng công ty, đã đồng ý miễn trừ và giải phóng trách nhiệm của CGGV đối với khoản tiền vay chưa thanh toán liên quan đến thỏa thuận vay ngày 9 tháng 1 năm 2012.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 08/NQ-PTSC CGGV ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Thành viên của CGGV đã phê duyệt về việc ghi nhận khoản tiền vay được miễn trừ này là vốn khác của chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của các Chủ sở hữu trong CGGV và vốn điều lệ của CGGV không bị thay đổi.

29 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2024 VND	2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.523.361.857.420	1.523.361.857.420
Quỹ đầu tư phát triển	150.710.607.292	143.981.609.132
Lỗi lũy kế	(503.159.986.555)	(957.406.528.755)
	<u>1.170.912.478.157</u>	<u>709.936.937.797</u>

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	709.936.937.797	730.473.480.554
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 28)	184.880.569.686	33.546.704.741
Cổ tức đã chia (Thuyết minh 28)	(44.958.620.000)	(43.387.750.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	(14.753.246.979)	(10.695.497.498)
Khác	335.806.837.653	-
Số dư cuối năm	<u>1.170.912.478.157</u>	<u>709.936.937.797</u>

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.069.773.701.196	1.026.460.821.400
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(150.814.733.920)	(368.340.201.415)
	<u>918.958.967.276</u>	<u>658.120.619.985</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290	477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.923</u>	<u>1.377</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 của Tổng công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2024.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2023 đã được các cổ đông phê chuẩn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2024 như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.026.460.821.400	-	1.026.460.821.400
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(271.593.861.012)	(96.746.340.403)	(368.340.201.415)
	<u>754.866.960.388</u>		<u>658.120.619.985</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290		477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.579</u>		<u>1.377</u>

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm tài chính đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**(a) Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên thứ ba**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty đang giữ hộ thép chính để thực hiện dự án như sau:

Loại	Tình trạng	Đơn vị	2024	2023
Thép chính	Sử dụng bình thường	tấn	<u>57.624</u>	<u>48.719</u>

(b) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm các ngoại tệ sau:

	2024	2023
Đồng Đô la Mỹ ("USD")	230.418.163	120.228.052
Đồng Euro ("EUR")	19.604.861	5.135.051
Đồng Bảng Anh ("GBP")	244.688	244.695
Đồng Rub Nga ("RUB")	<u>1.530.167</u>	<u>1.530.827</u>

(c) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu/chi trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 43(a).

(d) Cam kết vốn

Các khoản cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng được trình bày tại Thuyết minh 43(b).

32 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	135.968.817.177	283.473.678.849
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.854.980.245.281	8.028.890.546.314
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	13.781.407.280.574	11.066.286.366.556
	<u>23.772.356.343.032</u>	<u>19.378.650.591.719</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(2.470.199.989)	(5.088.227.958)
	<u>(2.470.199.989)</u>	<u>(5.088.227.958)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	135.968.817.177	283.473.678.849
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	9.852.510.045.292	8.023.802.318.356
Doanh thu thuần từ các hợp đồng xây dựng (*)	13.781.407.280.574	11.066.286.366.556
	<u>23.769.886.143.043</u>	<u>19.373.562.363.761</u>
(*) Trong đó doanh thu lũy kế của các công trình lớn:		
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đã hoàn thành trong năm	6.475.887.194.482	8.942.551.149.655
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đang thực hiện trong năm	57.976.173.694.128	46.549.787.265.784
	<u>64.452.060.888.610</u>	<u>55.492.338.415.439</u>

33 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	127.540.187.696	255.270.891.310
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.956.866.179.214	7.210.866.213.651
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	13.620.376.586.989	10.868.396.929.560
	<u>22.704.782.953.899</u>	<u>18.334.534.034.521</u>

34 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	326.503.571.150	325.848.564.835
Lãi tiền gửi ngân hàng	242.314.451.317	463.869.340.167
Khác	22.193	214.200
	<u>568.818.044.660</u>	<u>789.718.119.202</u>

35 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	153.459.179.049	155.402.363.251
Chi phí lãi vay	64.045.546.620	73.036.083.814
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 4(b))	(29.360.848)	(12.950.479.996)
Chi phí tài chính khác	-	865.953.561
	<u>217.475.364.821</u>	<u>216.353.920.630</u>

36 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	63.041.345.018	55.803.196.305
Chi phí nhân viên	5.710.287.281	5.937.819.412
Khác	26.452.062.692	23.664.242.081
	<u>95.203.694.991</u>	<u>85.405.257.798</u>

37 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	562.839.918.341	481.294.176.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.050.274.301	294.609.556.732
Chi phí khấu hao	40.449.792.718	30.480.478.807
Dự phòng/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	102.947.822.337	(13.822.592.172)
Khác	206.888.747.775	174.296.468.563
	<u>1.235.176.555.472</u>	<u>966.858.088.315</u>

38 LỢI NHUẬN KHÁC

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập khác		
Giảm nợ nhà cung cấp	311.086.121.157	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng (*)	259.062.367.887	116.065.961.428
Thu từ tiền phạt, bồi thường	56.543.268.925	15.648.643.019
Khoản phải thu tiền bồi hoàn Hợp đồng thuê FPSO Lam Sơn	-	1.439.185.914.126
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	4.279.384.821	4.799.930.050
Khác	15.876.904.862	3.055.621.439
	<u>646.848.047.652</u>	<u>1.578.756.070.062</u>
Chi phí khác		
Tiền phạt, bồi thường	(31.645.341.337)	(18.195.452.722)
Khoản phải trả tiền bồi hoàn Hợp đồng thuê FPSO Lam Sơn	-	(1.459.472.946.083)
Khác	(12.242.367.151)	(35.039.293.322)
	<u>(43.887.708.488)</u>	<u>(1.512.707.692.127)</u>
Lợi nhuận khác	<u>602.960.339.164</u>	<u>66.048.377.935</u>

(*) Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng thể hiện giá trị hoàn nhập số dư của khoản dự phòng bảo hành đã trích lập sau khi Tổng công ty đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ bảo hành theo phạm vi, thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng và đã được chủ đầu tư xác nhận.

39 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.553.306.289.379	1.277.307.632.960
Điều chỉnh tăng (*)	2.266.774.933.216	734.825.597.964
Điều chỉnh giảm (**)	(1.153.744.676.819)	(581.438.821.067)
Điều chuyển lỗ	(284.650.718.014)	(256.489.360.916)
Tổng thu nhập tính thuế	2.381.685.827.762	1.174.205.048.941
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế	2.516.397.579.524	1.202.037.264.630
Lỗ tính thuế	(134.711.751.762)	(27.832.215.689)
Thuế TNDN tại thuế suất 20%	503.279.515.906	240.407.452.926
Ưu đãi thuế	(4.025.010.454)	(7.634.736.121)
Thuế TNDN nộp bổ sung năm trước	1.161.572.730	257.568.930
Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài	(19.643.589.030)	(14.024.373.062)
Thuế TNDN hiện hành (***)	480.772.489.152	219.005.912.673

(*) Điều chỉnh tăng chủ yếu thể hiện giá trị của cổ tức, lợi nhuận Công ty mẹ được chia từ các công ty liên doanh, giá trị của các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đến từ chi phí phải trả và các khoản dự phòng phải trả.

(**) Điều chỉnh giảm chủ yếu thể hiện giá trị của cổ tức, lợi nhuận Công ty mẹ được chia từ các công ty con.

(***) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

40 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.786.570.315.184	3.527.686.364.011
Chi phí nhân viên	3.863.284.796.251	3.030.809.817.838
Chi phí khấu hao TSCĐ	601.477.056.243	493.006.130.650
Chi phí liên quan các hợp đồng xây dựng	8.646.091.440.443	6.964.242.198.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.423.948.918.799	4.283.454.411.933
Chi phí khác	1.713.790.677.442	1.087.598.457.568
	<u>24.035.163.204.362</u>	<u>19.386.797.380.634</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do PVN sở hữu 51,38% vốn cổ phần của Tổng công ty (Thuyết minh 27).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên cùng Tập đoàn PVN, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty được xem là các bên liên quan của Tổng công ty. Ngoài các công ty liên doanh, liên kết được trình bày trong Thuyết minh 1 và Thuyết minh 4, trong năm Tổng công ty có các nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty mẹ
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP PVI	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan (tiếp theo)	Mối quan hệ (tiếp theo)
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí nước ngoài	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
PTSC Ca Rong Do Limited	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01/97 & 02/97	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01 & 02	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2024 VND	2023 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	4.033.601.912.520	28.403.533.980
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	999.801.553.818	404.089.346.148
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01/97 & 02/97	814.969.087.379	-
Tổng công ty Khí Việt Nam	812.772.549.508	1.167.392.650.758
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	718.572.399.258	575.582.779.765
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	572.854.899.939	608.781.796.657
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	368.345.240.000	293.714.010.055
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	293.778.912.052	313.738.422.478
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	262.576.251.643	1.011.299.918.939
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01 & 02	184.292.226.239	-
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	100.036.566.607	-
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	82.367.958.202	66.275.333.537
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	57.874.249.529	21.024.472.030
Tổng công ty Dầu Việt Nam	40.648.923.402	41.802.277.318
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	30.689.343.694	31.359.123.126
PTSC Ca Rong Do Ltd	-	50.599.999.978
Bên liên quan khác	113.740.537.625	159.617.525.898
	<u>9.486.922.611.415</u>	<u>4.773.681.190.667</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
PTSC Asia Pacific Private Limited	457.567.688.000	539.159.349.211
PTSC South East Asia Private Limited	376.610.216.750	282.481.914.350
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	323.436.488.873	416.004.742.502
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	310.398.173.526	172.515.401.967
Tổng công ty Dầu Việt Nam	226.304.039.633	163.914.905.177
Công ty CP PVI	125.751.456.238	119.745.384.704
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	48.582.473.905	71.769.485.529
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	41.321.065.933	237.983.445.082
Bên liên quan khác	98.891.145.610	85.243.290.937
	<u>2.008.862.748.468</u>	<u>2.088.817.919.459</u>
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>58.758.619.200</u>	<u>46.375.774.800</u>
Trong đó:		
Ông Phan Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT	4.889.899.000	4.151.577.000
Ông Lê Mạnh Cường - Thành viên HĐQT	4.941.341.000	4.120.638.000
Ông Trần Hồ Bắc - Tổng Giám đốc	4.536.616.000	-
Ông Nguyễn Xuân Ngọc - Thành viên HĐQT	4.071.157.000	3.169.933.000
Ông Trần Ngọc Chương - Thành viên HĐQT	3.827.459.000	2.933.107.000
Ông Đỗ Quốc Hoan - Thành viên HĐQT	3.639.216.000	3.332.537.000
Ông Hoàng Xuân Quốc - Thành viên HĐQT độc lập	630.000.000	-
Ông Đoàn Minh Mẫn - Thành viên HĐQT độc lập	530.000.000	-
Các quản lý khác	<u>31.692.931.200</u>	<u>28.667.982.800</u>
iv) Chia cổ tức		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>171.905.355.861</u>	<u>171.905.355.861</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2024 VND	2023 VND
v) Giao dịch khác (*)		
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	154.081.151.000	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	89.129.182.453	-
	<u>243.210.333.453</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến chi phí thuê đất từ Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí khi Tổng Công ty có phát sinh nghĩa vụ liên quan đến tiền thuê đất như được trình bày tại Thuyết minh 8 và 45.

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	1.326.966.647.249	35.341.920.000
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	213.243.393.319	133.281.858.350
Tổng công ty Khí Việt Nam	176.713.750.416	246.109.537.585
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01/97 & 02/97	141.579.615.116	-
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	102.047.972.255	208.119.814.551
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	91.147.181.368	87.912.322.840
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	94.153.289.060	80.783.250.733
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	87.608.083.656	161.483.574.380
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	81.804.042.223	5.676.200.150
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	80.520.087.542	139.273.415.504
Ban QLDA Công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	60.797.879.535	7.764.414.519
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Người điều hành lô 01 & 02	37.203.110.659	37.203.110.659
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Dầu khí	36.597.568.918	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	24.677.429.478	20.077.945.885
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	19.845.268.428	4.359.414.370
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	4.807.204.628	59.680.270.655
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí	1.395.193.638	28.216.724.162
Bên liên quan khác	48.331.069.752	39.951.455.978
	<u>2.629.438.787.240</u>	<u>1.295.235.230.321</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2024 VND	2023 VND
ii) Trả trước cho người bán (Thuyết minh 6)		
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	89.879.722.719	5.711.870.016
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	25.782.432.185
Bên liên quan khác	1.976.983.995	2.263.805.422
	<u>91.856.706.714</u>	<u>33.758.107.623</u>
iii) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	183.642.087.755	1.094.384.801
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	103.121.804.785	464.078.985
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	40.735.524.280	43.407.857.358
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	28.053.017.797	963.200.000
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	26.580.678.527	14.615.893.392
Tổng công ty Dầu Việt Nam	11.144.330.921	229.595.836
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.632.042.898	10.632.042.898
Bên liên quan khác	16.991.645.534	20.439.719.395
	<u>420.901.132.497</u>	<u>91.846.772.665</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PTSC Asia Pacific Private Limited	193.901.428.800	111.433.344.000
PTSC South East Asia Private Limited	95.967.000.900	91.719.078.000
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	66.216.244.891	1.139.905.494
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	47.075.044.733	69.995.801.322
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	29.713.580.656	46.395.971.378
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	26.146.688.352	76.848.549.871
Tổng công ty Dầu Việt Nam	25.691.532.438	19.419.837.506
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	17.991.816.573	20.131.034.593
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	8.711.553.693	14.834.843.567
Bên liên quan khác	36.316.764.215	29.674.920.055
	<u>547.731.655.251</u>	<u>481.593.285.786</u>

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
Tổng công ty Dầu Việt Nam	5.396.352.061	12.460.724.934
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	77.261.034.927
Bên liên quan khác	5.263.111.307	4.375.940.936
	<u>10.659.463.368</u>	<u>94.097.700.797</u>
vi) Người mua trả tiền trước dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	705.122.210.556	781.044.054.435
Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	623.927.465.249	-
Tổng công ty Khí Việt Nam	-	58.110.652.331
	<u>1.329.049.675.805</u>	<u>839.154.706.766</u>
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 22(a))		
Tổng công ty Khí Việt Nam	69.473.052.000	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	2.692.225.602	2.692.225.602
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn	-	10.205.925.078
Bên liên quan khác	3.130.520.464	1.052.269.583
	<u>76.965.010.300</u>	<u>15.619.632.497</u>
viii) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 22(b))		
Tổng công ty Khí Việt Nam	-	69.473.052.000

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng công ty hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí

Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO, FPSO

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Dịch vụ căn cứ cảng

Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp

Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển

Dịch vụ khác

Hoạt động

Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí

Cung cấp dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO")

Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cung cấp dịch vụ khác có liên quan

Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí và năng lượng tái tạo

Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí

Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho tài sản và nợ phải trả như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024									
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ càn cù cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	2.995.368.775.608	4.915.164.025.043	803.738.588.266	4.431.277.545.838	15.737.880.977.375	3.146.867.755.253	2.233.581.595.919	(6.109.012.034.974)	28.154.867.228.349
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									3.103.901.140.554
Tài sản không phân bổ									2.818.038.990.112
Tổng tài sản									34.076.808.359.015
Nợ phải trả bộ phận	1.627.526.377.447	1.542.494.886.886	132.739.554.586	1.923.584.735.230	12.029.931.232.332	1.833.544.996.276	1.314.450.277.981	(3.003.087.090.577)	17.601.184.770.141
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									1.214.611.965.756
Nợ phải trả không phân bổ									621.493.880.724
Tổng nợ phải trả									19.937.280.616.621

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	3.582.354.195.790	4.534.892.642.935	1.007.024.088.425	3.613.281.231.755	9.471.967.468.819	2.248.688.919.352	1.281.956.560.593	(4.728.816.323.195)	21.011.448.782.474
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									3.303.438.456.820
Tài sản không phân bổ									2.101.121.571.096
Tổng tài sản									26.416.008.810.387
Nợ phải trả bộ phận	1.652.638.302.016	1.179.500.155.414	1.771.107.240.670	1.381.428.918.459	6.530.449.145.926	973.656.777.858	518.521.471.693	(2.322.104.385.764)	11.665.197.626.273
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									490.547.895.083
Nợ phải trả không phân bổ									716.040.403.790
Tổng nợ phải trả									12.871.785.895.146

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho doanh thu và giá vốn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024								
	Dịch vụ kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/ FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ cẩu cẩu VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	2.160.460.228.423	2.369.450.057.711	507.073.211.396	1.550.011.639.922	13.789.946.420.446	2.767.272.108.448	645.670.478.697	-	23.769.886.143.043
Doanh thu thuần cho bên liên quan	435.447.593.219	422.171.064.784	17.780.748.361	606.479.978.574	3.456.555.031.128	248.877.064.506	176.010.997.109	(5.363.302.477.681)	-
	<u>2.595.907.821.642</u>	<u>2.791.621.122.495</u>	<u>524.833.959.757</u>	<u>2.156.491.618.496</u>	<u>17.226.503.451.574</u>	<u>3.016.149.170.954</u>	<u>821.681.475.806</u>	<u>(5.363.302.477.681)</u>	<u>23.769.886.143.043</u>
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	(1.937.102.576.986)	(2.236.762.303.869)	(449.086.269.885)	(1.239.725.114.175)	(13.653.652.369.184)	(2.613.364.277.433)	(575.069.852.367)	-	(22.704.782.963.899)
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(435.447.593.219)	(422.171.064.784)	(17.780.748.361)	(603.233.791.876)	(3.417.450.337.151)	(248.877.064.506)	(101.826.669.343)	5.246.767.269.240	-
	<u>(2.372.550.170.205)</u>	<u>(2.658.933.568.653)</u>	<u>(466.847.018.246)</u>	<u>(1.842.958.906.051)</u>	<u>(17.071.102.696.335)</u>	<u>(2.862.261.341.939)</u>	<u>(676.896.521.710)</u>	<u>5.246.767.269.240</u>	<u>(22.704.782.963.899)</u>
Lợi nhuận bộ phận gộp	<u>223.357.651.437</u>	<u>132.687.553.842</u>	<u>67.986.941.511</u>	<u>310.286.525.747</u>	<u>116.296.061.262</u>	<u>153.887.829.015</u>	<u>70.600.626.330</u>	-	<u>1.065.103.189.144</u>
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(1.330.360.250.463)
Lãi thuần từ hoạt động tài chính									351.342.679.839
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết									864.280.331.695
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									950.345.860.215
Lãi thuần từ hoạt động khác									602.860.339.164
Lợi nhuận trước thuế									1.553.306.289.379
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(480.772.489.152)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									182.120.470.655
Lợi nhuận sau thuế									<u>1.254.654.270.882</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
	Dịch vụ kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	1.507.098.023.446	2.207.232.210.925	405.223.890.154	1.412.057.051.633	11.172.484.215.516	1.912.667.636.855	668.599.335.232	-	19.373.562.363.761
Doanh thu thuần cho bên liên quan	385.121.064.069	411.057.362.656	52.582.137.208	271.343.148.489	379.517.704.833	84.555.849.452	224.277.542.366	(1.808.564.809.053)	-
	<u>1.992.219.087.515</u>	<u>2.618.289.573.581</u>	<u>457.816.027.362</u>	<u>1.683.400.200.102</u>	<u>11.552.101.920.349</u>	<u>1.997.423.486.307</u>	<u>892.876.877.598</u>	<u>(1.808.564.809.053)</u>	<u>19.373.562.363.761</u>
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	(1.393.847.487.382)	(2.035.501.940.875)	(359.720.674.345)	(1.147.791.058.056)	(10.997.408.349.019)	(1.842.481.316.758)	(557.763.228.086)	-	(18.334.534.034.521)
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(385.121.064.069)	(411.057.362.656)	(45.927.747.013)	(277.884.513.896)	(402.664.050.343)	(84.555.849.452)	(150.584.454.933)	1.757.815.042.462	-
	<u>(1.778.968.531.451)</u>	<u>(2.446.559.303.531)</u>	<u>(405.648.421.358)</u>	<u>(1.425.675.572.052)</u>	<u>(11.400.092.399.362)</u>	<u>(1.927.037.166.210)</u>	<u>(708.387.683.019)</u>	<u>1.757.815.042.462</u>	<u>(18.334.534.034.521)</u>
Lợi nhuận bộ phận gộp	213.250.556.064	171.730.270.090	45.503.215.809	264.265.993.577	175.075.366.497	70.386.320.097	98.316.107.146	-	1.039.028.329.240
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(1.052.263.346.113)
Lãi thuần từ hoạt động tài chính									573.364.198.572
Phân lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết									651.130.073.326
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									1.211.259.256.025
Lãi thuần từ hoạt động khác									65.048.377.935
Lợi nhuận trước thuế									1.277.307.632.960
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(219.005.912.673)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									1.705.805.854
Lợi nhuận sau thuế									1.060.007.526.141

43 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	146.755.069.959	150.492.281.586
Xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi	-	11.756.073.468

44 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

(i) Tổng công ty là bên đi thuê

Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	1.195.591.343.721	1.093.233.229.955
Từ 1 đến 5 năm	2.256.416.820.985	1.879.793.889.169
Trên 5 năm	1.311.419.762.517	1.654.218.976.762
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.763.427.927.223	4.627.246.095.886

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động tàu dịch vụ, kho nổi, thuê văn phòng, thuê bãi và thuê đất trong đó:

- Các hợp đồng thuê kho nổi và tàu dịch vụ được ký với thời hạn 5 năm;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Dung Quất có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2004;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2007;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Sơn Trà có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2008;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Hòn La có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2014;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 20 năm tính từ năm 2015;
- Hợp đồng thuê bãi tại Cảng Sao Mai Bến Đình có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2016;
- Hợp đồng thuê bãi tại Cảng Vũng Tàu có thời hạn thuê lần lượt là 5 năm, 10 năm và 15 năm tính từ năm 2019; và
- Hợp đồng thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 1 năm tính từ năm 2023.

44 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**(a) Cam kết thuê hoạt động (tiếp theo)****(ii) Tổng công ty là bên cho thuê**

Tổng công ty có các khoản cam kết phải thu tối thiểu đối với các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	1.615.671.195.948	678.860.388.289
Từ 1 đến 5 năm	2.531.547.452.147	3.098.086.577.716
Trên 5 năm	525.869.032.220	951.179.164.883
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	4.673.087.680.315	4.728.126.130.888

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty có các khoản cam kết cho thuê được ký kết trong các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang về tàu dịch vụ với thời hạn là 15 năm, hợp đồng thuê kho nổi với thời hạn 5 năm và hợp đồng cho thuê bãi tại Cảng Sao Mai Bến Đình với thời hạn lần lượt là 48 và 49 năm.

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dự án Bến số 3, khu bến cảng Dung Quất, Quảng Ngãi	152.054.925.191	1.362.083.120
Công trình Nhà công vụ phục vụ vận hành và mở rộng Cảng Nghi Sơn	41.383.844.648	11.881.268.257
Hệ thống Thiết bị tự động phục vụ thi công tiền chế tạo	6.125.852.250	-
Phần mềm	455.500.000	-
Giá trị các hợp đồng mua sắm nhưng chưa thực hiện	-	35.164.673.843
Hệ thống thiết bị phục vụ dự án CHW2204	-	20.191.844.270
Công trình nhà xưởng tạm phục vụ dự án năng lượng tái tạo	-	13.805.255.049
Công trình Nhà xưởng số 2 tại POS	-	1.664.668.207
	200.020.122.089	84.269.792.746

45 NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ("SMBD"), một công ty con của Tổng công ty đang làm việc với các cơ quan nhà nước về vấn đề tiền thuê đất cho dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình ("Dự án cảng Sao Mai Bến Đình"), cụ thể như sau:

i) Đối với tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 11 tháng 2 năm 2015 ("Giai đoạn 1"), được dự tính là 157.448.938.746 Đồng:

- SMBD đang làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan thuế để xem xét, xác minh, tính toán phần diện tích đất sử dụng thực tế tại dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình đúng với diện tích thực tế SMBD được giao và sử dụng.

ii) Đối với tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 11 tháng 2 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("Giai đoạn 2"), được dự tính là 519.195.068.998 Đồng:

- SMBD đang trong quá trình tiếp tục giải trình và cung cấp hồ sơ đề nghị miễn giảm tiền thuê đất cho Dự án cảng Sao Mai Bến Đình để được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ("Nghị định 118") ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 và được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ("Nghị định 31") ngày 26 tháng 3 năm 2021. Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ("Nghị định 46") ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 103/2024/NĐ-CP ("Nghị định 103") ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2024, các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 2 năm 2015 đến ngày 11 tháng 2 năm 2018).
- Ngày 13 tháng 2 năm 2018, SMBD đã nộp hồ sơ đến Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo đề nghị được miễn tiền thuê đất. Ngày 23 tháng 4 năm 2021, sau khi xem xét hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo có ý kiến cho rằng theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8678432804 chứng nhận hay đổi lần thứ 1 ngày 27 tháng 10 năm 2016 của SMBD thì mục tiêu, quy mô dự án không có cảng biển, đồng thời Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo cũng có đề nghị SMBD lập hồ sơ đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định và cung cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã điều chỉnh bổ sung của phần mục tiêu, quy mô về đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng biển.
- Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Tổng Cục thuế, Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có ý kiến đề nghị SMBD liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn về việc miễn tiền thuê đất theo quy định.

Ngày 24 tháng 1 năm 2025, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến đến Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, UBND Thành phố Vũng Tàu, Văn phòng Đăng ký Đất đai để rà soát lại thông tin làm cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND Tỉnh xem xét giải quyết kiến nghị của SMBD.



45 NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Dựa trên diện tích đất thực tế sử dụng tự xác định cho Giai đoạn 1 và một phần thời gian sử dụng cho Giai đoạn 2 Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro cho nghĩa vụ liên quan đến tiền thuê đất. Đối với nghĩa vụ còn lại bao gồm:

- (a) Tiền thuê đất liên quan đến diện tích đất sử dụng trong Giai đoạn 1 do Tổng công ty tự xác định khác biệt với cơ quan thuế chỉ có thể được xác định sau khi phần chênh lệch trong diện tích đất sử dụng của Giai đoạn 1 được thống nhất với các cơ quan chức năng.
- (b) Tiền thuê đất liên quan đến thời gian sử dụng trong Giai đoạn 2 còn lại chỉ có thể được xác định khi dự án Cảng Sao Mai Bến Đình đang triển khai có được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi và có quyết định tiếp tục được miễn tiền thuê đất hay không bởi các cơ quan chức năng.

Vào ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền 251.599.939.594 Đồng, như được trình bày tại Thuyết minh 24. Ngoài khoản dự phòng đã trích lập này, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản tiền thuê đất còn lại vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như trình bày tại mục (a) và (b) nêu trên.

46 CÁC THÔNG TIN KHÁC

Theo "Bản sửa đổi các quy định liên quan đến phí trong Bộ quy tắc" ("Revisions to the Fee-related Provisions of the Code") do Ủy ban Chuẩn mực Đạo đức Quốc tế cho Kế toán viên ("IESBA") ban hành vào tháng 4 năm 2021, phí kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính và các dịch vụ phi kiểm toán của công ty kiểm toán cho Tổng công ty và các công ty con đối với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.269.000.000 Đồng.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 17 tháng 3 năm 2025.



Nguyễn Thị Tố Thanh
Người lập



Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Trần Hồ Bắc
Tổng Giám đốc

ENGLISH TRANSLATION

ANNUAL REPORT 2024

ANNUAL 20 REPORT 24

PROACTIVITY · TRUST · SUSTAINABILITY · COLLABORATION



LIST OF ABBREVIATIONS:

GMS: General Meeting of Shareholders

GMS: General Shareholders Meeting

BOD: Board of Directors

BOS: Board of Supervisors

CEO: Chief Executive Officer

Staff: Staff and employees

Production & Business: Production and business

S&T: Science and Technology

Employee: Employee

PETROVIETNAM/PVN: Vietnam National Industry - Energy Group

Offshore Renewable Energy: Offshore Renewable Energy

TABLE OF CONTENTS

I. FOREWORD

1. Message from Leadership

Message from the Chairman of the Board of Directors

Message from the General Director

2. PTSC -Outstanding and typical imprints in 2024

II. GENERAL INTRODUCTION

1. Business information

General information

Business lines

Formation and development process

2. Governance model

Organization chart

Introduction of the Board of Directors, Board of Management, Board of Supervisors and Chief Accountant

Operating network

Facilities

Vision-Mission-Core values

Development strategy

Development orientation

III. REPORT ON OPERATIONS IN 2024

1. Report of the Board of Management

Overall assessment of production and business activities in 2024

Assessment of revenue and profit targets

Assessment of the implementation of core services

Investment assessment

Assessment of the financial situation

Production and business plan for 2025

2. Report of the Board of Directors

Assessment of the Board of Directors' activities

Assessment of the activities of the Board of Management

Work plan for 2025

3. Report of the Supervisory Board

Assessment of the Supervisory Board's activities

Results of the Supervisory Board's activities

Work plan for 2025

4. Report on environmental and social impacts

Environmental impacts

Policies related to employees

Community investment activities

IV. CORPORATE GOVERNANCE

1. Overview of PTSC's Governance System

Introduction to PTSC's Governance System

Relationship between Parent Company-Subsidiary-Joint venture, association

Completing the Governance System

The role of the Board of Directors in implementing risk management and opportunities related to PTSC's sustainable development

2. Board of Directors structure

3. Strengthening risk management

4. Remuneration and other benefits

V. PVS SECURITIES

1. Basic information

2. Shareholders

3. Shareholder Relations

4. PVS stock assessment

5. History of charter capital increase

6. Dividend payment history

I. INTRODUCTION

1. LEADERSHIP MESSAGE

MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Dear Esteemed Shareholders,

In 2024, the global oil and gas industry experienced a period of strong and challenging transformation. The pressure of energy transition has forced countries and businesses to reduce their dependence on fossil fuels, promoting investment in renewable energy (wind power, solar power, green hydrogen, etc.) and emission reduction technologies. The world economy continues to face many fluctuations, instability, unpredictability, and rapid changes; protectionism is increasing, tariff barriers and trade wars between major economies are becoming increasingly fierce. The unprecedented rapid and strong development of science and technology such as AI, automation, digital transformation, semiconductors, quantum, etc. strongly impacts and creates continuous, rapid, extensive and profound changes in economies, in both material and spiritual elements, and human thinking... Geopolitical and military conflicts (Russia-Ukraine, Middle East...) continue to be tense. In the context of a challenging world, Vietnam has achieved positive results, with economic growth in 2024 estimated at 7.09%, exceeding the target set by the National Assembly and ranking among the highest in the region.

Forecasts for 2025 indicate that the global economy will face uneven recovery, dominated by trade and geopolitical tensions, and military conflicts; in particular, the "America First" policy will affect global trade and supply chains in Asia. However, Vietnam also has the opportunity to take advantage of its position in the global supply chain and economic integration, and this is also a pivotal year for Vietnam to complete the 5-year Plan for 2021-2025 and create momentum for breakthrough opportunities to achieve the 8% growth target set by the Government.

In the context of intertwined difficulties, challenges, and opportunities, but with the fundamental difficulties mentioned above, the Corporation - PTSC not only stands firm but also affirms its pioneering role, bravery in overcoming difficulties, and achieving impressive results, being one of the pillars of the Vietnamese oil and gas industry. PTSC has made a strong mark in the journey of energy transition, especially in daring to think and act, strongly promoting investment, and strongly expanding into the field of renewable energy, offshore wind power with international-scale projects. At the same time, PTSC continues to strengthen its position in the oil and gas value chain, expanding operations to the global market, from the Middle East and Asia to Europe and the Americas. These successes are reflected in the outstanding production and business results for the year 2024:

- Consolidated revenue reached VND 24,986 billion, achieving 161% of the 2024 plan, an increase of 15% compared to the implementation in 2023.
- Consolidated profit before tax in 2024 is VND 1,553 billion, reaching 181% of the 2024 plan, an increase of 22% compared to the implementation in 2023.

In 2025, the Corporation - PTSC continues to be assigned a Plan by the Group with record targets, increasing the total revenue of the technical services sector from 10-25%.

In order to successfully implement, at the highest level, the 2025 Plan, PTSC continues to apply the correct system of solutions, while closely monitoring the market situation and production and business environment conditions to continuously have additional situational and effective solutions, with the highlights being (i) modernizing the management system to a new, optimal, and adaptive stage, meeting the ability to create to become a superior environment for sustainable development, (ii) promoting research and development, applying science and technology, and innovation, (iii) closely monitoring fluctuations, analyzing forecasts, and having flexible solutions in operating production and business activities, (iv) focusing on good cash flow management, ensuring the safety and efficiency of capital use for production and business activities; building a modern corporate financial management system, applying principles according to international standards and practices, (v) making breakthroughs in implementing and disbursing investment capital, and synchronously and effectively implementing investment portfolio management in 2025.

With the spirit of "Proactivity, creation & pioneering - Trust, discipline & execution - Sustainability, perfection - Cooperation, connection" (Proactivity - Trust - Sustainability -

Collaboration), the Board of Directors, Executive Board, Collective Leadership, and Employees of PTSC, together with the direction and support of all levels, DKVN Group, the accumulated depth, development, and traditional cultural values of PTSC, PTSC is determined to successfully implement and complete the highest level of SXKD tasks in 2025 assigned by the General Meeting of Shareholders and superiors; continue to pay full and harmonious attention to the legitimate rights and interests of shareholders and employees, and maintain the stable and sustainable development of the Corporation.

On behalf of the Board of Directors of the Corporation, I would like to express my deepest gratitude to all PTSC Employees, and Units for all their contributions over the past year; and to the State Management Agencies, superiors, functional levels, Shareholders, PVN Group, Investors, Customers, and Partners for always accompanying, trusting, cooperating, providing great and effective support to the Corporation; Wishing you and your agencies good health, joy, and success in all your endeavors in 2025.

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed)

Phan Thanh Tung



MESSAGE FROM THE GENERAL DIRECTOR



Dear Shareholders!

The global oil and gas industry is at a challenging but also opportunistic transition point. The energy transition trend is leading to changes in the demand for fossil energy use and reshaping the strategies of many of the world's leading energy corporations. Vietnam is also no exception to that trend. The official transformation of Vietnam Oil and Gas Group into Vietnam National Energy Industrial Group, along with continuous updates on policies and laws in the field of renewable energy (RE), nuclear power, offshore wind power (OWP)... has set new requirements and expectations for oil and gas service enterprises, including PTSC.

Facing challenges and opportunities, PTSC identifies this as a key moment to redefine its development strategy, review its overall goals, orientations, mission, and vision - not only to adapt, but also to breakthrough, reach sustainable values, further destinations, and greater aspirations... Energy transition is an irreversible trend, and PTSC sees this as a motivation to innovate, transform itself into an important link in the global energy supply chain. In addition to its core oil and gas service sectors, PTSC is proactively expanding and affirming its pioneering and breakthrough role in the field of RE/ OWP. We also aim for

environmentally friendly solutions, clearly defining our mission to accompany the green and sustainable development of the energy industry, not only in Vietnam but also regionally and globally.

To realize that vision, PTSC is focusing on implementing many strategic solutions in a synchronized manner. From restructuring the operating model, innovating thinking and market approach methods, to increasing investment in infrastructure development, technology, vehicles, equipment, and encouraging innovation. Key investment projects such as the Mechanical Fabrication Workshop, the Inter-Regional RE-HUB Industrial and Service Center, the Submarine Cable Manufacturing Plant, seaport infrastructure, offshore construction vessels, survey vessels, service vessels, FSO/FPSO... will continue to be promoted. In addition, PTSC pays special attention to digital transformation, automation, application of artificial intelligence (AI) and modern technologies to optimize corporate governance and operation efficiency. This is an important foundation for enhancing competitiveness, developing synchronously and harmoniously between traditional oil and gas services and RE, consolidating the internal value chain and proactively reaching out in the global supply chain.

In this new phase of development, besides innovating the model, restructuring, and enhancing management and operational capabilities, PTSC needs to improve the quality of its human resources, considering people as the focal point, investing strongly in building a team of highly specialized personnel with a sense of responsibility, ready to adapt to and lead changes in the future. We also consider corporate culture as the foundation - a convergence of values that have been distilled and nurtured throughout the development journey with the spirit of "Proactivity - Trust - Sustainability - Collaboration." These core values will also be the goals, symbols, spirit, aspirations, and determination of PTSC, the guiding principles to lead to success. The PTSC team will work together to cultivate, build, and enrich these values, considering PTSC's culture as a sustainable legacy. Each member of PTSC needs to constantly innovate their thinking, "recharge their energy" and spirit to jointly connect and build PTSC together with new achievements.

Dear Valued Stakeholders! In this 2024 Annual Report, you will see a comprehensive picture of PTSC's operating results in a year of many fluctuations but also full of imprints. We maintained stable growth momentum, ensuring key financial targets. In core areas, many important contracts were signed, implemented, and completed; the scale of services is increasing and the quality of services is increasingly appreciated by customers. In the traditional oil and gas service segment, PTSC continues to affirm its position with many key projects, completing many important bidding packages and contracts with high quality, ensuring progress and absolute safety. The M&C field also recorded outstanding development, strong growth in scale with many contracts and project chains being continuously continued, affirming PTSC's reputation and capabilities in the global market. Customers around the world have actively sought out, and PTSC's products

and services have been exported to many major markets in Europe, Asia, and the Middle East, marking a strong step forward in the internationalization of the PTSC brand. These are important foundations for PTSC to continue consolidating and building trust from the market, opening up new service opportunities.

Ladies and gentlemen, PTSC is transforming into a new stage. With the companionship, trust, and support of shareholders, customers, and partners, together with the spirit of solidarity, responsibility, bravery, strategic vision, and aspiration to reach far of PTSC, we believe that PTSC will continue to develop strongly, affirm its pioneering position, actively contribute to the development of the energy industry, and bring sustainable value to shareholders, customers, and society.

On behalf of the Corporation's leadership, I would like to express my deepest gratitude to all of you. At the same time, I would also like to extend my sincere thanks to the PTSC workforce - the passionate, dedicated, creative people who always strive for the common development of the Corporation.

PTSC commits to continuing to act transparently, professionally, and effectively, maintaining the trust of shareholders, partners, and the community, affirming its position as one of the leading listed companies.

Wishing you good health, happiness, and success.

Sincerely!

GENERAL DIRECTOR

(Signed)

Trần Hồ Bắc



2. PTSC – SIGNIFICANT AND OUTSTANDING MILESTONES IN 2024

BREAKTHROUGH IN MANAGEMENT – REVITALIZING OLD MOTIVATION

01.RESTRUCTURING PROGRAM

With high determination, great effort, and a strong spirit of innovation, the overall Restructuring Program of the Corporation has made a strong impression, "revitalizing old motivation" with the completion of (i) streamlining functions and restructuring 09 functional departments; (ii) arranging, rotating, and transferring key personnel at 09 Units; (iii) transforming the operating model of 01 Unit, (iv) continuing to widely implement the restructuring program, arranging specialized departments at the Corporation's Boards, and functional divisions at the Units.

02.MANAGEMENT SYSTEM

Continuing to improve the internal governance system, effective management system, and in accordance with the best governance standards, international standards, the Corporation has developed and implemented the Digital Transformation Strategy, Risk Management System according to ISO 31000, Information Security Management System according to ISO 27001:2022, Project Implementation Management System, is implementing the development of a Sustainable Development Strategy according to ESG criteria, and is gradually digitizing these systems.

03.LEADERSHIP TRANSFER OF THE CORPORATION

Continuing the PTSC tradition and proud to be the cradle for creating leadership and management staff, Mr. Le Manh Cuong (General Director of PTSC in the period of 2018-2024) was honorably assigned and appointed by the competent authority to the position of Deputy General Director of Vietnam Oil and Gas Group. At the same time, from the source of on-site successor staff, Mr. Tran Ho Bac was also appointed as Deputy Secretary of the Party Committee, General Director of the Corporation.

04.LABOR AND SAFETY

In 2024, PTSC expanded its operations in 18 countries and territories. PTSC's service activities always ensure the commitment to quality, progress, especially meeting the strict requirements of international customers on safety with a total of 25.52 million safe working hours.

BREAKTHROUGH IN INVESTMENT, UPGRADE, EXPANSION OF SCALE

05.UPGRADING AND EXPANDING THE SCALE OF THE ENERGY INDUSTRY AND TECHNICAL LOGISTICS CENTER

Implementing the strategy of promoting investment, especially to serve the construction, manufacturing, and development of projects in new service areas, the

Corporation has implemented the rearrangement of the energy industry and technical logistics center in Vung Tau with many investment items such as: leveling the Sao Mai Ben Dinh area, investing in 06 paint workshops, 12 aerial work platforms, 03 total section transport vehicles, Autofit, 02 gentry cranes of 200 tons, project office building ...etc.

06. IMPLEMENTING MANY INVESTMENT AND VEHICLE UPGRADE PROJECTS

Many invested projects have been implemented to best meet market demands. These include typical projects such as Investment Project of Berth No. 3 – Dung Quat Port, Investment Project of FSO Lac Da Vang; upgrading 05 service ships, accommodation barges. The completed investment items contribute to improving service capacity, competitiveness, promoting efficiency and making an important contribution to PTSC achieving excellent achievements, leading the investment work in 2024 throughout Petrovietnam.

07. SIGNING OF PROJECT CHAIN CONTRACTS FOR LOT B - O MON AND COMMENCEMENT OF CONSTRUCTION OF VIETNAM'S LARGEST CPP

The EPCI#1 Package Contracts (Central Processing Platform, Accommodation Platform and Flare Tower), EPCI#2 Package Contracts (04 satellite wellhead platforms and intra-field pipeline system, etc.) have been signed. PTSC has officially commenced construction of the Central Processing Platform (CPP). This is the largest CPP ever designed and constructed in Vietnam. Other major packages (offshore pipelines, onshore pipelines, etc.) in the Lot B - O Mon Gas-Power Project Chain - a key national oil and gas project - are also being deployed simultaneously.

08. IMPLEMENTATION OF LAC DA VANG FIELD DEVELOPMENT PROJECT CHAIN

With the FSO supply contracts, the EPCIC contract for the LDV-A central processing platform, and the EPC contract for the intra-field pipeline, PTSC demonstrates its service capabilities and its role as a supplier of comprehensive, end-to-end solutions by providing a full range of services for the Lac Da Vang field development project.

09. NEW ADVANCEMENTS IN MINE CLOSURE SERVICES

As one of PTSC's new services implemented in recent years, PTSC POS, in association with PVD, won the bid to deploy mine closure services with the Service Supply Contract for design and construction of well plugging and abandonment and removal of the Song Doc platform. In addition, POS also carried out the contract for dismantling and relocating the FPSO MV19 vessel. In particular, the Song Doc mine closure project is the first complete mine closure project in Vietnam, which is of

great significance and breakthrough for the domestic oil and gas industry, opening up new directions for services not only domestically but also internationally. The project is also a testament to the good cooperative relationship, close and effective coordination and association, and maximum mobilization of resources and internal strength of the Member Units within Petrovietnam.

10. BREAKTHROUGH IN DEVELOPING OVERSEAS SERVICES

Overcoming many difficult challenges and complex requirements of the Project, on 2024-12-15, in Qatar, PTSC M&C completed the First-Oil target of the JA Platform of the NOC Owner ahead of schedule. Gallaf 3 is the second project in the "strategic region" of the Middle East. Thousands of workers have participated in the Project over the past 3 years, bringing in impressive revenue of nearly VND 10,000 billion, and profit of nearly USD 30 million with a total construction volume of nearly 20,000 tons. This is a proud achievement in implementing the strategy of developing EPC services for oil and gas projects in the international market; affirming the capacity to implement complex projects, affirming the reputation and brand, and laying the foundation for upcoming projects in this region

11. “BEST PERFORMANCE AWARD” & “HSE CONTRIBUTION” AWARD

PTSC Offshore Services (POS) is the only unit among all contractors of NOC (North Oil Company, a major investor in the oil and gas and energy sector in Qatar) to receive both the Outstanding Performance and HSE Contribution awards simultaneously. The awards granted by NOC are of particular importance; affirming the prestige and quality of POS's services in the international market. With the outstanding efforts of PTSC POS employees on project sites, the CEO of NOC also affirmed that POS's "performance" has set a remarkable standard for the industry in the field of Brownfield 4 Modification ("have set a remarkable standard for the industry").

12. SERVICE FLEET AND MARINE VESSELS BRING SERVICES ABROAD

PTSC's oil and gas service fleet and marine vessels have had an impressive year of "going abroad" to expand the market with most of their operating time in the international market: Malaysia, Middle East, Philippines, Brunei, India, Taiwan (China)... Typically, service vessels, POS 1 construction support barges and PTSC 01 transport barges, along with seismic survey & ROV vessels... In particular, in the Middle East market, 02 PTSC service vessels are working long-term for Aramco and ADNOC - 02 customers with the highest and most stringent standards in the world. The busy operation of PTSC's ships and vehicles in different territories has made an important contribution to PTSC's strategy of developing services abroad, increasing the proportion of service revenue from abroad, and affirming PTSC's image in the international market.

13. WINNING BIDS FOR MULTIPLE ONSHORE INDUSTRIAL CONSTRUCTION PROJECTS

Striving to implement business development and bidding activities in the field of industrial construction services, PTSC has won bids for several onshore projects: (i) Nghi Son STG-3 Project, (ii) Package 4.9 Long Thanh Airport Fuel Supply System, (iii) EPC Package for Ethane LSP Storage Tank Project, (iv) EPC Package for Dung Quat Crude Oil Tank Project, making significant contributions to PTSC's growth and development strategy and the implementation of its revenue and profit plans in the upcoming period.

14. EXECUTING MAIN MAINTENANCE PACKAGES FOR DUNG QUAT OIL REFINERY

PTSC Quang Ngai has successfully bid for and implemented 3/6 main packages of the 5th Turn Around (TA5) at Dung Quat Oil Refinery, with 1,522 work items, accounting for over 70% of the total workload. This marks the first time the Unit has undertaken the maintenance of the RFCC Workshop - the heart of the refinery, exceeding the schedule by 16 hours. This demonstrates the capability to act as a general contractor for major repair and maintenance campaigns and to assume the role of overall maintenance general contractor for petrochemical refineries and industrial plants onshore.

15. REPAIR AND MAINTENANCE SERVICES FOR NGHI SON OIL REFINERY ACHIEVE SIGNIFICANT PROGRESS

With great efforts in project development, together with the trust of NSPR Customers, in 2024, PTSC Thanh Hoa won a series of service contracts and became the main contractor under the daily maintenance service contract, STG3 Generator Unit replacement contract, upgrade and conversion contract with a value of nearly VND 2000 billion in the next 03 - 05 years, affirming the reputation and service quality of PTSC Thanh Hoa in the mechanical-maintenance service market.



OFFSHORE EXPORT WIND POWER PROJECT

16. OFFSHORE WIND POWER EXPORT PROJECT TO SINGAPORE ACHIEVES NEW PROGRESS

The Offshore Wind Power Export project to Singapore has achieved new progress with 02 survey contracts signed, and survey work has been implemented in accordance with the Permit.

BREAKTHROUGH IN NEW SERVICE DEVELOPMENT - OFFSHORE WIND POWER

17. EXPORT OF VIETNAM'S FIRST OFFSHORE WIND POWER JACKET AND COMMENCEMENT OF THE FIRST 04 OFFSHORE WIND POWER SUBSTATION PROJECT FOR EUROPE

The CHW2204 project marked an important milestone with the event of manufacturing and handing over the first OWP Jacket of Vietnam for export to foreign countries with a milestone of over 9 million safe working hours. PTSC M&C also started implementing the order to manufacture offshore substations (OSS) for the Baltica 02 project in the Baltic Sea - Poland. This is also the first time a Vietnamese enterprise has won a contract to export OSS to Europe, the world's leading renewable energy market. The project marks an important milestone, affirming its capacity with the new OSS product line, enhancing PTSC's brand as a reputable and quality renewable energy service provider in the new potential market.

18. CONFIRMING PRESTIGE AND INTERNATIONAL BRAND WITH NEW JACKET MANUFACTURING PROJECT

Following the CHW2204 Project, PTSC won a new large-scale project worth hundreds of millions of USD, continuing to manufacture and supply offshore wind power foundations for international customers. This victory affirms PTSC's new height with its position as a reputable, quality NLTTNK service provider in the global supply chain.

AWARDS, ACHIEVEMENTS

19. PTSC CONTINUES TO ACHIEVE PRESTIGIOUS TITLES

Continuing to affirm its position as a national brand in the market, PTSC has been awarded many major and prestigious titles and awards such as: (i) National Brand, (ii) Sao Vang dat Viet, (iii) Forbes 50, (iv) Top 10 best places to work in Vietnam in 2024 (VBW10) – Energy industry group, (v) Top 50 excellent enterprises in Vietnam (VNR500), (vi) Top 10 innovative, creative and effective business enterprises in Vietnam 2024 (VIE 10), (vii) Golden Brand Award – Impressive Logo Slogan and many other prestigious awards.

20. REVENUE AND PROFIT REACHED THE 2024 PLAN

PTSC excellently reached the finish line with consolidated revenue of more than 24,986 billion VND, reaching 161.2% of the 2024 plan, an increase of 15% compared to 2023; Consolidated profit before tax was more than 1,553 billion VND, reaching 181% of the 2024 plan, an increase of 21.6% compared to 2023.

21. PRIME MINISTER ATTENDS OIL AND GAS AND OFFSHORE WIND POWER EVENTS

PTSC's production and business activities created a special impression and received high appreciation from Party and State leaders. For the first time, PTSC was honored to welcome the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam Pham Minh Chinh and many senior leaders to visit, work and attend the "Oil and Gas and Offshore Wind Power Event Series" organized by PVN/PTSC. Also in 2024, PTSC was honored to welcome the President of the Socialist Republic of Vietnam, Deputy Prime Minister, Ministers, Deputy Ministers, Provincial Party Secretaries, Provincial Party Chairmen and many embassies, consulates of countries and hundreds of international delegations to visit and work...



II. GENERAL INTRODUCTION

1. BUSINESS INFORMATION

1.1 GENERAL INFORMATION

Experiencing the process of formation, merger, transformation..., Vietnam Oil and Gas Technical Services Corporation (PTSC) was officially established on 2024-02-09 and is one of the key members of PVN.

- With a solid foundation and rich tradition, PTSC has gradually developed, enhanced its position and become a global brand in the field of energy, focusing on oil and gas technical services and offshore renewable energy.
- Promoting the energy transition trend, contributing to the sustainable development of the community and society.
- Making an important contribution to promoting PVN's value chain, optimizing business efficiency and improving national competitiveness.
- Providing comprehensive and optimal solutions, bringing outstanding added value.

PTSC has made many imprints with a leading position in the field of providing oil and gas, industrial and energy technical services in Vietnam and is a large brand in the region. PTSC's main activities are providing technical services in the fields of oil and gas and industry. In particular, strategic and key services have been professionalized and developed to international standards such as: EPCI offshore projects; EPC industrial projects; FSO/FPSO floating storage, treatment and crude oil export; Oil and gas service ships; Geological and underground construction survey; Installation, operation and maintenance of offshore projects; Service port; High-tech human resource supply services...

Particularly, in the trend of energy transition contributing to the sustainable development of the community and society, while promoting PVN's value chain, optimizing business efficiency, and enhancing national competitiveness to maximize the value of PVN's service chain, PTSC aims to continue completing and comprehensively developing the wind power sector, and step by step build the capacity to exploit green hydrogen energy. In addition, PTSC aims to play a key role in the domestic supply chain, contributing to achieving a localization rate of 80% for the first nuclear power plant in Vietnam.

PTSC is committed to promoting all its strengths in capacity and experience, ensuring the success of projects, affirming and strengthening its position as a reliable contractor, a reliable partner, and a reliable enterprise with customers.

Trading name: Petrovietnam Technical Services Corporation

Foreign trading name: Petrovietnam Technical Services Corporation

Abbreviated trading name: PTSC

Stock code: PVS

Business registration certificate number: 0100150577

Charter capital: VND 4,780 billion

Consolidated owner's equity: VND 14,739 billion (according to the audited 2024 financial statement)

Address: 5th Floor - Petrovietnam Building, No. 1 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City.

Telephone number: (+84) 028.39102828

Fax: (+84) 028.39102929

Website: ptsc.com.vn

1.2 BUSINESS LINES

Oil and gas mechanics

Floating storage, treatment and export of crude oil (FSO/FPSO)

Installation, operation, and maintenance of offshore structures

Service port base

Oil and gas service vessels

Geological survey, repair survey of underground structures

Industrial construction

Renewable energy

1.3 FORMATION AND DEVELOPMENT PROCESS

1993: Established the Petroleum Technical Services Company (PTSC) on the basis of merging the Petroleum Services Company (PSC) and the Geophysics and Petroleum Services Company (GPTS), as the only state-owned enterprise providing petroleum technical services with the initial main business activities being the provision of petroleum technical service vessels, petroleum service port bases and the provision of technical labor for petroleum contractors.

1994 – 2005:

- Separated a number of PTSC's divisions to form the core for the establishment of new specialized service units in the oil and gas industry.
- Invested in developing a modern fleet of specialized service ships and expanding the construction of PTSC Vung Tau oil and gas service port base to become a modern, multi-purpose service base.
- Successfully implemented the LQ-CPC 99 housing block for Vietsovetro Customer, laying the foundation for the strong development of oil and gas mechanical services.
- Deployed the O&M contract for Dinh Co Gas Processing Plant, 370 km long 2-phase gas pipeline and Lan Tay Technology Platform, laying the foundation for the birth and mastery of the O&M service type.

- Signed a business cooperation contract for FPSO Ruby Princess with PVI and PVFC, marking the birth of a high-tech service field with great potential, the FSO/FPSO service.

2006 – 2010:

- In 2006: Implemented the equitization process, offering shares to the public for the first time (IPO).
- 2007-01-01: Officially operated under the joint-stock company model, creating a historic turning point in PTSC's development with new strength.
- 2007-02-09: Transferred operations to the Parent Company - Subsidiary Company model.
- 2007-09-20: PTSC's shares were officially listed on the HNX exchange with the stock code PVS.
- Established PTSC G&S; completed investment in 2D seismic survey vessel, ROV, geophysical survey vessel, enhancing capacity in the field of seismic, geological survey and underground construction survey to a new level.
- Participated in the investment of FSO Orkid and FPSO Ruby II floating storage units, improving capacity in the field of FSO/FPSO service provision.
- In 2010: Issued shares to increase charter capital to 2,978 billion VND.
- Successfully implemented the EPC general contractor for the Bien Dong Project with a total construction and fabrication volume of over 30,000 tons and a value of over 1 billion USD, which is the largest oil and gas component construction and fabrication project in Vietnam to date.

2011 – 2015:

- Invested in owning 51% of 2 floating storage units FSO PTSC Bien Dong 01 and FPSO Lam Son, completely mastering the technology of building and operating FSO/FPSO, making PTSC the leading unit in the country and affirming its position in the region in the field of providing, operating and exploiting FSO/FPSO.
- Successfully increased charter capital to 4,467 billion VND.
- The capacity to implement EPCI projects and the competitiveness in the international market in the field of oil and gas mechanics have been affirmed and enhanced by winning international bids and successfully implementing projects: HRD technology rig topside for the Indian National Oil and Gas Group - ONGC, EPC Maharaaja Lela South Project in Brunei for Total E&P Customer.
- Joint ventures abroad transferred profits back to the country.

2016 – 2019:

- Increased charter capital to 4,780 billion VND.

- As of 2018-12-31, the total value that PTSC has earned from joint ventures abroad is 105 million USD.
- Won the EPC bid and successfully implemented oil and gas industrial projects on shore: NPK Fertilizer Plant; NH₃ Ammonia production plant of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation (PVFCCo) Customer; Ca Mau Gas Processing Plant of Vietnam Gas Corporation - CTCP (PV GAS) Customer; Thi Vai LNG storage project and EPC project for Sao Vang - Dai Nguyet gas field gathering and transportation pipeline of PV GAS customer; Southern Vietnam Petrochemical Complex Project - Package A1 (LSP - A1) of TPSK (Italy - Korea) general contractor consortium customer.
- Won bids and implemented projects for non-industry customers: Hai Phong port warehouse factory, Go Dau factory expansion for Top Solvent (Thailand) Customer and Vopak (Netherlands) warehouse expansion phase III, "Nam Dinh Vu Aviation Fuel Terminal and Warehouse Project of Nam Dinh Vu Aviation Fuel Terminal and Warehouse JSC (NDV Seaport) customer; Project for processing, manufacturing, installing ISBL technology pipeline system and installing equipment - Polypropylene production plant of Hyosung Vietnam customer.
- Won the bid and implemented the Gallaf (Al Shaheen) Project for North Oil Company (NOC) Customer in Qatar with a total contract value of over 320 million USD; Completed the new construction, launching, handover and successful and safe operation and exploitation of a fleet of 8 ships for the Nghi Son Petrochemical Refinery (NSRP) customer.
- On 2019-10-04, the 12,500-ton Sao Vang Central Technology Platform of the Sao Vang - Dai Nguyet Project was successfully installed and handed over to the Investor IGP, affirming PTSC's EPCIC general contractor capacity.
- PTSC reached the finish line ahead of schedule, exceeded its targets and financial plans, and emerged from its most challenging period.

2020

- The Design, Fabrication, Transportation, Installation, Hook-up and Commissioning of the Sao Vang CPP Central Gas Processing Platform Project was completed, and the first gas flow was officially received on 2020-11-16. The project was honored to be labeled "Project to celebrate the XIII National Congress of the Party".
- On 2020-11-16, the FSO Golden Star officially received the first condensate flow, marking an extremely important milestone in the Sao Vang - Dai Nguyet Project chain, together with the Sao Vang CPP central processing platform and the inter-field pipeline system, which were also executed by PTSC as the general contractor.
- The Gallaf (Al Shaheen) Project in Qatar - a project that PTSC won an international EPCI bid with a large volume and a total value of over USD 320 million - successfully carried out the Design, Procurement, Fabrication in Vietnam, and Transportation, Installation, and Commissioning of 3 Gallaf 1 Project Platforms

with more than 800 PTSC employees working in Qatar amidst the Covid-19 pandemic.

- In an extremely difficult and challenging context, with effort and internal strength, PTSC synchronously implemented responsive solutions to overcome the "double crisis" caused by the sharp drop in oil prices and the Covid-19 epidemic to achieve many impressive results, stable growth: consolidated revenue of more than VND 21313 billion, pre-tax profit of VND 1025 billion, contribution to the State budget of VND 909 billion.

2021- 2022

- PTSC supplements business lines: electricity production; transmission and distribution of electricity; construction of civil engineering works (construction of industrial works - renewable energy, construction of other non-house works) to continue to open up development opportunities when participating directly from investment to providing related services with its strength as a leading service provider of industrial and marine works in Vietnam.
- In July 2021, PTSC continued to be awarded the Gallaf - Phase 3 project in Qatar by the Owner NOC with a volume of over 19000 tons after overcoming fierce competition with international contractors around the world.
- In September 2021, Northland Power Development Services Inc. and Yushan Energy Co., Ltd. selected to sign a priority agreement to carry out the design, procurement, and fabrication of 02 substations for the Hai Long 2 and Hai Long 3 offshore wind power projects in Taiwan, marking the first time a Vietnamese enterprise has performed this type of work for an offshore wind power project abroad.
- PTSC exceeded its production and business targets, ensured safety for employees at all domestic and foreign construction sites and projects, and ensured good income for employees in the context of the extremely complex development of the Covid-19 epidemic worldwide.
- Completed the legal framework and became the only unit in the Group with the function of investing in the field of Renewable Energy and New Energy.
- Participating in international bidding to the final round and having the potential to win the bid for the CHW2204 offshore wind power foundation manufacturing project in Taiwan; being approved into the list of foundation suppliers for offshore wind power for Orsted - the world's number one investor in Renewable energy. This is an important milestone marking a huge change for PTSC, shifting from a single-unit production model to a mass production model, large-scale, high productivity, opening a new, stable, long-term, sustainable direction for the Corporation in the coming years, in line with the energy transition trend taking place strongly around the world.
- Established PTSC Abu Dhabi branch in UAE, expanding the scope of operations.

- In 2022, PTSC proactively seized business opportunities in the energy transition trend to develop new products, expand the provision of services in the offshore renewable energy sector, and promote service development to foreign markets such as the Middle East, India, Malaysia, Brunei, Indonesia, and Cambodia. The proportion of revenue from providing services abroad in 2022 reached over 40%, a significant increase compared to previous years, demonstrating PTSC's efforts to shift its revenue structure to foreign markets to ensure maintaining stable and sustainable development.

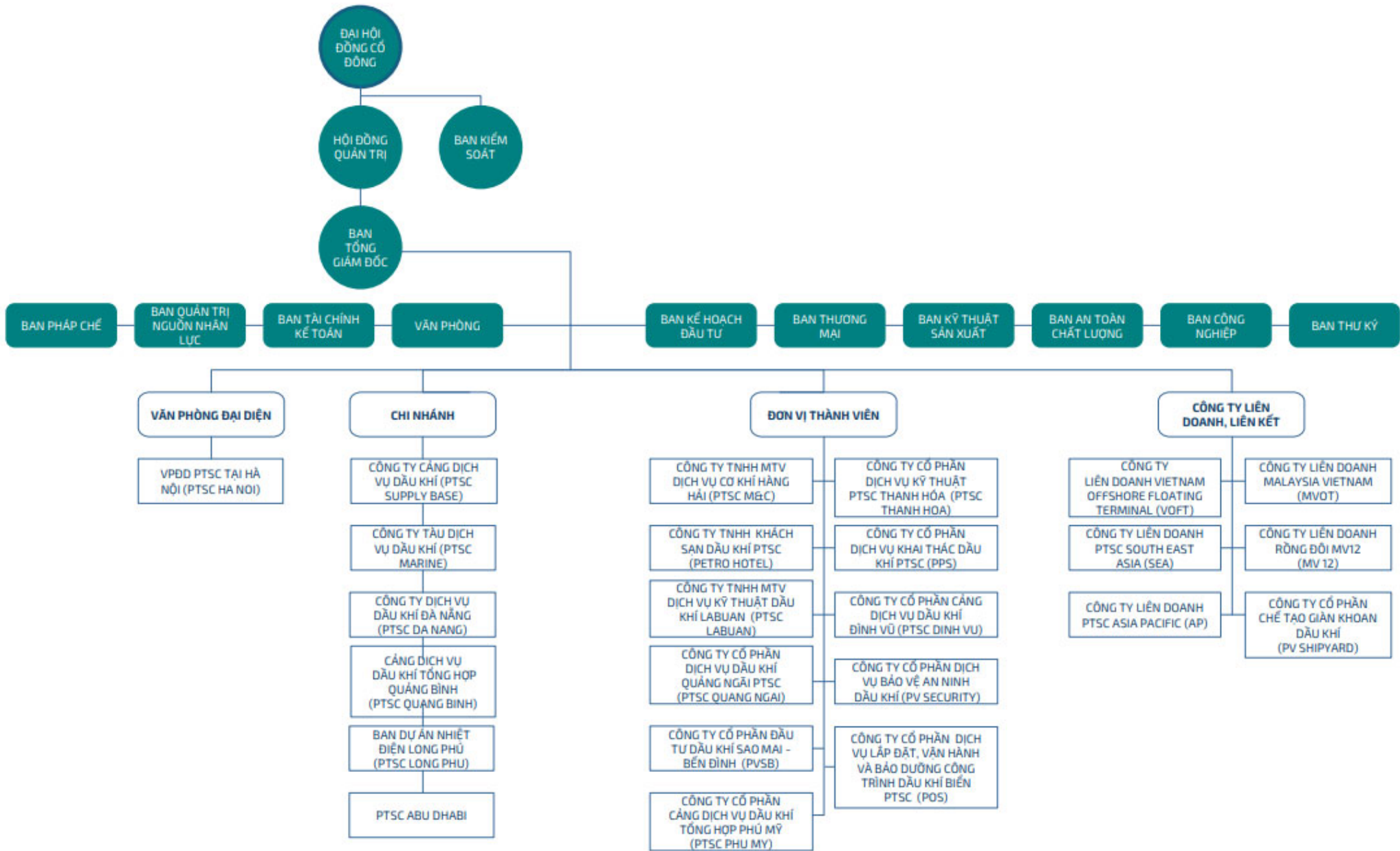
2023

- The year 2023 marked the 30th anniversary with glorious achievements, affirming PTSC's position, stature, and brand in the energy market. Investment activities achieved positive results, with vibrant production and business events. Business and service development activities achieved positive results with many important contracts signed and implemented. After many years of absence, PTSC officially reached a revenue of 20 trillion VND.
- On 2023-08-24, the Ministry of Natural Resources and Environment issued a Decision approving the observation, investigation, survey, and assessment of marine resources by PTSC Corporation to serve the investment project and development of export gas to Singapore.
- On 2023-05-17, the PTSC Abu Dhabi branch was granted an operating license by the UAE Ministry of Economy, marking the process of promoting service provision to the Middle East region.
- On 2023-11-23, PTSC Corporation officially completed all procedures for clearing the main axis road, one of the typical milestones along with the completion of investment in 20m of port bridge and rearrangement of workshops, marking the promotion of rearrangement and upgrading of infrastructure in the construction area of the Vung Tau downstream port base.
- Winning bids and implementing projects: manufacturing and supplying 33 wind turbine foundations for Orsted Taiwan Ltd - Greater Changhua 2204 (CHW2204) offshore wind power project in Taiwan (China); Engineering, Procurement, Construction (EPC) of offshore substations (OSS) for the Fengmiao 1 offshore wind power project in Taiwan (China) of Copenhagen Infrastructure Partners (CIP); Design, procurement, transportation, installation and commissioning of central processing platform, accommodation platform, flare tower (EPCI #1 package), Lot B gas project of Phu Quoc Petroleum Operating Company (PQPOC); Detailed design for the entire project, procurement, installation of onshore pipelines, stations and commissioning for the entire Lot B - O Mon Gas Pipeline Project - South West Pipeline Operating Company (SWPOC), which is an important component project in the Lot B gas-power project chain; Providing service ships, providing ROV for Saudi Aramco customers.

- Consolidating and restructuring 09 functional departments; Rotating key personnel at 09 Units; Converting the operating model of 01 Unit and continuing to implement the restructuring program at the Parent Company and functional departments at the Units.
- Upgrading and expanding the scale of the Vung Tau energy industry and technical logistics center with many investment items such as: leveling the SMBĐ area, investing in 06 paint workshops, 12 aerial work platforms, 03 total segment transporters, Autofit, 02 200-ton gentry cranes, project office building, etc.
- Signing contracts for the Lot B - O Mon project chain: package No. 1 general contractor (EPCI#1 - Central Technology Platform, Accommodation Platform and Flare Tower), package No. 2 general contractor (EPCI#2 - 04 satellite wellhead platforms and intra-field pipeline system...) and commencement of the largest CPP platform in Vietnam; PTSC is implementing the Lac Da Vang field development project chain, affirming its service provision capacity and the role of a comprehensive and comprehensive solution supplier.
- Won the bid to provide decommissioning services with a contract for the design and construction of well plugging and abandonment, Song Doc platform removal and relocation, along with the dismantling and relocation of the FPSO MV19 vessel. This is the first full-package decommissioning project in Vietnam, marking a significant breakthrough for the national oil and gas industry.
- For the first time, PTSC was honored to welcome the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam, Pham Minh Chinh, and many high-ranking leaders to visit, work, and attend the "Oil and Gas and Offshore Wind Power Event Series" worth over USD 2 billion organized by PVN/PTSC, at the PTSC Energy Industry and Technical Logistics Center (Vung Tau City). The Prime Minister's presence not only affirmed the stature and strategic significance of the event, but also opened up great expectations, promoting Vietnam's energy industry to reach a strong position in the future. The event series includes: • Launching and handover ceremony of the offshore substation foundation of the CHW2204 project: USD 350 million • Commencement ceremony of substations - Baltica 02 project: USD 167 million • Contract signing ceremony for manufacturing and supplying offshore substation foundations: USD 450 million • Commencement ceremony of CPP rig - the heart of the Lot B project series: USD 700 million • FSO Lac Da Vang contract signing ceremony: USD 416 million

2. GOVERNANCE MODEL

2.1 ORGANIZATION CHART



2.2 INTRODUCTION TO THE BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT, SUPERVISORY BOARD AND CHIEF ACCOUNTANT

Board of Directors



Mr. Phan Thanh Tung

Chairman of the Board of Directors

Year of birth: 1970 in Hai Phong

Professional qualifications: Master of Engineering in Manufacturing and Industry, Engineer of Marine Engine Operation, Bachelor of Business Administration Bachelor of English



Mr. Le Manh Cuong

Member of the Board of Directors,

General Director (until 2024-12-06)

Year of birth: 1974 in Hai Duong

Professional qualifications: Engineer of Marine Vessel Control



Mr. Do Quoc Hoan

Member of the Board of Directors

Year of birth: 1969 in Hai Phong

Professional qualifications: Master of Economics, Engineer of Marine Transport Economics, Engineer of Marine Vessel Control

Mr. Nguyen Xuan Ngoc
Member of the Board of Directors
Year of birth: 1976 in Nam Dinh
Professional qualifications: Mechanical Engineer



Mr. Tran Ngoc Chuong
Member of the Board of Directors
Year of birth: 1978 in Nam Dinh
Professional qualifications: Bachelor of Human Resource Management



Mr. Hoang Xuan Quoc
Independent Member of the Board of Directors
Year of birth: 1957 in Hanoi
Professional qualifications: PhD in Energy Mechanics, Bachelor of Economics



Mr. Doan Minh Man
Independent Member of the Board of Directors
Year of birth: 1958 in Ben Tre
Professional qualifications: Bachelor of Accounting, Bachelor of Business Administration



Board of Management

Mr. Le Manh Cuong

General Director (until 2024-12-06)

Year of birth: 1974 in Hai Duong

Professional qualifications: Engineer of Marine Vessel Control



Mr. Tran Ho Bac

General Director (From 2024-12-06)

Year of birth: 1978 in Nam Dinh

Professional qualifications: Master of Business Administration, Engineer of Enterprise Management, Mechanical Engineer



Mr. Nguyen Tran Toan

Deputy General Director (until 2024-09-16)

Year of birth: 1964 in Hai Phong

Professional qualifications: Engineer of Marine Engine Operation, Engineer of Enterprise Management



Mr. Ta Duc Tien

Deputy General Director (until 2024-11-12)

Year of birth: 1968 in Thai Binh

Professional qualifications: Engineer of Marine Engine Operation, Engineer of Business Administration



Mr. Nguyen Xuan Cuong

Deputy General Director

Year of birth: 1977 in Hanoi

Professional qualifications: Bachelor of Corporate Finance



Mr. Tran Hoai Nam

Deputy General Director

Year of birth: 1978 in Binh Dinh

Professional qualifications: Master of Business Administration, Electrical-Electronic Engineer, Bachelor of Economics



Mr. Pham Van Hung

Deputy General Director

Year of birth: 1977 in Quang Ngai

Professional qualifications: Master's Degree in Economic Management



Mr. Le Cu Tan

Deputy General Director

Year of birth: 1967 in Hai Phong

Professional qualifications: Master of Automation Engineering



Mr. Le Chien Thang

Deputy General Director (from 2024-11-12)

Year of birth: 1977 in Hai Phong

Professional qualifications: Engineer of Maritime Transport

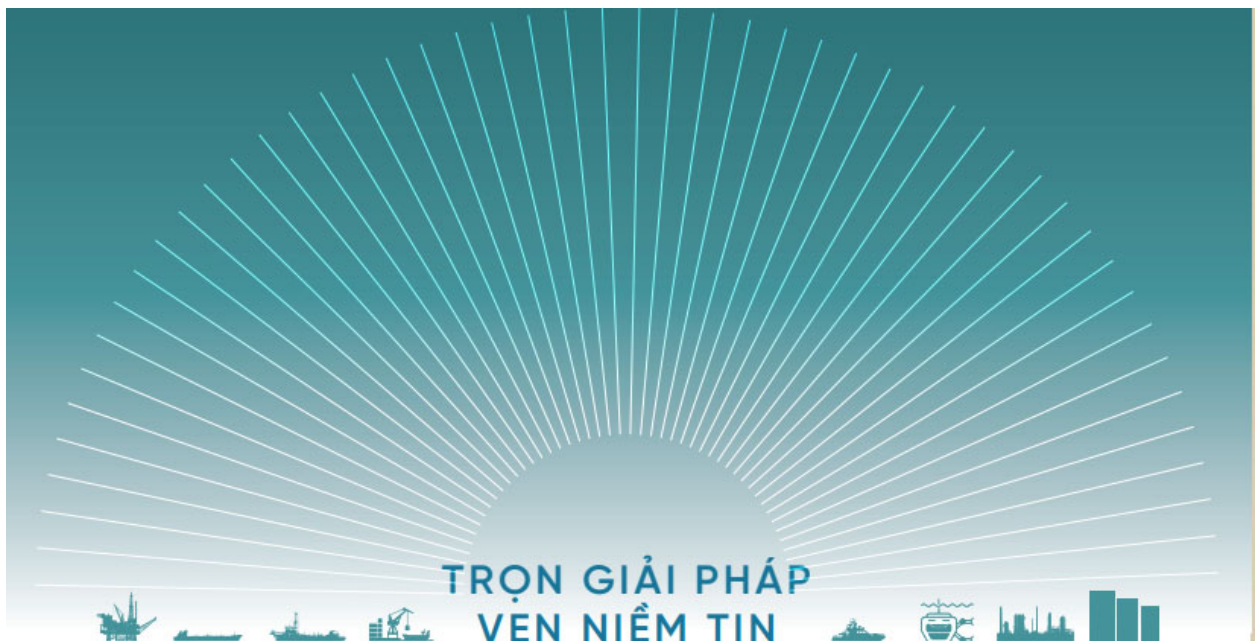


Chief Accountant

Mr. Nguyen Van Bao
Chief Accountant

Year of birth: 1977 in Hai Duong

Professional qualifications: Bachelor of Finance and Credit



Board of Supervisors

Mrs. Bui Thu Ha
Head of the Board of Supervisors

Year of birth: 1980 in Thai Nguyen

Professional qualifications: Bachelor of Accounting, Bachelor of Business Administration



Mr. Bui Huu Viet Cuong
Supervisor

Year of birth: 1981 in Hai Phong

Professional qualifications: Master of International Business Administration, Engineer of Maritime Transport Economics, Bachelor of Accounting



Mr. Pham Van Tien
Supervisor

Year of birth: 1983 in Thai Binh

Professional qualifications: Master, Bachelor of Economics



2.3 OPERATING NETWORK

Ho Chi Minh City: Headquarters of PTSC

Ba Ria- Vung Tau: PTSC Marine - PTSC Supply Base - PTSC M&C - PTSC G&S-Petro Hotel - PTSC Phu My – PPS – PVSb – POS - PV Shipyard

Soc Trang: PTSC Long Phu

Quang Ngai: PTSC Quang Ngai

Da Nang: PTSC Da Nang

Quang Binh: PTSC Quang Binh

Thanh Hoa: PTSC Thanh Hoa

Hai Phong: PTSC Dinh Vu

Hanoi: PTSC Ha Noi

Malaysia: PTSC Labuan, VOFT, MVOT

Singapore: SEA, AP, MV12

UAE: PTSC Abu Dhabi

Petroleum Technical Services Corporation Marine (PTSC Marine)

Address: No. 73, 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: Directly under the Parent Company

Main business lines: Managing, operating and providing service ships

Petroleum Technical Services Corporation Supply Base (PTSC Supply Base)

Address: No. 65A, 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: Directly under the Parent Company

Main business lines: Managing, operating, trading, and exploiting ports

Da Nang Petroleum Technical Services Corporation (PTSC Da Nang)

Address: No. 11, 3/2 Street, Hai Chau District, Da Nang City

Charter capital/investment: Directly under the Parent Company

Main business lines: Managing, operating, trading, and exploiting ports

Quang Binh General Petroleum Technical Services Corporation Port (PTSC Quang Binh)

Address: Hon La Port, Quang Dong Commune, Quang Trach District, Quang Binh Province

Charter capital/investment: Directly under the Parent Company

Main business lines: Managing, operating, trading, and exploiting ports

Long Phu Thermal Power Project Management Board (PTSC Long Phu)

Address: Thanh Duc Hamlet, Long Duc Commune, Long Phu District, Soc Trang Province

Charter capital/investment: Directly under the Parent Company

Main business lines: Managing and organizing design, procurement, construction, commissioning, and completion activities for power plant projects and industrial constructions

PTSC Representative Office in Hanoi (PTSC Ha Noi)

Address: No. 142 Nguyen Khuyen, Van Mieu Ward, Dong Da District, Hanoi City

Charter capital/investment: Directly under the Parent Company

Main business lines: Implementing business development, production projects and other tasks assigned by the Corporation

PTSC Abu Dhabi

Address: Room 1721, 17th Floor The Offices World Trade Center, Central Market. Al Markazyia, Abu Dhabi, UAE

Charter capital/investment: Directly under the Parent Company

Main business lines: Installation and maintenance of equipment at oil and natural gas fields; Operation and maintenance of oil and gas exploitation facilities; Maritime services related to the oil and gas industry; Services for onshore and offshore oil and gas exploitation facilities and fields.

SUBSIDIARY COMPANY

PTSC Marine and Engineering Services Limited Company (PTSC M&C)

Address: No. 31, 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province Charter capital/investment: VND 628 billion

Holding ratio: 100%

Main business lines: Manufacturing and constructing oil and gas and industrial projects

PTSC Underground Survey and Construction Services Limited Company (PTSC G&S)

Address: 14th Floor, Petroleum Hotel, No. 9-11, Hoang Dieu Street, Ward 1, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: VND 300 billion

Holding ratio: 100%

Main business lines: Operating 2D, 3D seismic vessels; conducting seismic surveys, engineering geology, surveying and repairing underground structures using ROV equipment

PTSC Petro Hotel Company Limited (Petro Hotel)

Address: 14th Floor, Petro Hotel, No. 9-11, Hoang Dieu Street, Ward 1, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: VND 20 billion

Holding ratio: 100%

Main business lines: Trading in tourism and providing living services for domestic and foreign oil and gas companies

PTSC Labuan Petroleum Technical Services Co., Ltd. (PTSC Labuan)

Address: Unit 3A-25, UO350, 3rd Floor, Labuan Times Square, 87007 Labuan F.T Malaysia Charter capital/investment: USD 572,565

Holding ratio: 100%

Main business lines: Providing service ships for oil and gas exploration activities

PTSC Quang Ngai Petroleum Services Joint Stock Company (PTSC Quang Ngai)

Address: Lot 4H, Ton Duc Thang, Le Hong Phong Ward, Quang Ngai City Charter capital/investment: VND 300 billion

Holding ratio: 95.19%

Main business lines: Management, operation and supply of service ships; Management, operation, business and exploitation of general ports; Manufacturing, construction, repair and maintenance of oil and gas and industrial facilities

PTSC Offshore Petroleum Services Installation, Operation and Maintenance Joint Stock Company (POS)

Address: PTSC downstream port, No. 65A, 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: VND 400 billion

Holding ratio: 84.95%

Main business lines: Transportation, installation, connection, commissioning, operation, repair and maintenance, relocation, and dismantling of oil and gas and industrial facilities

Phu My General Petroleum Services Port Joint Stock Company (PTSC Phu My)

Address: Phu My I Industrial Park, Tan Thanh District, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: VND 350 billion

Holding ratio: 59.61%

Main business lines: Management, operation, business and exploitation of general ports

PTSC Thanh Hoa Technical Services Joint Stock Company (PTSC Thanh Hoa)

Address: Nghi Son Commune, Tinh Gia District, Thanh Hoa Province

Charter capital/investment: VND 400 billion Holding ratio: 54.69%

Main business lines: » Management, operation, business and exploitation of general ports » Manufacturing, construction, repair and maintenance of oil and gas and industrial facilities » Technical inspection services for occupational safety. » Providing diving, surveying and construction services for underwater projects. » Waste recycling (shipbreaking) » Construction of hydraulic works (waterways, ports and works on rivers.)

PTSC Petroleum Exploitation Services Joint Stock Company (PPS)

Address: 16th Floor, Petro Hotel, No. 9-11, Hoang Dieu Street, Ward 1, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: VND 200 billion

Holding ratio: 51%

Main business lines: Management, operation, operation and maintenance of crude oil floating storage (FSO), crude oil storage and processing floating storage (FPSO), providing specialized oil and gas labor

Dinh Vu Petroleum Service Port Joint Stock Company (PTSC Dinh Vu)

Address: Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai II Ward, Hai An District, Hai Phong City

Charter capital/investment: VND 400 billion

Holding ratio: 51%

Main business lines: Management, operation, business, and exploitation of general ports and container ports

Vietnam Oil and Gas Security Services Joint Stock Company (PV Security)

Address: Floor G3, B4 Kim Lien Building, Pham Ngoc Thach Street, Dong Da District, Hanoi City

Charter capital/investment: VND 30 billion

Holding ratio: 51%

Main business lines: Security service business

Sao Mai - Ben Dinh Oil and Gas Investment Joint Stock Company (PVSB)

Address: No. 65A3, 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: VND 500 billion

Holding ratio: 51%

Main business lines: Management, operation, business, and exploitation of general ports

Joint Venture Company

Vietnam Offshore Floating Terminal Joint Venture Company (VOFT)

Location: BO1-D-10-1 Level 10, Tower 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Charter capital/investment: USD 14,640,000

Holding ratio: 60%

Main business lines: Investing in and providing floating storage, loading, and crude oil processing services (FPSO)

PTSC South East Asia (SEA) Joint Venture Company

Address: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Charter capital/investment: USD 32,000,000

Holding ratio: 51%

Main business lines: Investing in and providing floating storage and crude oil export services (FSO)

PTSC Asia Pacific Joint Venture Company (AP)

Address: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Charter capital/investment: USD 60,000,000

Holding ratio: 51%

Main business lines: Investing in and providing floating storage, loading, and crude oil processing services (FPSO)

Malaysia Vietnam Offshore Terminal Joint Venture Company (MVOT)

Location: BO1-D-10-1 Level 10, Tower 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Charter capital/investment: USD 35,222,268

Holding ratio: 49%

Main business lines: Investing in and providing floating storage and crude oil export services (FSO)

Rong Doi MV12 Joint Venture Company (MV12)

Address: 9 North Buona Vista Drive #04-05, The Metropolis Tower 1, Singapore 138588 Charter capital/investment: USD 20,000

Holding ratio: 33%

Main business lines: Investing in and providing floating storage and crude oil export services (FSO)

Oil and Gas Drilling Rig Manufacturing Joint Stock Company (PV Shipyard)

Address: No. 65A2, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province

Charter capital/investment: VND 595 billion

Holding ratio: 28.75%

Main business lines: Building, repairing, and converting oil and gas exploration drilling rigs, ships, and floating facilities

2.4 PTSC'S PHYSICAL FACILITIES

PTSC's fleet of service vessels

PTSC currently owns and manages a fleet of 22 oil and gas service vessels of various capacities and types, such as anchor handling tug supply (AHTS) vessels, dynamic positioning (DP) vessels, diving support vessels, fire fighting vessels, platform supply vessels, and protection vessels, which are fully operated by a capable and experienced Vietnamese crew. Details of PTSC's fleet of service vessels are as follows:

No.	VESSEL NAME	CAPACITY
1.	PTSC Sao Vang vessel	6,500 BHP
2.	Phong Nha Vessel (AHTS DP1)	5,300 BHP
3.	Binh An Vessel (AHTS)	8,900 BHP
4.	PTSC Vung Tau Vessel (AHTS DP1)	7,080 BHP
5.	PTSC Hai Phong Vessel (AHTS DP1)	5,220 BHP
6.	PTSC Thai Binh Vessel (AHTS DP2)	8,080 BHP

7.	PTSC Thang Long Vessel (AHTS DP2)	7,200 BHP
8.	PTSC Tien Phong Vessel (AHTS)	7,080 BHP
9.	PTSC Sai Gon Vessel (AHTS DP2)	5,150 BHP
10.	PTSC Hai An Vessel (AHTS DP1)	5,150 BHP
11.	PTSC Crescent (AHTS DP2)	5,150 BHP
12.	PTSC Ngan nam TLHN – 02 Vessel (Utility towing)	3,500 BHP
13.	PTSC Ngan nam TLHN – 03 Vessel (Utility towing)	4,750 BHP
14.	PTSC 04 (Utility towing)	2,140 BHP
15.	PTSC 05 Vessel (Tug)	3,200 BHP
16.	PTSC 06 Vessel (Tug)	3,200 BHP
17.	PTSC 07 Vessel (Tug)	1,600 BHP
18.	PTSC 08 Vessel (Tug)	800 BHP
19.	PTSC 09 Vessel (Tug)	5,000 BHP
20.	PTSC 10 Vessel (Tug)	2,700 BHP
21.	PTSC 11 Vessel (Tug)	1,600 BHP
22.	PTSC 12 Vessel (Service boat)	1,430 BHP

- *AHTS: Multipurpose service vessel*
- *Utility towing, Tug: Tugboats, tugs*
- *DP1: with DP 1 dynamic positioning system*
- *DP2: with DP 2 dynamic positioning system*

Floating storage and offloading (FSO/FPSO/MOPU/MOPSU/FSRU/FPU...)

The service of providing floating storage, processing, and offloading of oil and gas products is one of the strategic services that is stable and long-term because it is associated with the exploitation of oil fields. Currently, PTSC owns/co-owns 06 FSO/FPSOs serving the exploitation activities of customers at fields in Vietnam and abroad, specifically as follows:

No.	NAME OF FLOATING STORAGE	CAPACITY	OPERATING AREA
1.	FSO Orkid	745,000 barrels	PM3 CAA Field
2.	FPSO Ruby II	645,000 barrels	Hong Ngoc Field
3.	FSO PTSC Bien Dong 01	350,000 barrels	Hai Thach and Moc Tinh Field
4.	FPSO PTSC Lam Son	373,000 barrels	Thang Long - Dong Do Field
5.	FSO Golden Star	800,000 barrels	Sao Vang - Dai Nguyet Field Cluster
6.	FSO Rong Doi MV12	300,000 barrels	Rong Doi - Rong Doi Tay Field

PTSC port base

Currently, PTSC is managing, operating and continuing to expand its investment in a system of 08 oil and gas service port bases in all three regions of North - Central - South Vietnam with a total area of over 310ha and over 3,100 m of wharves, serving customers operating in oil and gas exploration and exploitation in Vietnam as well as other economic sectors in the area. Details of the port bases in PTSC's system are as follows:

No.	PORT NAME	LOCATION	SCALE
1.	Vung Tau Downstream Port	No. 65A, 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province	Area: 82.2 ha Number of berths: 09 Total berth length: 753.7 m Reception capacity: + 10,000 DWT Vessels + 10,000 DWT Barges Water depth: -6.2 m to -9.3 m
2.	Hon La Port	Quang Dong Commune, Quang Trach District, Quang Binh Province	Area: 10.3 ha Number of berths: 01 Berth length: 215m Ship reception capacity: 29,500 DWT offloading Water depth: -9.2 m
3.	Son Tra Port	Yet Kieu Street, Tho Quang Ward, Son Tra District, Da Nang City	Area: 7.5 ha Number of berths: 01 Berth length: 200 m Vessel reception capacity: 10,000 DWT Water depth: -9.5 m
4.	Dung Quat Port	Binh Son District, Quang Ngai Province	Area: 14.5 ha Number of berths: 02 + Berth No. 1: 281 m long (210m wharf + 71 m pontoon), capable of receiving 70,000 DWT vessels, water depth -11 m. + Berth No. 3: 160 m long, capable of receiving 3,000 DWT vessels, water depth -4.2 m. + Tug and specialized oil and gas vessel berth: 70m long, capable of receiving 3,000 DWT vessels, water depth -7.0m
5.	PTSC Phu My Port	Road No. 3, Phu My Industrial Park, Tan Thanh District, Ba Ria - Vung Tau Province	Area: 26.5 ha Number of berths: 04 + Berth No. 1: 384.3 m long; capable of receiving 80,000 DWT vessels, water depth -14.5 m. + Berth No. 2: 130 m long; capable of receiving 2,500 DWT vessels, water depth -4.8 m. + Berth No. 3: 130m long, capable of receiving 1,500 DWT vessels, water depth -2.7 m. + Berth No. 4: 60m long, capable of receiving 2,500 DWT vessels, water depth -4.8 m.

No.	PORT NAME	LOCATION	SCALE
6.	Nghi Son Port	Nghi Son Commune, Tinh Gia District, Thanh Hoa Province	Area: 44.9 ha Number of berths: 02 + Berth No. 1: 165m long, capable of receiving 30,000 DWT vessels (reduced load), water depth -9.5 m. + Berth No. 2: 225m long, capable of receiving 70,000 DWT vessels (reduced load), water depth -12m.
7.	PTSC Dinh Vu Port	Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai II Ward, Hai An District, Hai Phong City	Area: 15.28 ha Number of berths: 01 Berth length: 330 m Vessel reception capacity: 20,000 DWT Water depth: -8.0 m
8.	Sao Mai - Ben Dinh Port	No. 65A3, 30/4 Street, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province	Area: 113 ha

Facilities for manufacturing and constructing oil and gas and renewable energy projects

The field of mechanical engineering and construction of marine structures is one of the most important types of services that make the greatest contribution to PTSC's revenue and profit. To implement the projects, PTSC currently owns oil and gas construction and fabrication base areas in Vung Tau, Quang Ngai, and Thanh Hoa with infrastructure, port yards, warehouses, crane equipment, lifting equipment and other basic machinery and equipment... always fully meeting customer requirements, specifically:

- Main construction site in Vung Tau with an area of nearly 160 ha. In addition, PTSC also has fabrication yards in Quang Ngai and Thanh Hoa with an area of over 40 ha.
- The wharf system in Vung Tau, Quang Ngai, and Thanh Hoa is fully capable of meeting the construction and launching needs of oil and gas components. In Vung Tau alone, there is a wharf nearly 1,000 meters long designed with 03 specialized slipways for the construction and launching of large oil and gas components (6,000 tons; 15,000 tons and 25,000 tons) with a distributed load on the open area of over 50 tons/m².
- The system of workshops, construction warehouses and working offices are synchronously and modernly invested: assembly workshop (150,000 m²), covered workshop (22,000 m²), cleaning workshop (8,000 m²), covered paint workshop (3,500 m²)... In particular, in 2024 PTSC has invested in 6 new paint workshops (nearly 6,800m²) with a maximum height of nearly 45m, equipped with the most modern equipment with the most advanced technology, ready to serve the anti-corrosion painting of jacket components of offshore renewable energy projects.
- A series of vehicles, machinery and equipment serving the construction of oil and gas projects such as cranes from 50 - 550, 1,200 tons, forklifts, welding

machines, generators, air compressors and many other specialized equipment and tools.

Facilities serving the transportation, connection, construction, maintenance, repair, and dismantling of offshore oil and gas structures:

The infrastructure resources serving the transportation, connection, construction, maintenance, repair, and dismantling of offshore oil and gas structures that PTSC has invested in over the past period have basically met service needs, including the following main facilities:

No.	NAME OF VEHICLE	TECHNICAL SPECIFICATIONS
1.	300-bed accommodation barge PTSC Offshore 1	Non-self-propelled barge, 111.6 m long, 31.7 m wide, 7.3 m side height, 4.5m draft, 9,582 tons deadweight, equipped with a large crane with a lifting capacity of 300 tons.
2.	5,000-ton barge PTSC 01	The barge can transport WHP rigs, jackets, and components... up to 5,000 tons for offshore construction, repair, maintenance, and modification work.
3.	Mechanical Maintenance Workshop	The workshop system in Vung Tau, Quang Ngai, and Thanh Hoa is invested with modern equipment to serve the maintenance and repair of highly technical equipment such as gas compressors, generators, valves, heat exchange equipment, and technological tanks of oil and gas projects and onshore industrial projects.

Facilities serving survey activities

Seismic survey, geotechnical engineering, and subsea structure repair survey services using ROVs (Remote Operated Vehicles) are high-tech, complex technical services involving the management and operation of 2D and 3D seismic survey vessels, geological and geophysical surveys, and the provision and operation of specialized ROV survey equipment.

No.	MEANS OF TRANSPORT	TECHNICAL SPECIFICATIONS
1.	Binh Minh geological survey vessel	The vessel is equipped with a DP1 dynamic positioning system, a length of 61.0 m, a width of 14.95 m, a draft of 4.8 m, a total tonnage of 1624 GT; The total capacity of the main engine is 2x2753 = 5506 HP, which is inspected and certified by VR-LR registration organization. The vessel is equipped with an offshore geological survey drilling system and a 4-point mooring winch system.

No.	MEANS OF TRANSPORT	TECHNICAL SPECIFICATIONS
2.	PTSC Researcher geophysical survey vessel	<p>Length 50.3 m, width 11.58 m, draft 4.27 m, total tonnage 798 GT; The total capacity of the main engine is 2x1200 = 2400 HP, which is inspected and certified by VR-LR registration organization.</p> <p>The vessel is equipped with a geophysical survey equipment system including Analogue survey and high-resolution seismics.</p>
3.	ROV Observation Equipment (02 units) Survey	<p>ROV Panther Plus 911 and ROV Panther Plus 954 are remotely operated underwater vehicles used for surveying and repairing underwater structures, capable of diving to a depth of 1,000m.</p>
4.	ROV WorkClass Equipment (02 units) Survey	<p>ROV Quasar Compact 007 and ROV II-30 are remotely operated underwater vehicles used for surveying and repairing complex underwater structures, capable of diving to a depth of 2,000 m-3,000 m. In particular, ROV II-30 was newly invested in 2021, with a capacity of 150HP, which is the most powerful and modern in Vietnam today.</p>



2.5 VISION - MISSION - CORE VALUES

Vision

To become a global brand in the energy sector, focusing on oil and gas technical services and offshore renewable energy.

Mission

- To provide comprehensive and optimal solutions, bringing superior added value to customers and partners.
- To promote PTSC's unique corporate culture, inspire creativity, and unleash the potential of employees.
- To proactively grasp energy transition trends, contributing to the sustainable development of the community and society.

Core values

- **Proactivity: "We do not wait for the future, but proactively create it."**
A proactive spirit helps us seize opportunities, overcome challenges, and always move forward with a clear plan.
- **Trust: "Trust is the foundation of every relationship."**
We build reputation and trust based on integrity and commitment execution.
- **Sustainability: "Develop today, protect tomorrow."**
We are committed to building a sustainable future by balancing economic, social, and environmental benefits.
- **Collaboration: "Together, we will create greater values."**
We believe that close cooperation, shared responsibility, and cohesion will achieve outstanding success.

2.6 DEVELOPMENT STRATEGY

Development perspective

Period 2026-2030 and orientation to 2035

- To build PTSC into a reputable international brand - a leading provider of comprehensive solutions in the energy sector with a focus on oil and gas and offshore renewable energy.
- Increase the benefits and trust of shareholders, customers, partners, and employees, contributing to building and developing society, the community, and protecting the environment.
- Professionalism is the top criterion determining the success of the PTSC brand. Creating trust for shareholders, customers, and partners to increase the strength and competitive advantage for PTSC. Building a strong infrastructure and resources, multi-service to ensure stable and sustainable development in the value chain of Vietnam Oil and Gas Group. Always innovating, creatively ready to proactively integrate to dominate the domestic and international markets.

Vision to 2045:

- To build PTSC into a strong Oil and Gas Technical Services - Energy Corporation with a brand in the region and worldwide, making important contributions to the country's economy, contributing to building our country into a modern industrial country in accordance with socialist orientation.
- Strive to become one of the top 3 Oil and Gas - Energy technical service providers in Southeast Asia.

Overall objective

- **In the long term: Build PTSC into a reputable international brand with high-quality oil and gas technical services as the core pillar, and at the same time develop services outside the industry and abroad in accordance with the Corporation's own capabilities and strengths, including the offshore wind power sector.**
- **In the medium and short term: Maintain and stabilize production and business activities, promote package service/service chain solutions, combine PTSC's main service segments, and increase service value for customers. Take advantage of the still difficult but recovering oil and gas service market context to build and complete scenarios and plans for arranging capital, consolidating PTSC's healthy financial capacity to increase investment, improve capacity, and be ready to welcome the growth trend in the near future.**

2.7 DEVELOPMENT ORIENTATION TO 2030 FOR EACH SERVICE AREA

Oil and Gas Specialized Vessel Services

- Maintain stable and efficient production and business operations of the PTSC service fleet and the outsourced fleet, in which the internal resources of the PTSC fleet are the mainstay.
- Promote investment in supplementing the PTSC fleet in accordance with market conditions and PTSC's financial capacity to quickly improve the size and quality of the PTSC fleet. Organize well the maintenance, repair and overhaul of the fleet and equipment on board to ensure that the vehicles are always in good technical condition, meeting the requirements of customers.

Services of floating facilities for storing, treating and exporting oil and gas products (FSO/FPSO/MOPU/MOPSU/FSRU/FPU...)

- Manage and operate safely and efficiently the existing FPSO/FSO floaters under contract, ensuring continuous working time and fully meeting customer requirements.
- Strengthen marketing, approach customers, and especially closely monitor the progress of exploitation of new fields. Actively work with stakeholders and prepare resources to participate in the implementation of FPSO/FSO supply projects.

Oil and gas mechanical services and industrial works

- Closely follow key domestic projects, approach and support customers/investors from the early stages to increase the chances of being selected as an EPC/EPCI

contractor. Continue to propose to the governing boards and inter- ngành state management agencies to promote the promulgation of policies and mechanisms to support the domestic oil and gas industry.

- Focus on pursuing potential market areas, signing cooperation agreements with local partners to increase the ability to penetrate and provide services to the market.

Port Base Services

- Organize safe and efficient exploitation, continue to promote strong services at the Vung Tau Downstream Port Base, Phu My General Oil and Gas Service Port, Berth No. 1,2 - Dung Quat Port, Hon La Port, PTSC Dinh Vu Port, Nghi Son Port, and Son Tra Port. Research, expand and develop the capacity of logistics services and other support services associated with the port base, contributing to diversifying and increasing the proportion of revenue from this type of service.
- Research and arrange warehouses, wharves and invest in appropriate equipment, promote the marketing of the capacity to receive ships at the PTSC downstream port to 20,000 DWT, cargo storage yards of 3-5 hectares and heavy transport and crane vehicles to potential customers to provide services for transporting goods, equipment and modules from abroad to Vietnam before transferring for installation.
- Reorganize the layout of the PTSC downstream port cluster in Vung Tau in a scientific and appropriate manner to simultaneously deploy large projects inside and outside the oil and gas industry, especially offshore wind power projects, and maximize the facilities and equipment of the Units here in project deployment and service provision to customers.

Installation, connection, operation, maintenance, and dismantling services for oil and gas facilities.

- Maximize all available resources to maintain the excellent implementation of transportation, installation, connection, and commissioning projects for offshore and onshore oil and gas facilities; cooperate with foreign contractors to implement installation projects for oil and gas facilities, industrial projects, and underground projects; invest in improving the capacity of vehicles and equipment, and prepare well in terms of human resources and management capabilities to move towards independently undertaking turnkey projects for installation, connection, commissioning, modification, and decommissioning of fields for offshore and onshore oil and gas facilities.
- Promote the development of human resources, especially key management personnel, according to the stringent requirements of comprehensive maintenance projects for large oil and gas processing plants. Continue to synchronously invest in the workshop system according to the development orientation of high-tech specialized services to gradually dominate the market share.
- Accelerate digitalization in maintenance management operations at PTSC, moving towards integrating maintenance management applications into a single solution to improve management efficiency.

Services for seismic surveys, geotechnical engineering, and underground facility repair surveys.

- Maintain and develop the market share of survey service provision in the country. Strengthen marketing efforts to provide services abroad and outside the industry; actively seek business opportunities and promptly capture survey needs of oil and gas companies in Southeast Asia, the Middle East, etc. Research and cooperate with reputable partners to develop new types of survey services, especially survey services for renewable energy development projects.
- Further enhance proactivity in service provision, increase the proportion of self-performed work to reduce costs and increase competitiveness in bidding for service provision, towards the goal of completely self-performing marine survey services for customers.

Investing in and trading in the field of wind power and offshore renewable energy.

- Research and closely follow policies to promote energy transition towards green, clean, and sustainable development, increasing the proportion of renewable energy by the Government, ensuring compliance with the national power plan.
- Strengthen access and cooperation with reputable foreign partners to participate in the supply chain, invest in, and implement offshore wind power projects in Vietnam and the region, based on the principle of maximizing the overall strength of Vietnam Oil and Gas Group and PTSC's service chain advantages, and maximizing the amount of work for PTSC in both the investment and operation phases.

Develop services abroad.

- Continue to promote the development of services providing specialized oil and gas vessels, oil and gas mechanical services, FSO/FPSO floating storage services, and survey services abroad, with a particular focus on overlapping areas between Vietnam, countries in the region, Middle Eastern countries, and countries with which Vietnam has good relations.
- Establish and develop a network of indigenous suppliers in foreign markets through various forms such as consortia and partnerships to maximize local content for PTSC's bidding packages/services, meeting the increasingly stringent protection requirements of indigenous countries.
- Establish additional PTSC units in countries within the region, depending on the scale of PTSC services being provided and suitable business opportunities in potential markets.



III. REPORT ON OPERATIONS IN 2024

1. REPORT FROM THE BOARD OF DIRECTORS

1.1 OVERALL ASSESSMENT OF PRODUCTION AND BUSINESS OPERATIONS IN 2024

Implementation context

In 2024, the macro-economy and international markets continued to face numerous difficulties and complex fluctuations. The conflict between Russia and Ukraine persisted, severely impacting the global supply of energy and food. Additionally, escalating tensions between Israel and Hamas in the Middle East exacerbated the disruption of cross-border goods and services supply chains, increasing pressure on international trade and investment. Climate change and rising energy costs also posed significant challenges to global economic growth.

Domestically, investment in oil and gas exploration, exploitation, and reserve enhancement projects continued to encounter many obstacles. Despite this, by the end of 2024, the Lo B - O Mon gas-to-power project chain had commenced, bringing positive expectations for a stable energy supply to the economy. Furthermore, the prices of gasoline, raw materials, and transportation costs remained highly volatile, continuing to affect many business sectors, especially technical service enterprises like PTSC, requiring PTSC to adapt flexibly and innovate for development.

Evaluation of implementation results

In this context, PTSC actively promoted production and business activities, focusing on optimizing resources and expanding operations into international markets. Many vehicles and equipment were organized to work abroad, bringing high efficiency. Simultaneously, PTSC also accelerated the progress of current offshore renewable energy mechanical projects, enhanced participation in bidding for new projects to ensure a stable source of work in the future. In particular, after being awarded the contract, PTSC quickly focused resources to deploy the Lo B Project bidding packages, ensuring project progress and quality. PTSC's production and business activities continued to be organized safely and efficiently, contributing to the completion of the goals and tasks of the 2024 plan, providing a solid foundation for development in the following years.

1.2 REVENUE AND PROFIT TARGET ASSESSMENT

PTSC's consolidated business targets

Unit: Billion VND

No.	INDICATORS	Implementation year 2023	Plan year 2024	Implementation year 2024	Achieved % (compared to the year plan)	Achieved % (compared to previous year)
1.	Consolidated revenue	21.742	15.500	24.986	161,2%	114,9%
2.	Pre-tax profit	1.277	858	1.553	181,0%	121,6%
3.	After-tax profit	1.060	660	1.255	190,1%	118,4%
4.	Taxes and payables to the State Budget	843	600	1.318	219,7%	156,3%

Parent Company-PTSC business targets

Unit: Billion VND

No.	INDICATORS	Implementation year 2023	Plan year 2024	Implementation year 2024	Achieved % (compared to the year plan)	Achieved % (compared to previous year)
1.	Charter capital	4.780	4.780	4.780	100,0%	100,0%
2.	Revenue	11.334	7.000	13.236	189,1%	116,8%
3.	Pre-tax profit	1.287	660	1.672	253,3%	129,9%
4.	After-tax profit	1.123	465	1.455	312,8%	129,5%
5.	ROE	23,50%	9,73%	30,43%	312,8%	129,5%
6.	Taxes and payables to the State Budget	513	330	626	189,7%	122,1%
7.	Investment implementation	416	1.823	627	34,4%	150,8%

Revenue and profit target assessment

In 2024, PTSC continued to capitalize on opportunities from the energy transition trend to expand its service portfolio, participate more deeply in offshore renewable energy projects, and promote operations in international markets. The Corporation expanded service provision in key regions such as the Middle East, India, Taiwan, Malaysia, etc., thereby enhancing competitiveness. Consolidated revenue in 2024 was VND 24,986

billion, reaching 161% of the 2024 plan, an increase of 15% compared to 2023. Consolidated profit before tax in 2024 was VND 1,553 billion, reaching 181% of the 2024 plan, an increase of 22% compared to 2023. The proportion of revenue from providing services abroad in 2024 reached over 50%, continuing to make a significant contribution to PTSC's revenue structure.

The achievements made over the past year stand as clear evidence of the strategic vision and persistent efforts of the Board of Directors and PTSC's workforce. The corporation has aggressively implemented management measures and robust restructuring to boost business, optimize operational efficiency, and tightly control and minimize costs. These efforts have not only helped PTSC respond flexibly to market fluctuations but also ensured the maintenance of stability, safety, and efficiency in production and business operations.

1.3 ASSESSMENT OF CORE SERVICE PERFORMANCE

Dedicated Vessel Supply Services

The actual revenue result for 2024 is VND 2,596 billion, reaching 185% of the 2024 Plan, an increase of 30% compared to the actual revenue in 2023.

In 2024, PTSC continued its efforts to promote the development of the foreign market and organized the deployment of many service vessels to work abroad (Middle East, India, Taiwan, Malaysia, etc.), proactively approaching the market for offshore renewable energy projects to promptly participate in the supply of service vessels.

PTSC has effectively provided service vessels on standby for oil spill incidents, security, safety, fire prevention and fighting, and towing for Dung Quat Oil Refinery and Nghi Son LHD Plant, ensuring customer needs are met.

Service for Provision, Management, Operation, and Exploitation of FSO/FPSO Vessels

The actual revenue result for 2024 is VND 2,792 billion, reaching 140% of the 2024 Plan, an increase of 7% compared to the actual revenue in 2023.

PTSC and its co-owners have performed well in providing FSO/FPSO rental services, ensuring customer requirements are met (FPSO PTSC Lam Son for Lot 01/97&02/97, FPSO Ruby II for Lot 01/17&02/17, FSO PTSC Bien Dong 1 for Hai Thach Moc Tinh Field, FSO Orkid for PM3-CAA Overlapping Area Malaysia, FSO Rong Doi MV12 for Rong Doi - Rong Doi Tay Field, FSO Golden Star for Sao Vang Dai - Nguyet Field). In particular, PTSC undertakes all O&M work for some projects, with a continuous exploitation rate of nearly 100%, which is higher than the contract stipulations. Maintaining the provision, management, operation, and safe exploitation of the Viet Dragon 68 cold LPG floating storage, meeting customer requirements.

These achievements affirm PTSC's outstanding capacity in the field of providing, managing, operating, and exploiting FSO/FPSO storage vessels.

Especially on 2024-12-01, PTSC was entrusted by the investor Murphy Cuu Long Bac Oil Co., Ltd with the contract to supply FSO for the Lac Da Vang Project, with a designed capacity of 500,000 barrels of crude oil, which is expected to be put into operation in the second half of 2026.

For manpower supply services, PTSC continues to provide personnel to perform technical support, operation, and maintenance of FPSO/FSO for customers, ensuring safety and efficiency.

Oil and Gas Mechanical Services and Industrial Works

The actual revenue result for 2024 is VND 17,227 billion, reaching 215% of the 2024 Plan, an increase of 49% compared to the actual revenue in 2023. In which, the revenue from oil and gas mechanical projects is VND 9,998 billion, the revenue from industrial construction and installation projects is VND 1,312 billion, and the revenue from renewable energy mechanical projects is VND 5,917 billion.

Oil and gas mechanical services: During the year, PTSC safely and efficiently implemented major oil and gas mechanical projects, basically completing the Gallaf Batch 3 EPCI5 Project (total volume of 19,300 MT). At the same time, PTSC continued to well organize the implementation of the work items of the Lo B Project (Package EPCI#1: construction started for the CPP central processing platform's Jacket on 2024-09-18, the accommodation platform's Jacket on 2024-11-01, and the CPP central processing platform's Topsides on 2024-12-01; Package EPCI#2: construction started for 4 Jackets and 4 Topsides of the wellhead platforms and gathering platforms on 2024-09-18; SWEPC Package), the Lac Da Vang Project (The project held a groundbreaking ceremony on 2024-10-16).

Industrial construction services: PTSC focused its resources, organized and implemented well, safely, effectively, ensuring the quality and progress of the Aircraft Fuel Supply System Project – Long Thanh International Airport.

Renewable energy mechanical services: In 2024, PTSC basically completed the works of the Hai Long OSS Project (including 2 offshore substations HL2 OSS and HL3 OSS with a total weight of 20,534 MT) and the Project of manufacturing and supplying offshore wind power foundation - CHW2204 (on 2024-12-01, the first batch of 4 foundations was launched and handed over to the Customer. This is a historical milestone, not only for PTSC but also for the renewable energy industry of Vietnam, thereby affirming PTSC's capacity in participating in the global supply chain, meeting the strict standards from international partners). Continue to focus resources on the safe and effective implementation of the Baltica 02 Project (on 2024-11-27, the Project held a groundbreaking ceremony and began the construction and manufacturing

phase). In particular, after the CHW2204 Project, PTSC has recently continued to win the bid for a new large-scale offshore wind power tru điện foundation supply project worth hundreds of millions of USD for international customers in the Asia - Pacific market. The winning of the bid affirms the new height of the PTSC brand with the position of a reputable and quality NLTTNK service provider in the global supply chain.

Oil and Gas Port Base Services

The actual revenue result in 2024 is 2,156 billion VND, reaching 144% of the 2024 Plan, an increase of 28% compared to the implementation in 2023.

In 2024, production and business activities at Vung Tau Downstream Port continued to be effectively organized, ensuring the full supply of vehicles/equipment, meeting the requirements for lifting, lowering, and transporting goods for customers at the port, and actively expanding the provision of services to the external market to improve the efficiency of production and business activities.

Production and business activities at PTSC's general ports, including Phu My General Oil and Gas Service Port, Hon La Port, Berth No. 1 Dung Quat Port, and Nghi Son Port, are maintained stably.

The operation of Dinh Vu Port continues to face difficulties due to having to share market share with some newly formed ports in the area, creating fierce competition in service prices.

Services of Transportation, Installation, Connection, Operation, Repair and Maintenance of Oil and Gas Projects:

The actual revenue result in 2024 is 3,016 billion VND, reaching 163% of the 2024 Plan, an increase of 51% compared to the implementation in 2023. Revenue in this field increased sharply due to PTSC's active participation in bidding and implementation of many projects for Customers in the Middle East, Thailand, Malaysia,...

In 2024, PTSC completed a number of projects such as Gallaf 3 phase B1 Project, FPSO MV19 disassembly project, HL-D1 Hai Long Offshore Project and continued to focus resources on implementing the projects: Offshore Brownfield GLF3 CPP phase A2 Project, GLF3 Phase B2 Execution Project, PS3-Brownfield Constructability Study Project. In addition, PTSC is also preparing procedures to implement the Lac Da Vang Pipeline Project.

Transport barges (PTSC 01), accommodation barges (POS1) were mobilized during the year for foreign customers to rent with high exploitation efficiency, contributing to increasing the efficiency of production and business activities.

In addition, PTSC continues to safely and effectively provide maintenance contracts, providing long-term/short-term human resources for oil and gas projects/Customers.

Geological and Geophysical Survey Services for Construction and Repair Survey of Underground Structures by ROV

The actual revenue result in 2024 is 525 billion VND, reaching 150% of the 2024 Plan, an increase of 15% compared to the implementation in 2023.

During the year, PTSC excellently organized and carried out geological, geophysical, and underground structure repair surveys using ROVs for various tasks, contracts, and projects, such as: the geological survey project serving the Bataan – Cavite Interlink bridge construction project offshore Philippines; geological & geotechnical survey projects for clients; survey and repair projects for the STV-RĐ-BH-LH, TGT-BH, RP3-RC1, TU-SV & NCS2 pipeline suspension points; etc. In particular, in 2024, PTSC successfully supplied two ROVs to customers in the Middle East region. These devices have been mobilized for a long time, meeting the technical requirements and project schedule well, thereby demonstrating PTSC's high-quality service provision capacity, while contributing to increasing the efficiency of production and business activities and affirming PTSC's position in providing services to the international market.

PTSC continues to organize the safe and effective operation of the PTSC Researcher Vessel, Binh Minh Vessel, and ROV equipment serving geological surveys and underground structure repair surveys for customers.

In addition, PTSC is continuing to carry out related procedures to complete the dissolution of the PTSC CGGV Joint Venture.

1. 6 ASSESSMENT OF INVESTMENT ACTIVITIES

Investment activities of the parent company - PTSC

The parent company PTSC has focused resources on effectively implementing the items in the 2024 investment plan that were approved. Some important investment projects have been implemented by the parent company as follows:

- Completed the investment in 01 oil and gas service vessel.
- Continuing to organize the implementation of basic construction investment projects such as: Project No. 3 - Dung Quat general port; Project office building...
- Deploying investment in vehicles and equipment serving the construction of offshore renewable energy and oil and gas projects.

The investment performance result in 2024 of PTSC's parent company is 627 billion VND, reaching 34.4% of the year's plan. Although the investment performance in 2024 is still low compared to the year's plan, PTSC's investment activities in 2024 have had many major breakthroughs with much higher performance results than in recent years, an increase of nearly 51% compared to the implementation in 2023.

Investment activities of subsidiaries - PTSC

Investment activities of PTSC's subsidiaries continue to be emphasized with a total investment value of over 294 billion VND, equal to 77% compared to 2023. Many infrastructure investment items, vehicles and equipment, and software have been completed and have a positive supporting effect on the production and business activities of the units during the year.

1.7 PRODUCTION AND BUSINESS PLAN FOR 2025

Consolidated production and business targets for the entire PTSC

Unit: Billion VND

No.	INDICATORS	Plan year 2025
1.	Consolidated revenue	22.500
2.	Pre-tax profit	1.000
3.	After-tax profit	780
4.	Taxes and payables to the State Budget	720

Production and business targets of the parent company - PTSC

Unit: Billion VND

No.	INDICATORS	Plan year 2025
1.	Charter capital	5.114
2.	Revenue	11.000
3.	Pre-tax profit	850
4.	After-tax profit	680
5.	Taxes and payables to the State Budget	400
6.	Investment implementation	2.509

1.8 ASSESSMENT OF FINANCIAL SITUATION

Key financial indicators

No.	Indicators	Unit	2023	2024
1	<i>Liquidity ratios</i>			
	+ Short-term solvency ratio:	Times	1.80	1.71
	+ Quick ratio:	Times	1.64	1.58

2	<i>Indicators of capital structure</i>			
	+ Debt/Total assets ratio	Times	0.49	0.57
	+ Debt/Equity ratio	Times	0.95	1.31
3	<i>Indicators of operational capability</i>			
	+ Inventory turnover:	Times	14.32	13.76
	+ Net Revenue/Total assets turnover:	Times	0.91	0.64
4	<i>Indicators of profitability</i>			
	+ Net profit/Net revenue ratio.	%	4,46%	6,48%
	+ Net profit/Equity ratio.	%	7,83%	8,51%
	+ Net profit/Total assets ratio.	%	4,01%	3,68%
	+ Profit from business activities/Net revenue ratio	%	5,10%	4,91%

Profitability and liquidity

Profitability growth indicators show that PTSC's production and business activities are generating better profits than before. Short-term liquidity indicators also increased, not only ensuring exceeding the safety level according to PTSC's internal financial regulations but also meeting common standards of financial management. This demonstrates a good ability to pay short-term debts, reducing the risk of financial imbalances.

Healthy capital structure

The debt-to-equity ratio and debt-to-total assets ratio remain low. This demonstrates that PTSC primarily uses capital from equity, limiting reliance on borrowed capital. Therefore, PTSC does not bear much financial pressure, minimizing risks from loan interest or capital market fluctuations.

Operational efficiency

Maintaining a reasonable capital structure combined with positive profitability reflects PTSC's stable operations, solid financial capacity, and healthy and sustainable financial foundation.

Overall assessment of financial situation:

The growth of profitability indicators along with the improvement of short-term liquidity not only helps PTSC exceed the safety level according to internal financial regulations but also meets the general standards of financial management. In particular, with the debt-to-equity ratio and debt-to-total assets always maintained at a low level, it shows initiative in capital sources, less dependence on debt, and reduced financial pressure. This not only reflects the effective operation of PTSC's production and business activities but also affirms a healthy and sustainable financial situation.

Specific goals and tasks of the 2025 plan

1. Maximize PTSC's strongest resources to develop new products and services to promote the strength of the value chain based on the scale and multi-service advantages of PTSC, within the PVN's chain links. Promote the provision of core services to ensure PTSC's competitive advantage for customers outside the industry and abroad. Actively participate in bidding, building professional system connection solutions, trade promotion, and establishing joint venture and association cooperation relationships suitable to PTSC's strengths.
2. Focus on implementing management methods: volatility management, value chain management, ecosystem management, management based on digital platforms, etc.; Thoroughly grasp the motto of "refreshing old motivation, supplementing new motivation," ready to shift the business model in accordance with the trend of transformation and modern development.
3. Focus on controlling costs effectively, especially large cost centers; minimize damage caused by market impacts...
4. Promote investment, while strengthening the investment portfolio management system; strictly manage investment in accordance with the approved plan; focus investment on core service areas. Review investment and carefully assess customer market needs; closely follow the reality to ensure efficiency and feasibility. Promote the implementation of planning and infrastructure investment to welcome new services. Focus on finalizing completed projects in accordance with regulations.
5. Promote research and investment in renewable energy projects (wind power, tidal power, etc.) in offshore areas and participate in construction and implementation of renewable energy projects in accordance with existing capabilities and experience. Research cooperation with potential investors to build a supply chain for offshore wind power projects in Vietnam and the region.
6. Continue to comprehensively restructure PTSC in accordance with actual conditions to ensure the sustainable development of PTSC towards the goal of reducing intermediate levels, focusing on efficiency, the right person for the right job with the right income, creating motivation and new energy to develop new products and services both domestically and abroad.
7. Intensify training to improve the quality of human resources to promptly meet the development requirements of high-tech oil and gas services in accordance with PTSC's strategic development orientation goals.
8. Deploy the construction of a risk management system, promote scientific research activities, and promote innovation in production. Upgrade and expand the effective exploitation of information technology application software into SXKD management and operation. Implement digital transformation and invest in ERP systems, ensuring the consistency and synchronization of digital transformation and ERP deployment of PVN.
9. Maintain inspection and supervision to improve the responsibility of the Corporation's capital representatives at member units, ensuring efficiency, preservation and development of PTSC's capital invested in other businesses. Promote internal control and promptly support units facing difficulties, handling

existing problems and obstacles in SXKD operations. Continue to handle outstanding and overdue debts; Balance cash flow, ensure solvency and increase efficiency in SXKD operations.

10. Maintain and develop the application of quality, health, safety and environmental management systems. Regularly organize the implementation of safety and fire prevention, equip personal protective equipment, and ensure a safe working environment. Propagate and educate on occupational safety and hygiene in accordance with the provisions of law and the requirements of production and business tasks.
11. Implement social security, communication and corporate culture activities to ensure that they are suitable for the results of production and business activities, while also being associated with promoting PTSC's service areas and brands. Maintain and ensure the sustainable development of the unit, linking SXKD activities with protecting national security and sovereignty, and protecting the environment.

2. REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

2.1 EVALUATION OF THE BOD'S ACTIVITIES

In 2024, the global situation showed signs of recovery and improvement compared to previous forecasts, but still harbors many risks and uncertainties. Geopolitical tensions continue to escalate, especially in key oil and gas regions such as the Red Sea, Russia – Ukraine, and the Gaza Strip. Prolonged conflicts have caused prices of goods, fuel, raw materials, and transportation costs to increase, disrupting supply chains and increasing pressure on production costs. Domestically, Vietnam's oil and gas industry faces many challenges due to the trend of shifting to renewable energy. Traditional service areas of PTSC, including ship services, ports - logistics bases, mechanics, O&M of oil and gas projects... continue to face difficulties with a significant decrease in workload.

Faced with a challenging market context, the Board of Directors and the Executive Board have directed drastically, developed a flexible Action Program, and implemented synchronous solutions to respond to fluctuations, ensuring compliance with legal regulations, the Charter and internal governance regulations. As a result, PTSC has gradually overcome difficulties and is aiming to complete the goals according to the plan set out by the General Meeting of Shareholders.

In 2024, the Board of Directors operated in strict compliance with the Charter, the Enterprise Law and current legal regulations. The Board always adheres to the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, ensuring timely handling of important issues under its authority to support the management and operation of the Corporation's production and business activities.

All members of the Board of Directors demonstrate a high sense of responsibility and professionalism in performing their duties, promoting leadership roles and proactively seeking opportunities to contribute to the development of PTSC. Independent members of the Board of Directors perform their duties with dedication, high commitment, ensuring the rights of minority shareholders, while carefully considering issues under their authority to make optimal decisions.

Activities of the Board of Directors in 2024

Operating principles of the Board of Directors

The Board of Directors operates on the principle of collective leadership, expressed through resolutions, decisions, and official documents. Each member of the Board of Directors is individually responsible for their assigned tasks and jointly responsible to the General Meeting of Shareholders and the law for the decisions of the Board of Directors related to the development of PTSC. The Board of Directors assigns the General Director to organize and manage the implementation of the resolutions and decisions of the Board of Directors.

Outstanding activities of the Board of Directors in 2024

The Board of Directors successfully directed the organization of the Extraordinary and Annual General Meetings of Shareholders with high consensus among shareholders and directed the implementation of Resolutions No. 50/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ dated 2024-02-02 and 337/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ dated 2024-06-17 of the General Meeting of Shareholders, with the following results:

- Completion of the 2024 financial plan and over-completion of the main targets of the 2024 production and business plan assigned by the General Meeting of Shareholders;
- The Corporation has signed a contract and conducted an audit of the 2024 financial statements with PwC (Vietnam) Limited, in compliance with current regulations;
- Payment of 2023 cash dividends to shareholders, payment of remuneration and operating expenses of Board members and Supervisors, in compliance with regulations;
- Completion of the plan to merge PTSC Underground Survey and Construction Services Company Limited into PTSC Corporation, and public announcement of the establishment of PTSC Underground Survey and Construction Services Branch.
- The implementation status of the Contract for Design, Procurement, Construction and Installation of the Central Processing Platform, Accommodation Platform and Flare Tower (EPCI#1) with Phu Quoc Petroleum Operating Company approved by the General Meeting of Shareholders in Resolution No. 50/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ is as follows.
 - + The overall progress of the EPCI#1 Project as of the end of January 2025 has reached 15.76% (exceeding the plan by 0.59%);
 - + The project has achieved 1,336,125 safe hours (as of 2025-01-31) and no incidents have occurred;
 - + The McDermott and PTSC consortium continues to implement the Project in accordance with the provisions of the Contract and updates and reports the results of implementation at the annual meetings.

Meetings of the Board of Directors, content, and results of the meetings:

In 2024, the Board of Directors held 05 meetings, implemented the 2024 supervision program of the Board of Directors for 03 units, namely PTSC M&C Company, PV Shipyard Company, PTSC Thanh Hoa Company and 77 meetings, discussions, and obtained written voting opinions from members of the Board of Directors to agree on and decide on issues within their authority, specifically as follows:

No.	BOD member	Position	Number of BOD meetings, Opinion poll	Reason
1	Mr. Phan Thanh Tung	Chairman of the BOD/ BOD Member	81/82	As the representative of the capital contribution of PVN at PTSC, he did not participate in voting on 01 Content of opinions on contracts and transactions with related parties (RPs) of PVN.
2	Mr. Le Manh Cuong	BOD Member	81/82	On a business trip.
3	Mr. Nguyen Xuan Ngoc	BOD Member	82/82	
4	Mr. Do Quoc Hoan	BOD Member	82/82	
5	Mr. Tran Ngoc Chuong	BOD Member	82/82	
6	Mr. Hoang Xuan Quoc	Independent BOD Member	80/82	On a business trip.
7	Mr. Doan Minh Man	Independent BOD Member	81/82	On a business trip.

The decisions of the Board of Directors are in line with regulations and the actual situation of production and business, the development strategy of the Corporation, important orientations to support the General Management in the operation process, good coordination and creating favorable conditions for organizations and unions to operate. A total of 320 documents, including 140 Resolutions, Decisions and 180 other documents to manage the activities of the Corporation issued by the Board of Directors.

Training

The members of the Board of Directors of the Corporation fully participate in training programs on governance organized by the State Securities Commission, the parent company - Vietnam Oil and Gas Group and related agencies, ensuring the correct composition as prescribed. In 2024, the Board of Directors participated in in-depth training courses such as "Knowledge Fostering on Improvement, Lean Management", "Strategy Building and Management", along with specialized seminars on "Macroeconomics and Monetary Finance" organized quarterly by Vietnam Oil and Gas Group.

Assessment of the Board of Directors members' performance.

In addition to fulfilling and completing the general responsibilities in the activities of the Board of Directors, the Board members have performed their duties well with the following specific results:

- The Chairman of the Board of Directors has completed the tasks in accordance with the current regulations in directing the implementation of the Program, Plan, key tasks of the year; directing the successful organization of the Extraordinary and Annual General Meeting of Shareholders 2024; directing the organization and chairing meetings, discussions, working directly, online according to topics, projects, important works and issues that the Board of Directors deems necessary, taking opinions in writing, issuing Resolutions, Decisions and other documents of the Board of Directors; directing the improvement of change management, risk management, especially the impacts on the global energy market, the crisis of the capital market, inflation rate, exchange rate, geopolitical conflicts, etc. to have orientations and solutions in the management and administration of the General Company's production and business activities, Units; directing and supervising the General Director to implement the Resolutions, Decisions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors; directing, supporting, and urging the assigned tasks of the members of the Board of Directors. to implement the Program, Plan, key tasks of the year; directing the successful organization of the Extraordinary and Annual General Meeting of Shareholders 2024; directing the organization and chairing meetings, discussions, working directly, online according to topics, projects, important works and issues that the Board of Directors deems necessary, taking opinions in writing, issuing Resolutions, Decisions and other documents of the Board of Directors; directing the improvement of change management, risk management, especially the impacts on the global energy market, the crisis of the capital market, inflation rate, exchange rate, geopolitical conflicts, etc. to have orientations and solutions in the management and administration of the General Company's production and business activities, Units; directing and supervising the General Director to implement the Resolutions, Decisions of the General Meeting of Shareholders,

the Board of Directors; directing, supporting, and urging the assigned tasks of the members of the Board of Directors.

- The Board Member in charge of production and business areas, supervising the Units, has performed well the responsibilities related to the management and administration of the Corporation; deploying production and business plans, market development solutions, marketing and technology, making an important contribution to the completion and exceeding of the consolidated 2024 production and business plan targets.
- The full-time members of the Board of Directors have made positive contributions in the process of building and perfecting the Charter, the general internal management regulations; monitoring and supervising the implementation and compliance with corporate governance standards; supervising and evaluating the improvement of the management system, transactions, relations with shareholders, investors and related parties; approving and supervising contracts and transactions with related persons in accordance with regulations.
- The Independent Member of the Board of Directors, together with the Members of the Board of Directors, actively discussed and gave opinions in the process of considering and deciding issues under their authority, ensuring compliance with current regulations; monitoring and supervising the implementation and compliance with corporate governance standards; supervising and evaluating the activities of the General Corporation's Board of Directors in 2024, risk management, approving and supervising contracts and transactions with related parties, related transactions in accordance with regulations.
- The Board members participate in training programs on governance organized by the State Securities Commission, the Parent Company - DKVN Group and related agencies, fully and in accordance with the prescribed components.

2.2 EVALUATION OF THE GENERAL MANAGEMENT'S PERFORMANCE

The Board of Directors commends and highly appreciates the efforts to change, adapt to difficulties and challenges, flexibly transform, unite, be determined, join forces, and share the same desire of the Executive Board, the Collective of Leaders of the Corporation in the context of the entire domestic and international market being very difficult, with the following results:

- Completing and exceeding the main targets of the 2024 Production and Business Plan approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
- Directing and administering the implementation of the decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in a correct and drastic manner, closely following the actual market developments, contributing to

- improving production and business efficiency; proactively developing and proposing solutions to handle difficulties and problems of Projects and Units under the decision-making authority of the Board of Directors, contributing to minimizing risks and ensuring the rights and interests of the General Company.
- Use existing resources effectively and in a balanced manner; drastically cut costs to reduce prices while maintaining stable product and service quality, enhancing competitiveness, preserving market share, and ensuring the Corporation's long-term benefits.
 - Accounting and financial management activities adhere to standards and are transparent in accordance with the law; ensuring the principle of capital preservation and development; decisively handling bad debts and outstanding debts that are difficult to recover.
 - Maintain the innovation and improvement movement well, upgrade the management system, improve capacity, competitiveness, effectively apply information technology, science and technology, digital transformation in management, production and business; complete the construction of the Corporation's Digital Transformation Strategy; implement the approved Corporation Restructuring Project, affirming the leading role of the Parent Company in directly carrying out production and business activities for the entire corporation.
 - Social security work in 2024 is VND 34.07 billion.

2.3 PLAN OF ACTION OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2025

In 2025, the world economy is forecast to continue to recover but unevenly, heavily affected by trade tensions, geopolitics and military conflicts. In particular, the "America First" policy could have a far-reaching impact on global trade and supply chains in Asia. However, in this challenging context, Vietnam still has the opportunity to take advantage of its position in the global supply chain and promote economic integration. This is also a pivotal year to complete the 5-year Plan 2021-2025, while creating an important foundation for breakthroughs, towards the 8% growth target set by the Government. In order to ensure the successful implementation of the 2025 goals, the Corporation's Board of Directors identifies the following key tasks and strategic solutions:

1. Continue to innovate, improve the efficiency of corporate governance and strive with high determination, successfully and comprehensively implement the goals and tasks of the 2024 Production and Business Plan, the tasks of the Corporation's 5-year Plan 2021-2025, creating a solid foundation for the sustainable development of the Corporation.
2. Restructure PTSC as a whole in accordance with actual conditions to ensure the sustainable development of PTSC towards the goal of reducing intermediate levels, the right people for the right jobs, the right income, creating motivation and new

energy to develop new products and new services both at home and abroad. Optimize resources, focus on production and business efficiency and improve labor productivity.

3. Promote research and investment in offshore renewable energy projects and implement offshore renewable energy projects and works, develop capacity to become an important link in the global renewable energy supply chain; participate in the energy transition, green and clean energy process; promote business development, market development at home and abroad, non-oil and gas market, develop new products, increase revenue, find more jobs and projects, and manage work successfully and effectively, while ensuring compliance with current regulations, constantly upgrading the Management System, creating a solid foundation for the stability and development of the business; implement good cooperation and develop reputation and brand.
4. Implement good legal work, including but not limited to updating, storing, information, using, training, and applying. On that basis, ensure that all the Corporation's tasks and activities comply with current regulations; coordinate, handle, and implement well the work of inspection - examination, audit, supervision, and control; handle well and harmonize disputes, complaints, denunciations, economic and civil disagreements (if any).
5. Effectively manage financial affairs, accounting, payments, and debt recovery, ensuring sound, stable, and healthy financial conditions, capital, and cash flow; efficiently utilize capital resources, preserving and growing the Corporation's capital.
6. Promote participation in the energy transition, green and clean energy; accelerate business development and market development both domestically and internationally, in non-oil and gas markets, develop new products, increase revenue, seek additional work and projects, and manage work execution successfully and efficiently, while ensuring compliance with current regulations, continuously upgrading the management system, creating a solid foundation for the stability and development of the enterprise; promote cooperation and enhance reputation and brand.
7. Direct and supervise the implementation of projects, tasks, and activities that have been, are being, and will be implemented to ensure absolute safety, environmental protection, occupational health, quality, progress, and effectiveness, with projects and tasks achieving the highest level of success; based on this, successfully and optimally implement the Year 2025 Production and Business Plan, targets, tasks, programs, plans, and approved activities.
8. Promote the deployment and application of systems, synthesize solutions, continuously improve, upgrade, and enhance capacity and competitiveness; build, improve, upgrade, and perfect the risk management system in work and activities, and enterprise risk management; implement digital transformation, apply information technology, science, technology, new technologies, and advanced and modern management in all areas of operation.
9. Implement well and in accordance with current regulations on regimes, policies, care, remuneration, rewards, and discipline for employees, and the rights and

benefits of shareholders and the Corporation's Owners; at the same time, coordinate well with socio-political organizations, emulation activities, and promote efficiency in the organization's activities.

10. Strengthen and manage investment effectively, only investing when it is proven to be efficient, and perform investment-related tasks in compliance with current regulations.

3. REPORT OF THE BOARD OF SUPERVISORS

In its role of protecting the legitimate rights and interests of shareholders and investors, as well as ensuring transparency in the operation of PTSC Corporation, the BOS has proactively implemented inspection and supervision plans in accordance with the contents approved by the GMS in 2024. All activities of the BOS are carried out seriously, closely following the progress, complying with legal regulations and professional ethics, contributing to improving corporate governance efficiency and creating a sustainable development foundation for the Corporation.

3.1 EVALUATION OF THE BOARD OF SUPERVISORS' ACTIVITIES

The BOS has seriously and correctly performed its powers and responsibilities in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the Corporation's Charter. Fully implemented the contents according to the 2024 operation plan approved by the GMS.

The inspection and supervision work of the BOS is carried out continuously and systematically to promptly grasp the actual situation and operational efficiency of the Corporation and its member/affiliated units, in order to help the Corporation detect and overcome shortcomings in the management, operational management, and internal control systems.

The BOS fully participates in the meetings of the BOD to understand the business operations and investment situation of the Corporation and contributes opinions and makes recommendations to the BOD and CEO within the scope of its responsibilities and powers. The Supervisors work with a high sense of responsibility, based on the principles of independence and prudence, always for the benefit of shareholders and the development of PTSC Corporation.

In 2024, the Board of Supervisors held 04 face-to-face meetings. All meetings were of high quality, with 100% of the members attending the meeting unanimously approving the main contents regarding the operational aspects of the Board of Supervisors.

3.2 OPERATIONAL RESULTS OF THE BOARD OF SUPERVISORS

Results of supervising the management and investment in fixed assets and basic construction

The investment activities of PTSC have been implemented in accordance with the current regulations of the State and the internal regulations of PTSC. The basic

construction investment projects and fixed asset procurement, after completion of handover, have been put into use, managed, classified, and depreciated according to the regulations of the Ministry of Finance; their exploitation has brought practical economic efficiency through PTSC's business results during the year.

The parent company - PTSC has carried out the preparation and implementation of investment procedures for projects in accordance with the approved investment plan. The investment implementation result in 2024 is 627 billion VND, reaching 34.39% of the annual plan. Although it has not reached the expected plan, the investment has had a breakthrough growth compared to recent years, increasing by 50.72% compared to the implementation in 2023.

Results of supervising the restructuring, financial management, and capital investment in other enterprises

As of 2024-12-31, the total capital that PTSC has invested in enterprises is 4,780 billion VND, including 3,174 billion VND in subsidiaries, 1,603 billion VND in joint ventures and associates, and 3 billion VND in other long-term investments. Provision for financial investments is 908.24 billion VND.

Most subsidiaries maintain stable production and business operations, with no loss-making units. The joint ventures and associates related to FSO and FPSO still play a key role in contributing to the overall business results of PTSC. The value of dividends and profits shared to the parent company - PTSC recorded in 2024 is 1,547.41 billion VND, equal to 32.37% of the value of investments, of which:

- Profits and dividends shared from subsidiaries are 330.71 billion VND, equal to 10.42% of the value of investments in subsidiaries;
- Profits and dividends shared from joint ventures and associates are 1,216.70 billion VND, equal to 75.90% of the value of investments in joint ventures and associates.

The progress of implementing the restructuring in 2024 is as follows:

- Currently implementing the dissolution of PTSC Ca Rong Do Ltd according to Resolution No. 7283/NQ-DKVN dated 2022-12-15 and Resolution No. 43/NQ-PTSC-HĐQT dated 2023-01-19.
- Currently implementing the dissolution of Labuan Petroleum Services One Member Limited Liability Company according to Resolution No. 662/NQ-PTSC-HĐQT dated 2023-10-16.
- Conducting legal procedures to terminate the Joint Venture Contract and dissolve PTSC CCGV Geophysical Survey Company Limited.
- Implementing the merger and transformation of the operating model of PTSC Survey and Underground Works One Member Limited Liability Company into PTSC Survey and Underground Works Service Branch – Vietnam Oil and Gas Technical Services Corporation according to Resolution No. 337/NQ-PTSC-DHĐCĐ dated 2024-06-17 (starting from 2025-01-01).

- Continuing to seek solutions for PTSC's divestment at Nhon Trach Oil and Gas Shipbuilding and Repair Joint Stock Company, and Oil and Gas Drilling Rig Fabrication Joint Stock Company.

Results of supervising the implementation of the 2023 dividend payment plan

On 2024-10-30, the Board of Directors of PTSC issued Resolution No. 745/NQ-PTSC-HĐQT on the payment of 2023 dividends in cash (334.6 billion VND) with a payment rate of 7% on par value. The Corporation completed the dividend payment on 2024-12-17 in accordance with the 2024 Annual General Meeting of Shareholders Resolution.

Results of monitoring and evaluating the Board of Directors' management evaluation report.

The Board of Directors has fully exercised its rights, obligations, and responsibilities in the management of the Corporation, actively directing, supporting, and facilitating the General Director, the Supervisory Board, and the socio-political organizations of the Corporation to perform their functions and duties in accordance with regulations.

In 2024, the Board of Directors organized 09 meetings and 03 inspection and supervision programs, collected opinions 76 times, and issued 320 documents (including 140 Resolutions and Decisions) to manage the Corporation's activities. The Board of Directors regularly supervises the operation and implementation of issued Resolutions and Decisions, and monitors the operation of the Units through periodic reports of the Representative and direct meetings between the Board of Directors and the Units.

The Board of Directors' management evaluation report has fully and accurately reflected the activities of the Board of Directors in directing, supervising, managing, and administering the activities of PTSC Corporation in compliance with the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Charter of PTSC Corporation, the Enterprise Law, the Securities Law, and relevant legal documents. Specifically:

- The Board of Directors has performed well its role in directing, supervising, and supporting the General Director and the Management Board in implementing business plans and schemes to achieve business goals, financial targets, and profit distribution in accordance with Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2024.
- The Board of Directors complies with the current legal regulations on information disclosure in the stock market.
- The figures and financial indicators in the Board of Directors' report are accurate and consistent with Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2024 and the 2024 financial statements audited by PwC (Vietnam) Co., Ltd.
- The Resolutions and Decisions of the Board of Directors are issued within their authority and in compliance with legal regulations.

Results of supervision of the General Director's administration, other executives of the Corporation and appraisal of the Report on production and business results in 2023 and plan for 2024.

The General Director and other executives of the Corporation always work actively with a high sense of responsibility: promptly assess difficulties and challenges, be flexible and closely monitor all activities of the Corporation; make efforts in finding and expanding markets, developing new business areas; improve the efficiency of using all resources, optimize production and business operation processes; lead the Corporation to maintain and achieve production and business results in 2024, completing and exceeding the annual plan targets.

The 2024 Production and Business Results Report fully and reasonably reflects the production and business situation and activities of PTSC Corporation, including: Dedicated Vessel Supply Services; FSO/FPSO Vessel Supply, Management, Operation and Exploitation Services; Oil and Gas Mechanical and Industrial Construction Services; Oil and Gas Port Base Services; Transportation, Installation, Connection, Operation, Repair and Maintenance of Oil and Gas Structures Services; Geological Geological Survey of Construction and Repair Survey of Underground Structures by ROV, Investment and business in offshore renewable energy and other services. The report also presents fully on the strategy, investment, restructuring, training... and proposes specific goals and tasks of PTSC Corporation in 2025.

The production and business figures and indicators in the 2024 Production and Business Results Report are accurate and consistent with Resolution No. 377/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ dated 2024-06-17 of the Annual General Meeting of Shareholders and the 2024 financial statements audited by PwC (Vietnam) Co., Ltd.

Results of financial statement appraisal

In 2024, the Supervisory Board worked with relevant departments to appraise the Financial Statements for the fiscal year ending on 2024-12-31. Through the appraisal of the Financial Statements audited by PWC (Vietnam) Limited, the Supervisory Board noted that:

- The 2024 financial statements have been audited in accordance with the provisions of the Corporation's Charter and the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.
- The 2024 financial statements were fully accepted by the auditors without any reservations, fairly and reasonably reflecting, in all material respects, the financial situation of the Parent Company, the consolidated financial situation of PTSC Corporation as of 2024-12-31, as well as the results of business operations and cash flows for the fiscal year ended on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of Financial Statements.
- The targets for revenue, consolidated profit after tax, and the ratio of consolidated profit after tax/charter capital were all achieved beyond the plan approved by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.
- PTSC has preserved and developed its equity, fully implementing measures to preserve capital in connection with production and business activities: correctly implementing the regulations on capital management, assets, profit distribution, financial management, and accounting regime according to regulations; fully

purchasing property insurance in accordance with regulations; fully setting up provisions in accordance with regulations: for inventory devaluation, provision for doubtful debts; provision for devaluation of financial investments; provision for warranty of products, goods, and construction works.

- All assets of the Parent Company are managed in accordance with the State's regulations and the Corporation's internal regulations; asset inventory is fully implemented, and depreciation is calculated in accordance with regulations. The management of accounts receivable and payable is always tightly controlled and reconciled in accordance with regulations.

Assessment of the coordination of activities between the Supervisory Board, the Board of Directors, the General Director, and shareholders

The Supervisory Board has coordinated with the Board of Directors and the General Director on the basis of ensuring legitimate benefits for PTSC Corporation and shareholders in accordance with PTSC Corporation's Charter and legal regulations.

The Supervisory Board has closely coordinated with the Board of Directors and the General Director in performing the assigned functions and tasks. The Board of Directors and the General Director have created favorable conditions for the Supervisory Board to perform its tasks, providing full information and documents related to the Corporation's operations; the Supervisory Board has been invited to attend all meetings of the Board of Directors, executive meetings of the Corporation, and other meetings.

In 2024, the Supervisory Board did not receive any letters of request, complaint, or proposal from shareholders or groups of shareholders owning and holding 5% or more of the total common shares.

3.3 2025 OPERATING PLAN

The Supervisory Board's 2025 operating plan focuses on inspecting and supervising the following main tasks:

1. Inspecting/supervising the implementation and compliance with the PTSC Corporation Charter, the Enterprise Law, and state laws; the implementation and compliance with the Regulations, Resolutions, Decisions, and Directives of the PVN Board of Members related to the unit's operations of the PVN capital representative, the Board of Directors, and the General Director of PTSC Corporation;
2. Inspecting/supervising and evaluating the implementation of the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders; the organization of the implementation of the quarterly/annual development strategy and business plan; the financial situation, capital balance and cash flow management, operational efficiency and debt repayment capability, capital management and use; preservation and development of capital; inspecting/supervising the implementation, progress, and efficiency of investment projects;
3. Inspect/supervise the reasonableness, legality, honesty, and prudence in the management and administration of business operations; the systematic,

consistent, and appropriate nature of accounting, statistics, and financial reporting;

4. Review the accounting books, accounting records, and other documents of the company, the management, and administration of PTSC's operations when deemed necessary;
5. Appraise the adequacy, legality, and honesty of the reports according to regulations, including: Appraisal of the 2024 financial statements; Appraisal of the report on production and business operations of PTSC's General Director and the report evaluating the 2024 management activities of PTSC's Board of Directors; Appraisal of the 2024 salary fund implemented for PTSC's employees and managers; Appraisal of the reviewed semi-annual financial statements for 2025;
6. Monitor the year-end asset inventory activities at the unit;
7. Inspect/supervise the implementation of restructuring and innovation of the enterprise according to the approval Decision/Directive/Resolution of PVN;
8. Develop the 2025 operational plan of the Board of Supervisors to submit to the GMS for approval and organize its implementation;
9. Coordinate with the functional agencies of the State, inspection teams, internal audits of major shareholders, of the Corporation in the inspection and supervision of management, production and business activities at PTSC; Supervise the implementation and handling of recommendations in the minutes of inspection and audit teams;
10. Review, inspect and evaluate the validity, level of compliance with internal audit regulations and the effectiveness of the unit's internal control system, internal audit, risk management and early warning; make recommendations to improve and enhance the operational efficiency of the internal control system;
11. Review contracts and transactions with related parties under the approval authority of the Board of Directors or the GMS and make recommendations on contracts and transactions that need approval from the Board of Directors or the GMS; supervise the enterprise's disclosure of information on related parties and transactions with related parties;
12. Perform other tasks of the Board of Supervisors as required by the GMS and current regulations.

4. REPORT ON IMPACTS RELATED TO ENVIRONMENT AND SOCIETY

4.1 IMPACTS RELATED TO ENVIRONMENT

PTSC is a company providing technical services in the field of oil and gas, energy and industry, PTSC operates many activities that have a significant impact on the main environmental concerns and the risks related to environmental pollution that must be faced include:

- **Greenhouse gas (GHG) and other emissions:**

- Direct emissions (Scope 1): Arising from the use of fuel for service fleet, floating vehicles, lifting equipment and construction activities.
 - Indirect emissions (Scope 2 & 3): Related to electricity consumption, subcontractor operations and supply chains, contributing to increased climate change. In addition, industrial emissions can affect the surrounding air quality.
- **Wastewater:**
 - Domestic wastewater generated from the activities of employees at construction sites, port bases and on service ships and floating vehicles.
 - Industrial wastewater from the cleaning of factories and maintenance of equipment, if not treated to standards, can have a negative impact on the marine environment and coastal ecosystems.
 - **Solid waste and hazardous waste:**
 - Solid domestic waste comes from the activities of workers at construction sites, offices, service ships, and floating facilities.
 - Industrial solid waste and hazardous waste arise from manufacturing and maintenance activities. If not strictly managed, these types of waste can cause soil and water source pollution.
 - **Controlling and minimizing greenhouse gas emissions:**

This is an urgent challenge that directly impacts the ability to comply with environmental regulations, access international markets, and fulfill Vietnam's commitment to net-zero emissions by 2050.

Management of raw and input materials

PTSC mainly uses raw materials and energy such as semi-finished steel, industrial gases, electricity, and gasoline... In order to optimize resource utilization, improve energy efficiency, and control the environmental impact of waste from production and business activities, PTSC has synchronously implemented many solutions as follows:

- Applying the Health, Safety, Environment, and Quality (HSEQ) Management System according to international standards: ISO 9001:2015 – Quality management system; ISO 14001:2015 – Environmental management system; ISO 45001:2018 – Occupational health and safety management system.
- Controlling emissions, wastewater, and waste: Investing in and operating wastewater and exhaust gas treatment facilities in compliance with environmental protection regulations; regularly monitoring and measuring emission quality to ensure it is within the permissible limits of environmental standards; strictly managing the classification, recycling, and treatment of waste in accordance with regulations.
- In 2024, PTSC recorded savings and anti-waste of raw materials, fuel, and material savings of VND 10.870 billion (reaching 85% of the annual plan).

Managing water consumption and treating emissions into the environment

The production process of PTSC uses municipal water supply mainly for the daily activities of workers and a small part for factory hygiene purposes. All production facilities have initially invested in complete wastewater treatment systems and operate them seriously to ensure that the quality of treated wastewater complies with environmental protection standards, which are monitored through regular annual measurements in accordance with current regulations.

Managing energy consumption and reducing GHG emissions

- PTSC uses main energy sources including electricity for living activities, industrial production and fuels (gasoline, DO oil) to operate machinery. Fuel consumption is managed and controlled through a system of technical norms; investing in new and upgrading technology for vehicles and machinery with energy-saving technology, using clean fuels; taking advantage of opportunities to use renewable energy sources (such as rooftop solar power right at the production facility); applying an energy efficiency management system for the oil and gas service fleet in accordance with the regulations of the International Maritime Organization IMO. key energy-using facilities; building and applying a system of economic and technical norms on the consumption of raw materials, fuels, and maintenance supplies; investing in and upgrading energy-saving machinery and equipment, using green fuels and rooftop solar power renewable energy.
- Building and promulgating the PTSC Green Action Program from 2023 to initially implement solutions to reduce GHG emissions, towards carbon neutrality. Currently, PTSC is building and completing a sustainable development strategy according to ESG criteria, expected to be completed in 2025, in which key topics according to the environmental pillar are identified including: climate change, energy transition, biodiversity and impacts on the ecosystem, waste management with the overall goal of achieving net-zero GHG emissions for Scopes 1, 2, and 3 by 2050. PTSC has conducted a preliminary inventory of GHG emissions for the years 2022-2023 and is conducting a comprehensive GHG inventory for 2024.
- In 2024, PTSC recorded fuel and energy savings of VND 3.0 billion (achieving 136% of the year's plan).

4.2 POLICIES RELATED TO EMPLOYEES

Total number of employees, average salary of employees

In 2024, PTSC continued to affirm its position with a flexible strategy, harmonizing between attracting young talents, retaining experienced staff, and improving the quality of human resources. As of 2024-12-31, the total number of PTSC employees reached 7,480, an increase of 3.8% compared to the previous year (7,209 people).

No.	Indicator	Unit	Number of employees (Consolidated)		Rate (%)	
			Year 2023	Year 2024	2024/2024	2024/2023
I	By gender	Person	7.209	7.480	100%	+3.8%
1	Male	Person	6.284	6.528	87,3%	+3.9%
2	Female	Person	925	952	12,7%	+2.9%
II	Education level	Person	7.209	7.480	100%	+3.8%
1	Postgraduate	Person	290	301	4,0%	+3.8%
2	University	Person	3.113	3.262	43,6%	+4.8%
3	College	Person	396	424	5,7%	+7.1%
4	Technician or equivalent	Person	2.092	2.095	28,0%	+0.1%
5	General labor	Person	1.318	1.398	18,7%	+6.1%
III	Classification of labor by age group	Person	7.209	7.480	100%	+3.8%
1	Under 25 years old	Person	172	260	3,5%	+51.2%
2	From 25 years old to 35 years old	Person	1.566	1.509	20,2%	-3,6%
3	From 35 years old to 45 years old	Person	3.298	3.326	44,4%	+0.9%
4	From 45 years old to 55 years old	Person	1.887	2.062	27,6%	+9.3%
5	Over 55 years old	Person	286	323	4,3%	+12.9%

PTSC is undergoing a strong shift in its personnel structure towards rejuvenation and improvement of professional quality, which is reflected in the continuous search, training and fostering of young workforce to meet the increasing demands of the market, while maintaining an experienced workforce to ensure continuity and long-term development. Notably, the number of university and postgraduate staff continues to increase, in line with the strategy of improving the quality of human resources in the

context of strong digital transformation and high technology application. In addition, PTSC also pays special attention to the development of a technical workforce, ensuring the supply of high-quality personnel for key projects as well as expanding operations in the fields of technical services, high technology and renewable energy.

Thanks to its strategic vision in building a lean, high-quality and flexible team, PTSC not only proactively seizes development opportunities but is also ready to face all challenges, continuing to affirm its leading position in the field of oil and gas technical services. This is the core motivation, driving PTSC to move forward continuously, firmly on the path of innovation, creativity and sustainable development.

Labor policy to ensure the health, safety and welfare of employees

PTSC maintains the application and continuous improvement of the Health, Safety, Environment and Quality Management System in accordance with international standards with the following commitments and goals:

- ISO 14001:2015 - Environmental management system to control negative impacts on the environment and protect the surrounding community.
- ISO 45001:2018 - Occupational health and safety management system to protect health, prevent occupational diseases and ensure prevention of accidents for employees.

In 2024, PTSC achieved good results in ensuring the health and safety of employees as follows:

- No fatal accidents or lost time injuries occurred (LTI = 0);
- No environmental incidents occurred; not subject to administrative sanctions by competent authorities for environmental protection violations;
- Deploying projects that achieve safe working hours milestones (no lost time accidents) and are recognized and praised by customers for their achievements, typically as follows:
 - The CHW2204 offshore wind power foundation manufacturing project for Orsted customers reached the milestone of 9.5 million safe working hours;
 - NOC Customer awarded HSE Contribution Award to Gallaf 3 Project for achieving 1.77 million safe hours;
 - The No. 1 general contractor package (EPCI#1) of the Lo B - O Mon Gas Project chain reached the milestone of 01 million safe working hours;
 - The Thị Vải LPG project was completed, achieving 500,000 safe working hours.
 - NSRP customers awarded certificates of merit for good and safe operation to the Nghi Son service fleet in 2024.

Fully aware that employees are the most valuable asset of the business, PTSC always focuses on building and implementing comprehensive welfare policies, aiming not only to improve the material and spiritual life quality of employees but also to create work

motivation, increase internal cohesion, and encourage a spirit of long-term dedication. These policies are designed with the criteria of fairness, transparency, flexibility, closely linked to production and business efficiency, and the company's sustainable development orientation, specifically as follows:

- Salary policy related to employees: The salary policy is not only a factor to ensure benefits but also a motivation to promote sustainable development. With the principles of transparency, fairness, and competitiveness, PTSC has built a modern salary scale system that accurately reflects capacity, work efficiency, and labor market trends, while creating conditions for employees to feel secure in dedicating themselves and developing long-term careers. PTSC not only maintains stability in production and business activities but also creates many new job opportunities, contributing to improving income for employees and promoting PTSC's sustainable development. Specifically, the average income in 2024 of employees throughout the Corporation reached VND 29,230,000/person/month, an increase of 9% compared to 2023, clearly reflecting growth efficiency and increasingly improved remuneration policies.
- Financial support regime: Allowances on the occasion of PTSC's founding anniversary, holidays, International Women's Day (2024-03-08), Vietnamese Women's Day (2024-10-20), and other important events.
- Support for living and life: Clothing allowances, organization of mid-shift meals that meet food safety standards, support for travel costs, and organization of team-building activities, sightseeing, and vacations.
- Taking care of family life: Showing concern and encouraging employees' children with excellent academic achievements, and supporting employees when they are sick, ill, or in difficult circumstances.
- Reward policy: Deploying periodic and unscheduled reward programs to recognize and encourage the contributions of individuals and collectives with outstanding achievements.
- Health care and occupational safety: Ensuring health and occupational safety through personal insurance programs, periodic health check-ups, consulting, comprehensive health care, and occupational disease prevention.

With comprehensive and practical welfare policies, PTSC not only provides a professional and stable working environment but also creates a solid foundation for employees to feel secure in long-term commitment, thereby maximizing their capabilities.

In the near future, PTSC will continue to listen, improve, and expand welfare policies, aiming to take better care of employees' lives. Human resource development strategies will continue to be closely linked with the interests of each individual, ensuring that each employee at PTSC not only has a stable job but also a quality life, happiness, and sustainable development with the Company.

Policy on training and developing skills for employees

In the face of the energy transition and digital transformation wave, building an elite workforce ready for the future is a key factor. To proactively adapt to change, PTSC implements a human resource development strategy towards comprehensiveness and sustainability. PTSC not only focuses on attracting talent but also promotes training and improves the quality of the next-generation team, helping them master technology and adapt to the industry's continuous development. This is to meet the increasing requirements of new projects while creating breakthrough development opportunities. Systematic investment in training not only helps improve individual capabilities but also ensures that PTSC staff exceed customer expectations, contributing to consolidating the company's solid position in the market. The training policies are systematically implemented, focusing on the following key areas:

- Develop human resources according to international standards: Systematize personnel management, ensure mastery of core service areas and be ready to meet the stringent requirements of oil and gas, industrial, and renewable energy projects.
- Attract and retain talent: optimize recruitment mechanisms, transparent salary and bonus regimes, linked to work performance and production and business results, creating motivation to work and long-term development.
- In-depth training, linked to practice: Develop a training roadmap that combines theory and practice, helping employees accumulate practical experience, improve professional competence and management skills.
- Improve adaptability and change skills: Continuously update professional knowledge, professional skills, and foreign languages to meet the trend of energy transition and international integration.
- Promote a culture of learning and internal training: Encourage internal training with reasonable remuneration policies for lecturers, organize experience sharing programs, and enhance the spirit of learning throughout the system.
- Cooperate with leading universities and training centers in Vietnam, expand training opportunities abroad: implement a strategy to find, train and develop young human resources, ensure that the successor resources have the capacity to meet PTSC's standards, support training costs according to policies and regulations in the Training Regulations, helping employees access advanced training programs and update the latest knowledge to develop their careers in the long term.

Through comprehensive human resource training and development policies, PTSC continuously improves the quality of its human resources, ensuring that it meets sustainable development requirements and maintains its leading position in the field of operation.

In the coming time, PTSC will continue to invest strongly in training, expand international cooperation, promote the application of technology in online training and distance learning, and constantly improve remuneration policies to attract and retain talent. PTSC's development is always associated with the development of each individual, and a high-quality human resources team will be the key for the Company to continue to reach out and conquer new heights.

4.3 COMMUNITY INVESTMENT ACTIVITIES

Over the years, in addition to constantly expanding and developing production and business activities, PTSC has always considered social security as one of its key tasks, associated with responsibility to the community, society and the country. This is not only a part of PTSC's sustainable development strategy but also deeply reflects the humanistic philosophy, towards the harmonious development between businesses and society.

Starting from the desire that "no one is left behind," PTSC always prioritizes resources for programs to build gratitude houses, accompanying localities in taking care of particularly difficult circumstances. Not only stopping at building houses, PTSC has also made its mark in hundreds of school construction projects, health stations, supporting the purchase of medical equipment, contributing to improving the quality of health care and improving people's lives.

In 2024, PTSC spent 34.07 billion VND to implement social security programs, focusing on supporting localities with many difficulties, organizations/funds/associations and those in need of help across the country. In detail:

- Education support: Collaborating with prestigious universities nationwide, awarding scholarships worth 3.5 billion VND to encourage and create conditions for students with difficult circumstances to rise in their studies.
- Development of community infrastructure: Supporting 4 billion VND for the construction of the Truc Noi cultural house (Truc Ninh district, Nam Dinh province) and 5 billion VND for the construction of the Khanh Loi commune kindergarten (Yen Khanh district, Ninh Binh province), contributing to improving cultural and educational life in the localities.
- Housing support for people in need: Sponsoring 5 billion VND for the construction of Great Solidarity houses in Hai Duong province and 3 billion VND in Ca Mau province, helping households in difficult circumstances stabilize their accommodation.

- Disaster response: Donating 3 billion VND to support people affected by Typhoon Yagi, contributing to overcoming the consequences of natural disasters and helping people stabilize their lives soon.

The unremitting efforts in social security have helped PTSC create a strong ripple effect, receiving recognition and high appreciation from all levels of government, social organizations and the community over the years. Continuing that journey, PTSC aims to implement social security programs with a more comprehensive approach, focusing on practical and sustainable activities to bring meaningful and long-term contributions to the community. Through these activities, PTSC not only affirms its corporate social responsibility but also spreads profound human values, contributing to building an image of dedication and responsibility to the community.



IV. CORPORATE GOVERNANCE

1. OVERVIEW OF PTSC'S GOVERNANCE SYSTEM

Throughout more than 50 years of formation and development, PTSC has affirmed its position in the oil and gas services industry in Vietnam. PTSC is committed to and makes efforts in corporate governance, along with proactively changing to maintain and promote achievements, develop stably and sustainably. Below is an overview of PTSC's governance system, including the following principles and specific actions:

Principle of Transparency:

PTSC is committed to providing full, accurate and timely information to shareholders and stakeholders through the promulgation and implementation of the Information Disclosure Regulation and ensuring transparency, timeliness and accuracy. Transparency in governance helps build trust and support from investors, customers and the community.

Principle of Responsibility:

Members of the Board of Directors, the General Directors and PTSC employees all have clear responsibilities in managing and operating the Corporation's activities. Each individual is responsible for the common benefit of PTSC, ensuring efficiency and sustainability in all of PTSC's activities.

Principle of Fairness:

PTSC always respects the rights of stakeholders and ensures that decisions are based on the principle of fairness.

Principle of Sustainable Development:

PTSC strives for sustainable development through actively participating in environmental protection, occupational safety and community development activities. PTSC not only focuses on profits but also pays attention to social responsibility and sustainable development of the oil and gas industry, PTSC and the community.

Effective Governance:

Implementing modern management methods, PTSC applies a quality management system according to international standards ISO 9001, ISO 14001 and ISO 45001... To improve risk management capacity in the new situation. PTSC is deploying the construction of an enterprise risk management system according to ISO 31000 and good risk management practices along with the application of information technology in management to improve working processes and optimize operational efficiency.

Human Resource Training and Development:

PTSC invests heavily in human resource training and development to enhance the skills, expertise, and management capabilities of its staff. This fosters a professional work environment and enhances the overall competitiveness of the corporation.

Strengthen Customer Relationships, Promote Cooperation:

PTSC promotes cooperation with domestic and international partners and develops good relationships with customers by listening to feedback, improving services, and ensuring maximum satisfaction. This not only helps PTSC retain old customers but also attract new ones.

Compliance with Laws and Regulations:

PTSC seriously implements current legal regulations and adheres to international standards and norms in the oil and gas industry. This contributes to ensuring that the corporation's operations are carried out in a legal and transparent environment.

PTSC's corporate governance system is a flexible, effective, and modern structure, committed to contributing to the sustainable development of the business, creating value for shareholders and the community. These stated principles and actions are the basis for PTSC to continue to move forward in the future, affirming its position in the oil and gas services market.

PTSC commits to continue researching and gradually applying the best governance practices and integrating Environmental and Social Governance (ESG) into corporate governance, in parallel with strict compliance with Vietnamese law by specifying the roles and responsibilities between the Board of Directors and the Executive Board in the Charter, Internal Corporate Governance Regulations and the Board of Directors' Operating Regulations, contributing to promoting production and business activities and ensuring sustainability and inheritance.

1.1 Operating mechanism between the Parent Company - Subsidiary Company

With the goal of focusing and promoting internal resources to optimize the resource operations of the entire Corporation, each Unit is primarily responsible for a main type of service in the chain of service types; The Corporation has oriented and coordinated policies, especially the policy of prioritizing the use of internal services, but still ensures the principle of equality between units to ensure the most efficient operation and bring competitive advantages.

1.2 Improve the corporate governance system

Throughout its 32 years of formation and development, PTSC has demonstrated its commitment, efforts, and continuous endeavors in corporate governance, proactively

changing to maintain and promote the achievements, stable and sustainable long-term development of the Corporation, bringing trust and maximizing benefits for shareholders and investors, thereby contributing to the overall development of the community and society.

PTSC has strived to improve the corporate governance system to standard practices for listed companies (based on assessments based on the Asean corporate governance scorecard) as follows:

No.	Criteria	Compliance status at PTSC	Note
1	Organize the General Meeting of Shareholders within 6 months from the end of the fiscal year, meeting the provisions of Clause 2, Article 139 of the Enterprise Law 2020	Compliance	The 2024 Annual General Meeting of Shareholders was held on 2024-06-17 in online form.
2	Disclose information on documents for the Annual General Meeting of Shareholders at least 21 days before the opening date of the congress as prescribed in Point a, Clause 3, Article 10 of Circular 96/2020/TT-BTC	Compliance	AGMS documents were disclosed on 2024-05-17
3	Amend the Company's Charter in accordance with the provisions of the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 as prescribed in Clause 20, Article 310 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
4	Promulgate internal regulations on corporate governance, as prescribed in Clause 2, Article 270 and Clause 20, Article 310 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
5	Appoint a person in charge of corporate governance as prescribed in Clause 1, Article 281 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
6	Conduct internal audits in accordance with the provisions of Clause 1, Article 10, Article 30 of Decree 05/2019/ND-CP	Compliance	
7	Promulgate the Operation Regulations of the Board of Directors as prescribed in Clause 4, Article 278 and Clause 20, Article 310 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	

No.	Criteria	Compliance status at PTSC	Note
8	Ensure the number of independent members of the Board of Directors as prescribed in Clause 4, Article 276 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
9	Ensure the number of non-executive members of the Board of Directors as prescribed in Clause 2, Article 276 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
10	The Chairman of the Board of Directors does not concurrently hold the position of General Director	Compliance	
11	Members of the Board of Directors concurrently hold positions as members of the Board of Directors at a maximum of 05 other companies as prescribed in Clause 3, Article 275 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
12	The Board of Directors meets at least once every quarter as prescribed in Article 157 of the Enterprise Law 2020, Point c, Clause 3, Article 41 of the Securities Law and Clause 1, Article 279 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
13	The General Director is not a family member of the enterprise's manager or Supervisor of the Company and the parent company; the representative of state capital, the representative of the enterprise's capital in the Company and the parent company as prescribed in Point b, Clause 5, Article 162 of the Enterprise Law 2020	Compliance	
14	Remuneration of members of the Board of Directors, salaries of the General Director and other managers meet the provisions of Clause 3, Article 163 of the Enterprise Law 2020	Compliance	
15	Promulgate the Regulation on the Operation of the Supervisory Board as stipulated in Clause 6, Article 288 and Clause 20, Article 310 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
16	Ensure compliance with the minimum number of 03 Supervisors as prescribed in Clause 1, Article 286 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
17	Ensure the number of Supervisory Board meetings is at least 02 times/year, as prescribed	Compliance	

No.	Criteria	Compliance status at PTSC	Note
	in Clause 1, Article 289 of Decree 155/2020/ND-CP		
18	Supervisors do not hold managerial positions in the company, as stipulated in Point d, Clause 1, Article 169 of the Enterprise Law 2020 and Clause 2, Article 286 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
19	Supervisors are persons who are not family members of the Board of Directors, General Managers, and other managing officers, as stipulated in Point c, Clause 1, Article 169 of the Enterprise Law 2020 and Clause 2, Article 286 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
20	Supervisors have not worked in the financial accounting department of the Company or an independent Auditing Company within the 03 consecutive years prior, as stipulated in Point a, Clause 2, Article 286 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
21	Salaries and operating expenses of the Supervisory Board meet the provisions of Clause 3, Article 172 of the Enterprise Law 2020	Compliance	
22	Conducting transactions with related parties ensures compliance with the provisions of Article 167 of the Enterprise Law 2020 and Articles 292, 293 of Decree 155/2020/ND-CP	Compliance	
23	Disclosure of information on Resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors when transacting with related parties, reflecting these transactions in the Financial Statements and the Corporate Governance Report	Compliance	

1.3 Implement risk management and opportunities related to PTSC's sustainable development

The Corporation's Board of Directors has directed the development and promulgation of the Risk Management Regulations, the Risk Appetite Statement, along with regulations on the Corporation's Risk Acceptance Levels and Risk Measures. At the same time, the

Corporation continuously improves risk management, actively monitors the market, captures trends and fluctuations to seek sustainable development opportunities for PTSC. Specifically, risk management is comprehensively implemented throughout PTSC through the following key activities:

- Risk identification, strategy development, and risk management policies: Identify potential risks in business operations, thereby developing appropriate management strategies and policies to mitigate negative impacts, while seizing opportunities to optimize operational efficiency.
- Monitoring compliance with legal regulations and ESG (environmental, social, and corporate governance) standards: Ensure all activities of the Corporation strictly comply with current legal regulations, meet sustainable development standards, and contribute to enhancing corporate reputation and responsibility.
- Risk management and contingency plan development: Proactively assess, classify, and control risks, thereby proposing timely response measures to minimize damages and maintain business stability.
- Transparent information on risk management and opportunities: Provide clear, complete, and timely information on risks as well as business opportunities to shareholders, investors, customers, and related parties, ensuring transparency and trustworthiness.
- Financial and resource management, prudence in investment: Consider carefully when deploying investment projects, prioritize sustainable projects that bring long-term value, and ensure the effective use of financial and human resources.

Through these orientations, the Corporation not only enhances its risk management capabilities but also creates a solid foundation for PTSC's sustainable and long-term development.

2. BOD STRUCTURE

Members and structure of the Board of Directors

The Corporation's Board of Directors consists of seven (07) members, including 04 Non-Executive Members, 01 Member concurrently holding the position of General Director, and 02 Independent Members.

Information about Members of the Corporation's Board of Directors, the number of PVS shares currently held by Members of the Corporation's Board of Directors is as follows:

No.	List of BOD members	Position	Number of Board member positions held by each Board member in other companies	Number of voting shares and other securities issued by the Company	Percentage of shares representing the parent company - PVN Group	Note
1.	Phan Thanh Tung	Chairman of the Board	0	48.551 (0.0102%)	Representing 26.38% of PVN's capital contribution in PTSC	
2.	Le Manh Cuong	Member of BOD	0	55.424 (0.0116%)	Representing 15.00% of PVN's capital contribution in PTSC	From 2024-12-06, Mr. Le Manh Cuong no longer holds the position of General Director of PTSC and is no longer the representative of PVN's capital in PTSC.
3.	Nguyen Xuan Ngoc	Non-executive Board Member	0	0	Representing 10.00% of PVN's capital contribution in PTSC	
4.	Do Quoc Hoan	Non-executive Board Member	0	9,377 (0.002%)	0	
5.	Tran Ngoc Chuong	Non-executive Board Member	0	0	0	
6.	Hoang Xuan Quoc	Independent Board Member	02 (Director of Energy Vina Capital; Independent Board Member of PVD)	0	0	
7.	Doan Minh Man	Independent Board Member	01 (Independent Board Member of PVcomBank)	0	0	

Assignment of duties within the Board of Directors

The activities of the Members of the Board of Directors are all assigned specific tasks, creating democracy and the power of collective intelligence; implementing inspection, supervision, and urging the Executive Board to implement the contents and resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and assignments from superiors; proactively exchanging, discussing, and expressing opinions in the assigned fields, specifically as follows.

Mr. Phan Thanh Tung – Chairman of the Board of Directors

- Operating, leading, and comprehensively managing all common activities of the Board of Directors.
- Directly directing the development and implementation of medium and long-term development orientations and strategies of PTSC.
- Directly directing the organization and personnel work; mass organization work, issues related to socio-political organizations; promulgating and amending PTSC's general regulations, rules, and policies.
- Resolving complaints and denunciations against PTSC's management staff.

Mr. Le Manh Cuong – Member of the Board of Directors, General Director

- Performing the functions, duties, and powers of a Member of the Board of Directors cum General Director (until 2024-12-06), in charge of the Corporation's production and business activities.
- In charge of Oil and Gas Mechanical Services; Services, projects, and works related to FSO, FPSO, MOPU, MOPSU floating storage...; O&M of oil and gas and industrial facilities; business development, new services, commerce, market, customers, cooperation, alliances, joint ventures, commercial guarantees; building & developing brand name and corporate culture; emulation, commendation, and discipline.

Mr. Nguyen Xuan Ngoc – Member of the Board of Directors

- In charge of Services, projects, work related to offshore oil and gas (offshore, in addition to marine vessels, FSO, FPSO, MOPU, MOPSU, oil and gas mechanics that fall under the assignment of other Board Members).
- In charge of services, projects, and work related to Ports; related to finance, financial investment, accounting and auditing, assets, investment, bidding, procurement, insurance, and related inspection, examination, and supervision.
- Matters related to shareholders, shares, securities, and investors.
- Work on thrift, waste prevention, and anti-corruption.
- Work on relations with the media, mass media, speaking, providing information, public relations, information channels, and PTSC internal newsletter.

Mr. Do Quoc Hoan – Member of the Board of Directors

- In charge of services, projects, and work related to marine vessels, including service ships, marine survey using ships, seismic and geological surveys, and underground structures, ROV.
- In charge of the management system, health, safety, environmental quality; work on protection, oil and gas security and safety, security and order, national defense and security, sea and island security, anti-terrorism, piracy, emergency response; work on legal compliance, compliance with current regulations, internal management document system.

Mr. Tran Ngoc Chuong – Member of the Board of Directors.

- In charge of services, projects, and work related to Onshore.
- Assist the Chairman of the Board of Directors in directing, managing, and urging the construction and implementation of the Corporation's development strategy; work on restructuring the entire Corporation.
- In charge of training, salary, remuneration, policy regimes; other inspection and examination work; management of Representatives at Units; social welfare work.

Mr. Hoang Xuan Quoc – Independent Member of the Board of Directors

- Perform the functions, duties, and powers of an Independent Member in accordance with current regulations.
- In charge of services, projects, and work related to Offshore Renewable Energy; work on research, scientific, technical, technological development, norms system, digital transformation, initiatives, inventions, and improvements of the Corporation; risk management work.

Mr. Doan Minh Man – Independent Member of the Board of Directors

- Perform the functions, duties, and powers of an Independent Member in accordance with current regulations;
- Support work related to finance, financial investment, accounting and auditing; monitoring contracts with Related Parties.

3. RISK MANAGEMENT

3.1 MARKET RISKS

Identification

Vietnam's economy in 2024 is recovering strongly in the context of a still difficult global economy, but there are still significant challenges. The large dependence on foreign investment capital poses a problem for economic autonomy, making Vietnam vulnerable to unpredictable fluctuations in exchange rates and external inflationary pressures. In parallel, the transition to renewable energy, an inevitable trend of the times, requires large investment capital and policy changes.

The global energy market in 2024 is facing many complex fluctuations, directly affecting supply and prices. Economic shocks, exchange rate fluctuations and public debt pressures are directly affecting energy supply. Geopolitical conflicts, especially in the Middle East, cause fluctuations in oil and natural gas prices, while trade protection measures and instability of the USD-VND exchange rate increase energy import costs. From the above challenges, the oil and gas market has fluctuated:

Global oil supply is increasing slowly amidst geopolitical tensions and recession risks, as well as plans to maintain production cuts from major producing countries. Specifically, OPEC+ countries continue to implement their crude oil production cut policy, down to 40.46 million barrels per day, effective from 2024-01-01 to 2024-12-31; Russia announced an extension of its voluntary reduction of 500,000 barrels per day until the end of 2024; and the UAE reduced approximately 150,000 barrels per day from April 2024. On the other hand, current oil prices remain low due to concerns about the risk of an economic recession in the U.S., the world's largest oil consumer, and limited purchasing power from China, the world's largest crude oil importer.

The domestic energy market is facing many challenges. Oil and gas exploitation output has decreased sharply due to the depletion of traditional fields and difficulties in developing new fields. At the same time, Vietnam is heavily dependent on imports of liquefied natural gas (LNG) from Qatar, Malaysia, and Saudi Arabia. To ensure energy security, Vietnam is making efforts to increase oil and gas reserves through new projects.

Regarding renewable energy:

The need to strengthen energy security after the energy crisis, alongside efforts to eliminate carbon, governments around the world are accelerating the deployment of renewable energy. As a result, renewable energy continues to develop rapidly in 2024, with combined solar and wind energy consumption increasing by about 11% per year. However, supply chain issues have not been completely resolved, high commodity extraction costs and higher financial costs, as well as low bid prices, challenge the success of many renewable energy auctions in 2024.

Auctions for offshore wind power projects have been planned to be held in the United States, Germany, Finland, Italy, Brazil, and India in 2024. However, these bidding processes have not attracted much investor interest due to a range of challenges, including increased input costs and financial investment capital, as well as supply chain disruptions and infrastructure limitations.

Governance measures

- Continue to implement synchronous solutions from 2023, while updating and expanding based on lessons learned. Focus on developing services along the value chain, leveraging scale advantages and service diversification.
- Promote innovation and improvement to enhance competitiveness in line with the context of energy transition. Develop new products and services, especially expanding investment in onshore projects to supplement existing offshore projects.
- Improve the efficiency of capital use and investment governance; proactively balance cash flow and capital mobilization plans to respond promptly to market fluctuations; Optimize investment costs, review and focus on key and effective projects.
- Maintain and promote a professional working style, building a modern, safe, and sustainable corporate environment and culture.
- Enhance corporate governance efficiency by applying advanced governance principles and practices. Strengthen the application of digital technology to monitor, assess risks, and optimize operations.
- Innovate recruitment mechanisms and develop a professional oil and gas human resource pool according to international standards, with a particular focus on training in expertise and skills in key business areas.
- Establish a remuneration and income system for employees, ensuring their benefits are closely linked to the sustainable development of PTSC.

3.2 POLICY RISKS

Identification

In 2024, Vietnam continues to refine its legal policies on investment, bidding, oil and gas, and energy. Of particular note are the normative legal documents in the energy sector with the aim of "building breakthrough mechanisms and policies to encourage and strongly promote the development of renewable energy sources," ensuring energy security, moving towards the implementation of Net Zero commitments, and contributing to promoting the sustainable and effective development of the energy industry. The revised and supplemented Electricity Law updates the framework regulations on renewable energy development and offshore wind power to promote investment and create legal mechanisms and corridors for domestic enterprises to participate in the development of this sector, serving domestic needs and export. The Government is also developing and promulgating several important Decrees that form the policy framework related to offshore wind power, such as Decrees guiding electricity development planning, power supply network development plans, investment in the construction of power projects, and bidding for the selection of investors for power business projects; Decrees on the development of renewable energy and new energy; Decrees on the allocation of sea areas to organizations and individuals; and updates and amendments to the Power Master Plan VIII and the

Marine Spatial Plan. The legal framework for offshore wind power in these legal documents has contributed to promoting the interest of domestic and foreign investors and is expected to attract concentrated investment resources into this field.

Nevertheless, the application and implementation of the above legal regulations in practice still face many difficulties and inadequacies because, to date, the legal regulations are not yet synchronized or complete. In particular, the incentives for investors in the early stages of offshore wind power development are still unclear. The conditions for participating in offshore wind power, the investor selection process, regulations on investment procedures, and the decentralization of authority have not been groundbreaking, have not created pilot mechanisms, and have not promoted proactive investment. Priority policies to promote, protect production, encourage, and increase the competitiveness of domestic service enterprises have not yet been emphasized.

In 2024, Vietnam Oil and Gas Group - PTSC's Parent Company has begun procedures to transform into a National Energy Industry Group and is focusing on building an overall sustainable development strategy to 2045, with a focus on technological innovation and energy transition. In addition to continuing to affirm its position, improve its capabilities, and promote its strengths in traditional oil and gas technical service segments, PTSC is also building a strategy with the determination to make even stronger breakthroughs in the field of renewable energy, offshore wind power, and is ready to participate in some new potential areas such as nuclear power, carbon capture and storage services, and support services for the green energy industry. However, with the legal framework still having some shortcomings and limitations as mentioned above, PTSC still faces many difficulties and challenges.

Governance measures

In the context of policy and legal changes and updates, the National Energy Development Strategy and the Development Strategy of Vietnam Oil and Gas Group will also have necessary updates and adjustments. Therefore, PTSC needs to flexibly adjust its business strategy and management mechanism, proactively adapt to ensure sustainable development in the oil and gas and offshore renewable energy/offshore wind power industries.

Over the past year, many proposals and contributions from PTSC related to the development of offshore wind power projects have been acknowledged and incorporated into legal regulations by competent authorities. PTSC has also actively disseminated legal information, participated in law-making, and proactively contributed opinions and proposals on numerous draft legal normative documents concerning ensuring competition and bidding methods in the Bidding Law; selecting contractors and investors in the power sector in the Draft Law amending 4 Laws (Investment Law, Planning Law, PPP Law, Bidding Law); proposing the Draft Electricity Law, especially regulations on the offshore renewable energy/offshore wind power sector; Decrees guiding offshore wind power; the Draft Decree amending Decree 95 guiding the Petroleum Law; the Draft amending Decree 11/2021/ND-CP on the allocation of sea areas to organizations and individuals for the exploration and use of marine resources, etc.

Concurrently, PTSC ensures compliance with general laws in its production and business operations, proactively reviews and updates, and makes necessary adjustments to internal regulations to ensure alignment with new regulations, the industry's development orientations and strategies, and the areas of operation that PTSC is implementing, as well as management and operational requirements. PTSC also continues to enhance control and adjust the decentralization mechanism for investment and procurement, enhancing the responsibilities of individuals and collectives. PTSC also establishes and reinforces internal mechanisms for decentralization, authorization, assignment, reporting mechanisms, supervision, inspection, auditing, internal assessment, and internal control. The system of internal normative documents is built relatively fully, consistently, tightly, and with high effectiveness. At the same time, PTSC still ensures compliance with the prescribed criteria for public companies, ensuring publicity, transparency, and the supervision of shareholders, the board of supervisors, and competent authorities (General Meeting of Shareholders, Board of Directors).

In the coming time, PTSC will continue to monitor and closely follow the development plans of legal policies, contribute opinions on legal documents, and continue to send proposals on specific policy mechanisms for relevant industry groups, policies for the development of renewable energy/offshore wind power, manufacturing, production, and services serving the oil and gas and energy industries. Proposing that competent authorities promote and soon complete synchronous and comprehensive legal policies, creating a real "breakthrough mechanism" for the development of renewable energy/offshore wind power projects so that the Vietnam Oil and Gas Group and its member units have a sufficient legal basis to implement. Especially the contents specifying the authority, procedures, localization policies, priorities, incentives, and encouragement of investment and production development in the development of projects. Accordingly, the system of legal normative documents needs to be fully developed, not only the Law on Renewable Energy, the Law on the Sea but also the related industry Law groups (Electricity, Oil and Gas, Investment...), technical regulations, professional and nghiệp vụ guidance documents, investment procedures, thẩm định, selection, preferences for specific investors in these fields.

In addition, PTSC seeks potential partners, implements cooperation agreements with international partners to expand the market for exporting oil and gas services, renewable energy services, and exporting works and goods abroad in accordance with the policies and guidelines of the State.

3.3 FINANCIAL RISKS

Risk identification

- Credit risk: occurs when a customer or partner fails to comply with the obligations in the contract, fails to make debt payments on time, or is unable to make debt payments, leading to financial losses for PTSC Corporation.

- Interest rate risk: PTSC has mobilized capital from credit institutions domestically and internationally to meet investment and business operation needs, hence there is interest rate risk.
- Exchange rate risk: PTSC's customers and suppliers come from many different geographical areas and are mostly foreign-related, so large foreign currency inflows and outflows arise, creating exchange rate risk.
- Liquidity risk: PTSC Corporation has diverse business operations with many service areas requiring investment in large value assets such as floating facilities, service ships, port systems, lifting equipment and services requiring large working capital such as mechanical manufacturing, so there is always potential liquidity risk.

Management measures

The identification of financial risks and the development of risk management measures are carried out by PTSC regularly and continuously improved over the years, specifically:

- Regarding credit risk, before participating in a bidding package or implementing any contract, PTSC assesses the financial situation and operations of customers and partners to ensure the ability to perform the contract and develop a suitable credit policy. Periodically, PTSC will conduct debt reconciliation, assess credit history and have confirmation letters, notices, and reminders to customers and partners about debt payment. For some customers with high credit risk, PTSC will require a payment guarantee from a reputable credit institution or parent company guarantee.
- Regarding interest rate risk, PTSC has approached capital mobilization from domestic and international capital markets in both local and foreign currencies to diversify funding sources, avoiding sudden impacts from one market. In addition, to minimize risks from interest rate fluctuations, PTSC Corporation has arranged capital, implemented interest rate hedging derivatives, and maintained a reasonable level of fixed and floating interest rate loans.
- Regarding exchange rate risk, PTSC manages it with a policy of balancing foreign currency inflows and outflows to ensure minimizing exchange rate risk through signing contracts with customers corresponding to foreign currencies payable to suppliers. In addition, PTSC also uses derivative financial instruments to manage foreign currency cash flows such as foreign currency swap transactions, forward contracts, etc. to increase financial income.
- Regarding liquidity risk, PTSC manages it with specific regulations and rules to ensure the balance of cash flow of each project, each job, each contract is always controlled; the time to recover receivables is always less than the time to pay payables; use long-term capital sources to invest in long-term assets.

3.4 RISKS RELATED TO SAFETY, HEALTH, OCCUPATIONAL, ENVIRONMENTAL, AND QUALITY OPERATIONS

Risk identification

Operating in the field of oil and gas technical services, industry and offshore renewable energy has a harsh production environment at sea, processing and manufacturing oil and gas/heavy industrial works... posing many hazards related to Occupational Health, Safety, Environment and Quality (HSEQ) with the main risks being identified and managed as follows:

- Occupational Health and Safety risks: the risk of labor accidents during production or in the event of accidents/incidents of fire and explosion, equipment damage, and occupational diseases due to exposure to noise, vibration, chemicals, etc. Accidents/incidents can cause serious damage to people, the environment, property, and disrupt production and business activities, greatly affecting the reputation of the Corporation.
- Environmental Risks: the risks related to environmental pollution that must be faced include:
 - Greenhouse Gas (GHG) Emissions: Direct emissions (Scope 1) from fuel for ships and construction equipment; indirect emissions (Scope 2 & 3) from electricity, contractors, and supply chains, contributing to climate change and affecting air quality. Controlling and minimizing GHG emissions is an urgent challenge, affecting compliance with environmental regulations, international competitiveness, and Vietnam's Net Zero target by 2050.
 - Wastewater: Domestic wastewater from workers at production facilities and floating facilities; industrial wastewater from maintenance and cleaning activities. If not treated to meet discharge standards, it can pollute surface water sources and the marine environment.
 - Solid Waste and Hazardous Waste: Domestic waste, industrial waste from production processes, workers' activities, construction, and maintenance, if not properly managed, can pollute soil and water and affect community health.
- Quality Risks: The risk of supplying products (foundation, superstructure, module, wind power components...) or services that do not meet the technical requirements and quality standards of the contract and customers. Quality errors can lead to large remediation costs, delays, loss of customer trust, and affect operational safety and competitiveness.
- Risks from the supply chain: Controlling the quality and HSEQ compliance of suppliers of raw materials (steel, industrial gases, etc.) and subcontractors is a challenge that can indirectly affect the overall quality and safety of the project.

Governance measures

To control and minimize HSEQ risks, PTSC has been synchronously implementing governance measures, integrated into the Corporation's overall management system, focusing on the following main solutions:

- Applying and maintaining the effectiveness of the integrated HSEQ management system according to international standards ISO 9001:2015 (Quality), ISO 14001:2015 (Environment), and ISO 45001:2018 (Occupational Safety & Health). This system is continuously reviewed and improved to ensure compliance with the law, meet the requirements of stakeholders, and increase operational efficiency.
- Identify, assess, and control HSEQ risks for each activity and project, and strictly apply the system of regulations/procedures/safe working instructions.
- Control of emissions, wastewater, and waste: investing in and operating wastewater and emission treatment facilities in compliance with environmental protection regulations; controlling periodic measurement and monitoring of emission quality to ensure it is within the permissible limits of environmental standards; strictly managing the classification, recycling, and treatment of waste in accordance with regulations.
- Effectively manage energy use and reduce GHG emissions:
 - Apply an effective energy use management system, especially for the fleet and key facilities.
 - Establish and apply norms for consumption of raw materials and fuels. In 2024, estimated savings of VND 10.87 billion in raw materials and VND 3.0 billion in fuel and energy.
 - Invest in and upgrade energy-saving machinery and equipment, use green fuels, and utilize rooftop solar power renewable energy.
 - Implement the "PTSC Green Action Program" and is completing and building a Sustainable Development Strategy according to ESG criteria (expected to be completed in 2025) with the goal of Net Zero by 2050. PTSC has conducted a preliminary inventory of GHG emissions for the years 2022-2023 and is conducting a comprehensive GHG inventory for 2024.
- Management of subcontractor quality, supply chain: use the HSEQ Management System to evaluate, select, and control suppliers based on HSEQ standards and strict contracts; require compliance with quality and safety standards, perform on-site supervision and inspection of raw materials and services; build a list of strategic suppliers, minimize the risk of dependence and supply chain disruption; establish a feedback and continuous improvement mechanism, quickly handle arising problems to ensure the quality and progress of work/projects.

Conduct periodic and unscheduled internal HSEQ inspections, supervisions, and audits at production facilities/sites; organize internal HSEQ audits by third parties.

4. REMUNERATION AND OTHER BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, AND GENERAL MANAGEMENT BOARD IN 2024

- The total corporation's expenditure on salaries, remuneration, and allowances for the Board of Directors and the Supervisory Board is appropriate and in compliance with Resolution No. 337/NQ-PTSC-DHĐCĐ dated 2024-06-17 and current regulations.
- Details of salaries, remuneration, and other benefits of each Member of the Board of Directors, Supervisory Board, and General Management Board in 2024 are as follows:

No.	Full name	Position	Start date	End date	Number of months	Salary, remuneration (VND)	Allowances (VND)	Executive Board bonuses and other benefits (VND)	TOTAL PRE-TAX INCOME (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7+8+9)
1	Phan Thanh Tung	Chairman of the Board of Directors	2024-01-01	2024-12-31	12	2.077.812.000	-	2.812.087.000	4.889.899.000
2	Le Manh Cuong	Member of the Board of Directors/General Director (until 2024-12-06)	2024-01-01	2024-12-06	12	2.143.872.000	-	2.797.469.000	4.941.341.000
3	Do Quoc Hoan	Member of the Board of Directors	2024-01-01	2024-12-31	12	1.691.068.000	-	1.948.148.000	3.639.216.000
4	Nguyen Xuan Ngoc	Member of the Board of Directors	2024-01-01	2024-12-31	12	1.728.741.000	-	2.342.416.000	4.071.157.000
5	Tran Ngoc Chuong	Member of the Board of Directors	2024-01-01	2024-12-31	12	1.654.001.000	-	2.173.458.000	3.827.459.000
6	Hoang Xuan Quoc	Independent Member of the Board of Directors	2024-01-01	2024-12-31	12	-	180.000.000	450.000.000	630.000.000
7	Doan Minh Man	Independent Member of the Board of Directors	2024-01-01	2024-12-31	12	-	180.000.000	350.000.000	530.000.000

No.	Full name	Position	Start date	End date	Number of months	Salary, remuneration (VND)	Allowances (VND)	Executive Board bonuses and other benefits (VND)	TOTAL PRE-TAX INCOME (VND)
8	Nguyen Tran Toan	Deputy General Director (until 2024-09-16)	2024-01-01	2024-09-16	09	1.716.837.000	-	2.406.010.000	4.122.847.000
9	Ta Duc Tien	Deputy General Director (until 2024-11-12)	2024-01-01	2024-11-12	11	983.049.000	-	2.072.243.000	3.055.292.000
10	Tran Ho Bac	Deputy General Director/General Director (From 2024-12-06)	2024-01-01	2024-12-31	12	1.740.800.000	-	2.795.816.000	4.536.616.000
11	Nguyen Xuan Cuong	Deputy General Director	2024-01-01	2024-12-31	12	1.691.068.000	-	2.111.120.000	3.802.188.000
12	Tran Hoai Nam	Deputy General Director	2024-01-01	2024-12-31	12	1.654.001.000	-	2.216.352.000	3.870.353.000
13	Pham Van Hung	Deputy General Director	2024-01-01	2024-12-31	12	1.560.989.000	-	1.808.557.000	3.369.546.000
14	Le Cu Tan	Deputy General Director	2024-01-01	2024-12-31	12	1.307.879.000	-	295.451.000	1.603.330.000
15	Le Chien Thang	Deputy General Director	2024-11-12	2024-12-31	2	689.338.000	-	1.000.000	690.338.000
16	Nguyen Van Bao	Chief Accountant	2024-01-01	2024-12-31	12	1.414.640.000	-	1.798.608.300	3.213.248.300
17	Bui Thu Ha	Head of the Board of Supervisors	2024-01-01	2024-12-31	12	1.414.640.000	-	1.856.220.300	3.270.860.300
18	Bui Huu Viet Cuong	Supervisor	2024-01-01	2024-12-31	12	1.035.884.000	-	1.309.580.300	2.345.464.300
19	Pham Van Tien	Supervisor	2024-01-01	2024-12-31	12	1.035.884.000	-	1.313.580.300	2.349.464.300
	TOTAL					24.883.924.000	285.000.000	21.206.850.800	46.375.774.800

V. PVS SECURITIES

1. BASIC INFORMATION

Outstanding shares (shares)	477.966.290
Listed shares (shares)	477.966.290
Number of freely transferable shares	477.966.290
Number of shares with restricted transfer	0
Treasury shares (shares)	0
Market capitalization (billion VND)	16,203.057
Basic Earnings per Share (EPS) (VND)	1.923
P/E	17,63
Book value/Share (VND)	20,776
Highest CP price in 2024 (VND)	47.109
Lowest CP price in 2024 (VND)	30.400

(Data as of 2024-12-31)

2. SHAREHOLDERS

2.1 SHAREHOLDER STRUCTURE

(updated according to the List of shareholders at the Last Registration Date 2024-11-14)

Ownership by geography	Number of shareholders	Number of shares	Rate
Vietnamese organization	87	274,855,508	57,51%
Vietnamese individual	19,842	102,060,653	21,35%
Foreign organization	88	100,330,406	20,99%
Foreign individual	217	719,723	0,15%

2.2 LIST OF MAJOR SHAREHOLDERS (OWNING OVER 5%)

The number of shares is counted according to the List of securities owners dated 2024-11-14 and the transaction reports received until the end of 2024-12-31.

No.	Shareholder Name/ Shareholder Group	Number of shares owned (shares)	Ownership rate (%)	Domestic/ Foreign	Individual/ Organization
1.	Vietnam Oil and Gas Group	245,565,000	51,38%	Domestic	
2.	The related foreign shareholder group for which Ms. Truong Ngoc Phuong is the authorized information disclosure representative, owning 7.1025% of PVS shares, details are as follows:	33.947.700	7,1025%	Foreign	
	- <i>Amersham Industries Limited</i>	7.596.500	1,5893%	Foreign	Organization
	- <i>DC Developing Markets Strategies Public Limited Company</i>	100.000	0,0209%	Foreign	Organization
	- <i>Hanoi Investment Holdings Limited</i>	2.589.900	0,5419%	Foreign	Organization
	- <i>Norges Bank</i>	9.609.100	2,0104%	Foreign	Organization
	- <i>Saigon Investments Limited</i>	5.510.200	1,1528%	Foreign	Organization
	- <i>Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]</i>	300.000	0,0628%	Foreign	Organization
	- <i>Vietnam Enterprise Investments Limited</i>	5.912.000	1,2369%	Foreign	Organization
	- <i>Wareham Group Limited</i>	2.330.000	0,4875%	Foreign	Organization

2.3 INTERNAL PERSONS AND INTERNAL SHAREHOLDERS STOCK TRANSACTION DURING THE PERIOD

The number of shares is counted according to the latest List of securities owners and transaction reports received from Internal Persons as of 2024-12-25.

No.	Full name	Position in the Corporation	Number of shares owned at the end of the period (year 2024)	Share ownership rate at the end of the period (year 2024)	PVS shares Trading activities - Buy and Sell during the year 2024		Reason	Note
					Buy transaction	Sell transaction		
1	Phan Thanh Tung	Chairman of the Board of Directors	48.551	0,010%	0	0		
2	Le Manh Cuong	Member of BOD/ General Director (until 2024-12-06)	55.424	0,012%	0	0		
3	Nguyen Xuan Ngoc	Member of BOD	-	0,0000%	0	0		
4	Do Quoc Hoan	Member of BOD	9.377	0,002%	4.000	0	Buy	
5	Tran Ngoc Chuong	Member of BOD	-	0,0000%	0	0		
6	Hoang Xuan Quoc	Independent member of the Board of Directors	-	0,0000%	0	0		
7	Doan Minh Man	Independent member of the Board of Directors	-	0,0000%	0	0		
8	Bui Thu ha	Head of the Supervisory Board	-	0,0000%	0	0		
9	Bui Huu Viet Cuong	Member of the Supervisory Board	1.667	0,0003%	0	0		
10	Pham Van Tien	Member of the Supervisory Board	-	0,0000%	0	0		
11	Tran Ho Bac	CEO (from 2024-12-06)	2.149	0,0004%	0	0		

No.	Full name	Position in the Corporation	Number of shares owned at the end of the period (year 2024)	Share ownership rate at the end of the period (year 2024)	PVS shares Trading activities - Buy and Sell during the year 2024		Reason	Note
					Buy transaction	Sell transaction		
12	Ta Duc Tien	Deputy CEO (until 2024-11-12)	1.637	0,0003%	0	0		
13	Nguyen Tran Toan	Deputy CEO (until 2024-09-16)/Chairman of the Trade Union	3.794	0,0008%	0	0		
14	Nguyen Xuan Cuong	Deputy CEO	5.019	0,0011%	0	0		
15	Tran Hoai Nam	Deputy CEO	01	0,0000%	0	0		
16	Pham Van Hung	Deputy CEO	5.803	0,0012%	0	0		
17	Le Cu Tan	Deputy CEO						
18	Le Chien Thang	Deputy CEO (from 2024-11-12)	125.705	0,026%	0	0		
19	Nguyen Van Bao	Chief Accountant	79	0,0000%	0	0		
20	Nguyen Duc Thuy	Head of Internal Control/Person in Charge of Public Information	-	0,0000%	0	0		

3. SHAREHOLDER RELATIONS

PVS - CONFIRMING PRESTIGE AND TRANSPARENCY IN LISTED ENTERPRISE GOVERNANCE

Since officially listing on the stock market in September 2007, the PetroVietnam Technical Services Corporation (stock code PVS) has always been considered one of the leading prestigious listed companies in Vietnam. In 2024, PTSC was continuously honored by the Hanoi Stock Exchange (HNX) as a "Well-governed Listed Company", affirming its transparency, professionalism, and efficiency in corporate governance.

With a pioneering position in the field of providing oil and gas technical services and industry in Vietnam and a major brand in the regional market, PTSC is always committed to practicing corporate governance according to the highest standards. PTSC strictly complies with the Enterprise Law, Securities Law, current legal regulations as well as applying international practices, while emphasizing the role of Shareholder and Investor Relations activities in building sustainable and transparent relationships, contributing to optimizing enterprise value and protecting the interests of Shareholders.

3.1 Strengthening Dialogue:

Shareholders' Right to Information Access

In 2024, PTSC actively organized regular meetings with investors and was readily available upon request to provide detailed information on quarterly SXKD operations. PTSC welcomed numerous investors from leading securities companies, fund management companies in Vietnam, and foreign investment funds, all seeking opportunities for cooperation and investment. Furthermore, information on PTSC's SXKD activities is always published accurately and promptly, fully complying with legal regulations, to ensure the right of access to information for all shareholders.

In addition, to create conditions for shareholders, investors, and interested parties to have practical experience in the fields of operation, PTSC organizes visits to the facilities of the PTSC Energy and Technical Logistics Industrial Center. These interesting, vivid, and practical field trips provide complete information about PTSC's ecosystem of oil and gas, industrial, and energy technical services and leave a good impression on visitors.

Discussions and Questioning at the AGM and Investor Meetings

At the 2024 Annual General Meeting of Shareholders (AGM), shareholders directly questioned the Presidium. All issues raised by shareholders were answered by the Presidium, providing transparent and accurate information. The opinions and recommendations of shareholders at the meeting were all acknowledged and researched for appropriate implementation. In addition, before each AGM, PTSC organizes an Analyst Meeting to inform investors about the financial situation, SXKD results, prospects of the oil and gas market, renewable energy, as well as PTSC's orientations and development strategies in the future. Through these events, PTSC's Board of Management shared and exchanged openly with investors, helping to enhance mutual understanding for all participants.

3.2 Information Transparency:

PTSC always appreciates and understands the importance of information transparency, and has applied information technology solutions in information disclosure, posting, and updating public information on important issues related to the enterprise, including Annual Reports, quarterly/semi-annual/annual Financial Statements, related announcements, financial situation, operating results, orientations, development strategies, transactions with related parties, ownership and control structures, etc. on the website, social networking sites as well as through PTSC's media channels quickly, promptly, and in compliance with the law; using information disclosure services on the stock market. At the same time, PTSC also cooperates with securities companies and media to update and provide the most complete information about PTSC's operations in the most detailed and transparent way.

3.3 Protecting Shareholders' Rights and Ensuring Equitable Treatment for All Shareholders:

To properly implement the goal of "Maximizing the protection of shareholders' rights, ensuring equitable treatment between minority and majority shareholders, between domestic and foreign shareholders, and between internal and external shareholders" of PTSC, PTSC's Shareholder Relations Department always works actively, meets the best conditions, and handles all requests from shareholders flexibly and quickly regarding the exercise of shareholders' rights, such as: registering ownership rights, transferring shares, purchasing additionally issued shares, accessing information related to PTSC's operations, participating and voting at the AGM, authorizing the exercise of shareholders' rights, receiving dividends from PTSC, etc.

INFORMATION DISCLOSURE LIST FOR 2024

No.	Date of Information Disclosure	Abstract of Information Disclosure Content
1	2024-01-11	Announcement on the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders
2	2024-01-11	Information Disclosure on Convening the Meeting and Draft Contents of Documents for the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders
3	2024-01-30	Report on Corporate Governance Status (Reporting Period: Year 2023)
4	2024-01-30	Disclosure of the Parent Company's Financial Statements for Quarter 4/2023
5	2024-01-30	Disclosure of Consolidated Financial Statements for Quarter 4/2023

No.	Date of Information Disclosure	Abstract of Information Disclosure Content
6	2024-01-30	Explanation of Differences in Data of the Parent Company's Financial Statements for Quarter 4/2023 compared to Quarter 4/2022
7	2024-01-30	Explanation of Differences in Data of the Consolidated Financial Statements for Quarter 4/2023 compared to Quarter 4/2022
8	2024-02-02	Minutes of the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders
9	2024-02-02	Resolution of the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders
10	2024-02-02	Information Disclosure of Minutes and Resolutions of the 2024 Extraordinary General Meeting of Shareholders
11	2024-03-14	Explanation of Differences in Data of the Parent Company's Financial Statements for the year 2023
12	2024-03-14	Explanation of Differences in Data of the Consolidated Financial Statements for the year 2023
13	2024-03-14	Disclosure of Audited Parent Company Financial Statements for the year 2023
14	2024-03-14	Disclosure of Audited Consolidated Financial Statements for the year 2023
15	2025-03-14	Periodic Information Disclosure of Financial Statements
16	2024-04-03	Disclosure of the 2023 Annual Report
17	2024-04-04	Disclosure of Resolution on the 2024 Annual General Meeting of Shareholders
18	2024-04-26	Explanation of Differences in Data of the Parent Company's Financial Statements for Quarter 1/2024 compared to Quarter 1/2023
19	2024-04-26	Explanation of Differences in Data of the Consolidated Financial Statements for Quarter 1/2024 compared to Quarter 1/2023
20	2024-04-26	Disclosure of the Parent Company's Financial Statements for Quarter 1/2024
21	2024-04-26	Periodic Information Disclosure of Financial Statements

No.	Date of Information Disclosure	Abstract of Information Disclosure Content
22	2024-05-17	Information Disclosure on Convening the Meeting and Draft Contents of Documents for the 2024 Annual General Meeting of Shareholders
23	2024-05-30	Information Disclosure of the 11th amended Business Registration Certificate
24	2024-06-03	Announcement on the Change of Business Registration Certificate
25	2024-06-14	Information Disclosure of Resolution on Approving Content and Documents submitted to the General Meeting of Shareholders at the 2024 Annual GMS Meeting of the Corporation
26	2024-06-17	Minutes of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders
27	2024-06-17	Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders
28	2024-06-18	Information Disclosure of Minutes, Resolutions of the 2024 Annual GMS Meeting
29	2024-07-10	Information Disclosure of Signing an Audit and Review Contract for the 2024 Financial Statements
30	2024-07-25	Explanation of Data Discrepancies in the Parent Company's Financial Statements for Quarter 2/2024 compared to Quarter 2/2023
31	2024-07-25	Explanation of Data Discrepancies in the Consolidated Financial Statements for Quarter 2/2024 compared to Quarter 2/2023
32	2024-07-25	Announcement of the Parent Company's Financial Statements for Quarter 2/2024
33	2024-07-25	Periodic Information Disclosure of Financial Statements
34	2024-07-29	Report on Corporate Governance (Reporting period: June 2024)
35	2024-07-30	Correction of Information in the Parent Company's Financial Statements for Quarter 2/2024 that has been disclosed
36	2024-07-30	Correction of Information in the Consolidated Financial Statements for Quarter 2/2024 that has been disclosed
37	2024-08-02	Explanation of Data Discrepancies in the Parent Company's Financial Statements for the First 6 Months of 2024

No.	Date of Information Disclosure	Abstract of Information Disclosure Content
38	2024-08-02	Announcement of the Reviewed Parent Company Financial Statements for the First 6 Months of 2024
39	2024-08-08	Explanation of Data Discrepancies in the Consolidated Financial Statements for the First 6 Months of 2024
40	2024-08-08	Periodic Information Disclosure of Financial Statements
41	2024-09-16	Announcement Regarding Personnel Work of PetroVietnam Technical Services Corporation
42	2024-09-24	Information Disclosure on Contracts under the Approval Authority of the Board of Directors
43	2024-10-28	Explanation of Data Discrepancies in the Parent Company's Financial Statements for Quarter 3/2024 compared to Quarter 3/2023
44	2024-10-28	Explanation of Data Discrepancies in the Consolidated Financial Statements for Quarter 3/2024 compared to Quarter 3/2023
45	2024-10-28	Announcement of the Parent Company's Financial Statements for Quarter 3/2024
46	2024-10-28	Periodic Information Disclosure of Financial Statements
47	2024-10-30	Resolution on Payment of Cash Dividends for 2023
48	2024-10-30	Information Disclosure of Resolution on Payment of Cash Dividends for 2023
49	2024-10-31	Announcement on the Record Date for Exercising Rights to Receive Cash Dividends for 2023
50	2024-11-12	Announcement Regarding Personnel Work of PetroVietnam Technical Services Corporation
51	2024-12-06	Announcement Regarding Personnel Work of Vietnam Oil and Gas Technical Services Joint Stock Corporation
52	2024-12-13	Announcement Regarding Changes to Business Registration Certificate
53	2024-12-27	Information Disclosure on Resolution of Organizing Written Consultation of Shareholders
54	2024-12-30	Announcement Regarding Nomination and Candidacy for Members of the Board of Directors of Vietnam Oil and Gas Technical Services Joint Stock Corporation

4. PVS STOCK ASSESSMENT

In 2024, the Vietnamese stock market faced many fluctuations but still maintained its growth trend thanks to a stable macroeconomic foundation and positive capital flows. The VN-Index started the year with positive sentiment and progressed to the price range of 1,293 points in March thanks to strong domestic and foreign capital inflows into the market. However, pressure from the global economy, US interest rates maintained at a high level, and differentiated cash flows caused the market to experience strong correction phases. At the end of 2024, the VN-Index closed at 1,266 points, up 12.1% compared to the beginning of the year, showing the market's resilience despite external challenges.

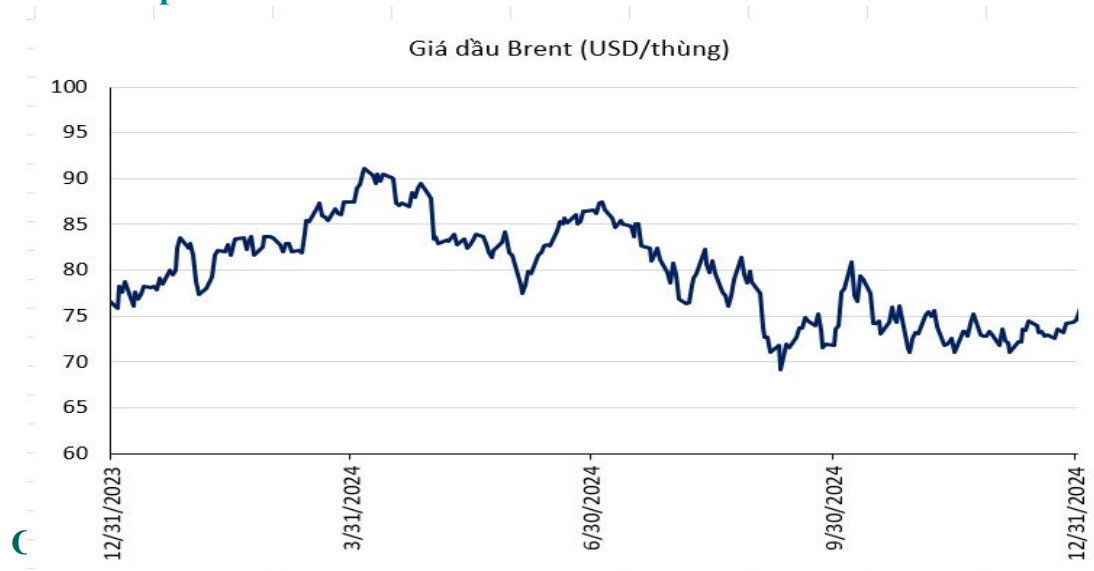
For the oil and gas industry, in 2024, Brent oil prices fluctuated in the range of 70-90 USD/barrel, reflecting the balance between supply and demand as pressure from the global economy grew slowly, especially in China and Europe, causing oil consumption demand to weaken; however, OPEC+ maintained its policy of cutting production, along with geopolitical tensions in the Middle East and the Red Sea, which helped oil prices not fall deeply. The average Brent oil price reached 80 USD/barrel, down 2.8% compared to 2023 but still enough to maintain exploration and production (E&P) activities worldwide.

Meanwhile, in Vietnam, the Final Investment Decision (FID) of the "super" Lot B gas power project was approved in 2024-03, paving the way for construction to begin in 2024-09. PVS is participating in the implementation of EPCI#1, EPCI#2, EPCI#3 packages of the Lot B Project together with the EPCIC Contract of the Lac Da Vang Project and the construction contract of the international wind power project, etc., ensuring a large and stable workload for the coming years.

In 2024, PTSC achieved positive business results, far exceeding the set plan and reaching the highest profit level in the past 9 years. With a large backlog from M&C projects in the coming years and a leading position in the industry, in 2024, consolidated revenue reached VND 24,986 billion, an increase of 15% compared to 2023. Consolidated profit after tax reached VND 1,255 billion, an increase of 18.4% compared to 2023. Regarding the correlation between PVS shares and VN-Index, it can be seen that the price movements of PVS are also quite similar to the general movements of the market in 2024. In the first half of 2024, when the stock market diễn The situation was quite positive, along with the differentiation of cash flow, PVS stock also became one of the bright spots at that time, with an increase of more than 20% (calculated from the beginning of 2024 to mid-2024-05).

However, in the second half of 2024, the stock market diễn biến followed a more strongly differentiated direction, the VN-Index repeatedly "rose and fell", dragging down the correction of many stocks, including PVS. However, from a long-term perspective, with growth potential and future work prospects, PVS is still expected to maintain its position in the market in 2025.

Crude oil price chart in 2024



5. HISTORY OF INCREASING PTSC'S CHARTER CAPITAL OVER THE YEARS

Year	Method	Number of shares issued	Charter capital (billion VND)
2006	Initial Public Offering (IPO)	100.000.000	1,000.00
2008	Issuance to existing shareholders	73.803.431	1,738.03
2009	Private placement to strategic shareholders	25.000.000	1,988.03
2010	Issuance to existing shareholders	98.998.663	2,978.02
2012	Issuance to existing shareholders	148.898.327	4,467.00

Year	Method	Number of shares issued	Charter capital (billion VND)
2017	Dividend payment in shares to existing shareholders	31.269.002	4,779.66

6. HISTORY OF CASH DIVIDEND PAYMENTS OF PTSC (2007-2022)

No.	Year	Last registration date	Charter capital (thousand VND)	Dividend payout ratio	Dividend amount (thousand VND)
1.	2007	2008-03-14	1.000.000.000	14%	140.000.000
2.	2008 (1st installment)	2008-11-20	1.000.000.000	10%	100.000.000
3.	2008 (2nd installment)	2009-06-25	1.738.034.310	5%	86.901.715
4.	2009	2010-05-12	1.988.034.310	20%	397.606.862
5.	2010	2010-12-13	1.988.034.310	15%	298.205.146
6.	2011	2012-05-25	2.978.020.940	20%	595.604.188
7.	2012 (1st installment)	2013-01-17	2.978.020.940	10%	297.802.094
8.	2012 (2nd installment)	2013-09-05	4.467.004.210	5%	223.350.210
9.	2013	2014-07-28	4.467.004.210	12%	536.040.505
10.	2014	2015-07-31	4.467.004.210	12%	536.040.505
11.	2015	2016-07-22	4.467.004.210	12%	536.040.505
12.	2016 (1st installment)	2016-12-07	4.467.004.210	5%	223.350.210
13.	2016 (2nd installment)	2017-09-29	4.467.004.210	5%	223.350.210
14.	2017 (1st installment)	2018-02-26	4.467.004.210	5%	223.350.210
15.	2017 (2nd installment)	2018-10-31	4.467.004.210	5%	223.350.210
16.	2018	2019-09-30	4.779.662.900	7%	334.576.403
17.	2019	2020-11-23	4.779.662.900	10%	477.966.290

No.	Year	Last registration date	Charter capital (thousand VND)	Dividend payout ratio	Dividend amount (thousand VND)
18.	2020	2021-09-28	4.779.662.900	10%	477.966.290
19.	2021	2022-09-28	4.779.662.900	8%	382,373,032
20.	2022	2023-10-27	4.779.662.900	7%	334.576.403
21.	2023	2024-11-14	4.779.662.900	7%	334.576.403
	Total				6.983.027.391

V. FINANCIAL REPORT

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024**



PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

**CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024**

TABLE OF CONTENTS	PAGE
Corporate information	1
Statement by the Board of Management	2
Independent Auditor's report	3
Consolidated balance sheet (Form B 01 – DN/HN)	5
Consolidated income statement (Form B 02 – DN/HN)	8
Consolidated cash flow statement (Form B 03 – DN/HN)	9
Notes to the consolidated financial statements (Form B 09 – DN/HN)	10

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

CORPORATE INFORMATION

Enterprise registration certificate

No. 0103015198 dated 29 December 2006 initially issued by the Department of Planning and Investment of Ha Noi City and the 12th amendment of the Enterprise registration certificate No. 0100150577 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 10 December 2024.

Board of Directors

Mr. Phan Thanh Tung	Chairman
Mr. Do Quoc Hoan	Member
Mr. Nguyen Xuan Ngoc	Member
Mr. Tran Ngoc Chuong	Member
Mr. Tran Ho Bac	Member (from 3 March 2025)
Mr. Le Manh Cuong	Member (to 3 March 2025)
Mr. Hoang Xuan Quoc	Independent Member
Mr. Doan Minh Man	Independent Member

Board of Supervisors

Ms. Bui Thu Ha	Chief of the Board
Mr. Bui Huu Viet Cuong	Member
Mr. Pham Van Tien	Member

Board of Management

Mr. Tran Ho Bac	Chief Executive Officer (from 6 December 2024)
Mr. Le Manh Cuong	Chief Executive Officer (to 6 December 2024)
Mr. Nguyen Xuan Cuong	Vice President
Mr. Tran Hoai Nam	Vice President
Mr. Pham Van Hung	Vice President
Mr. Le Cu Tan	Vice President
Mr. Le Chien Thang	Vice President (from 12 November 2024)
Mr. Ta Duc Tien	Vice President (to 12 November 2024)
Mr. Nguyen Tran Toan	Vice President (to 16 September 2024)

Legal representative

Mr. Tran Ho Bac	Chief Executive Officer (from 6 December 2024)
Mr. Le Manh Cuong	Chief Executive Officer (to 6 December 2024)

Registered office

5th Floor, PetroVietnam Tower, No. 1 - 5 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Auditor

PwC (Vietnam) Limited

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

STATEMENT BY THE BOARD OF MANAGEMENT

Responsibility of the Board of Management in respect of the Consolidated Financial Statements

The Board of Management of PetroVietnam Technical Services Corporation (“the parent Company”) is responsible for preparing the consolidated financial statements of the parent Company and its subsidiaries (together, “the Corporation”) which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Corporation as at 31 December 2024, and of its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the year then ended. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent; and
- prepare the consolidated financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Corporation will continue in business.

The Board of Management of the Corporation is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Corporation and which enable consolidated financial statements to be prepared which comply with the basis of accounting set out in Note 2 to the consolidated financial statements. The Board of Management of the Corporation is also responsible for safeguarding the assets of the Corporation and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds or errors.

Approval of the Consolidated Financial Statements

We hereby approve the accompanying consolidated financial statements as set out on pages 5 to 91 which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Corporation as at 31 December 2024 and the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of consolidated financial statements.

On behalf of the Board of Management



Tran Ho Bac
Tran Ho Bac
Chief Executive Officer (“CEO”)

Ho Chi Minh City, SR Vietnam
17 March 2025



INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT TO THE SHAREHOLDERS OF PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

We have audited the accompanying consolidated financial statements of PetroVietnam Technical Services Corporation ("the parent Company") and its subsidiaries (together, "the Corporation") which were prepared on 31 December 2024 and approved by the Board of Management on 17 March 2025. These consolidated financial statements comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2024, the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended, and explanatory notes to the consolidated financial statements, as set out on pages 5 to 91.

The Board of Management's Responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and the true and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of consolidated financial statements and for such internal control which the Board of Management determines as necessary to enable the preparation and fair presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatements, whether due to fraud or errors.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on the consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including an assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal controls relevant to the Corporation's preparation and true and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Corporation's internal controls. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Auditor's Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the consolidated financial position of the Corporation as at 31 December 2024, its consolidated financial performance and consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of consolidated financial statements.

Other Matters

The report on review of consolidated financial information is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of PwC (Vietnam) Limited



Luong Thi Anh Tuyet
Audit Practising Licence No.
3048-2024-006-1
Authorised signatory

Nguyen Duy Thinh
Audit Practising Licence No.
4633-2023-006-1

Report reference number: HCM16292
Ho Chi Minh City, 17 March 2025

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

Code	ASSETS	Note	As at 31 December	
			2024 VND	2023 VND
100	CURRENT ASSETS		23,882,307,235,252	16,289,894,707,172
110	Cash and cash equivalents	3	11,421,530,345,030	5,757,120,569,689
111	Cash		7,137,281,291,449	3,628,139,793,273
112	Cash equivalents		4,284,249,053,581	2,128,980,776,416
120	Short-term investments		3,886,136,152,000	4,329,388,583,505
123	Investments held to maturity	4(a)	3,886,136,152,000	4,329,388,583,505
130	Short-term receivables		6,243,893,215,927	4,185,005,658,625
131	Short-term trade accounts receivable	5	4,706,373,473,651	3,111,110,095,704
132	Short-term prepayments to suppliers	6	503,153,960,633	429,627,258,156
134	Construction contracts-in-progress receivables	7	315,652,153,309	126,550,860,677
136	Other short-term receivables	8(a)	943,219,909,539	639,548,337,836
137	Provision for doubtful debts – short term	9	(224,506,281,205)	(121,830,893,748)
140	Inventories	10(a)	1,830,251,469,172	1,470,404,312,744
141	Inventories		1,842,464,776,007	1,476,352,778,671
149	Provision for decline in value of inventories		(12,213,306,835)	(5,948,465,927)
150	Other current assets		500,496,053,123	547,975,582,609
151	Short-term prepaid expenses	11(a)	49,689,840,111	50,799,468,416
152	Value Added Tax ("VAT") to be reclaimed	12	449,424,331,983	495,021,150,547
153	Tax and other receivables from the State	19(a)	1,381,881,029	2,154,963,646

The notes on pages 10 to 91 are an integral part of these consolidated financial statements

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
(continued)

Code	ASSETS (continued)	Note	As at 31 December	
			2024 VND	2023 VND
200	LONG-TERM ASSETS		10,194,501,123,763	10,126,114,103,215
210	Long-term receivables		97,115,488,107	122,783,978,233
216	Other long-term receivables	8(b)	97,115,488,107	122,783,978,233
220	Fixed assets		3,587,779,562,584	3,391,382,056,464
221	Tangible fixed assets	13(a)	3,525,960,023,388	3,327,996,428,447
222	Historical cost		13,956,342,462,787	13,208,829,689,762
223	Accumulated depreciation		(10,430,382,439,399)	(9,880,833,261,315)
227	Intangible fixed assets	13(b)	61,819,539,196	63,385,628,017
228	Historical cost		198,039,222,348	191,910,443,578
229	Accumulated amortisation		(136,219,683,152)	(128,524,815,561)
230	Investment properties	14	159,659,689,059	164,394,960,915
231	Historical cost		229,280,786,454	229,280,786,454
232	Accumulated depreciation		(69,621,097,395)	(64,885,825,539)
240	Long-term assets in progress		429,933,764,113	373,055,575,647
241	Long-term work in progress	15(a)	69,815,950,708	69,815,950,708
242	Construction in progress	15(b)	360,117,813,405	303,239,624,939
250	Long-term investments		4,730,390,622,099	4,944,744,807,570
252	Investments in associates, joint ventures	4(b)	4,728,578,179,791	4,942,961,726,110
253	Investments in other entities	4(b)	3,000,000,000	3,000,000,000
254	Provision for long-term investments	4(b)	(1,187,557,692)	(1,216,918,540)
260	Other long-term assets		1,189,621,997,801	1,129,752,724,386
261	Long-term prepaid expenses	11(b)	784,763,707,090	819,532,667,802
262	Deferred income tax assets	16	375,171,360,076	277,488,713,037
263	Long-term substituted equipment, supplies and spare parts	10(b)	29,686,930,635	32,731,343,547
270	TOTAL ASSETS		34,076,808,359,015	26,416,008,810,387

The notes on pages 10 to 91 are an integral part of these consolidated financial statements

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
(continued)

Code	RESOURCES	Note	As at 31 December	
			2024 VND	2023 VND
300	LIABILITIES		19,337,280,616,621	12,871,785,895,146
310	Short-term liabilities		13,938,456,255,382	9,059,981,932,254
311	Short-term trade accounts payable	17	4,654,388,657,496	3,512,913,500,344
312	Short-term advances from customers	18(a)	345,599,155,293	251,743,849,255
313	Tax and other payables to the State	19(b)	406,066,567,462	131,349,802,704
314	Payable to employees		926,584,792,827	644,082,888,285
315	Short-term accrued expenses	20	4,674,139,938,415	1,777,032,496,201
317	Construction contracts-in-progress payables	7	184,744,107,346	237,901,633,014
318	Short-term unearned revenue	21(a)	165,423,135,753	10,236,504,784
319	Other short-term payables	22(a)	652,288,123,957	650,221,996,761
320	Short-term borrowings	23(a)	869,214,138,968	1,176,092,479,623
321	Provision for short-term liabilities	24(a)	353,270,134,995	45,176,198,567
322	Bonus and welfare funds	25	706,737,502,870	623,230,582,716
330	Long-term liabilities		5,398,824,361,239	3,811,803,962,892
332	Long-term advances from customers	18(b)	1,788,188,840,740	839,154,706,766
333	Long-term accrued expenses		7,795,780	24,609,845
336	Long-term unearned revenue	21(b)	177,776,564,360	184,132,364,144
337	Other long-term payables	22(b)	180,851,485	69,632,448,385
338	Long-term borrowings	23(b)	790,109,474,218	563,921,256,799
341	Deferred income tax liabilities	16	741,277,938,098	695,304,220,797
342	Provision for long-term liabilities	24(b)	1,899,436,600,359	1,454,852,195,877
343	Fund for science and technology development	26	1,846,296,199	4,782,160,279
400	OWNERS' EQUITY		14,739,527,742,394	13,544,222,915,241
410	Capital and reserves		14,739,527,742,394	13,544,222,915,241
411	Owners' capital	27, 28	4,779,662,900,000	4,779,662,900,000
411a	- Ordinary shares with voting rights		4,779,662,900,000	4,779,662,900,000
412	Share premium	28	39,617,060,000	39,617,060,000
414	Owners' other capital	28	349,934,690,410	-
417	Foreign exchange differences	28	521,646,163,782	515,577,712,981
418	Investment and development funds	28	3,795,997,118,958	3,451,157,842,825
421	Undistributed earnings	28	4,081,757,331,087	4,048,270,461,638
421a	- Undistributed post-tax profits of previous years		3,045,814,800,046	3,044,171,472,890
421b	- Post-tax profits of current year		1,035,942,531,041	1,004,098,988,748
429	Non-controlling interests	28, 29	1,170,912,478,157	709,936,937,797
440	TOTAL RESOURCES		34,076,808,359,015	26,416,008,810,387



Nguyen Thi To Thanh
Preparer



Nguyen Van Bao
Chief Accountant




Tran Ho Bac
Chief Executive Officer
17 March 2025

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 02 – DN/HN

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

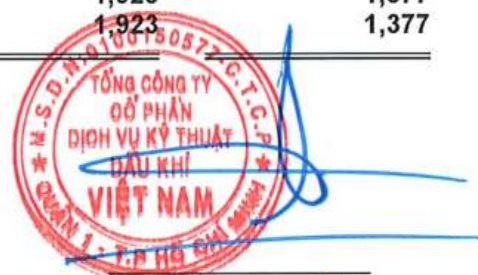
Code	Note	Year ended 31 December	
		2024 VND	2023 VND
01	Revenue from sales of goods and rendering of services	23,772,356,343,032	19,378,650,591,719
02	Less deductions	(2,470,199,989)	(5,088,227,958)
10	Net revenue from sales of goods and rendering of services	23,769,886,143,043	19,373,562,363,761
11	Cost of goods sold and services rendered	(22,704,782,953,899)	(18,334,534,034,521)
20	Gross profit from sales of goods and rendering of services	1,065,103,189,144	1,039,028,329,240
21	Financial income	568,818,044,660	789,718,119,202
22	Financial expenses	(217,475,364,821)	(216,353,920,630)
23	- Including: Interest expenses	(64,045,546,620)	(73,036,083,814)
24	Profit sharing from associates and joint ventures	864,280,331,695	651,130,073,326
25	Selling expenses	(95,203,694,991)	(85,405,257,798)
26	General and administration expenses	(1,235,176,555,472)	(966,858,088,315)
30	Net operating profit	950,345,950,215	1,211,259,255,025
31	Other income	646,848,047,652	1,578,756,070,062
32	Other expenses	(43,887,708,488)	(1,512,707,692,127)
40	Net other income	602,960,339,164	66,048,377,935
50	Net accounting profit before tax	1,553,306,289,379	1,277,307,632,960
51	Corporate income tax ("CIT") - current	(480,772,489,152)	(219,005,912,673)
52	CIT - deferred	182,120,470,655	1,705,805,854
60	Net profit after tax	1,254,654,270,882	1,060,007,526,141
Attributable to:			
61	Owners of the parent company	1,069,773,701,196	1,026,460,821,400
62	Non-controlling interests	184,880,569,686	33,546,704,741
70	Basic earnings per share	1,923	1,377
71	Diluted earnings per share	1,923	1,377



Nguyen Thi To Thanh
Preparer



Nguyen Van Bao
Chief Accountant



Tran Ho Bac
Chief Executive Officer
17 March 2025

The notes on pages 10 to 91 are an integral part of these consolidated financial statements.

**CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)**

Code	Note	Year ended 31 December	
		2024 VND	2023 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01		1,553,306,289,379	1,277,307,632,960
		Net profit before tax	
		Adjustments for:	
02		601,477,056,243	493,006,130,650
03		861,589,208,427	141,585,760,208
04		(20,767,981,286)	15,122,546,118
05		(1,110,874,167,833)	(1,119,799,343,543)
06	35	64,045,546,620	73,036,083,814
08		1,948,775,951,550	880,258,810,207
09		(2,148,832,687,459)	606,498,409,023
10		(363,067,584,424)	(386,316,354,824)
11		5,513,970,522,847	(663,145,776,574)
12		35,878,589,017	(184,415,680,743)
14		(62,894,467,831)	(73,809,507,123)
15		(281,200,492,320)	(172,372,344,308)
17	19	(299,907,161,683)	(291,199,880,489)
20		4,342,722,669,697	(284,502,324,831)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21		(885,212,971,456)	(899,088,732,255)
22	38	4,279,384,821	4,799,930,050
23		(5,575,561,668,826)	(6,285,921,243,630)
24		6,018,814,100,331	6,793,863,236,114
27		1,499,974,816,978	1,203,953,887,462
30		1,062,293,661,848	817,607,077,741
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	23	2,130,461,215,578	508,805,808,895
34	23	(1,553,602,035,192)	(163,345,447,892)
36		(379,243,926,100)	(377,693,326,900)
40		197,615,254,286	(32,232,965,897)
50		5,602,631,585,831	500,871,787,013
60	3	5,757,120,569,689	5,219,378,499,294
61		61,778,189,510	36,870,283,382
70	3	11,421,530,345,030	5,757,120,569,689



Nguyen Thi To Thanh
Preparer



Nguyen Van Bao
Chief Accountant



Tran Ho Bac
Chief Executive Officer
17 March 2025

The notes on pages 10 to 91 are an integral part of these consolidated financial statements.

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024****1 GENERAL INFORMATION****Structure of ownership**

PetroVietnam Technical Services Corporation ("parent Company", parent Company and its subsidiaries, together, the "Corporation") is a joint stock company established in SR Vietnam pursuant to the initial Enterprise registration certificate No. 0103015198 dated 29 December 2006 issued by the Department of Planning and Investment of Ha Noi City and the amended Enterprise registration certificates No. 0100150577 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. The latest twelfth amendment was issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 10 December 2024.

The shares of the Corporation have been officially listed in the Hanoi Stock Exchange since 20 September 2007 with the share code of PVS, pursuant to the Decision No.242/QĐ-TTGD signed by the General Director of Hanoi Stock Exchange on 12 September 2007.

The main shareholder of the parent Company is Vietnam Oil and Gas Group ("the Group"). Details of capital contribution are presented in Note 27.

Principal activities

The business sector of the parent Company and its subsidiaries (together, "the Corporation") is to provide petroleum technical services.

The principal activities of the Corporation are comprised of:

- Supplying oil and gas technical services;
- Management, operation and supply of the technology service vessels;
- Supplying business management and administrative services; port-based services; ship services, tallying services and freight forwarding;
- Management, business, and operation of the floating storage and offloading ("FSO"), floating production storage and offloading ("FPSO");
- Supplying services for geophysical survey activities - engineering geology, diving services, ROV provision services for oil and gas exploration, exploration and exploitation and industrial and civil works;
- Management and implementation of marine engineering activities;
- Machining, assembly, fabrication of components, oil and gas equipment;
- Fabrication and installation of all types of petroleum storage tanks, liquefied gas pipelines and other types of oil and gas;
- Repairment of shipping vessels and the offshore oil and gas projects;
- Maintenance, repairment, building and conversion of floating facilities;
- Exportation and importation of equipment for oil and gas supplies;
- Production and supply of petroleum materials and equipment;
- Supplying petroleum specialized labour;
- Operation and maintenance of oil and gas exploitation projects;
- Supplying hotels, housing, office services;
- Sales of petroleum products;
- Shipping agency services and maritime brokerage; and
- Chartering, shipping brokerage, towage and salvage services.
- Producing electricity, electricity transmission and distribution, construction of industrial works and renewable energy.

1 GENERAL INFORMATION (continued)

The normal business cycle

The normal business cycle of the Corporation is within 12 months. For construction activities, the business cycle could be over 12 months to 24 months.

The Corporation's structure

As at 31 December 2024, the Corporation has 6 branches, 1 representative office, 12 direct subsidiaries, 6 direct associates and joint ventures, 2 indirect associates. Details are presented as follows:

Branches and representative office:

No.	Name	Address
1	Branch of PetroVietnam Technical Services Corporation - PTSC Marine	No. 73, 30/4 Street, Thong Nhat Ward, Vung Tau City, Vietnam
2	Branch of PetroVietnam Technical Services Corporation - PTSC Supply Base	No. 65A, 30/4 Street, Thong Nhat Ward, Vung Tau City, Vietnam
3	Branch of PetroVietnam Technical Services Corporation - PTSC Da Nang	No. 11, 3/2 Street, Hai Chau Ward, Da Nang City, Vietnam
4	Branch of PetroVietnam Technical Services Corporation - Quang Binh General Petroleum Services Port.	Hon La Port, Quang Dong Ward, Quang Trach District, Quang Binh Province, Vietnam
5	Branch of PetroVietnam Technical Services Corporation - Long Phu Power Project Management Board	Thanh Duc Commune, Long Duc Ward, Long Phu District, Soc Trang Province, Vietnam
6	PTSC Abu Dhabi (*)	Suite 1721, Level 17, The Offices World Trade Center, Central Market, Al Markaziya, Abu Dhabi, UAE
7	Representative office of PetroVietnam Technical Services Corporation in Ha Noi	No. 142, Nguyen Khuyen Street, Van Mieu Ward, Dong da District, Ha Noi City, Vietnam

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

1 GENERAL INFORMATION (continued)

The Corporation's structure (continued)

No	Name	Principal activities	Place of incorporation and operation	31.12.2024		31.12.2023	
				Ownership %	Voting Right %	Ownership %	Voting Right %
Direct subsidiaries							
1	PTSC Mechanical and Construction Services Company Limited	Maintenance and construction for oil and gas field	Vung Tau City, Vietnam	100	100	100	100
2	PTSC Geos and Subsea Services Company Limited	Operation of 2D and 3D vessels, seismic survey services, geophysical and geological survey services, diving, and subsea services by using remote operated vehicle ("ROV")	Vung Tau City, Vietnam	100	100	100	100
3	Petro Hotel Company Limited	Hotel services and related services to domestic and overseas companies in petroleum industry	Vung Tau City, Vietnam	100	100	100	100
4	PTSC Labuan Company Limited (*)	Providing service vessels in petroleum and gas exploration	Malaysia	100	100	100	100
5	PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	Management, operation and supply technology service vessels; supplying port-based services; mechanical, construction, repair and maintenance services of oil and gas projects, industrial buildings	Quang Ngai Province, Vietnam	95.19	95.19	95.19	95.19
6	PTSC Offshore Services Joint Stock Company	Offshore transportation, installation, hook up commissioning, modification, operation and maintenance, offshore facilities decommissioning services of oil and gas projects	Vung Tau City, Vietnam	84.95	84.95	84.95	84.95
7	PTSC Phu My Port Joint Stock Company	Supplying port-based services	Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam	59.61	59.61	59.61	59.61
8	PTSC Thanh Hoa Port Joint Stock Company	Supplying port-based services; mechanical, construction, repair and maintenance services of oil and gas projects, industrial buildings	Thanh Hoa Province, Vietnam	54.69	54.69	54.69	54.69
9	PTSC Production Services Joint Stock Company	Management, operation and maintenance of the floating storage and offloading ("FSO"), floating production storage and offloading ("FPSO"), supply of petroleum specialized labour	Vung Tau City, Vietnam	51	51	51	51
10	Dinh Vu Petroleum Services Port Joint Stock Company	Supplying port-based services and container services	Hai Phong City, Vietnam	51	51	51	51

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

1 GENERAL INFORMATION (continued)

The Corporation's structure (continued)

No	Name	Principal activities	Place of incorporation and operation	31.12.2024		31.12.2023	
				Ownership (%)	Voting right (%)	Ownership (%)	Voting right (%)
Direct subsidiaries (continued)							
11	PetroVietnam Security Joint Stock Company	Security services	Hanoi City, Vietnam	51	51	51	51
12	Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Investment Joint Stock Company	Supplying port-based services	Vung Tau City, Vietnam	51	51	51	51
13	PTSC DGGV Geophysical Survey Company Limited ("PTSC DGGV") (**)	2D and 3D seismic data acquisition service	Vung Tau City, Vietnam	51	51	51	51
Direct associates and joint ventures							
1	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT")	Management, business and operation of the floating production storage and offloading ("FPSO")	Malaysia	60	50	60	50
2	PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA")	Management, business and operation of the floating storage and offloading ("FSO")	Singapore	51	50	51	50
3	PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP")	Management, business and operation of the floating production storage and offloading ("FPSO")	Singapore	51	50	51	50
4	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOFT")	Management, business and operation of the floating storage and offloading ("FSO")	Malaysia	49	50	49	50
5	Rong Doi MV12 Private Limited ("MV12")	Management, business and operation of the floating storage and offloading ("FSO")	Singapore	33	33	33	33
6	PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company ("PV Shipyard")	Building, repair and conversion of drilling rigs, marine vessels	Vung Tau City, Vietnam	28.75	28.75	28.75	28.75
Indirect associate							
1	Thi Vai General Port Joint Stock Company	Supplying port-based services	Vung Tau City, Vietnam	21.46	36	21.46	36
2	Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company	Construction of civil works	Hai Phong City, Vietnam	10.48	20.57	10.49	20.57

1 GENERAL INFORMATION (continued)**The Corporation's structure (continued)**

- (*) On 20 January 2025, the Corporation and PTSC Geos and Subsea Services Company Limited signed the Merger Agreement based on the merger plan approved by the Corporation's General Meeting of Shareholders in Resolution No. 337/NQ-PTSC-GMS dated 17 June 2024. The effective date of the Merger Agreement is 23 January 2025. As of the date of the financial statements, the Corporation completed the procedures to merge PTSC Geos and Subsea Services Company Limited into the Corporation in accordance with regulations.
- (**) On 16 October 2023, Board of Directors of Petrovietnam Technical Services Corporation issued Resolution No. 662/NQ-PTSC-HDQT on approving the dissolution of PTSC Labuan Company Limited and terminating the overseas investment project for "Project to establish PTSC Labuan Company Limited to supply technology service vessels in Malaysia". PTSC Labuan Technical Services Co., Ltd. has undertaken the procedures related to its dissolution in the host country. On November 11, 2024, the inland Revenue Board of Malaysia issued a letter confirming that PTSC Labuan has fulfilled its tax obligations. On December 27, 2024, the Labuan Financial Services Authority confirmed that PTSC Labuan will be dissolved effective March 27, 2025. As of the date of the consolidated financial report, PTSC Labuan is in the process of dissolution in accordance with regulations.
- (***) As at the date of the consolidated financial statements, the Corporation is working with CGG Holding B.V. (formerly known as, "CGG Veritas Services Holding B.V.") to end the joint venture contract before its expiration and to carry out necessary procedures to dissolve PTSC CGGV's operation in accordance with official approved documents from authorities and the Resolutions of the Corporation's Board of Directors.

Since 2018 to the date of these consolidated financial statements, PTSC CGGV has stopped its operation. Accordingly, the Board of Management of PTSC CGGV has evaluated and decided to prepare its financial statements for the year ended 31 December 2023 on liquidation basis in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statements.

As at 31 December 2024, the Corporation had 7,453 employees (as at 31 December 2023: 7,209 employees).

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES**2.1 Basis of preparation of consolidated financial statements**

The consolidated financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of consolidated financial statements. The consolidated financial statements have been prepared under the historical cost convention and on a going concern basis except for investments in associates and joint ventures and business combinations as presented in Note 2.5, and the basis of accounting for PTSC Labuan Company Limited's and PTSC CGGV's financial statements on liquidation basis as presented in Note 1.

The accompanying consolidated financial statements are not intended to present the consolidated financial position and consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam's. The accounting principles and practices utilised in Vietnam may differ from those generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

The consolidated financial statements in the Vietnamese language are the official statutory consolidated financial statements of the Corporation. The consolidated financial statements in the English language have been translated from the Vietnamese version.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.2 Fiscal year**

The Corporation's fiscal year is from 1 January to 31 December. The consolidated financial statements are prepared for the fiscal year from 1 January to 31 December.

2.3 Currency

The consolidated financial statements are measured and presented in Vietnamese Dong ("VND").

The Corporation determines their accounting currencies based on the currencies which are mainly used in sales of goods and rendering of services, which have a significant impact on selling prices of goods and services, which are normally used to list selling prices and receive payments; which are mainly used in purchases of goods or services, which have a significant impact on cost of labour, materials, merchandise, and other production or operating costs and normally used as payments for those costs.

Additionally, the Corporation also uses these currencies to raise financial resources and/or regularly collects these currencies from business operation and savings.

On consolidating, if the currencies used in the components' financial statements are different from that of the parent Company, the Corporation is required to translate those financial statements into the currency used in the Corporation's consolidated financial statements under the following principles:

- Assets and liabilities are translated at actual exchange rate at the end of the reporting year;
- Owners' capital is translated at the exchange rate of contribution date;
- Net assets of those acquired companies are translated at the exchange rate of acquisition date;
- Undistributed earnings or accumulated losses incurred after acquisition date are translated based on the translation of income and expenses in the income statement;
- Profits and dividends already paid are translated at the actual exchange rate at the date of payment;
- Items of the income statement and the cash flow statement are translated at the average exchange rate of the accounting period if it approximates the actual rate at the time of the transaction;
- The accumulative amount of exchange differences arising from translation is presented in a separate component of owners' equity of the consolidated balance sheet. For subsidiaries, accumulated exchange differences attributable to the parent Company are presented in "Foreign exchange differences" and those attributable to non-controlling interests are allocated to "Non-controlling interests"; and
- Upon disposal, the accumulated exchange difference relating to translation of these companies' financial statements presented in owners' equity of the consolidated balance sheet is recognised as financial income or financial expense in the same reporting year.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.4 Exchange rates**

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction dates. Foreign exchange differences arising from these transactions are recognised in the consolidated income statement.

Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at the consolidated balance sheet date are respectively translated at the buying and selling exchange rates at the consolidated balance sheet date of the commercial bank(s) where the Corporation regularly trades. Foreign currencies deposited in commercial bank(s) at the consolidated balance sheet date are translated at the buying exchange rate of the commercial bank(s) where the Corporation opens its foreign currency accounts. Foreign exchange differences arising from these translations are recognised in the consolidated income statement.

2.5 Basis of consolidation**Subsidiaries**

Subsidiaries are all entities over which the Corporation has the power to govern the financial and operating policies in order to gain future benefits from their activities generally accompanying a shareholding of more than one half of the voting rights. The existence and effect of potential voting rights that are currently exercisable or convertible are considered when assessing whether the Corporation controls another entity. Subsidiaries are fully consolidated from the date on which control is transferred to the Corporation. They are de-consolidated from the date that control ceases.

The purchase method of accounting is used to account for the acquisition of subsidiaries by the Corporation. The cost of an acquisition is measured as the fair value of the assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange, plus costs directly attributable to the acquisition. Identifiable assets acquired and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at their fair values at the acquisition date, irrespective of the extent of any non-controlling interest. The excess of the cost of acquisition over the fair value of the Corporation's share of the identifiable net assets acquired is recorded as goodwill. If the cost of acquisition is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognised directly in the consolidated income statement.

In a multi-phase acquisition, when determining goodwill or bargain purchase, the consideration is the sum of the total consideration on the date of acquiring control and previous considerations remeasured to fair value on the date of control acquisition.

Inter-company transactions, balances and unrealised gains and losses on transactions between group companies are eliminated.

Accounting policies of subsidiaries have been changed where necessary to ensure consistency with the policies adopted by the Corporation.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.5 Basis of consolidation (continued)****Subsidiaries (continued)**

The financial statements of the Corporation's subsidiaries are prepared for the same accounting period. If there are differences in end dates, the gap must not exceed 3 months. Adjustments are made to reflect impacts of significant transactions and events occurring between the end dates of the subsidiaries' fiscal year and that of the Corporation's. The length of the reporting year and differences in reporting date must be consistent between years.

Non-controlling transactions and interests

The Corporation applies a policy for transactions with non-controlling interests as transactions with external parties to the Corporation.

Non-controlling interests ("NCI") are measured at their proportionate share of the acquiree's identifiable net assets at date of acquisition.

Transactions leading to the change in the Group's ownership interest in a subsidiary that does not result in a loss of control is accounted for as a transaction with owners. The difference between the change in the Corporation's share of net assets of the subsidiary and any consideration paid or received from divestment of Corporation's interest in the subsidiary is recorded directly in the undistributed earnings or accumulated losses under equity.

Transactions leading to the change in the Group's ownership interest in a subsidiary that results in a loss of control, the difference between the Corporation's share in the net assets of the subsidiary and the net proceeds from divestment is recognised in the consolidated income statement. The retained interest in the entity will be accounted for as either an investment in other entity or investment to be equity accounted for since the divestment date.

Joint ventures and associates

A joint venture is a contractual agreement by two or more parties to jointly conduct an economic activity, which is jointly controlled by the joint venture capital partners. Associates are investments that the Group has significant influence but not control over and the Group would generally have from 20% to less than 50% of the voting rights of the investee. Investments in joint ventures and associates are accounted for using the equity method of accounting and are initially recognised at cost. The Group's investment in joint ventures and associates includes goodwill identified on acquisition, net of any accumulated impairment loss.

The Group's share of the post-acquisition profits or losses of its joint ventures and those of its associates is recognised in the consolidated income statement. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. When the Group's share of losses in a joint venture or associate equals or exceeds its interest in the joint venture or associate, the Group does not recognise further losses, unless it has incurred obligations or made payments on behalf of the joint venture or associate.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.5 Basis of consolidation (continued)****Joint ventures and associates (continued)**

Accounting policies of joint ventures and associates have been changed where necessary to ensure consistency with the policies adopted by the Corporation.

Unrealised gains and losses on transactions between the Group and its joint ventures and associates are eliminated to the extent of the Group's interest in the joint ventures and associates.

2.6 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks, demand deposits, cash in transit, and other short-term investments with an original maturity of three months or less, which are highly liquid and readily convertible to known amounts of cash and subject to an insignificant risk of changes in value at the date of the consolidated financial statements.

2.7 Receivables

Receivables represent trade receivables arising from sales of goods and rendering of services or non-trade receivables and are stated at cost. Provision for doubtful debts is made for each outstanding amount based on overdue days in payment according to the initial payment commitment (exclusive of the payment rescheduling between parties), or made for each outstanding amount that is not overdue but doubtful and so the Corporation may be unable to collect the debts. Bad debts are written off when identified according to current prevailing accounting regulations and the Corporation's finance management policies.

Receivables are classified into long-term and short-term receivables on the consolidated balance sheet based on the remaining period from the consolidated balance sheet date to the collection date.

2.8 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined by the weighted average method and includes direct materials, direct labor costs, overhead expenses, purchase cost, and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Net realisable value is the estimated selling price in the normal course of business, less the estimated costs of completion and selling expenses such as publicity, selling and distribution expenses.

The Corporation applies the perpetual system for inventories.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.8 Inventories (continued)**

Provision is made for obsolete, slow-moving and defective inventory items. The difference between the provision of this year and the provision of the previous year are recognised as an increase or decrease of cost of goods sold in the year.

Inventories are classified as short-term and long-term on the consolidated balance sheet based on the plan for use in production and business activities of the Corporation at the date of the consolidated balance sheet.

2.9 Investments**(a) Investments held to maturity**

Investments held to maturity are investments which the Corporation has positive intention and ability to hold until maturity.

Investments held to maturity include bank term deposits and other held-to-maturity investments. Those investments are initially accounted for at cost and measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs. Post-acquisition interest income from investments held to maturity is recognised in the consolidated income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

Provision for diminution in value of investments held to maturity is made when there is evidence that the investment is uncollectible in whole or in part. Changes in the provision balance during the fiscal year are recorded as an increase or decrease in financial expenses. A reversal, if any, is made only to the extent the investment is restored to its original cost.

Investments held to maturity are classified into short-term and long-term investments held-to-maturity on the consolidated balance sheet based on remaining period from the consolidated balance sheet date to the maturity date.

(b) Investments in other entities

Investments in other entities are investments in equity instruments of other entities without controlling rights or co-controlling rights, or without significant influence over the investee. These investments are accounted for initially at cost. Subsequently, the Board of Management reviews all outstanding investments to determine the amount of provision to recognise at the year end.

Provision for diminution in value of investments in other entities is made in accordance with current prevailing accounting regulations and current accounting policies when there is a diminution in value of the investments at the period/year end. Regarding investments in listed shares or those whose fair value can be determined reliably that the Corporation plans to invest in long-term, the provision for diminution in value is made when cost is higher than its expected recoverable amount. For other investments, provision for diminution in value is made when the investees make losses. Changes in the provision balance during the accounting period/fiscal year are recorded as an increase or decrease in financial expenses. A reversal, if any, is made only to the extent the investment is restored to its original cost.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.10 Construction contracts**

A construction contract is a contract specifically negotiated for the construction of an asset or a combination of assets that are closely interrelated or interdependent in terms of their design, technology and functions or their ultimate purpose of use.

When the outcome of a contract can be estimated reliably, and the contractor is paid in accordance with the planned schedule, contract revenue and contract costs are recognised over the period of the contract as revenue and expenses, respectively by reference to the stage of completion of the contract activity at the end of the reporting period, regardless of progress billings and how much it is billed. The Corporation uses the percentage of completion method to determine the appropriate amount of revenue and costs to be recognised in the fiscal year. The percentage of completion is measured by reference to the proportion of actual contract costs incurred to date to the estimated total costs of each contract, except where this would not be representative of the stage of completion. Variations in contract work, claims and incentive payments are included to the extent that they have been agreed with the customer. Where it is probable that total contract costs will exceed total contract revenue, the expected loss is recognised as an expense immediately.

When the outcome of a construction contract cannot be reliably estimated, contract revenue is recognised to the extent of contract costs incurred where it is probable those costs will be recoverable. Contract costs are only recognised when incurred during the year.

The aggregate of the costs incurred and the profit or loss recognised on each contract is compared against the progress billings up to the year end. Where costs incurred and profits recognised (less recognised losses) exceed progress billings, the balance is presented as receivables for construction contracts-in-progress. Where progress billings exceed costs incurred plus recognised profits (less recognised losses), the balance is presented as payables for construction contracts-in-progress.

When the outcome of a contract can be estimated reliably and the contractor is paid for the works performed and certified by the customer, contract revenue and contract costs are recognised in the period for the works performed and certified by customer in the year and reflected in the billed invoices.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.11 Fixed assets

Tangible and intangible fixed assets

Fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation or amortisation. Historical cost includes expenditure that is directly attributable to the acquisition of the fixed assets bringing them to their suitable conditions for their intended use, in which the historical costs of purchased fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their suitable conditions for their intended use. In regard fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self-construction or self-generating process, the historical costs are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State's regulations on investment and construction management, directly-related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been completed and put into use but the settled costs thereof have not been approved, the historical cost is recognized at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by competent authorities. Expenditure incurred subsequently which has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of fixed assets, can be capitalised as an additional historical cost. Otherwise, such expenditure is charged to the consolidated income statement when incurred.

Depreciation and amortisation

Fixed assets are depreciated and amortised using the straight-line method so as to write off the historical cost of the fixed assets over their estimated useful lives. The estimated useful lives of each asset class are as follows:

Buildings and structures	3 - 45 years
Machinery and equipment	1 - 20 years
Transport and transmission vehicles	3 - 30 years
Office equipment	1 - 10 years
Other tangible fixed assets	3 - 8 years
Software	1 - 8 years
Land use right	50 years
Other intangible fixed assets	3 - 8 years

Land use rights are comprised of land use rights with a definite useful life are recorded in accordance with the terms indicated in the land use rights certificate issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 29 December 2006 and amortised using the straight-line method over 50 years in accordance with such land use rights certificate.

Definite land use rights are stated at costs less accumulated amortisation. Costs of land use rights consists of its purchased prices and any directly attributable costs in obtaining the land use rights. Land use rights are amortised using the straight-line basis over the terms of the land use right certificates.

Indefinite land use rights are states at costs and not amortised.

Disposals

Gains or losses on disposals are determined by comparing net disposal proceeds with the carrying amount of the fixed assets and are recognised as income or expense in the consolidated income statement.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.11 Fixed assets (continued)

Construction in progress

Construction in progress represents the cost of assets in the course of construction for production, rental or administrative purposes, or for purposes not yet determined, including construction costs, costs of tools and equipment, construction consulting expenditures, and capitalised borrowing costs for qualifying assets in accordance with the Corporation's accounting policies. In the event of the construction project has been completed and put into use, these expenses will be capitalized to the historical cost of fixed assets at the estimated cost based on the actual cost incurred (in case the settled costs have not been approved). According to the State's regulations on investment and construction management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. The final costs of these completed construction projects may vary depending on the final approval by competent authorities.

Depreciation of these assets, on the same basis as other fixed assets, commences when they are ready for their intended use.

2.12 Operating leases

Leases where a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor are classified as operating leases. Payments made under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the term of the lease.

2.13 Investment properties

The historical cost of an investment property represents the amount of cash or cash equivalents paid or the fair value of other consideration given to acquire the investment property at the time of its acquisition or completion of construction. Expenditure incurred subsequently which has resulted in an increase in the expected future economic benefits from the use of investment properties can be capitalised as an additional historical cost. Otherwise, such expenditure is charged to the consolidated income statement when incurred.

Depreciation

Investment properties are depreciated under the straight-line method to write off the historical cost of the assets over their estimated useful lives. The estimated useful lives of investment properties are as follows:

Infrastructure	48 - 49 years
----------------	---------------

Disposals

Gains or losses on disposals are determined by comparing net disposal proceeds with the carrying amount of investment properties and are recognised as income or expense in the consolidated income statement.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.14 Prepaid expenses**

Prepaid expenses include short-term and long-term prepayments on the consolidated balance sheet. Short-term prepaid expenses represent prepayments for services; or tools that do not meet the recognition criteria for fixed assets for a period not exceeding 12 months or a business cycle from the date of prepayment. Long-term prepaid expenses represent prepayments for services; or tools, which do not meet the recognition criteria for fixed assets for a period exceeding 12 months or more than one business cycle from the date of prepayment. Prepaid expenses are recorded at historical cost and allocated on a straight-line basis over their estimated useful lives.

Prepayments for land rental contracts which are effective after the effective date of the land law 2003 (ie. 1 July 2004) or which land use right certificates are not granted are recorded as prepaid expenses and allocated using the straight-line basic over the terms of such land use right certificates.

2.15 Payables

Classifications of payables are based on their nature as follows:

- Trade accounts payable are trade payables arising from purchase of goods and services; and
- Other payables are non-trade payables and not relating to purchases of goods and services.

Payables are classified into long-term and short-term payables on the consolidated balance sheet based on remaining period from the consolidated balance sheet date to the maturity date.

2.16 Borrowing

Borrowings include borrowings from banks, related parties and third parties.

Borrowings are classified into long-term and short-term borrowings on the consolidated balance sheet based on their remaining period from the consolidated balance sheet date to the maturity date.

Borrowing costs that are directly attributable to the construction or production of any qualifying assets are capitalised during the period of time that is required to complete and prepare the asset for its intended use. In respect of general-purpose borrowings, a portion of which is used for the purpose of construction or production of any qualifying assets, the Company determines the amount of borrowing costs eligible for capitalisation by applying a capitalisation rate to the weighted average expenditure on the assets. The capitalisation rate is the weighted average of the interest rates applicable to the Company's borrowings that are outstanding during the period, other than borrowings made specifically for the purpose of obtaining a qualifying asset. Other borrowing costs are recognised in the consolidated income statement when incurred.

2.17 Accrued expenses

Accrued expenses include liabilities for goods and services received in the year but not yet paid due to pending invoice or insufficient records and documents. Accrued expenses are recorded as expenses in the reporting year. The recognition of accrued expenses is determined based on the present obligation, which is determined reliably at the time of payment.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.18 Provisions for liabilities**

Provisions are recognised when the Corporation has a present legal or constructive obligation as a result of past events that the Corporation is obliged to settle this obligation, it is probable that an outflow of resources will be required to settle the obligation, and the amount has been reliably estimated. Provision is not recognised for future operating losses.

Provisions are estimated on the amount of money which may be required to settle the obligation. If the time value of money is material, provision will be measured at the present value using a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the obligation. The increase in the provision due to passage of time is recognised as a financial expense. Changes in the provision balance during the fiscal year are recorded as an increase or decrease in operating expenses.

2.19 Unearned revenue

Unearned revenue mainly comprises the amounts that customers paid in advance for one or many accounting periods for leasing assets and related services accompanied the assets. The Corporation records unearned revenue for the future obligations that the Corporation has to fulfill. Once recognition criteria have been satisfied, unearned revenue will be recognised as revenue in the consolidated income statement to the extent that it has met the recognition criteria.

Unearned revenue is classified into short-term and long-term on the consolidated balance sheet according to the portion of obligations that are satisfied for revenue recognition as at the consolidated balance sheet.

2.20 Capital and reserves**(a) Owners' capital**

Owners' capital is recorded according to the actual amounts contributed and are recorded according to par value of the share.

(b) Share premium

Share premium is the difference between the par value and the issued price of shares; the difference between the repurchased price and re-issuing price of treasury shares.

(c) Undistributed earnings

Undistributed earnings record the Corporation's accumulated results after CIT at the reporting date.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)**2.21 Appropriation of net profit after CIT**

Profit after CIT could be distributed to shareholders in accordance with Resolutions of the Shareholders' Annual General Meetings of the parent Company and its subsidiaries including dividend paid and appropriation to funds in accordance with the Corporation's charter and Vietnamese regulations.

The Corporation's dividends are recognised as a liability on the consolidated financial statements in the year in which the shareholder list for dividend payment is finalised according to the Resolution of Board of Management and after the dividends are approved by shareholders at the Annual General Meeting of Shareholders.

The Corporation's funds are as below:

(a) Investment and development fund

Investment and development fund is appropriated from net profit after CIT of the Corporation and subject to shareholders' approval at the Annual General Meeting of the Shareholders. This fund is used for expanding and developing the business of the Corporation under the form of additional capital contribution.

(b) Bonus and welfare fund

Bonus and welfare fund is appropriated from the Corporation's net profit after CIT and subject to shareholders' approval at the Annual General Meeting of the Shareholders. This fund is presented as a liability on the consolidated balance sheet and is used for rewarding and encouraging, enhancing the physical and mental well-being of the employees.

2.22 Revenue recognition**(a) Revenue from sales of goods**

Revenue from sale of goods is recognised in the consolidated income statement when all five (5) following conditions are satisfied:

- The Corporation has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- The Corporation retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Corporation; and
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or the possible return of goods.

Revenue is recognised in accordance with the "substance over form" principle and allocated to each sale obligation.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.22 Revenue recognition (continued)

(b) Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised in the consolidated income statement when the services are rendered, by reference to completion of the specific transaction assessed on the basis of the actual service provided as a proportion of the total services to be provided. Revenue from rendering of services is only recognised when all four (4) following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Corporation;
- The percentage of completion of the transaction at the consolidated balance sheet date can be measured reliably; and
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

(c) Revenue from construction contracts

Revenues from construction contracts are comprised of the revenue initially set out in contracts; increases and/or decreases during the term of the contract; bonuses; and other payments to be received from customers or other parties to compensate for the costs not included in the contractual price; other payments that customers agreed to compensate, and other payments provided that these amounts can change the revenue and can be reliably determined. Revenue from construction contracts is recognised in accordance with the guidance presented in Note 2.10.

(d) Revenue from operating lease

Revenue from operating lease is recorded on straight line basis over the lease terms.

(e) Interest income

Interest income is recognised on the basis of the actual time and interest rates for each period when both conditions are simultaneously satisfied:

- It is probable that economic benefits will be generated;
- Income can be measured reliably.

(f) Dividend, profit distribution income

Income from dividend, profit distribution is recognised when the Corporation has established the receiving right from investees.

2.23 Cost of goods sold and services rendered

Cost of goods sold and services rendered are cost of merchandise, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis.

2.24 Financial expenses

Financial expenses are expenses incurred in the year for financial activities including expenses or losses relating to financial investment activities, expenses of borrowing, provision for diminution in value of investments in other entities, losses incurred when selling foreign currencies; and losses from foreign exchange differences.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.25 Selling expenses

Selling expenses represent expenses that are incurred in the process of sales of goods, and rendering of services.

2.26 General and administration expenses

General and administration expenses represent expenses for administrative purposes.

2.27 Current and deferred income tax

Income taxes include all income taxes which are based on taxable profits including profits generated from production and trading activities in other countries with which the Socialist Republic of Vietnam has not signed any double taxation agreement. Income tax expense comprises current income tax expense and deferred income tax expense.

Current income tax is the amount of income taxes payable or recoverable in respect of the current year taxable profits at the current year tax rates. Current and deferred tax should be recognised as an income or an expense and included in the profit or loss of the year, except to the extent that the tax arises from a transaction or event which is recognised, in the same or a different year, directly in equity.

Deferred income tax is provided in full, using the liability method, on temporary differences arising between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts in the consolidated financial statements. Deferred income tax is not accounted for if it arises from initial recognition of an asset or liability in a transaction other than a business combination that at the time of occurrence affects neither the accounting nor the taxable profit or loss. Deferred income tax is determined at the tax rates that are expected to apply to the financial year when the asset is realised or the liability is settled, based on tax rates that have been enacted or substantively enacted by the consolidated balance sheet date.

Deferred income tax assets are recognised to the extent that it is probable that future taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Corporation intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.28 Related parties

Enterprises and individuals that directly, or indirectly through one or more intermediaries, control, or are controlled by, or are under common control with the Corporation, including holding companies, subsidiaries and fellow subsidiaries are related parties of the Corporation. Associates and individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Corporation that gives them significant influence over the Corporation, key management personnel, including Board of Management, Board of Directors of the Corporation and close members of the family of these individuals and companies associated with these individuals also constitute related parties.

In considering the related party relationship with each related party, the Corporation considers the substance of the relationship not merely the legal form.

2.29 Segment reporting

A segment is a component which can be separated by the Corporation engaged in sales of goods or rendering of services ("business activity segment"), or sales of goods or rendering of services within a particular economic environment ("geographical segment"). Each segment is subject to risks and returns that are different from those of other segments. A reportable segment is the Corporation's business segment.

Segment reporting is prepared and presented in accordance with accounting policies applied to the preparation and presentation of the Corporation's consolidated financial statements in order to help users of consolidated financial statements understand and evaluate the Corporation's operations in a comprehensive way.

2.30 Critical accounting estimates

The preparation of consolidated financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of consolidated financial statements requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements; and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year.

The areas involving significant estimates and assumptions are

- revenue and cost of sales relating to construction contracts-in-progress (Note 2.10, 2.22, 2.23); and
- receivable and payable relating to construction contracts-in-progress (Note 2.10).

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Corporation and that are believed to be reasonable under the circumstances by the Board of Management.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	2024	2023
	VND	VND
Cash on hand	8,075,403,105	9,201,053,670
Cash at bank	7,129,195,752,388	3,618,761,042,197
Cash in transit	10,135,956	177,697,406
Cash equivalents (*)	4,284,249,053,581	2,128,980,776,416
	<u>11,421,530,345,030</u>	<u>5,757,120,569,689</u>

(*) As at 31 December 2024, cash equivalents include term deposits in VND at banks with the original maturity of three months or less and earn interest at the average rates from 0.5% to 5.8% per annum (as at 31 December 2023: from 0.5% to 4.7% per annum).

4 INVESTMENTS

(a) Short-term Investment held-to-maturity

	2024		2023	
	Cost VND	Book value VND	Cost VND	Book value VND
Term deposits	<u>3,886,136,152,000</u>	<u>3,886,136,152,000</u>	<u>4,329,388,583,505</u>	<u>4,329,388,583,505</u>

Term deposits include bank deposits in VND with the remaining maturity of not more than 12 months and more than 3 months at commercial bank with interest at the rate from 2.6% to 5.8% per annum (as at 31 December 2023: from 3.6% to 8.5% per annum).

As at 31 December 2024, the held-to-maturity investments include the term deposits with a term of not more than 12 months at Modern Bank of Vietnam Limited ("Modern Bank" or "MBV"), before December 18, 2024 is Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank ("Oceanbank") totalling VND186,565,000,000 (as 31 December 2023: VND190,680,000,000), which are currently suspended from trading. From 17 October 2024, Oceanbank was transferred by the State Bank of Vietnam to Military Commercial Joint Stock Bank ("MBBank") and then renamed MBV. The Board of Managements assessed that these deposits will be traded again in the future when there are specific regulations from the State Bank of Vietnam and MBBank.

(b) Long-term investments

	2024			2023		
	Cost VND	Book value VND	Provision VND	Cost VND	Book value VND	Provision VND
Investments in associates and joint ventures (i)	1,652,802,039,235	4,728,578,179,791	-	1,652,802,039,235	4,942,961,726,110	-
Other long term investments (ii)	<u>3,000,000,000</u>	<u>3,000,000,000</u>	<u>(1,187,557,692)</u>	<u>3,000,000,000</u>	<u>3,000,000,000</u>	<u>(1,216,918,540)</u>
	<u>1,655,802,039,235</u>	<u>4,731,578,179,791</u>	<u>(1,187,557,692)</u>	<u>1,655,802,039,235</u>	<u>4,945,961,726,110</u>	<u>(1,216,918,540)</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

4 INVESTMENTS (continued)

(b) Long-term investments (continued)

(i) Investment in associates and joint ventures

Details of investments in associates and joint ventures are as follows:

No	Name	2024			2023		
		Cost VND	Book value VND	Fair value VND	Cost VND	Book value VND	Fair value VND
1	Rong Doi MV12 Private Limited (i)	106,022,400	-	(*)	106,022,400	-	(*)
2	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	292,324,455,887	1,869,017,158,820	(*)	292,324,455,887	2,075,355,338,532	(*)
3	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	156,473,118,448	847,697,039,707	(*)	156,473,118,448	972,889,320,893	(*)
4	PTSC South East Asia Private Limited (iv)	340,800,232,500	775,848,651,644	(*)	340,800,232,500	905,663,744,900	(*)
5	PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	641,415,780,000	1,192,671,170,275	(*)	641,415,780,000	952,023,898,798	(*)
6	Petro Vietnam Marine Shipyard Joint Stock Company (vi)	171,957,430,000	-	(*)	171,957,430,000	-	(*)
7	Thi Vai General Port Joint Stock Company (vii)	21,600,000,000	29,143,312,115	(*)	21,600,000,000	22,183,192,932	(*)
8	Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company (viii)	28,125,000,000	14,200,847,230	(*)	28,125,000,000	14,846,230,055	(*)
		<u>1,652,802,039,235</u>	<u>4,728,678,179,791</u>		<u>1,652,802,039,235</u>	<u>4,942,961,726,110</u>	

4 INVESTMENTS (continued)

(b) Long-term investments (continued)

(i) Investment in associates and joint ventures (continued)

(*) As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation had not determined the fair value of these investments for disclosure in the consolidated financial statements because they do not have listed prices or listed on the market but the transaction is not significant. The fair value of such investments may be different from their book value.

Movement of investment in associates and joint ventures during the year are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Cost of investments	1,652,802,039,235	1,652,802,039,235
Profit sharing from associates and joint ventures:		
Beginning of the period/year	3,290,159,686,875	3,276,056,600,428
Profit sharing from investments in associates and joint ventures during the period/year (*)	864,280,331,695	651,130,073,326
Dividends received	(1,216,692,250,000)	(757,473,000,000)
Exchange rate differences from translating the financial statements during the period/year	138,028,371,986	120,446,013,121
End of the period/year	<u>4,728,578,179,791</u>	<u>4,942,961,726,110</u>

(*) Details of profits/(losses) sharing from investments in associates and joint ventures during the year are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	455,745,633,256	418,134,109,633
PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	192,622,697,589	156,204,652,853
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	162,541,680,797	94,363,604,685
PTSC South East Asia Private Limited (iv)	47,055,583,696	7,932,919,886
Thi Vai General Port Joint Stock Company (vii)	6,960,119,183	(12,226,443,786)
Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company (viii)	(645,382,826)	(13,278,769,945)
	<u>864,280,331,695</u>	<u>651,130,073,326</u>

4 INVESTMENTS (continued)

(b) Long-term investments (continued)

(i) Investment in associates and joint ventures (continued)

- (i) Rong Doi MV12 Private Limited is a jointly controlled joint venture, established by the Company and its partners Modec, Inc., and Mitsui & Co., Ltd (Modec, Inc., and Mitsui & Co., Ltd was established in Japan) in 2006 to invest in floating storage and offloading ("F50 MV12") with a capacity of 300,000 barrels of oil leased to Korea National Oil Corporation ("KNOC") since 2007 to serve offshore oil exploitation at Rong Doi Tay field. On 01 November 2024, Zarubezhnef EP Vietnam B.V ("ZNEP") has replaced, received rights and obligations of KNOC for the contract with Rong Doi MV12 Private Limited in accordance with the agreement between ZNEP and KNOC, and FSO MV12 is also transferred from Rong Doi MV12 Private Limited to PTSC Production Services Company under the Deed of Novation of KNOC, ZNEP, Rong Doi MV12 Private Limited and PTSC Production Services Company at the same time. As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation's capital contribution in Rong Doi MV12 Private Limited is USD6,600, equivalent to VND106,022,400.
- (ii) Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") is a jointly controlled venture company established between the Corporation and its partner, Malaysia International Shipping Corporation Berhard ("MISC), in 2009 to:
- invest in FSO "Orkid" with the capacity of 650,000 barrels of Repsol Oil & Gas Malaysia Limited renting for crude oil exploitation at PM-3 CAA field, offshore Malaysia in the commercial arrangement area between Malaysia and Vietnam from 2009 to 31 December 2027; and
 - invest in FSO "Golden Star" with the capacity of 654,717 barrels of oil to Idemitsu Gas Production Vietnam Company Limited renting for crude oil exploitation at the Sao Vang Dai Nguyet field, Blocks 05-1b & 05-1c offshore Vietnam with the 7-year duration since November 2020 to November 2027 and can be extended for another 8 years.

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation's capital contribution in MVOT is USD17,258,911, equivalent to VND292,324,455,887.

- (iii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") is a jointly controlled venture company established by MISC, from 2009, in which, the Corporation owns 60% of the charter capital to own, manage and operate the FPSO "Ruby II" for oil processing and exportation. From June 2010, FPSO "Ruby II" was put into oil and gas exploration and production of Petronas Carigali Vietnam Limited at Blocks 01&02 offshore the continental shelf of Vietnam till 9 September 2017. Since 10 September 2017, Vietnam Oil and Gas Group replaced, received rights and obligations of Petronas Carigali Vietnam Limited for the contract with VOFT based on the agreement between Vietnam Oil and Gas Group and Petronas Carigali Vietnam Limited. As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation's capital contribution in VOFT is USD8,784,000, equivalent to VND156,473,118,448.

4 INVESTMENTS (continued)**(b) Long-term investments (continued)****(i) Investment in associates and joint ventures (continued)**

- (iv) PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA") is a jointly controlled venture company established by the Corporation and Yinson Holdings Berhad from 2011 under Foreign Investment Certificate No. 474/BKHDT-DTRNN issued by the Ministry of Planning and Investment dated 31 October 2011 to invest and supply FSO services (FSO "PTSC Bien Dong 01") for Branch of Vietnam Oil and Gas Group - Bien Dong POC about crude oil exploitation at Blocks 05.2 & 05.3 offshore the continental shelf of Vietnam. The total investment capital of the project is USD149,318,329, equivalent to VND3,071,478,027,530, in which the capital contributions of joint venture parties are USD37,329,582, taking up 25% of its investment capital, the remaining is borrowed capital. In 2022, following the internal reorganization within the Yinson Holdings Berhad group, Yinson Holdings Berhad already transferred all shares in PTSC SEA to Yinson Production Capital Private Limited (a sub-subsidiary company of Yinson Holdings Berhad), accordingly, Yinson Holdings Berhad already transferred all their rights and obligations in PTSC SEA to Yinson Production Capital Private Limited under the agreement among PTSC, Yinson Holdings Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited and Yinson Production Capital Private Limited. As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation's capital contribution in PTSC SEA is USD16,320,000, equivalent to VND340,800,232,500.
- (v) PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP") is a jointly controlled venture company established by the Corporation and Yinson Holdings Berhad from 2012 under the Foreign Investment Certificate No. 561/BKHDT-DTRNN dated 19 October 2012 issued by the Ministry of Planning and Investment to contribute to investment capital in floating storage, exportation and processing of oil (FPSO "PTSC Lam Son") for Lam Son Joint Operating Company (Lam Son JOC) rented for development services at Thang Long - Dong Do fields, Blocks 01/97 & 02/97, in the Cuu Long basin offshore Vietnam until 30 June 2017. From 1 July 2017, Vietnam Oil and Gas Group/Petroleum Exploration and Production Corporation replaced, received rights and obligations of Lam Son JOC and continued to rent FPSO "PTSC Lam Son". The total investment capital of the project is USD429,977,481, equivalent to VND9,113,372,709,795, in which, the capital contribution of joint venture parties is USD119,996,426, accounting for 27.9% of total investment capital. In 2018, the two joint venture parties reduced the capital contribution into PTSC AP from USD100,000,000 to USD60,000,000 at the same voting right and ownership. In 2022, following the internal reorganization within the Yinson Holdings Berhad group, Yinson Holdings Berhad already transferred all shares in PTSC AP to Yinson Production Capital Private Limited (a sub-subsidiary company of Yinson Holdings Berhad), accordingly, Yinson Holdings Berhad already transferred all their rights and obligations in PTSC AP to Yinson Production Capital Private Limited under the agreement among PTSC, Yinson Holdings Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited and Yinson Production Capital Private Limited. As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation's contributed capital in PTSC AP is USD30,600,000 equivalent to VND641,415,780,000.

4 INVESTMENTS (continued)

(b) Long-term investments (continued)

(i) Investment in associates and joint ventures (continued)

- (vi) PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company is a joint stock company established under the Enterprise Registration Certificate No. 3500806844 dated 9 July 2007 issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province with the registered charter capital of VND594,897,870,000. As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation's contributed capital at PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company is VND171,957,430,000, accounting for 28.75% of charter capital.
- (vii) Thi Vai General Port Joint Stock Company ("Thi Vai General Port") is a joint stock company established under the Enterprise Registration Certificate No. 3502259121 dated 21 July 2014 issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province with the registered charter capital of VND60,000,000,000. According to Thi Vai General Port's Enterprise Registration Certificate, PTSC Phu My Port Joint Stock Company - a subsidiary, holds 36% charter capital of Thi Vai General Port. Therefore, the Corporation indirectly owns 21.46% charter capital of Thi Vai General Port. Hence, Thi Vai General Port is an associate of the Corporation according to current prevailing accounting regulations.
- (viii) Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company ("Duyen Hai PVC") is a joint stock company established under the initial Enterprise Registration Certificate No 0201093188 dated 2 July 2010 and 11th amendment dated 31 December 2019 issued by the Department of Planning and Investment of Hai Phong City with the registered charter capital of VND136,732,500,000. As at 31 December 2024 and 31 December 2023, Dinh Vu Petroleum Services Port Joint Stock Company, a subsidiary, holds 20.57% charter capital of Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company. Therefore, The Corporate indirectly owns 10.49% charter capital and 20.57% voting rights of Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company.

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

4 INVESTMENTS (continued)

(b) Long-term investments (continued)

(ii) Investments in other entities

Details of investments in other entities are as follows:

No	Name	2024			2023		
		Cost VND	Provision VND	Fair value VND	Cost VND	Provision VND	Fair value VND
1	Nhon Trach Shipyard Joint Stock Company (i)	<u>3,000,000,000</u>	<u>(1,187,557,692)</u>	(*)	<u>3,000,000,000</u>	<u>(1,216,918,540)</u>	(*)

(i) As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporate's ownership and voting rights percentage in Nhon Trach Shipyard Joint Stock Company is 1.49%.

(*) As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation had not determined the fair value of these investments for disclosure in the consolidated financial statements because they do not have listed prices. The fair value of such investments may be different from their book value.

4 INVESTMENTS (continued)

(b) Long-term investments (continued)

(i) Investments in other entities (continued)

Movement of provision for diminution in value of long-term investments during the year was as follows:

	2024 VND	2023 VND
Beginning of year	1,216,918,540	14,167,398,536
Reversal of provisions (Note 35)	(29,360,848)	(12,950,479,996)
End of year	<u>1,187,557,692</u>	<u>1,216,918,540</u>

5 SHORT-TERM TRADE ACCOUNTS RECEIVABLE

	2024 VND	2023 VND
Third parties		
Operating Office of Murphy Cuu Long Bac Oil Company Limited in Ho Chi Minh City	414,055,919,654	86,890,600
Fengmiao Wind Power Company Limited	146,248,337,784	11,622,187,920
Southern Point Offshore Services Company Limited	145,690,488,000	-
Baltic IES Proprietary Limited	104,320,995,601	30,836,355,323
TPSK Consortium	85,248,636,341	86,827,056,306
Operating Office of Premier Oil Vietnam Offshore B.V. in Ho Chi Minh City	79,234,131,049	40,014,194,636
Hanwha Ocean Company Limited	77,832,650,481	82,280,188,320
North Oil Company	75,883,995,370	35,289,943,530
Zarubezhneft EP Vietnam B.V.	64,545,993,773	5,866,556,961
Operating Office of Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. in Ho Chi Minh City	45,906,381,214	29,074,434,426
Elektrownia Wiatrowa Baltica	43,777,009,370	22,103,749,011
Sea Energy Marine Services LLC	40,995,958,038	43,741,227,533
GE Vernova Operations LLC	39,007,953,373	-
Enterprize Energy Private Limited	36,780,725,785	35,677,041,656
Nam Song Hau Trading Investing Petroleum Joint Stock Company	35,121,129,014	35,121,129,014
Orsted Taiwan Limited	-	646,011,560,208
Others	642,284,381,564	711,322,349,939
	<u>2,076,934,686,411</u>	<u>1,815,874,865,383</u>
Related parties (Note 41(b))	2,629,438,787,240	1,295,235,230,321
	<u>4,706,373,473,651</u>	<u>3,111,110,095,704</u>

As at 31 December 2024 and as at 31 December 2023, the balances of short-term trade accounts receivable which were past due were made provision of doubtful debts as presented in Note 9.

6 PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	2024	2023
	VND	VND
Third parties		
Vietnam Machinery Installation Corporation	100,613,950,134	100,613,950,134
Black Cat Insulation Technical Joint Stock Company	38,333,475,683	-
Huu Thanh Construction Corporation	38,015,452,674	-
Mogene Techniques and Commerce Company Limited	20,190,334,480	3,231,989,910
AVC Cranes and Equipment Joint Stock Company	18,585,288,000	-
Binh Minh Petroleum Services and Energy Company Limited	16,125,542,584	-
SCI E&C Joint Stock Company	13,588,401,409	13,588,401,409
Apds Vietnam Limited	11,097,114,764	-
Dai Dung Metallic Manufacture Construction and Trade Corporation	2,580,486,764	22,192,268,511
CN Company Limited	-	30,937,500,000
IQIP Singapore Private Limited	-	24,478,851,280
Others	152,167,207,427	200,826,189,289
	<u>411,297,253,919</u>	<u>395,869,150,533</u>
Related parties (Note 41(b))	91,856,706,714	33,758,107,623
	<u>503,153,960,633</u>	<u>429,627,258,156</u>

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, there was no balances of short-term prepayments to suppliers was past due or was past due but doubtful.

7 CONSTRUCTION CONTRACTS-IN-PROGRESS RECEIVABLES/PAYABLES

	2024	2023
	VND	VND
Construction contracts-in-progress receivables	315,652,153,309	126,550,860,677
Construction contracts-in-progress payables	(184,744,107,346)	(237,901,633,014)
	<u>130,908,045,963</u>	<u>(111,350,772,337)</u>
In which:		
Accumulated contract costs incurred plus recognized profits less recognized losses	17,788,319,997,138	10,918,593,697,194
Amount of progress billings	(17,657,411,951,175)	(11,029,944,469,531)
	<u>130,908,045,963</u>	<u>(111,350,772,337)</u>

**7 CONSTRUCTION CONTRACTS-IN-PROGRESS RECEIVABLES/PAYABLES
(continued)**

Details of construction contracts-in-progress receivables/payable by projects are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Receivables		
EPCI#1 project - Contract for "Provision of engineering, procurement, construction and installation of the central production platform, living quarter platform and flare tower" - Block B gas project	126,330,342,554	-
CHW2204 project	94,493,108,556	-
EPC#2 project - Contract for "Provision of engineering, procurement, fabrication and installation of gathering platform/wellhead platform, infield pipeline" - Block B gas project	70,666,481,739	-
Thi Vai LPG tank project	20,732,107,522	-
Vung Ro petroleum storage project	118,599,942	4,153,400,546
NPK project	3,311,512,996	3,311,512,996
Sao Vang - Dai Nguyet pipeline project	-	66,657,433,448
LNG Thi Vai warehouse EPC project	-	52,428,513,687
	<u>315,652,153,309</u>	<u>126,550,860,677</u>
Payables		
STG#3 project - Contract "Provision of engineering, procurement, installation, pre-commissioning, commissioning, start up, performance test and technical services for Steam Turbine Generator 113-A-006 package"	106,490,535,283	-
Block B Gas pipeline project - Contract for "Provision engineering, procurement, construction, installation of the onshore pipeline, stations, and commissioning" with SWPOC	78,253,572,063	-
Contract for Provision of engineering, procurement, construction of Hai Phong 2 project	-	3,703,793,017
CHW2204 project	-	202,267,437,762
Thi Vai LPG tank project	-	24,951,439,815
"EPCI#1 project - Contract for "Provision of engineering, procurement, construction and installation of the central production platform, living quarter platform and flare tower" - Block B gas project	-	6,978,962,420
	<u>184,744,107,346</u>	<u>237,901,633,014</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

8 OTHER RECEIVABLES

(a) Short-term

	2024		2023	
	Book value VND	Provision VND	Book value VND	Provision VND
Accrued revenue from rendering of service				
TPSK Consortium	164,393,429,824	-	93,695,215,141	-
Hanwha Ocean Company Limited	82,205,852,489	-	60,944,775,800	-
Nghi Son Refining and Petrochemical Company Limited	40,735,524,280	-	43,407,857,358	-
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	28,053,017,797	-	963,200,000	-
Operating Office of Premier Oil Vietnam Offshore B.V. in Ho Chi Minh City	26,185,698,057	-	21,756,904,847	-
Hibiscus Oil & Gas Malaysia Limited	24,136,674,787	-	6,753,280,800	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	23,213,473,567	-	14,615,893,392	-
PetroVietnam Oil Corporation	11,144,330,921	-	229,595,836	-
T. Y. Lin International	-	-	49,143,186,400	-
Others	70,947,767,820	-	85,752,747,536	-
Land rental receivables (*)	243,210,333,453	(72,963,100,036)	-	-
Accrued interest income	56,046,617,927	-	97,014,733,588	-
Deposits	31,226,487,683	-	43,935,741,123	-
Advances	12,349,794,391	-	12,554,832,780	-
VAT not yet deducted	28,087,409,488	-	11,244,283,209	-
Others	101,283,497,055	(4,853,340,920)	97,536,090,026	(1,278,756,902)
	<u>943,219,909,539</u>	<u>(77,816,440,956)</u>	<u>639,548,337,836</u>	<u>(1,278,756,902)</u>

(*) This is the accrued receivable related to land rental of 39.8 square hectare and 23 square hectare at Sao Mai - Ben Dinh petroleum marine services base, Vung Tau City. According to the terms of the contract signed between the parties, Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Investment Joint Stock Company, a subsidiary of the Corporation, as the lessor, will collect this amount from the lessees, which are the PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company and the Petroleum Metal Structure and Machinery installation Joint Stock Company, when obligations related to land rental arise, as stated in Notes 24 and 45.

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the balances of other short-term receivables which were past due were made provision of doubtful debts as presented in Note 9.

8 OTHER RECEIVABLES (continued)

(b) Long-term

	2024 VND	2023 VND
Deposits	82,189,692,834	111,243,427,960
Others	14,925,795,273	11,540,550,273
	<u>97,115,488,107</u>	<u>122,783,978,233</u>

Details of other receivables by type of customers are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Short-term		
Third parties	522,318,777,042	547,701,565,171
Related parties (Note 41(b))	420,901,132,497	91,846,772,665
	<u>943,219,909,539</u>	<u>639,548,337,836</u>
Long-term		
Third parties	<u>97,115,488,107</u>	<u>122,783,978,233</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

9 PROVISION FOR DOUBTFUL DEBTS – SHORT-TERM

	2024			
	Cost VND	Recoverable amount VND	Provision VND	Number of overdue days
Short-term trade account receivable				
Third parties				
Nam Song Hau Trading Investing Petroleum Joint Stock Company	35,121,129,014	10,172,738,438	(24,948,390,576)	Over 1 year - Under 2 years
Sai Gon Offshore Fabrication and Engineering Limited	13,531,918,730	-	(13,531,918,730)	Over 3 years
Sapura Offshore Sdn Bhd	11,208,132,191	607,965,637	(10,800,166,554)	Over 2 years - Under 3 years
Marsol Offshore Construction LLC	7,554,500,377	-	(7,554,500,377)	Over 3 years
Others	76,656,896,716	46,780,648,072	(29,876,248,644)	Over 6 months - Over 3 years
	<u>144,072,577,028</u>	<u>57,561,352,147</u>	<u>(86,511,224,881)</u>	
Related parties				
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited	25,820,593,990	2,402,984,055	(23,417,609,935)	Over 3 years
Management Board of Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project	15,098,497,832	-	(15,098,497,832)	Over 3 years
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited	14,244,463,477	351,812,063	(13,892,651,414)	Over 6 months - Over 3 years
PetroVietnam Overseas Exploration Production Operating Company Limited	4,949,073,120	-	(4,949,073,120)	Over 3 years
Others	8,756,111,071	5,935,528,004	(2,820,583,067)	Over 6 months - Over 3 years
	<u>68,868,739,490</u>	<u>8,690,124,122</u>	<u>(60,178,615,368)</u>	
Other short-term receivables				
Related parties				
PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company	154,081,151,000	107,856,805,700	(46,224,345,300)	Under 1 year
Petroleum Metal Structure and Machinery Installation Joint Stock Company	89,129,182,453	62,390,427,717	(26,738,754,736)	Under 1 year
Duyen Hai Petrovietnam Investment and Construction Joint Stock Company	2,986,746,885	982,478,405	(2,004,268,280)	Over 1 year - Under 3 years
Others	5,698,145,280	2,849,072,640	(2,849,072,640)	Over 1 year - Under 2 years
	<u>251,895,225,418</u>	<u>174,078,784,462</u>	<u>(77,816,440,956)</u>	
	<u>464,836,541,936</u>	<u>240,330,260,731</u>	<u>(224,506,281,205)</u>	

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

9 PROVISION FOR DOUBTFUL DEBTS – SHORT-TERM (continued)

	2023			
	Cost VND	Recoverable amount VND	Provision VND	Number of overdue days
Short-term trade account receivable				
Third parties				
Sai Gon Offshore Fabrication and Engineering Limited	13,531,918,730	-	(13,531,918,730)	Over 3 years
Marsot Offshore Construction LLC	7,554,500,377	-	(7,554,500,377)	Over 3 years
Alianz Marine Services LLC	32,394,204,862	24,946,748,440	(7,447,456,222)	Over 6 months - Under 1 year
Sapura Offshore Sdn Bhd	11,807,196,056	4,466,813,847	(7,440,382,109)	Over 1 year - Under 3 years
Others	41,062,863,197	15,866,326,507	(25,196,534,690)	Over 6 months - Over 3 years
	<u>106,450,683,022</u>	<u>45,279,890,894</u>	<u>(61,170,792,128)</u>	
Related parties				
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited Management Board of Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project	23,923,058,448	528,132,353	(23,394,926,395)	Over 2 years - Over 3 years
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited	15,098,497,832	-	(15,098,497,832)	Over 3 years
PetroVietnam Overseas Exploration Production Operating Company Limited	15,559,889,313	656,163,842	(14,903,705,371)	Over 1 year - Over 3 years
Others	4,949,073,120	-	(4,949,073,120)	Over 3 years
	2,066,454,971	1,031,312,971	(1,035,142,000)	Over 6 months - Over 3 years
	<u>81,596,953,684</u>	<u>2,215,608,966</u>	<u>(59,381,344,718)</u>	
Other short-term receivables				
Third parties				
	20,260,800	18,741,240	(1,519,560)	Over 6 months - Under 1 year
	<u>20,260,800</u>	<u>18,741,240</u>	<u>(1,519,560)</u>	
Related parties				
Duyen Hai Petrovietnam Investment and Construction Joint Stock Company	2,986,748,685	1,709,508,343	(1,277,237,342)	Over 1 year - Under 2 years
	<u>171,054,644,191</u>	<u>49,223,750,443</u>	<u>(121,830,893,748)</u>	

10 INVENTORIES

(a) Inventories

	2024		2023	
	Cost VND	Provision VND	Cost VND	Provision VND
Goods in transit	4,465,401,583	-	30,033,493,450	-
Raw materials	694,363,682,960	(12,213,306,835)	381,240,156,057	(2,624,513,034)
Tools and supplies	27,280,755,803	-	33,020,540,147	(3,323,952,893)
Work in progress (*)	1,073,292,198,880	-	1,030,216,960,605	-
Merchandise	43,062,736,781	-	1,841,628,412	-
	<u>1,842,464,776,007</u>	<u>(12,213,306,835)</u>	<u>1,476,352,778,671</u>	<u>(5,948,465,927)</u>

(*) Work in progress represents the cost incurred in relation to services and projects as below:

	2024 VND	2023 VND
Block B Gas pipeline project - Contract for "Provision engineering, procurement, construction, installation of the onshore pipeline, stations, and commissioning" with SWPOC	787,960,422,535	-
CHW2204 project	134,041,828,143	373,234,374,702
GE structural steel fabrication project	23,403,113,106	46,646,412,811
Long Phu 1 Thermal Power Plant project	22,574,845,088	19,418,265,705
Baltica 2 project	17,049,539,821	-
Cost of EPCI#1 project - Contract for "Provision of engineering, procurement, construction and installation for the central production platform, living quarter platform and flare tower" - Block B gas project	16,881,356,606	-
Cost of Lac Da Vang Central Processing Platform - A project	12,450,431,848	-
Steel structure processing project for Baltec	8,628,887,916	15,642,396,878
Gallaf project - Phase 3	-	158,269,506,150
Hai Long OSS project	-	182,083,967,667
Southern Petrochemical complex project	-	129,490,061,107
Seismic exploration and underground construction services	-	22,263,868,589
Subsea 7 project	-	16,144,347,613
Others	50,301,773,817	67,023,759,383
	<u>1,073,292,198,880</u>	<u>1,030,216,960,605</u>

10 INVENTORIES

(a) Inventories

Movements of provision for decline in value of inventories during the year is as follows:

	2024 VND	2023 VND
Beginning of year	5,948,465,927	1,950,254,388
Increase	6,264,840,908	3,998,211,539
End of year	<u>12,213,306,835</u>	<u>5,948,465,927</u>

(b) Long-term substituted equipment, supplies and spare parts

Long-term substituted equipment, supplies and spare parts represent the value of substituted equipment, supplies and spare parts used for maintenance of vehicles whose plans is more than 12 months.

11 PREPAID EXPENSES

(a) Short-term

	2024 VND	2023 VND
Insurance expenses	17,919,753,090	14,968,490,542
Tools and supplies	15,733,944,530	10,784,827,997
Land and infrastructure rental expenses	5,510,507,120	13,309,033,744
Others	10,525,635,371	11,737,116,133
	<u>49,689,840,111</u>	<u>50,799,468,416</u>

(b) Long-term

	2024 VND	2023 VND
Office rental at Head Office, No. 1-5 Le Duan Street	249,241,665,858	256,213,823,262
Repair and maintenance costs	240,471,633,560	147,565,169,195
Land rental at Dinh Vu port	94,921,859,213	99,188,010,185
Site clearance cost at Son Tra port	82,649,737,458	85,137,857,742
Tools and supplies	55,255,832,069	75,590,101,937
Land and infrastructure rental expenses	39,462,977,711	120,207,751,293
Dredging cost at Vung Tau port	4,884,324,377	9,118,803,679
Others	17,875,676,844	26,511,150,509
	<u>784,763,707,090</u>	<u>819,532,667,802</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

12 VAT TO BE RECLAIMED

	As at 1.1.2024 VND	Increase during the year VND	Net-off with VAT payable VND	Refund (*) VND	As at 31.12.2024 VND
VAT to be reclaimed	<u>495,021,150,547</u>	<u>1,399,925,519,788</u>	<u>(1,403,443,841,986)</u>	<u>(42,078,496,366)</u>	<u>449,424,331,983</u>

(*) During the year, PTSC CGGV Geophysical Survey Co., Ltd. received a refund for the input VAT that had not been fully deducted, in accordance with Decision 909/QĐ-CTBRV-KDT issued by the Tax Department of Bà Rịa - Vũng Tàu Province on May 14, 2024.

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HH

13 FIXED ASSETS

(a) Tangible fixed assets

	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Vehicles and transmission equipment VND	Office equipment VND	Others VND	Total VND
Historical cost						
As at 1 January 2024	4,006,388,683,773	2,999,888,269,655	5,820,540,021,683	269,768,076,971	112,244,637,680	13,208,829,689,762
New purchases	2,769,433,056	97,314,703,545	51,914,593,667	48,177,547,286	545,811,726	200,722,089,280
Transfers from construction in progress (Note 15(b))	90,331,889,909	266,160,488,785	231,893,181,818	10,279,523,874	-	598,665,084,386
Others increases	-	-	-	-	65,000,000	65,000,000
Disposals	(10,714,384,400)	(3,213,310,379)	(20,873,883,608)	(4,418,423,679)	-	(39,220,002,066)
Others decreases	(12,613,398,578)	(38,499,999)	-	(67,500,000)	-	(12,719,398,575)
As at 31 December 2024	<u>4,076,162,223,762</u>	<u>3,360,111,651,607</u>	<u>6,083,473,913,560</u>	<u>323,739,224,452</u>	<u>112,856,449,406</u>	<u>13,956,342,462,787</u>
Accumulated depreciation						
As at 1 January 2024	2,630,444,287,740	2,167,936,855,183	4,810,384,530,029	222,664,780,465	49,403,027,918	9,880,833,261,315
Charge for the period	132,369,630,246	185,460,162,321	223,682,815,389	29,071,613,588	18,430,716,254	589,014,936,796
Disposals	(10,714,384,400)	(3,213,310,379)	(20,873,883,608)	(4,418,423,679)	-	(39,220,002,066)
Others decreases	(210,223,317)	-	-	(35,533,329)	-	(245,756,646)
As at 31 December 2024	<u>2,751,889,290,269</u>	<u>2,350,183,507,105</u>	<u>5,013,193,461,810</u>	<u>247,282,437,043</u>	<u>67,833,743,172</u>	<u>10,430,382,439,399</u>
Net book value						
As at 1 January 2024	<u>1,375,944,416,033</u>	<u>831,951,614,492</u>	<u>1,010,155,491,654</u>	<u>47,103,296,506</u>	<u>62,841,609,762</u>	<u>3,327,996,428,447</u>
As at 31 December 2024	<u>1,324,272,933,493</u>	<u>1,009,928,144,502</u>	<u>1,070,280,451,750</u>	<u>76,456,787,409</u>	<u>45,021,706,234</u>	<u>3,525,960,023,388</u>

13 FIXED ASSETS (continued)

(a) Tangible fixed assets (continued)

The historical cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use as at 31 December 2024 was VND7,386 billion (as at 31 December 2023: VND6,933 billion).

As at 31 December 2024, the carrying value of tangible fixed assets formed from borrowings pledged as collateral assets for the borrowings of the Corporation (as presented in Note 23) was VND1,487 billion (as at 31 December 2023: VND1,138 billion).

(b) Intangible fixed assets

	Land use rights VND	Software VND	Others VND	Total VND
Historical cost				
As at 1 January 2024	51,264,099,029	138,226,062,835	2,420,281,714	191,910,443,578
New purchases	-	5,577,148,770	602,560,000	6,179,708,770
Disposals	-	(31,980,000)	-	(31,980,000)
Other decrease	-	(18,950,000)	-	(18,950,000)
As at 31 December 2024	<u>51,264,099,029</u>	<u>143,752,281,605</u>	<u>3,022,841,714</u>	<u>198,039,222,348</u>
Accumulated amortisation				
As at 1 January 2024	458,213,050	125,965,455,030	2,101,147,481	128,524,815,561
Charge for the year	26,204,400	7,436,707,731	263,935,460	7,726,847,591
Disposals	-	(31,980,000)	-	(31,980,000)
As at 31 December 2024	<u>484,417,450</u>	<u>133,370,182,761</u>	<u>2,365,082,941</u>	<u>136,219,683,152</u>
Net book value				
As at 1 January 2024	<u>50,805,885,979</u>	<u>12,260,607,805</u>	<u>319,134,233</u>	<u>63,385,628,017</u>
As at 31 December 2024	<u>50,779,681,579</u>	<u>10,382,098,844</u>	<u>657,758,773</u>	<u>61,819,539,196</u>

The historical cost of fully amortised intangible fixed assets but still in use as at 31 December 2024 was VND124 billion (as at 31 December 2023: VND117 billion).

14 INVESTMENT PROPERTIES

Details of investment properties are presented as follows:

	2024 VND	2023 VND
Investment properties hold for leasing:		
Infrastructure project - 39.8 hectare	90,668,647,034	93,416,181,780
Infrastructure project - 23 hectare	68,991,042,025	70,978,779,135
	<u>159,659,689,059</u>	<u>164,394,960,915</u>

Investment properties mainly include:

- Infrastructure Project - 39.8 square hectare with historical cost of VND131,881,668,267 being depreciated under straight line method over rental period of 48 years; and
- Infrastructure Project - 23 square hectare with historical cost of VND97,399,118,187 being depreciated under straight line method over rental period of 49 years.

For the year ended 31 December 2024 and 31 December 2023 revenue incurred from investment properties are VND5,203,799,784. Direct expenses incurred from investment properties leasing for the year ended 31 December 2024 and 31 December 2023 (including tools and supplies, utilities, management fee) are VND4,735,271,856.

14 INVESTMENT PROPERTIES (continued)

Movement of investment properties during the year is as follows:

	Infrastructure VND
Historical cost	
As at 1 January 2024 and 31 December 2024	<u>229,280,786,454</u>
Accumulated depreciation	
As at 1 January 2024	64,885,825,539
Charge for the year	<u>4,735,271,856</u>
As at 31 December 2024	<u>69,621,097,395</u>
Net book value	
As at 1 January 2024	<u>164,394,960,915</u>
As at 31 December 2024	<u>159,659,689,059</u>

As at 31 December 2024, The Corporation does not have sufficient information of similar investment properties as the basis to compare fair value of these investment properties so the fair value is not presented on consolidated financial statements.

15 LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS

(a) Long-term work in progress

Details of long-term work-in-progress are as follows:

	2024		2023	
	Book value VND	Recoverable amount VND	Book value VND	Recoverable amount VND
Long Phu 1 Thermal Power Plant project (i)	301,308,440,489	-	301,308,440,489	-
Bio Ethanol project (ii)	69,815,950,708	69,815,950,708	69,815,950,708	69,815,950,708
	<u>371,124,391,197</u>	<u>69,815,950,708</u>	<u>371,124,391,197</u>	<u>69,815,950,708</u>

15 LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS (continued)

(a) Long-term work in progress (continued)

- (i) Long-term work-in-progress of Long Phu 1 Thermal Power Plant Project represents the foreign design costs performed by Black & Veatch International (“the Contractor”). By the time of preparing the consolidated financial statements, the Corporation and the investor have not finalized the value of this cost. The Corporation has assessed the cost of long-term work-in-progress in the Inventory Assessment Minutes No. 07/BB-PTSCLP of the Inventory Assessment Council – Work-in-progress established under Decision No.0934/QĐ-PTSCLP dated 21 December 2017 and made provision for net realizable value with total amount of VND301,308,440,489.
- (ii) Long-term work-in-progress of Bio Ethanol Project represents the work-in-progress of Dung Quat Bio-Ethanol Fuel Factory Project. The construction of infrastructure has been completed and handed over to its investor - Vietnam Central Biofuels Joint Stock Company. By the reporting date of those consolidated financial statements, both parties are working to finalize the value of the contract. As at 31 December 2023, the balance of long-term work-in-progress of VND69,815,950,718, equivalent to 5% of contract value, will be recognized in the income consolidated financial statements after completion of finalisation and remaining revenue will be recognized at the same time. Accordingly, the recoverable value will depend on the finalisation of the contract. By the time of the consolidated financial statements, the Corporation and the investor have not completed the finalisation of the contract.

(b) Construction in progress

Details of construction in progress are presented as follows:

	2024 VND	2023 VND
System of automatic equipments for pre-fabrication construction	121,697,062,625	-
Dung Quat Berth No.3 Project, Quang Ngai province	95,872,570,283	15,772,528,297
Construction of Petroleum Marine Service Base in Sao Mai – Ben Dinh	77,416,177,085	38,472,788,885
Expansion of mechanical workshop project in Dung Quat port, Quang Ngai	14,451,292,934	9,168,409,553
Port base access road project at Sao Mai - Ben Dinh Port	12,725,868,576	-
Son Tra port project at Da Nang	9,673,562,784	9,673,562,784
Building for operation and expansion of Nghi Son port project	3,078,907,915	34,271,779,681
Equipment system serving renewable energy projects	-	156,531,118,457
Workshop 2 at POS	-	12,109,023,488
Others	25,202,371,203	27,240,413,794
	<u>360,117,813,405</u>	<u>303,239,624,939</u>

15 LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS (continued)

(b) Construction in progress (continued)

Movement in construction in progress during the year is as follows:

	2024 VND	2023 VND
Beginning of year	303,239,624,939	102,143,058,200
New purchases	694,809,552,360	588,490,448,792
Transfers to tangible fixed assets (Note 13(a))	(598,665,084,386)	(387,393,882,053)
Transfers to prepaid expenses	(39,266,279,508)	-
End of year	<u>360,117,813,405</u>	<u>303,239,624,939</u>

16 DEFERRED INCOME TAX

Details of deferred income tax are presented as follows:

	2024 VND	2023 VND
Deferred tax assets:		
Deferred tax assets to be recovered after more than 12 months	375,171,360,076	277,488,713,037
Deferred tax liabilities:		
Deferred tax liabilities to be recovered after more than 12 months	(593,043,834,925)	(677,559,350,681)
Deferred tax liabilities to be recovered within 12 months	(148,234,103,173)	(17,744,870,116)
	<u>(741,277,938,098)</u>	<u>(695,304,220,797)</u>
	<u>(366,106,578,022)</u>	<u>(417,815,507,760)</u>

16 DEFERRED INCOME TAX (continued)

Movements in the deferred income tax, taking into consideration the offsetting of balances within the same tax jurisdiction during the year, were as follows:

	2024 VND	2023 VND
Deferred income tax assets	277,488,713,037	344,735,812,309
Deferred income tax liabilities	(695,304,220,797)	(764,257,125,923)
Beginning of year	(417,815,507,760)	(419,521,313,614)
Charge to consolidated income statement	182,120,470,655	1,705,805,854
Exchange differences	(130,411,540,917)	-
End of year	<u>(366,106,578,022)</u>	<u>(417,815,507,760)</u>
In which:		
Deferred income tax assets	375,171,360,076	277,488,713,037
Deferred income tax liabilities	<u>(741,277,938,098)</u>	<u>(695,304,220,797)</u>

Deferred income tax mainly arises from the temporary differences of the following items:

	2024 VND	2023 VND
Accruals and provisions	379,528,344,943	275,579,615,645
Profit sharing from associates and joint ventures	(409,312,465,446)	(490,547,865,083)
Reversal of provision for investments	(183,731,369,479)	(187,011,485,598)
Unrealised foreign exchange difference	(148,282,361,801)	(10,396,068,488)
Others	(4,308,726,239)	(5,439,704,236)
	<u>(366,106,578,022)</u>	<u>(417,815,507,760)</u>

The Corporation uses tax rate of 20% to determine deferred income tax.

Deferred income tax assets are recognised to the extent that it is probable that future taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

17 SHORT-TERM TRADE ACCOUNTS PAYABLE

	2024		2023	
	Value VND	Able-to-pay amount VND	Value VND	Able-to-pay amount VND
Third parties				
SNP LIMITED	495,130,235,017	495,130,235,017	12,105,440,153	12,105,440,153
Apds Vietnam Limited	409,983,940,445	409,983,940,445	32,389,522,913	32,389,522,913
Velocity Energy Private Limited	245,269,562,395	245,269,562,395	72,366,793,323	72,366,793,323
Enerflex Energy Systems Incorporated	157,971,650,926	157,971,650,926	-	-
PT Meindo Elang Indah	148,762,776,690	148,762,776,690	-	-
Thien Nam Offshore Joint Stock Company	145,516,865,365	145,516,865,365	41,659,766,948	41,659,766,948
Rosemary Overseas Limited	83,943,083,565	83,943,083,565	-	-
Vietnam Machinery Installation Corporation	59,836,450,988	59,836,450,988	59,836,450,988	59,836,450,988
Genesis Marine Services W.L.L	54,254,088,639	54,254,088,639	75,150,504,826	75,150,504,826
Shelf Subsea Solutions Private Limited	51,540,036,890	51,540,036,890	54,717,656,406	54,717,656,406
Hiep Phat Manpower Supply and Technical Services Company Limited	51,011,375,510	51,011,375,510	12,882,670,075	12,882,670,075
Ba Son Corporation	48,558,993,758	48,558,993,758	13,892,004,586	13,892,004,586
Hai Duong Petroleum and Marine Corporation	39,167,246,927	39,167,246,927	48,306,356,226	48,306,356,226
SCI E&C Joint Stock Company	36,958,814,420	36,958,814,420	45,772,580,686	45,772,580,686
Asia Investment and Asset Management JSC (Ashico)	33,010,954,253	33,010,954,253	47,054,507,927	47,054,507,927
Posh Projects Private Limited	32,519,704,620	32,519,704,620	-	-
Ocean Invest Trading – Services Company Limited	31,768,466,195	31,768,466,195	8,824,609,237	8,824,609,237
WE Construction Joint Stock Company	30,156,164,417	30,156,164,417	2,810,927,694	2,810,927,694
CGG Services SA Private Limited	-	-	121,174,418,752	121,174,418,752
Công ty CGG Services (Singapore) Private Limited	-	-	116,648,812,533	116,648,812,533
CGG Marine B.V.	-	-	91,702,873,865	91,702,873,865
Others	1,951,296,591,225	1,951,296,591,225	2,174,024,317,420	2,174,024,317,420
	<u>4,106,657,002,245</u>	<u>4,106,657,002,245</u>	<u>3,031,320,214,558</u>	<u>3,031,320,214,558</u>
Related parties (Note 41(b))	547,731,655,251	547,731,655,251	481,593,285,786	481,593,285,786
	<u>4,654,388,657,496</u>	<u>4,654,388,657,496</u>	<u>3,512,913,500,344</u>	<u>3,512,913,500,344</u>

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Board of Management believed that the Corporation have sufficient finance to be able to fully repay all short-term trade accounts payable when they fall due.

18 ADVANCES FROM CUSTOMERS

(a) Short-term

	2024 VND	2023 VND
Third parties		
Formosa 4 International Investment Company Limited	217,515,938,000	-
Yunnan (HongKong) Logistics Development Limited	16,117,443,493	16,117,443,493
Phu Bia Mining Limited	12,499,818,463	13,304,688,332
Vientiane Hongshi Saythirath Cement Company Limited	6,107,570,056	6,107,570,056
Long Son Petrochemicals Company Limited	4,298,607,750	1,836,613,730
Sea Energy Marine Services LLC	2,580,651,000	10,229,490,000
Elektrownia Wiatrowa Baltica	-	85,738,386,733
Others	75,819,663,163	24,311,956,114
	<u>334,939,691,925</u>	<u>157,646,148,458</u>
Related parties (Note 41(b))	10,659,463,368	94,097,700,797
	<u>345,599,155,293</u>	<u>251,743,849,255</u>

(b) Long-term

	2024 VND	2023 VND
Third parties		
Airports Corporation of Vietnam	459,139,164,935	-
Related parties (Note 41(b))	1,329,049,675,805	839,154,706,766
	<u>1,788,188,840,740</u>	<u>839,154,706,766</u>

19 TAX AND OTHER RECEIVABLES FROM/PAYABLES TO THE STATE

(a) Receivables

	2024 VND	2023 VND
Personal income tax ("PIT") overpaid	1,056,023,960	1,450,906,713
CIT overpaid	319,756,995	219,756,995
Others overpaid	6,100,074	484,299,938
	<u>1,381,881,029</u>	<u>2,154,963,646</u>

(b) Payables

	2024 VND	2023 VND
CIT	279,013,775,189	79,341,778,358
PIT	82,962,496,259	42,856,025,935
VAT	20,315,551,891	6,570,922,007
Others	23,774,744,123	2,581,076,404
	<u>406,066,567,462</u>	<u>131,349,802,704</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

19 TAX AND OTHER RECEIVABLES FROM/PAYABLES TO THE STATE (continued)

Movements of taxes and other receivables from/payables to the State during the year are as follows:

	As at 1.1.2024 VND	Payable during the year VND	Payment during the year VND	As at 31.12.2024 VND
CIT	79,122,021,363	480,772,489,152	(281,200,492,320)	278,694,018,195
PIT	41,405,119,222	342,939,755,426	(302,438,402,350)	81,906,472,298
VAT on domestic goods (*)	6,092,722,143	128,444,074,859	(114,221,245,111)	20,315,551,891
VAT on import goods	-	146,719,479,491	(146,719,479,491)	-
Others	2,574,976,330	219,062,987,343	(197,869,319,624)	23,768,644,049
	<u>129,194,839,058</u>	<u>1,317,938,786,271</u>	<u>(1,042,448,938,896)</u>	<u>404,684,686,433</u>
In which:				
Tax and other receivables from the State	2,154,963,646			1,381,881,029
Tax and other payables to the State	<u>131,349,802,704</u>			<u>406,066,567,462</u>

(*) The VAT payable is offsetted with VAT to be reclaimed as disclosed in Note 12.

20 SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	2024 VND	2023 VND
Cost of EPCI#1 project - Contract for "Provision of engineering, procurement, construction and installation for the central production platform, living quarter platform and flare tower" - Block B gas project	1,665,582,930,796	23,850,106,277
Cost of Lac Da Vang Central Processing Platform - A project	584,231,795,649	-
Cost of Fengmiao Offshore Windfarm project	477,198,708,859	67,977,437,198
Cost of Block B Gas pipeline project - Contract for "Provision engineering, procurement, construction, installation of the onshore pipeline, stations, and commissioning" with SWPOC	402,700,243,677	-
Cost of Baltica 2 project	357,021,384,930	7,522,448,960
Cost of CHW2204 project	267,682,070,068	742,849,073,304
Cost of Gallaf project - Phase 3	107,276,482,929	238,038,698,968
Cost of Lac Da Vang pipeline project	102,695,784,736	-
Cost of Southern Petrochemical complex project	41,307,060,246	80,727,575,652
Cost of Hai Long OSS project	73,452,125,076	33,049,292,810
Cost of Formosa 4 project	69,622,131,538	-
Cost of Benchamas project	62,812,550,023	-
Cost of yard rental at Nghi Son	55,000,000,000	50,000,000,000
Cost of Thi Vai LPG tank project	47,184,345,887	105,921,430,351
Cost of Dung Quat Berth No. 3 project	47,044,354,054	-
Cost of construction of Petroleum Marine Service Base in Sao Mai – Ben Dinh	37,887,372,956	-
Cost of construction warehouse 85 project belongs to warehouse 182, Dung Quat Oil Refinery Plan, General Department of Logistics	37,121,154,016	-
Cost of building rental at Petro Hotel	30,147,000,000	20,098,000,232
Cost of Dung Quat Bio Ethanol project	27,726,930,636	27,726,930,636
Cost of supply technology service vessels	25,126,967,737	30,368,974,217
Operating costs of FPSO Ruby II, FPSO Lam Son and FSO Bien Dong 01, FSO Golden Star, FPSO Lewek Emas floating storage	25,085,621,147	26,181,404,997
Cost of providing underground cable for Dai Hung 3 project	5,530,280,350	29,274,867,889
Cost of LNG Thi Vai warehouse EPC project	3,174,587,284	44,595,878,602
Cost of Sao Vang Dai Nguyet pipeline project	1,198,455,139	69,626,601,027
Cost of geological survey and subsea services	720,491,880	21,223,923,444
Cost of temporary workshop for renewable project	-	40,804,102,668
Others	119,809,108,802	117,195,748,969
	<u>4,674,139,938,415</u>	<u>1,777,032,496,201</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

21 UNEARNED REVENUE

(a) Short-term

	2024 VND	2023 VND
Lac Da Vang pipeline project	89,902,865,695	-
Turret mooring system manufacturing project, FSO LDV	56,700,000,000	-
Infrastructure leasing services at Sao Mai Ben Dinh (i)	6,862,199,784	5,203,799,784
Office leasing (ii)	2,872,311,111	2,752,200,000
Others	9,085,759,163	2,280,505,000
	<u>165,423,135,753</u>	<u>10,236,504,784</u>

(b) Long-term

	2024 VND	2023 VND
Infrastructure leasing services at Sao Mai Ben Dinh (i)	170,256,764,360	175,460,564,144
Office leasing (ii)	7,519,800,000	8,671,800,000
	<u>177,776,564,360</u>	<u>184,132,364,144</u>

In which:

- (i) Unearned revenue for leasing of infrastructure Sao Mai - Ben Dinh represents the advanced amount received for leasing the infrastructure and land at Infrastructure Project - 39.8 square hectare and Infrastructure Project – 23 square hectare of Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Marine Services Base in Vung Tau City. This unearned revenue is allocated into the consolidated financial statements with under the straight-line method over the rental period of 48 years and 49 years, respectively.
- (ii) Office leasing represents the amount of the advance payment for office leasing at Petro Hotel Company Limited which would be allocated to the Corporation's results of operation for the leasing period ranging from 10 to 15 years.

22 OTHER PAYABLES

(a) Short-term

	2024 VND	2023 VND
Shipbuilding Industry Corporation (i)	465,693,332,968	443,615,652,308
Salary payables	7,264,730,339	144,968,759,384
Deposit	69,942,796,132	540,782,430
Dividend payables (ii)	19,080,433,304	15,837,417,694
Compulsory insurance	10,681,799,978	4,540,046,728
Others	79,625,031,236	40,719,338,217
	<u>652,288,123,957</u>	<u>650,221,996,761</u>

(i) Payable to Shipbuilding Industry Corporation represents the last payment for the project of building FSO5, in which, the Corporation is the project's investor and Shipbuilding Industry Corporation is the constructor. As at the date of the consolidated financial statements, both parties are carrying out the procedures to finalize the contract for payment of this amount.

(ii) The dividend payable to shareholders is the dividend of previous years that the shareholders have not deposited and have not carried out the procedures to receive.

Details of other short-term other payables by type of vendors are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Third parties	575,323,113,657	634,602,364,264
Related parties (Note 41(b))	76,965,010,300	15,619,632,497
	<u>652,288,123,957</u>	<u>650,221,996,761</u>

(b) Long-term

	2024 VND	2023 VND
Other payables	180,851,485	159,396,385
Related parties (Note 41(b))	-	69,473,052,000
	<u>180,851,485</u>	<u>69,632,448,385</u>

23 BORROWINGS

(a) Short-term

Details of short-term borrowings of the Corporation during the year are as follows:

	As at 1.1.2024 VND	Drawdown during the year VND	Current portion of long-term borrowings VND	Repaid during the year VND	Revaluation VND	Decrease (Note 28) VND	As at 31.12.2024 VND
Short-term bank loans (*)	389,917,003,702	1,692,883,859,334	-	(1,376,390,907,310)	-	-	706,409,955,726
Current portion of long-term bank loans (Note 23(b))	128,626,172,299	-	211,389,138,825	(177,211,127,882)	-	-	162,804,183,242
Borrowings from third party (**)	657,549,303,622	-	-	-	30,454,064,799	(688,003,368,421)	-
	<u>1,176,092,479,623</u>	<u>1,692,883,859,334</u>	<u>211,389,138,825</u>	<u>(1,553,602,035,192)</u>	<u>30,454,064,799</u>	<u>(688,003,368,421)</u>	<u>869,214,138,968</u>

(*) Short-term borrowings represent 2 credit facilities from Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank and Vietnam International Bank with interest rates for each drawdown.

The purpose of the Corporation's short-term loans is mainly to supplement working capital.

The long-term loans have been reclassified by the Corporation as short-term loans due for repayment within one year from the date of the separate financial statements.

(**) This is borrowing in USD of PTSC CGGV from CGG Holding B.V. (formerly known as, "CGG Veritas Services Holding BV") represents the difference between the capital amount that CGG Holding B.V. should have been contributed to PTSC CGGV, corresponding to 49% of PTSC CGGV's charter capital, and the value of CGG Holding B.V.'s contributed assets to PTSC CGGV at the time of establishment in 2012, the term is 60 months. This borrowing is free of interest, arrangement fee, commissions, or any other related fees. On October 25, 2024, CGG Holding B.V, the Corporation, and PTSC CGGV Geophysical Survey Company Limited signed a Release and Indemnity Agreement. According to the agreement, CGG Holding B.V completely released PTSC CGGV Geophysical Survey Company Limited from debts and obligations related to the remaining loan under the loan contract and fully released the Corporation from all guarantor responsibilities under the Guarantee Letter issued in relation to this loan. As of the date of the financial statements, the Corporation no longer has any obligations to pay for the guarantee responsibility concerning the loan of PTSC CGGV Geophysical Survey Company Limited.

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

23 BORROWINGS (continued)

(b) Long-term

	As at 1.1.2024 VND	Drawdown during the year VND	Current portion of long-term borrowings VND	Repaid during the during VND	Revaluation VND	As at 31.12.2024 VND
Bank loans (*)	563,921,256,799	437,577,356,244	(211,389,138,825)	-	-	790,109,474,218

(*) Long-term borrowings represent 13 credit facilities from commercial banks in Vietnam, in which:

- Credit facility 1 is in VND with the credit limit of VND65 billion and will be matured in 120 months since 2017;
- Credit facility 2 is in VND with the credit limit of VND675 billion and will be matured in 120 months since 2018;
- Credit facility 3 is in VND with the credit limit of VND692 billion and will be matured in 96 months since 2021;
- Credit facility 4 is in VND with the credit limit of VND19 billion and will be matured in 84 months since 2022;
- Credit facility 5 is in VND with the credit limit of VND90 billion and will be matured in 84 months since 2022;
- Credit facility 6 is in VND with the credit limit of VND56 billion and will be matured in 60 months since 2023;
- Credit facility 7 is in VND with the credit limit of VND2 billion and will be matured in 60 months since 2024;
- Credit facility 8 is in VND with the credit limit of VND9 billion and will be matured in 60 months since 2024;
- Credit facility 9 is in VND with the credit limit of VND9 billion and will be matured in 60 months since 2024;
- Credit facility 10 is in VND with the credit limit of VND14 billion and will be matured in 60 months since 2024;

23 BORROWINGS (continued)

(b) Long-term

- Credit facility 11 is in VND with the credit limit of VN14 billion and will be matured in 84 months since 2024;
- Credit facility 12 is in VND with the credit limit of VND192 billion and will be matured in 84 months since 2024; and
- Credit facility 13 is in VND with the credit limit of VND200 billion and will be matured in 84 months since 2024.

The interest of long-term borrowings in VND ranged from 6% to 9.1% per annum for the year ended 31 December 2024 (year 2023: from 7.43% to 11.5% per annum).

The Corporation used assets formed these long-term borrowings as its mortgaged assets (Note 13).

The purpose of the long-term borrowings is to invest in long-term assets such as supply bases, service vessels, specialized equipment used in petroleum technical services.

The repayment schedule of borrowings is as follows:

	2024 VND	2023 VND
Within one year	869,214,138,968	1,176,092,479,623
In the second year	180,832,659,565	128,626,172,297
In the third to fifth year	488,711,856,319	372,047,900,736
After five years	120,564,958,334	63,247,183,766
	<u>1,659,323,613,186</u>	<u>1,740,013,736,422</u>

24 PROVISION FOR LIABILITIES

(a) Short-term

	2024 VND	2023 VND
Provision for land rental payables (*)	251,599,939,595	-
Provision of periodic overhaul of service vessels (i)	83,575,000,000	37,500,000,000
Provision of operation and maintenance of FPSO Lam Son	9,614,220,000	-
Warranty provision Gallaf project - Phase 1 (ii):	-	6,305,096,520
Others	8,480,975,400	1,371,102,047
	<u>353,270,134,995</u>	<u>45,176,198,567</u>

(*) This is the estimated provision for land rental related to Sao Mai - Ben Dinh petroleum marine services base as stated in Note 45.

24 PROVISION FOR LIABILITIES (continued)

(b) Long-term

	2024 VND	2023 VND
Warranty provision for construction contracts (ii):		
Sao Vang Dai Nguyet project	683,745,276,400	768,792,369,661
Gallaf project - Phase 3	556,380,304,104	187,525,203,540
EPCI#1 project - Contract for "Provision of engineering, procurement, construction and installation for the central production platform, living quarter platform and flare tower" - Block B gas project	128,477,991,151	-
Block B Gas pipeline project - Contract for "Provision engineering, procurement, construction, installation of the onshore pipeline, stations, and commissioning" with SWPOC	76,709,559,967	-
LNG Thi Vai warehouse EPC project	56,930,443,865	56,930,443,865
Lac Da Vang Central Processing Platform - A project	36,018,710,855	-
DBN PWM project	38,015,194,146	36,808,256,111
Southern Petrochemical complex project	28,823,454,040	83,929,010,732
Hai Long OSS project	27,389,590,789	21,137,116,411
CHW2204 project	26,451,300,616	-
Baltica 2 project	22,190,654,727	-
Fengmiao Offshore Windfarm project	21,311,420,673	-
Thi Vai LPG tank project	20,718,525,477	-
SHWE Phase 3 Jacket project	20,237,529,098	19,209,645,146
Lac Da Vang pipeline project	5,941,932,447	-
Gallaf project - Phase 1	-	245,081,072,773
Other projects	4,228,106,398	1,456,178,993
Provision of period overhaul of service vessels and barges (i)	145,866,605,606	33,982,898,645
	<u>1,899,436,600,359</u>	<u>1,454,852,195,877</u>

(i) Provisions for periodic overhaul of service vessels and barges represents the provision made annually based on the approved budget cost until the year when the overhaul is expected to occur. In the year when the overhaul occurs, if the actual overhaul cost is greater than the approved budget cost or vice versa, the difference is recorded in the consolidated income statement of respective accounting period.

(ii) Warranty provision for construction contracts is made for warranty obligations according to the terms and conditions of EPC service contracts with customers, at 1% - 5% of the contract value.

25 BONUS AND WELFARE FUND

	2024 VND	2023 VND
Beginning of year	623,230,582,716	606,277,884,458
Appropriation from undistributed earnings (Note 28)	371,624,399,593	314,028,638,878
Utilisation	(288,117,479,439)	(297,075,940,620)
End of year	<u>706,737,502,870</u>	<u>623,230,582,716</u>

26 FUND FOR SCIENTIFIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT

	2024 VND	2023 VND
Beginning of year	4,782,160,279	5,560,621,840
Appropriation	887,400,000	2,065,400,000
Fund utilisation	(3,823,264,080)	(2,843,861,561)
End of year	<u>1,846,296,199</u>	<u>4,782,160,279</u>

27 OWNERS' CAPITAL

(a) Number of shares

	<u>2024</u>	<u>2023</u>
	Ordinary shares	Ordinary shares
Number of shares registered	<u>477,966,290</u>	<u>477,966,290</u>
Number of shares issued	<u>477,966,290</u>	<u>477,966,290</u>
Number of existing shares in circulation	<u>477,966,290</u>	<u>477,966,290</u>

(b) Details of owners' shareholding

	<u>2024</u>		<u>2023</u>	
	Ordinary shares	%	Ordinary shares	%
Vietnam Oil and Gas Group	245,585,000	51.38	245,585,000	51.38
Other shareholders	<u>232,401,290</u>	<u>48.62</u>	<u>232,401,290</u>	<u>48.62</u>
Number of shares	<u>477,966,290</u>	<u>100</u>	<u>477,966,290</u>	<u>100</u>

(c) Movement of share capital

	Number of shares	Ordinary shares VND	Total VND
As at 1 January 2023	<u>477,966,290</u>	<u>4,779,662,900,000</u>	<u>4,779,662,900,000</u>
As at 31 December 2023	<u>477,966,290</u>	<u>4,779,662,900,000</u>	<u>4,779,662,900,000</u>
As at 31 December 2024	<u>477,966,290</u>	<u>4,779,662,900,000</u>	<u>4,779,662,900,000</u>

The par value of each share is VND10,000. The Corporation does not have any preference shares.

28 MOVEMENTS IN OWNERS' EQUITY

	Owners' capital VND	Share premium VND	Investment and development fund VND	Owners' other capital VND	Foreign exchange differences VND	Post-tax undistributed earnings VND	Total VND	Non-controlling interests VND	Total owners' capital VND
As at 1 January 2023	4,779,662,900,000	39,617,060,000	3,214,094,269,215	-	394,170,781,659	3,896,782,758,228	12,324,327,769,102	730,473,480,554	13,054,801,249,656
Net profit for the year	-	-	-	-	-	1,026,460,821,400	1,026,460,821,400	33,546,704,741	1,060,007,526,141
Dividends paid	-	-	-	-	-	(334,576,403,000)	(334,576,403,000)	(43,387,750,000)	(377,964,153,000)
Appropriation to bonus and welfare fund	-	-	-	-	-	(303,333,141,383)	(303,333,141,383)	(10,695,497,498)	(314,028,638,878)
Appropriation to investment and development fund	-	-	237,063,573,610	-	-	(237,063,573,610)	-	-	-
Foreign exchange difference due to translation of financial statements	-	-	-	-	121,406,931,322	-	121,406,931,322	-	121,406,931,322
As at 31 December 2023	4,779,662,900,000	39,617,060,000	3,451,157,842,825	-	515,577,712,981	4,048,270,461,638	12,834,285,977,444	709,936,937,797	13,544,222,915,241
Net profit for the year	-	-	-	-	-	1,069,773,701,196	1,069,773,701,196	184,880,568,686	1,254,654,270,882
Dividends paid (*)	-	-	-	-	-	(334,576,403,000)	(334,576,403,000)	(44,958,620,000)	(379,535,023,000)
Appropriation to bonus and welfare fund (Note 25) (**)	-	-	-	-	-	(356,871,152,614)	(356,871,152,614)	(14,753,248,979)	(371,624,399,593)
Appropriation to investment and development fund (**)	-	-	344,839,276,133	-	-	(344,839,276,133)	-	-	-
Foreign exchange difference due to translation of financial statements	-	-	-	-	6,068,450,801	-	6,068,450,801	-	6,068,450,801
Others (**)	-	-	-	349,934,690,410	-	-	349,934,690,410	335,806,837,653	685,741,528,063
As at 31 December 2024	4,779,662,900,000	39,617,060,000	3,795,997,118,958	349,934,690,410	521,646,163,782	4,081,757,331,087	13,568,615,264,237	1,170,912,476,157	14,739,527,742,394

(*) The distribution of dividends and the establishment of reserves for the Parent Company and its subsidiaries are carried out in accordance with Resolution No. 377/NQ-PTSC-BHDCĐ dated June 17, 2024, of the Parent Company's General Meeting of Shareholders, as well as the resolutions of the General Meetings of Shareholders of the subsidiaries.

(**) Pursuant to the Minutes of the Agreement about terminating the loan contract dated 25 October 2024, CGG Holding B.V. – one owner of PTSC CGGV Geophysical Survey Company Limited (“CGGV”) agreed to waive and release CGGV's liability for the unpaid loan amount related to the loan agreement dated 9 January 2012.

Pursuant to Resolution of the Board of Members No. 08/NQ-PTSC CGGV dated 26 February 2025, the Board of Members of CGGV has approved the recording of this exempted loan as other capital of the owner. Accordingly, the ownership ratio of the owners in CGGV and the charter capital of CGGV are not changed.

29 NON-CONTROLLING INTEREST

Details of non-controlling interest are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Share capital	1,523,361,857,420	1,523,361,857,420
Investment and development funds	150,710,607,292	143,981,609,132
Accumulated losses	(503,159,986,555)	(957,406,528,755)
	<u>1,170,912,478,157</u>	<u>709,936,937,797</u>

Movement of non-controlling interest was as follows:

	2024 VND	2023 VND
Beginning of year	709,936,937,797	730,473,480,554
Net profit attributed to non-controlling interests (Note 28)	184,880,569,686	33,546,704,741
Dividends paid (Note 28)	(44,958,620,000)	(43,387,750,000)
Appropriation to bonus and welfare fund (Note 28)	(14,753,246,979)	(10,695,497,498)
Others	335,806,837,653	-
Ending of year	<u>1,170,912,478,157</u>	<u>709,936,937,797</u>

30 BASIC DILUTED EARNINGS PER SHARE

(a) Basic earnings per share

Basic earnings per share is calculated by dividing the net profit attributable to shareholders after deducting the bonus and welfare fund by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, excluding ordinary shares repurchased by the parent Company and held as treasury shares. The details were as follows:

30 BASIC DILUTED EARNINGS PER SHARE (continued)

(a) Basic earnings per share (continued)

	<u>For the year ended</u>	
	31.12.2024	31.12.2023
Net profit attributable to shareholders (VND)	1,069,773,701,196	1,026,460,821,400
Less amount allocated to bonus and welfare funds (VND) (*)	(150,814,733,920)	(368,340,201,415)
	<u>918,958,967,276</u>	<u>658,120,619,985</u>
Weighted average number of ordinary shares in issue (shares)	477,966,290	477,966,290
Basic earnings per share (VND)	<u>1,923</u>	<u>1,377</u>

(*) Estimated amounts appropriated to bonus and welfare funds for the year ended 31 December 2024 are determined based on the plan for 2024 profit distribution of the Corporation approved by shareholders at the Shareholders Annual General Meeting for the year 2024.

(**) Earning per share for the year ended 31 December 2024 was recalculated according to the actual appropriation of bonus and welfare funds of the Corporation in 2023 approved by the shareholders according to the Annual General Meeting of Shareholders in 2024 as below:

	<u>For the year ended 31.12.2023</u>		
	As previously reported	Adjustments	As restated
Net profit attributable to shareholders (VND)	1,026,460,821,400	-	1,026,460,821,400
Less amount allocated to bonus and welfare funds (VND)	(271,593,861,012)	(96,746,340,403)	(368,340,201,415)
	<u>754,866,960,388</u>		<u>658,120,619,985</u>
Weighted average number of ordinary shares in issue (shares)	477,966,290		477,966,290
Basic earnings per share (VND)	<u>1,579</u>		<u>1,377</u>

30 EARNINGS PER SHARE (continued)

(b) Diluted earnings per share

Diluted earnings per share is calculated by dividing the net profit attributable to shareholders, which already subtracted the bonus and welfare fund, by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year and the ordinary shares expected to be issued. The parent Company did not have any ordinary shares potentially diluted during the year and up to the date of this consolidated financial statements. So diluted earnings per share is equal to basic earnings per share.

31 OFF CONSOLIDATED BALANCE SHEET ITEMS

(a) Goods held for third parties

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, The Corporation is holding goods for project implementation, included:

Type of inventories	Condition	Unit	2024	2023
Primary steel	Usable	ton	<u>57,624</u>	<u>48,719</u>

(b) Foreign currencies

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, included in cash and cash equivalents are balances held in following foreign currencies:

	2024	2023
United States Dollar ("USD")	230,418,163	120,228,052
Euro ("EUR")	19,604,861	5,135,051
Pound sterling ("GBP")	244,688	244,695
Russian rouble ("RUB")	<u>1,530,167</u>	<u>1,530,827</u>

(c) Operating lease assets

The future minimum lease receipts/payable under non-cancellable operating leases were presented in Note 43(a).

(d) Capital commitments

Contracted capital expenditure commitments were presented in Note 43(b).

32 NET REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	2024	2023
	VND	VND
Revenue		
Revenue from sales of finished goods	135,968,817,177	283,473,678,849
Revenue from rendering of services	9,854,980,245,281	8,028,890,546,314
Revenue from construction contracts (*)	13,781,407,280,574	11,066,286,366,556
	<u>23,772,356,343,032</u>	<u>19,378,650,591,719</u>
Sales deductions		
Trade discounts	(2,470,199,989)	(5,088,227,958)
	<u>(2,470,199,989)</u>	<u>(5,088,227,958)</u>
Net revenue from sales of goods and rendering of services		
Net revenue from sales of finished goods	135,968,817,177	283,473,678,849
Net revenue from rendering of services	9,852,510,045,292	8,023,802,318,356
Net revenue from construction contracts (*)	13,781,407,280,574	11,066,286,366,556
	<u>23,769,886,143,043</u>	<u>19,373,562,363,761</u>
(*) In which:		
Accumulated revenue from completed construction contracts during the year	6,475,887,194,482	8,942,551,149,655
Accumulated revenue from in progress construction contracts during the year	57,976,173,694,128	46,549,787,265,784
	<u>57,976,173,694,128</u>	<u>46,549,787,265,784</u>

33 COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	2024	2023
	VND	VND
Cost of merchandises sold	127,540,187,696	255,270,891,310
Cost of services rendered	8,956,866,179,214	7,210,866,213,651
Cost of construction contracts	13,620,376,586,989	10,868,396,929,560
	<u>22,704,782,953,899</u>	<u>18,334,534,034,521</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

34 FINANCIAL INCOME

	2024 VND	2023 VND
Foreign exchange gains	326,503,571,150	325,848,564,835
Interest income	242,314,451,317	463,869,340,167
Other	22,193	214,200
	<u>568,818,044,660</u>	<u>789,718,119,202</u>

35 FINANCIAL EXPENSES

	2024 VND	2023 VND
Foreign exchange losses	153,459,179,049	155,402,363,251
Interest expense	64,045,546,620	73,036,083,814
Reversal of provisions (Note 4(b))	(29,360,848)	(12,950,479,996)
Others	-	865,953,561
	<u>217,475,364,821</u>	<u>216,353,920,630</u>

36 SELLING EXPENSES

	2024 VND	2023 VND
Advertising and marketing	63,041,345,018	55,803,196,305
Staff costs	5,710,287,281	5,937,819,412
Others	26,452,062,692	23,864,242,081
	<u>95,203,694,991</u>	<u>85,405,257,798</u>

37 GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	2024 VND	2023 VND
Staff costs	562,839,918,341	481,294,176,385
Outside services	322,050,274,301	294,609,556,732
Depreciation and amortisation	40,449,792,718	30,480,478,807
Provision/(reversal) of provision	102,947,822,337	(13,822,592,172)
Others	206,888,747,775	174,296,468,563
	<u>1,235,176,555,472</u>	<u>966,858,088,315</u>

38 NET OTHER INCOME AND OTHER EXPENSES

	2024 VND	2023 VND
Other income		
Debts reduction	311,086,121,157	-
Reversals of warranty provision for construction contracts (*)	259,062,367,887	116,065,961,428
Income from contracts' breach	56,543,268,925	15,648,643,019
Reimbursement receivable for Lam Son FPSO bareboat chartered contract	-	1,439,185,914,126
Net gain from disposals of fixed assets	4,279,384,821	4,799,930,050
Others	15,876,904,862	3,055,621,439
	<u>646,848,047,652</u>	<u>1,578,756,070,062</u>
Other expenses		
Penalties	(31,645,341,337)	(18,195,452,722)
Reimbursement payable for Lam Son FPSO leased contract	-	(1,459,472,946,083)
Others	(12,242,367,151)	(35,039,293,322)
	<u>(43,887,708,488)</u>	<u>(1,512,707,692,127)</u>
Net other income	<u>602,960,339,164</u>	<u>66,048,377,935</u>

(*) The reversals of warranty provision for construction contracts represents reversal of the balance of warranty provision after the Corporation has fulfilled all warranty obligations under the scope of work and warranty period in accordance with terms on those construction contracts and confirmed by the investors.

39 CORPORATE INCOME TAX (“CIT”)

The CIT on the Corporation’s accounting profit before tax differs from the theoretical amount that would arise by using the applicable tax rate of 20% under the current regulations as follows:

	2024	2023
	VND	VND
Accounting profit before tax	1,553,306,289,379	1,277,307,632,960
Increase adjustments (*)	2,266,774,933,216	734,825,597,964
Decrease adjustments (**)	(1,153,744,676,819)	(581,438,821,067)
Loss transferred	(284,650,718,014)	(256,489,360,916)
	<hr/>	<hr/>
Total taxable income	2,381,685,827,762	1,174,205,048,941
In which:		
Taxable income	2,516,397,579,524	1,202,037,264,630
Taxable losses	(134,711,751,762)	(27,832,215,689)
	<hr/>	<hr/>
CIT at tax rate of 20%	503,279,515,906	240,407,452,926
CIT incentive	(4,025,010,454)	(7,634,736,121)
Over provision	1,161,572,730	257,568,930
CIT paid oversea	(19,643,589,030)	(14,024,373,062)
	<hr/>	<hr/>
CIT current charge (***)	480,772,489,152	219,005,912,673
	<hr/>	<hr/>

(*) Increase adjustments mainly comprised dividends, profit distributed to the parent Company from joint ventures, deductible temporary differences from accrued expenses and provisions for liabilities.

(**) Decrease adjustment mainly comprised dividends, profit distributed to the parent Company from subsidiaries.

(***) The CIT current charge for the year is based on estimated taxable profit and is subject to review and possible adjustments by the tax authorities.

40 COST OF OPERATION BY FACTOR

Costs of operation by factor represent all costs incurred during the year from the business operating of the Corporation, excluding cost of merchandise for trading activities. Details are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Raw materials	5,786,570,315,184	3,527,686,364,011
Staff costs	3,863,284,796,251	3,030,809,817,838
Depreciation and amortisation expenses	601,477,056,243	493,006,130,650
Related cost of construction contracts	8,646,091,440,443	6,964,242,198,634
Outside service expenses	3,423,948,918,799	4,283,454,411,933
Others	1,713,790,677,442	1,087,598,457,568
	<u>24,035,163,204,362</u>	<u>19,386,797,380,634</u>

41 RELATED PARTY DISCLOSURES

The largest shareholder of the Corporation is PVN which owns 51.38% of the Corporation's share capital (Note 27).

Accordingly, PVN, fellow PVN group subsidiaries, subsidiaries, associates and joint ventures of the Corporation are considered the Corporation's related parties. Apart from subsidiaries, associates and joint ventures disclosed in Note 1 and 4, during the year, the Corporation has balances and transactions with below parties:

Name	Relationship
Vietnam Oil and Gas Group	Owner of parent Company
PetroVietnam Exploration Production Corporation	Company in PVN Group
PetroVietnam Drilling and Well Services Corporation	Company in PVN Group
PetroVietnam Transportation Corporation	Company in PVN Group
PetroVietnam Construction Joint Stock Company	Company in PVN Group
PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation	Company in PVN Group
Vietnam - Russia Joint Venture Vietsovpetro	Company in PVN Group
PetroVietnam Oil Corporation	Company in PVN Group
PetroVietnam Power Corporation	Company in PVN Group
Binh Son Oil Refinery Company Limited	Company in PVN Group
PetroVietnam Drilling Fluid and Chemical Corporation	Company in PVN Group
PVI Insurance Corporation	Company in PVN Group
Petroleum Design Consulting Corporation	Company in PVN Group
PetroVietnam Maintenance - Repair Corporation	Company in PVN Group
Nghi Son Refining and Petrochemical Company Limited	Company in PVN Group
Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project Management Board	Company in PVN Group
Bien Dong Petroleum Operating Company	Company in PVN Group
Long Phu 1 Power Plant Project Management Board	Company in PVN Group

41 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

Name	Relationship
PetroVietnam Overseas Exploration Production Operating Company Limited	Company in PVN Group
PTSC Ca Rong Do limited	Company in PVN Group
PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company	Company in PVN Group
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited	Company in PVN Group
PetroVietnam Gas Corporation	Company in PVN Group
Phu Quoc Petroleum Operating Company	Company in PVN Group
Vietnam Oil and Gas Group - Blocks 01/97 & 02/97	Company in PVN Group
PetroVietnam Southwest Pipeline Operating Company	Company in PVN Group
Vietnam Oil and Gas Group - Blocks 01 & 02	Company in PVN Group

(a) Related party transactions

The primary transactions with related parties incurred in the year are:

	2024 VND	2023 VND
i) Sales of goods and services		
Phu Quoc Petroleum Operating Company	4,033,601,912,520	28,403,533,980
Binh Son Refining and Petrochemical JSC	999,801,553,818	404,089,346,148
Vietnam Oil and Gas Group - Blocks 01/97 & 02/97	814,969,087,379	-
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	812,772,549,508	1,167,392,650,758
Bien Dong Petroleum Operating Company	718,572,399,258	575,582,779,765
Nghi Son Refining and Petrochemical Company Limited	572,854,899,939	608,781,796,657
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	368,345,240,000	293,714,010,055
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	293,778,912,052	313,738,422,478
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited	262,576,251,643	1,011,299,918,939
Vietnam Oil and Gas Group - Blocks 01 & 02	184,292,226,239	-
PetroVietnam Southwest Pipeline Operating Company	100,036,566,607	-
PetroVietnam Drilling and Well Services Corporation	82,367,958,202	66,275,333,537
Vietnam - Russia Joint Venture Vietsovpetro	57,874,249,529	21,024,472,030
PetroVietnam Oil Corporation	40,648,923,402	41,802,277,318
PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation	30,689,343,694	31,359,123,126
PTSC Ca Rong Do Ltd	-	50,599,999,978
Others	113,740,537,625	159,617,525,898
	<u>9,486,922,611,415</u>	<u>4,773,681,190,667</u>

41 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related party transactions (continued)

	2024 VND	2023 VND
(i) Purchases of goods and services		
PTSC Asia Pacific Private Limited	457,567,688,000	539,159,349,211
PTSC South East Asia Private Limited	376,610,216,750	282,481,914,350
PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company	323,436,488,873	416,004,742,502
Petro Vietnam Construction Joint Stock Corporation	310,398,173,526	172,515,401,967
PetroVietnam Oil Corporation	226,304,039,633	163,914,905,177
PVI Insurance Corporation	125,751,456,238	119,745,384,704
PetroVietnam Drilling and Well Services Corporation	48,582,473,905	71,769,485,529
PetroVietnam Steel Pipe Joint Stock Company	41,321,065,933	237,983,445,082
Others	98,891,145,610	85,243,290,937
	<u>2,008,862,748,468</u>	<u>2,088,817,919,459</u>
(ii) Compensation of key management		
Gross salaries and other benefits	<u>58,758,619,200</u>	<u>46,375,774,800</u>
In which:		
Mr. Phan Thanh Tung - Chairman of BOD	4,889,899,000	4,151,577,000
Mr. Le Manh Cuong - Member of BOD	4,941,341,000	4,120,638,000
Mr. Tran Ho Bac - Chief Executive Officer	4,536,616,000	-
Mr. Nguyen Xuan Ngoc - Member of BOD	4,071,157,000	3,169,933,000
Mr. Tran Ngoc Chuong - Member of BOD	3,827,459,000	2,933,107,000
Mr. Do Quoc Hoan - Member of BOD	3,639,216,000	3,332,537,000
Mr. Hoang Xuan Quoc - Member of BOD	630,000,000	-
Mr. Doan Minh Man - Member of BOD	530,000,000	-
Others	<u>31,692,931,200</u>	<u>28,667,982,800</u>
(iv) Dividend paid		
Vietnam Oil and Gas Group	<u>171,905,355,861</u>	<u>171,905,355,861</u>

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

41 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(a) Related party transactions (continued)

	2024 VND	2023 VND
v) Other transactions (*)		
PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company	154,081,151,000	-
Petroleum Metal Structure and Machinery Installation Joint Stock Company	89,129,182,453	-
	<u>243,210,333,453</u>	<u>-</u>

(*) This refers to the land rental recharge to PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company and Petroleum Metal Structure and Machinery Installation Joint Stock Company, which occurs when the Corporation incurs obligations related to land rental arise, as stated in Notes 8 and 45.

(b) Year end balances with related parties

	2024 VND	2023 VND
i) Short-term trade accounts receivable (Note 5)		
Phu Quoc Petroleum Operating Company	1,326,966,647,249	35,341,920,000
Nghi Son Refining and Petrochemical Company Limited	213,243,393,319	133,281,858,350
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	176,713,750,416	246,109,537,585
Vietnam Oil and Gas Group - Blocks 01/97 & 02/97	141,579,615,116	-
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited	102,047,972,255	208,119,814,551
Bien Dong Petroleum Operating Company	91,147,181,368	87,912,322,840
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	94,153,289,060	80,783,250,733
Management Board of Long Phu 1 Power Plant Project	87,608,083,656	161,483,574,380
Binh Son Refining and Petrochemical JSC	81,804,042,223	5,676,200,150
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	80,520,087,542	139,273,415,504
Vietnam - Russia Joint Venture Vietsovpetro	60,797,879,535	7,764,414,519
Management Board of Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project	37,203,110,659	37,203,110,659
Vietnam Oil and Gas Group - Blocks 01 & 02	36,597,568,918	-
PetroVietnam Drilling and Well Services Corporation	24,677,429,478	20,077,945,885
PetroVietnam Oil Corporation	19,845,268,428	4,359,414,370
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited	4,807,204,628	59,680,270,655
PetroVietnam Chemical and Services Corporation	1,395,193,638	28,216,724,162
Others	48,331,069,752	39,951,455,978
	<u>2,629,438,787,240</u>	<u>1,295,235,230,321</u>

41 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(b) Year end balances with related parties

	2024 VND	2023 VND
ii) Prepayments to suppliers (Note 6)		
PetroVietnam Steel Pipe Joint Stock Company	89,879,722,719	5,711,870,016
Petroleum Metal Structure and Machinery Installation Joint Stock Company	-	25,782,432,185
Others	1,976,983,995	2,263,805,422
	<u>91,856,706,714</u>	<u>33,758,107,623</u>
iii) Other short-term receivables (Note 8(a))		
PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company	183,642,087,755	1,094,384,801
Petroleum Metal Structure and Machinery Installation Joint Stock Company	103,121,804,785	464,078,985
Nghi Son Refining and Petrochemical Company Limited	40,735,524,280	43,407,857,358
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	28,053,017,797	963,200,000
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	26,580,678,527	14,615,893,392
PetroVietnam Oil Corporation	11,144,330,921	229,595,836
Vietnam Oil and Gas Group	10,632,042,898	10,632,042,898
Others	16,991,645,534	20,439,719,395
	<u>420,901,132,497</u>	<u>91,846,772,665</u>
iv) Short-term trade accounts payable (Note 17)		
PTSC Asia Pacific Private Limited	193,901,428,800	111,433,344,000
PTSC South East Asia Private Limited	95,967,000,900	91,719,078,000
Petroleum Metal Structure and Machinery Installation Joint Stock Company	86,216,244,891	1,139,905,494
PetroVietnam Marine Shipyard Joint Stock Company	47,075,044,733	69,995,801,322
PetroVietnam Drilling and Well Services Corporation	29,713,580,656	46,395,971,378
PetroVietnam Steel Pipe Joint Stock Company	26,146,688,352	76,848,549,871
PetroVietnam Oil Corporation	25,691,532,438	19,419,837,506
PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation	17,991,816,573	20,131,034,593
Nghi Son Refining and Petrochemical Company Limited	8,711,553,693	14,834,843,567
Others	36,318,764,215	29,674,920,055
	<u>547,731,655,251</u>	<u>481,593,285,786</u>

41 RELATED PARTY DISCLOSURES (continued)

(b) Year end balances with related parties

	2024 VND	2023 VND
v) Short-term advances from customers (Note 18(a))		
PetroVietnam Oil Corporation	5,396,352,061	12,460,724,934
Binh Son Refining and Petrochemical JSC	-	77,261,034,927
Others	5,263,111,307	4,375,940,936
	<u>10,659,463,368</u>	<u>94,097,700,797</u>
vi) Long-term advances from customers (Note 18(b))		
Management Board of Long Phu 1 Power Plant Project	705,122,210,556	781,044,054,435
PetroVietnam Southwest Pipeline Operating Company	623,927,465,249	-
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	-	58,110,652,331
	<u>1,329,049,675,805</u>	<u>839,154,706,766</u>
vii) Other short-term payables (Note 22(a))		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	69,473,052,000	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	2,692,225,602	2,692,225,602
Petro Vietnam Construction Joint Stock Corporation	1,669,212,234	1,669,212,234
Nghi Son Refining and Petrochemical Company Limited	-	10,205,925,078
Others	3,130,520,464	1,052,269,583
	<u>76,965,010,300</u>	<u>15,619,632,497</u>
viii) Other long-term payables (Note 22(b))		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	-	69,473,052,000

42 SEGMENT REPORTING

Geographical segment

The Corporation operates mainly in Vietnam. Therefore, the Corporation does not present geographic segment reports.

Business activity segment

For management purpose, the Corporation's structure is separated into seven business segments with the following principal activities:

<u>Business segment</u>	<u>Operation</u>
Petroleum technical vessels services	Management, business and operation of the technology service vessels
Floating storage and offloading (FSO), Floating production storage and offloading (FPSO) services	Supply of Floating storage and offloading (FSO), Floating production storage and offloading (FPSO)
Seismic survey, geophysical and geological survey and subsea	Supply of management and operation of 2D, 3D seismic survey vessels; Geophysical and geological survey services, diving, and subsea services by using ROV
Supply base services	Supply base services, offices rental, logistic, supply chain management and other related services
Mechanical and construction offshore facilities	Providing services of fabrication, assembling, engineering components, petroleum equipment and renewable energy projects
Repair, maintenance and instalment oil and gas project	Supply of maintenance, repair, building and conversion of petroleum exploiting facilities
Other services	Supply other services

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

42 SEGMENT REPORTING (continued)

Business activity segment (continued)

The Corporation prepared business activity segment reporting by assets and liabilities as follows:

	Year ended 31 December 2024								
	Supply of petroleum technology service vessels VND	FSO / FPSO services VND	Seismic survey, Geo survey and subsea services VND	Supply base services VND	Mechanical and construction VND	Maintenance, repair, and installment oil and gas project VND	Other services VND	Elimination VND	Total VND
Segment assets	2,995,368,775,608	4,915,154,025,043	803,738,588,286	4,431,277,545,839	15,737,880,977,375	3,346,867,755,253	2,233,561,595,919	(6,109,012,034,974)	28,154,867,228,349
Profit from investments in associates and joint ventures									
Unallocated assets									2,818,038,990,112
Total assets									34,076,808,359,015
Segment liabilities	1,827,526,377,447	1,542,494,688,866	132,738,554,566	1,923,584,735,230	12,028,931,232,332	1,633,544,996,276	1,314,450,277,981	(3,003,087,050,577)	17,601,184,770,141
Deferred tax liabilities arise from profit sharing from associates and joint ventures									1,214,611,965,756
Unallocated liabilities									521,483,680,724
Total liabilities									19,337,280,616,621

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

42 SEGMENT REPORTING (continued)

Business activity segment (continued)

	Year ended 31 December 2023								
	Supply of petroleum technology service vessels VND	FSO / FPSO services VND	Seismic survey, Geo survey and subsea services VND	Supply base services VND	Mechanical and construction VND	Maintenance, repair, and installment oil and gas project VND	Other services VND	Elimination VND	Total VND
Segment assets	3,582,354,195,790	4,534,992,642,935	1,007,024,088,425	3,813,281,231,755	8,471,867,466,819	2,248,688,919,352	1,281,956,560,553	(4,728,816,323,195)	21,011,448,782,474
Profit from investments in associates and joint ventures									3,303,438,456,820
Unallocated assets									2,101,121,571,093
Total assets									26,416,008,810,387
Segment liabilities	1,652,638,302,016	1,179,500,155,414	1,771,107,240,670	1,361,428,916,459	6,530,449,145,926	973,656,777,859	518,521,471,893	(2,322,104,385,764)	11,655,197,626,273
Deferred tax liabilities arise from profit sharing from associates and joint ventures									490,547,865,083
Unallocated liabilities									716,040,403,790
Total liabilities									12,871,785,895,146

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

42 SEGMENT REPORTING (continued)

Business activity segment (continued)

The Corporation prepared business activity segment reporting by revenue and cost of goods sold as follows:

	Year ended 31 December 2024								
	Supply of petroleum technology service vessels VND	FSO / FPSO services VND	Seismic survey, Geo survey and subsea services VND	Supply base services VND	Mechanical and construction VND	Maintenance, repair, and installment oil and gas project VND	Other services VND	Elimination VND	Total VND
Net revenue from external sales	2,180,460,228,423	2,369,450,057,711	507,073,211,396	1,550,011,639,922	13,769,948,420,448	2,767,272,106,448	645,670,478,697	-	23,769,886,143,043
Net revenue from internal sales	435,447,593,219	422,171,064,784	17,760,748,361	606,479,978,574	3,456,555,031,128	248,877,064,506	176,010,997,109	(5,363,302,477,681)	-
	<u>2,595,907,821,642</u>	<u>2,791,621,122,495</u>	<u>524,833,959,757</u>	<u>2,156,491,618,496</u>	<u>17,226,503,451,574</u>	<u>3,016,149,170,954</u>	<u>821,681,475,806</u>	<u>(5,363,302,477,681)</u>	<u>23,769,886,143,043</u>
Net cost from external sales	(1,937,102,576,986)	(2,236,762,503,869)	(449,086,269,885)	(1,239,725,114,175)	(13,653,652,359,184)	(2,613,384,277,433)	(575,069,852,367)	-	(22,704,782,953,899)
Net cost from internal sales	(435,447,593,219)	(422,171,064,784)	(17,760,748,361)	(603,233,791,876)	(3,417,460,337,151)	(248,877,064,506)	(101,826,669,343)	5,246,767,269,240	-
	<u>(2,372,550,170,205)</u>	<u>(2,658,933,568,653)</u>	<u>(466,847,018,246)</u>	<u>(1,842,958,906,051)</u>	<u>(17,071,102,696,335)</u>	<u>(2,862,261,341,939)</u>	<u>(676,896,521,710)</u>	<u>5,246,767,269,240</u>	<u>(22,704,782,953,899)</u>
Gross segment profit	<u>223,357,651,437</u>	<u>132,687,553,642</u>	<u>67,986,941,511</u>	<u>310,266,525,747</u>	<u>116,296,061,262</u>	<u>153,887,829,015</u>	<u>70,600,626,330</u>	<u>-</u>	<u>1,065,103,189,144</u>
Selling and administration expenses									(1,330,380,250,463)
Net income from financing activities									351,342,679,839
Profit sharing from associates and joint ventures									864,280,331,896
Profit from operating service									950,345,950,216
Net income from other activities									602,960,339,164
Net accounting profit before tax									1,553,306,289,379
CIT - current									(480,772,489,152)
CIT - deferred									182,120,470,655
Net profit after tax									1,254,654,270,882

PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Form B 09 – DN/HN

42 SEGMENT REPORTING (continued)

Business activity segment (continued)

	Year ended 31 December 2023								
	Supply of petroleum technology service vessels VND	FSD / FPSO services VND	Seismic survey, Geo survey and subsea services VND	Supply base services VND	Mechanical and construction VND	Maintenance, repair, and installment oil and gas project VND	Other services VND	Elimination VND	Total VND
Net revenue from external sales	1,607,098,023,446	2,207,232,210,925	405,223,890,154	1,412,057,051,633	11,172,484,215,516	1,912,887,636,855	656,599,335,232	-	19,373,562,363,761
Net revenue from internal sales	385,121,064,069	411,057,362,656	52,592,137,208	271,343,148,469	379,617,704,833	84,555,849,452	224,277,542,366	(1,808,564,809,053)	-
	<u>1,992,219,087,515</u>	<u>2,618,289,573,581</u>	<u>457,816,027,362</u>	<u>1,683,400,200,102</u>	<u>11,552,101,920,349</u>	<u>1,997,423,486,307</u>	<u>880,876,877,598</u>	<u>(1,808,564,809,053)</u>	<u>19,373,562,363,761</u>
Net cost from external sales	(1,393,647,467,382)	(2,035,501,940,875)	(359,720,674,345)	(1,147,791,058,056)	(10,997,408,349,019)	(1,842,481,316,758)	(557,763,228,096)	-	(18,334,534,034,521)
Net cost from internal sales	(385,121,064,069)	(411,057,362,656)	(46,927,747,013)	(277,884,513,906)	(402,684,050,343)	(84,555,849,452)	(150,584,454,933)	1,757,815,042,462	-
	<u>(1,778,968,531,451)</u>	<u>(2,446,559,303,531)</u>	<u>(405,648,421,358)</u>	<u>(1,425,675,572,052)</u>	<u>(11,400,092,399,362)</u>	<u>(1,927,037,166,210)</u>	<u>(708,367,683,019)</u>	<u>1,757,815,042,462</u>	<u>(18,334,534,034,521)</u>
Gross segment profit	<u>213,250,556,064</u>	<u>171,730,270,950</u>	<u>45,503,215,809</u>	<u>264,265,993,577</u>	<u>175,075,866,497</u>	<u>70,366,320,097</u>	<u>98,816,107,146</u>	<u>-</u>	<u>1,039,028,329,240</u>
Selling and administration expenses									(1,052,263,346,113)
Net income from financing activities									573,364,198,572
Profit sharing from associates and joint ventures									651,130,073,326
Profit from operating service									1,214,259,255,025
Net income from other activities									66,048,377,935
Net accounting profit before tax									1,277,307,632,960
CIT - current									(219,005,912,673)
CIT - deferred									1,705,805,854
Net profit after tax									<u>1,060,007,526,141</u>

43 ADDITIONAL INFORMATION FOR THE ITEMS OF THE STATEMENT OF CASH FLOWS

Non-cash transactions affect the statement of cash flows:

	Year ended 31 December	
	2024 VND	2023 VND
Purchase of fixed assets and other long-term assets that have not been settled	146,755,069,959	150,492,281,586
Write off bad debt	-	11,756,073,468
	<u>146,755,069,959</u>	<u>162,248,355,054</u>

44 COMMITMENTS

(a) Commitments under operating leases

(i) The Corporation as a lessee

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were as follows:

	2024 VND	2023 VND
Within one year	1,195,591,343,721	1,093,233,229,955
Between one and five years	2,256,416,820,985	1,879,793,889,169
Over five years	1,311,419,762,517	1,654,218,976,762
Total minimum payments	<u>4,763,427,927,223</u>	<u>4,627,246,095,886</u>

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation has entered into non-cancellable operating lease commitment contracts of vessels rental, FSO/FPSO rental, yard rental and land rental, in which:

- FSO/FPSO, vessels rental contracts were signed with duration of 5 years;
- Land lease in Vung Tau City was signed with the term of 50 years since 2002;
- Land rental contract at Dung Quat port was signed with the term of 50 years since 2004;
- Land lease in Vung Tau City was signed with the term of 50 years since 2007;
- Land rental contract at Son Tra port was signed with the term of 50 years since 2008;
- Land rental contract at Hon La port was signed with the term of 50 years since 2014;
- Land lease in Vung Tau City was signed with the term of 50 years since 2015;
- Yard rental contract at Sao Mai Ben Dinh port was signed with the term of 50 years since 2016;
- Yard rental contract at Vung Tau port was signed with the term of 5 years, 10 years and 15 years since 2019; and
- Office rental contract in Ho Chi Minh was signed with the term of 1 year since 2023.

44 COMMITMENTS (continued)

(a) Commitments under operating leases (continued)

(ii) The Corporation as a lessor

The future minimum lease receipts under non-cancellable operating leases are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Within one year	1,615,671,195,948	678,860,388,289
Between one and five years	2,531,547,452,147	3,098,086,577,716
Over five years	525,869,032,220	951,179,164,883
Total minimum receipts	<u>4,673,087,680,315</u>	<u>4,728,126,130,888</u>

As at 31 December 2024 and 31 December 2023, the Corporation has entered into non-cancellable operating lease commitment contracts of leasing service vessels with the term of 15 years; FSO/FPSO with the term of 5 years and yard lease at Sao Mai Ben Dinh port with the term of 48 and 49 years.

(b) Capital commitments

Commitments on expenditures on creation of contracted fixed asset at the end of the fiscal year but not yet accounted for in the consolidated financial statements are as follows:

	2024 VND	2023 VND
Dung Quat Berth No.3 project	152,054,925,191	1,362,083,120
Building for operation and expansion of Nghi Son port project	41,383,844,648	11,881,268,257
System of automatic equipments for pre-fabrication construction	6,125,852,250	-
Software	455,500,000	-
Procurement contracts that have not yet been implemented	-	35,164,673,843
Equipment, system for renewable energy projects	-	20,191,844,270
Temporary workshop for renewable energy project	-	13,805,255,049
Workshop 2 at POS	-	1,864,668,207
	<u>200,020,122,089</u>	<u>84,269,792,746</u>

45 CONTINGENT LIABILITY

As at 31 December 2024, Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Investment Joint Stock Company ("SMBD"), a subsidiary of the Corporation, is working with the State agencies on the land rental for the Sao Mai Ben Dinh Petroleum Maritime Service Base project ("Sao Mai Ben Dinh Port Project"), as follows:

i) For the land rental period from 24 March 2008 to 11 February 2015 ("Phase 1"), amount was estimated at VND157,448,938,746:

- SMBD is working with the Department of Natural Resources and Environment and tax authority to review, verify and calculate the actual land area used at the Sao Mai Ben Dinh Port Project in accordance with the actual area assigned and used by SMBD.

ii) For land rental period from 11 February 2018 to 31 December 2024 ("Phase 2"), amount was estimated at VND519,195,068,998:

- SMBD has been continued to explain and provide documents requesting exemption from land rent for Sao Mai Ben Dinh Port Project to be recognised as a seaport project in the list of special preferential investment portfolio according to the regulation of Decree 118/2015/ND-CP ("Decree 118") issued on 12 November 2015 and replaced by Decree No. 31/2021/ND-CP ("Decree 31") dated 26 March 2021. According to the regulation of Decree 46/2014/ND-CP ("Decree 46") issued on 15 May 2014 and Decree 103/2024/ND-CP ("Decree 103") issued on 30 July 2024, special preferential investment projects are exempted from land rent for the next 11 consecutive years after being exempted from land rent for a maximum of 3 years during the foundation construction phase (from 12 February 2015 to 11 February 2018).
- On 13 February 2018, SMBD submitted a dossier to the Vung Tau - Con Dao District Tax Department requesting exemption from land rent. On 23 April 2021, after reviewing the dossier for exemption from land rent, the Vung Tau - Con Dao District Tax Department commented that according to SMBD's investment registration certificate No. 8678432804, and its first amendment on 27 October 2016, the project's objectives and scale do not include a seaport. At the same time, the Vung Tau - Con Dao Regional Tax Department also requested SMBD to prepare a proposal dossier to send to the Ministry of Planning and Investment according to regulations and provide an adjusted investment registration certificate supplementing the objectives and scale of investment in construction and business of seaports.
- On 11 December 2024, the General Department of Taxation and Ba Ria Vung Tau Province Tax Department requested SMBD to contact the Department of Natural Resources and Environment for guidance on exemption of land rent according to regulations.

On 24 January 2025, the Department of Natural Resources and Environment sent comments to the Ba Ria Vung Tau District Tax Department, the Department of Planning and Investment, the Department of Transport, People's Committee of Vung Tau City, and the Land Registration Office to review the information as a basis for the Department of Natural Resources and Environment to synthesise and advise the People's Committee to consider and resolve SMBD's proposal.

45 CONTINGENT LIABILITY (continued)

Based on the actual land area used as self-determined for Phase 1 and part of the usage time for Phase 2, the Corporation has made a provision for the risk related to land lease obligations. For the remaining obligations, including:

- (a) The land lease payments related to the land area used in Phase 1, as determined by the Corporation itself, differ from the tax authority and can only be determined after the difference in the land area used for Phase 1 is determined by the relevant authorities.
- (b) The land lease payments related to the remaining usage time in Phase 2 can only be determined when the Sao Mai Ben Dinh Port project, currently under development, is recognised as a special preferential investment project and a decision is made on whether the land lease exemption will continue by the relevant authorities.

As of the approval date of the consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2024, the Corporation has made a provision amounting to VND251,599,939,594, as presented in Note 24. Apart from this provision, the Corporation has not recognised the remaining land lease payment in the consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2024, as presented in sections (a) and (b) above.

46 OTHER INFORMATION

According to the Revisions to the Fee-related Provisions of the Code issued by the International Ethics Standards Board for Accountants (“IESBA”) on April 2021, the audit, review financial statements and other non-audit services of the Corporation and subsidiaries for the year ended 31 December 2024 is VND9,269,000,000.

The consolidated financial statements were approved by the Board of Management on 17 March 2025.



Nguyen Thi To Thanh
Preparer



Nguyen Van Bao
Chief Accountant



M.S.D.N: 0100150577-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ
VIỆT NAM
QUẬN 1 T.P. HỒ CHÍ MINH

Tran Ho Bac
President and CEO